VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

XUÂN QUÝ DẬU

SỐ 80 & 81 THÁNG 12-92 & 1-93

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ Bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Trịnh Y Thư

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs. Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France.
Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow, N.S.W. 2211 Australia.
Tel: (02) 771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359, USA
Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

VĂN HỌC

kính chúc quý độc giả, văn thi hữu và họa sĩ một mùa xuân an khang và hạnh phúc

VĂN HỌC
Xuân Quý Dậu 93

*

ngữ an . bùi diễm-âu
nguyễn thị hoàng bắc
trần hồng châu . hoàng chính
phạm việt cường . ngô nguyên dũng
triêu hoa đại . hoàng mai đạt
nguyễn đông . nguyễn mộng giác
quỳnh giao . vũ thùy hạnh . luân hoán
nguyễn xuân hoàng
trần long hồ . lê thị huệ . khế iêm
ngu yên . đỗ kh.
duy lam . phạm chi lan . lưu hy lạc
vũ đình lâm . hoàng liên
huỳnh liễu ngạn . hồ đình nghiêm
mai kim ngọc . phạm quang ngọc
hạo nhiên . đặng phú phong
thường quán . nguyễn văn sâm
hoàng xuân sơn . kiệt tấn . phan ni tấn (n.d.)
trần văn tích . mai thảo
ngự thuyết . nguyễn việt thường
nguyễn mạnh trinh . bùi bảo trúc
khánh trường . trần mộng tu
phan thị trọng tuyến . cao xuân tứ
hoàng vũ đức vân
la toàn vinh . trương vũ

VĂN HỌC
Xuân Quý Dậu

TRONG SỐ NÀY

NHẬN ĐỊNH - BIÊN KHẢO

Nguyễn Mộng Giác	*Nhìn lại một năm . . .*	*3*
Trương Vũ	*Đi tìm một lối thoát*	*8*
Trần Văn Tích	*Thuốc thang thành thơ*	*15*

SÁNG TÁC

Mai Thảo	*thơ*	*14*
Trần Hồng Châu	*Xuân mạn hứng, thơ*	*20*
Hạo Nhiên	*Ngộ, thơ*	*21*
Lê Thị Huệ	*Nắng khô, truyện ngắn*	*24*
Ng. Thị Hoàng Bắc	*Bà bạn sưu tập, truyện ngắn*	*29*
Đỗ Kh.	*Tất nhiên là vậy, thơ*	*33*
Vũ Thùy Hạnh	*Đồi cánh hạc vàng, thơ*	*34*
Quỳnh Giao	*Hương xuân, tạp bút*	*35*
Ngữ An	*Xuân vô hượng, thơ*	*43*
Trần Mộng Tú	*Mặt trời lặn, truyện ngắn*	*44*
Ngô Nguyên Dũng	*Chờ trăng lên . . . truyện ngắn*	*47*
Luân Hoán	*Nhánh xuân lục bát, thơ*	*58*
Hoàng Xuân Sơn	*Biết mộng, thơ*	*59*
Hồ Đình Nghiêm	*Không có gì, không còn ai, truyện ngắn*	*62*
Phạm Quang Ngọc	*thơ*	*70*
Kiệt Tấn	*Chớm thu chợt nở . . . truyện ngắn*	*71*
Ngu Yên	*Thú làm người, thơ*	*82*
Hoàng Liên	*Điên, truyện ngắn*	*85*
Đặng Phú Phong	*Xuân muộn, thơ*	*93*
La Toàn Vinh	*Tình vật, thơ*	*93*
Hoàng Vũ Đức Vân	*Đường về, thơ*	*94*
Nguyễn Văn Sâm	*Tình lụy, truyện ngắn*	*95*
Lưu Hy Lạc	*Lên chùa, thơ*	*101*
Cao Xuân Tứ	*Thiệp xuân, thơ*	*102*
Huỳnh Liễu Ngạn	*Cổ tích, thơ*	*103*
Trần Long Hồ	*Một chỗ ngồi lâu, truyện ngắn*	*104*
Duy Lam	*Tiếng chuông ngân, thơ*	*118*
Ngự Thuyết	*Bước thấp bước cao, truyện ngắn*	*120*
Phạm Chi Lan	*Im lặng, thơ*	*127*

Bùi Diễm-Âu *Truyện em bé gỗ, truyện ngắn* 128
Phạm Việt Cường *Tàn năm, thơ* 141
Nguyễn Việt Thường *Mỗi đêm, thơ* 142
Hoàng Mai Đạt *Em dịu êm đêm giao thừa, truyện ngắn* 144
Thường Quán *Giữa mây và đá tảng, thơ* 156
Khế Iêm *Khoảng khắc, thơ* 158
Hoàng Chính *Mùa thu cuối cùng, truyện ngắn* 159
Triều Hoa Đại *Hoang tưởng, thơ* 177
Mai Kim Ngọc *Chị em, truyện dài* 178
Nguyễn Mạnh Trinh *18 chân dung, thơ* 187

ĐIỂM SÁCH - PHỎNG VẤN

Nguyễn Xuân Hoàng *Đọc truyện Trần Vũ* 191
Mai Kim Ngọc *Irina Zisman và Irina Bút Ký* 194
Bùi Bảo Trúc *Phỏng vấn Irina Zisman* 203
PhanT. Trọng Tuyến *Vài ý nghĩ nhân dịp xem Người Tình ...* 208
Giới thiệu sách mới 220

Tranh bìa: Nguyễn Đồng
Phụ bản: Vũ Đình Lâm

NGUYỄN MỘNG GIÁC

nhìn lại một năm sinh hoạt văn học và xuất bản ở hải ngoại

Cuối năm là một dịp tốt để kiểm lại tình trạng xuất bản và sáng tác, khảo cứu của văn học một năm. Công việc này đã trở thành thông lệ, tuy có một số trở ngại làm giảm tính chất khách quan và chính xác cần thiết.

Trở ngại chính là sinh hoạt văn học là một dòng sông đang chảy, điều tưởng là khởi đầu của năm nay thật ra là kết quả của những sinh hoạt có từ nhiều năm trước, và một vài hiện tượng mờ thoáng lẻ tẻ hiện nay có thể báo hiệu một trào lưu mới cho năm sau. Làm ngưng một dòng nước đang chảy, giới hạn cái luân lưu trong một khoảng thời gian, thường dễ đưa tới những lầm lẫn lớn trong cách phê phán hoặc tiên đoán.

Một trở ngại khác là cộng đồng người Việt tại hải ngoại sống rải rác trên khắp thế giới, tìm đọc cho hết những tác phẩm đã xuất bản trong năm để làm một bảng liệt kê rồi đưa ra một cái nhìn chung là điều không ai làm nổi. Nơi nào tập trung người Việt đông đảo, như hạt Orange miền nam California Hoa Kỳ, chẳng hạn, thường có điều kiện theo dõi sinh hoạt văn học của hải ngoại nhiều hơn những nơi hẻo lánh, vì báo chí nhiều, các hiệu sách, cơ quan phát hành nhiều, cơ hội thông tin liên lạc dễ dàng hơn. Một nhà thơ ở Bắc Âu vừa in một tác phẩm mới, thế nào cũng tìm cách gửi biếu các bạn bè, tạp chí văn chương ở thủ đô tị nạn để độc giả biết tới cố gắng của mình. Xa hơn nữa, có thể nhờ một nhà phát hành phổ biến tác phẩm tới các hiệu sách, thư viện.

Bài viết này chỉ căn cứ vào những tác phẩm tòa soạn *Văn Học* thu thập được trong khả năng của mình, chắc chắn có nhiều thiếu sót. Từ thiếu sót, sẽ không tránh khỏi phiến diện, chủ quan. Mong các văn hữu và bạn đọc thông cảm cho!

*

Trong năm qua, giới cầm bút và xuất bản ở hải ngoại liên tiếp than phiền là tình trạng xuất bản ở hải ngoại suy thoái thê thảm. Một tác giả uy tín được nhiều người tìm đọc tác phẩm, vài năm trước có thể in tới 2.000 bản cho đợt xuất bản đầu. Thời phát triển sung mãn của những năm từ 1985-1987. Ngày nay, các nhà xuất bản mạnh dạn liều lĩnh lắm mới dám in tới 1.000 bản. Với

số ấn bản ít ỏi đó, giá thành một cuốn sách phải lên cao, thêm một lý do khác để bạn đọc bỏ dần thói quen mua sách, đọc sách. Thời buổi suy thoái chung về kinh tế trên khắp thế giới ảnh hưởng trực tiếp lên đời sống của mọi người, mua sách, đọc sách là nhu cầu chi tiêu dễ dàng bị hy sinh trước tiên. Chủ nhân các hiệu sách báo động là mãi lực của giới mua sách tiếp tục xuống thấp, chỉ còn một nửa so với thời 1985-1987.

Mới nghe những tin đáng nản ấy, ai cũng suy đoán là trong năm 1992 vừa qua, số sách được xuất bản ở hải ngoại hạ xuống rất thấp!

Không! Số sách in trong năm qua vẫn cao. Trừ đi những sách tái bản, sách chạy theo thị hiếu dục tính, sách dịch, số sách đã in ra ở hải ngoại trong năm qua phải cao hơn con số 60 cuốn chúng tôi hiện thu thập được.

Chỉ riêng về truyện ngắn, đoản văn, tùy bút, năm 1992 đã có các tập truyện: *Một Nỗi Buồn Riêng* của Nguyễn Tấn Hưng, *Người Về* của Trần Thị Diệu Tâm, *Cơn Mưa Đội Bùn* của Phạm Miên Tường, *Cánh Đồng Cho Em* của Hoàng Mai Đạt, *Tình Nghĩa Thầy Trò* của Sĩ Liêm, *Gió Sông Hồng* của Linh Linh Ngọc, *Cánh Vạc Lưng Trời* của Phan Lạc Tiếp, *Trôi Theo Vận Nước* của Lê Xuân Nhị, *Sa Tăng Dịu Dàng* của Lệ Hằng, *Bên Sông Vàm Cỏ* của Nguyễn Thị Long An, *Cuộc Tình Đã Mất* của Viên Luông, *Thằng Ngọ* của Nguyễn Hữu Trí, *Bên Lở Bên Bồi* của Nguyễn Thị Hoàng Bắc, *Chút Ấn Tình Mong Manh* của Nguyễn Ngọc Ngạn, *Chuông Đêm* và *Tiếng Núi* của Ngô Nguyên Dũng, *Biển Đời Muôn Thuở* của Vĩnh Hảo, *Cái Chết Sau Quá Khứ* của Trần Vũ, *Quê* của Võ Phiến... Tên tuổi các tác giả vừa nêu cho thấy từng thế hệ cầm bút đều cố gắng xuất bản tác phẩm của mình, không có một trào lưu hoặc một thế hệ người viết nào chủ động lấn lướt để chiếm ưu thế trong việc xuất bản. Từ những cây bút lão thành như Võ Phiến, Phan Lạc Tiếp, cho đến những cây bút đã xác lập được cá tính và vị trí trong sinh hoạt văn chương hải ngoại như Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Ngô Nguyên Dũng, Trần Vũ. Những người cho ra mắt được tác phẩm đầu tay có Trần Thị Diệu Tâm, Hoàng Mai Đạt, Sĩ Liêm, Nguyễn Thị Long An, Nguyễn Hữu Trí. Họ là những tác giả mới, nhưng không nhất thiết là những tác giả trẻ. Tác phẩm đầu tay không phải là những bước non dại, mà nhiều trường hợp là kết tụ của những kinh nghiệm đời, vốn kiến thức và vui buồn chất chồng của tuổi tác.

Các truyện dài xuất bản trong năm qua có *Bụi Và Rác* của Nguyễn Xuân Hoàng, *Chớp Mắt Một Thời* của Nhã Ca, *Giấc Mơ* (tập II) của Nguyên Sa, *Chính Khách* của Nguyễn Ngọc Ngạn, *Ngát Thơm Hoa Bưởi Bông Trà* của Hồ Trường An, *Nghề Làm Vua* của Lệ Hằng, *Tôi Với Người Chung Một Trái Tim* của Du Tử Lê, *Soi Bóng Cuộc Tình* của Văn Quang, *Cõi Sa Mù* của Trần Long Hồ, *Gái Lưu Vong* của Nguyễn Thụy Minh Ngữ, *Cá Lớn* của Đào Khanh, *Tình Người Bên Kia Chiến Tuyến* của Đỗ Quốc Anh Thư, *Cuộc Tình Lá Me* của Chu Tất Tiến.

Trong các truyện dài kể trên, ba cuốn thuộc vào ba bộ trường thiên đang

thành hình và sẽ lần lượt xuất bản của Nguyên Sa (*Giấc Mơ*), Nguyễn Xuân Hoàng (*Bụi Và Rác*) và Trần Long Hồ (*Cõi Sa Mù*). Các tác giả khác đều đã có nhiều tác phẩm được xuất bản trước đây, văn phong đã quen thuộc đối với bạn đọc. Riêng Chu Tất Tiến là một cây bút thuộc đợt di dân mới tới Hoa Kỳ: đợt các sĩ quan và viên chức Việt Nam Cộng Hòa đi cải tạo trong nhà tù Cộng sản và được di cư qua Hoa Kỳ trong chương trình H.O. Nếu đợt thuyền nhân tị nạn những năm 80 mang tới cho sinh hoạt chữ nghĩa hải ngoại một sinh khí mới, có thể đợt H.O. cũng sẽ mang theo những cây viết mới, những bản thảo mới. Chu Tất Tiến là tác giả H.O. đầu tiên có tác phẩm in ra, như nhà thơ Huy Trâm bên bộ môn thơ. Hy vọng sang năm sẽ có nhiều tác giả thuộc đợt di dân này cho ra mắt tác phẩm tâm huyết của mình.

Khó khăn nhất là kiểm điểm tình hình xuất bản thơ. Vì thơ khó bán so với sách thuộc các thể loại khác, hầu hết các tập thơ hải ngoại đều do chính tác giả bỏ vốn xuất bản và tự lo phát hành. Vì vậy, nhiều tập thơ chỉ phổ biến hạn hẹp trong vòng thân nhân bạn bè, hoặc trong một vùng nhỏ của cộng đồng Việt địa phương. Trộn lẫn vào những sinh hoạt thi ca có tính cách thù tạc, có thể có nhiều tập thơ giá trị mà *Văn Học* không có dịp may biết tới.

Những tập thơ xuất bản trong năm qua mà chúng tôi đọc được lại không nhiều (so với các năm trước): *Thanh Xuân* của Khế Iêm, *Dấu Huệ Hồng* của Triều Hoa Đại, *Đá và Hoa* của Song Hồ, *Thơ Hoa Sen* của Nguyễn Hữu Nhật, *Nửa Khuya Giấy Trắng* của Trần Hồng Châu, *Cõi Tạm* của Ngọc Hoài Phương, *Đi Giữa Thời Tan Nát* của Lâm Hảo Dũng, *Dòng Lệ Thơ Ngây* của Huy Trâm, *Tôi Vẫn Còn Tin* của Tuyền Sơn.

Trong các tập thơ kể trên, *Thanh Xuân* của Khế Iêm và *Nửa Khuya Giấy Trắng* của Trần Hồng Châu là hai đối cực về cách cảm nhận lẫn bút pháp. Thơ Trần Hồng Châu đậm nét cổ điển, trí tuệ, trang trọng đài các như tranh Botticelli; trong lúc thơ Khế Iêm quằn quại méo mó cả thi ảnh lẫn ngôn ngữ như tranh Van Gogh. Những tập còn lại đều là tác phẩm của những nhà thơ đã nổi tiếng từ trước 1975 ở miền Nam. Bút pháp của các nhà thơ này không đổi so với các tác phẩm có trước, tập thơ mới chỉ đổi khác về đề tài.

Bù vào số lượng thơ in thành tập tương đối ít ỏi, là số bài thơ phổ biến đều đặn, phong phú trên khắp báo Việt ngữ, từ báo biếu cho tới báo bán, nhật báo cho tới nguyệt san. Trên các trang báo văn chương, xuất hiện nhiều bài thơ có khuynh hướng khai phóng mạnh dạn hơn, cố gắng thoát khỏi khuôn thước trầm buồn đơn điệu bằng những câu thơ phá thể, những ý thơ bạo. Có thể ghi nhận khuynh hướng này ở thơ Thường Quán, Phạm Việt Cường, Đỗ Kh., Chân Phương, Ngu Yên . . . Cũng cách tân nhưng ôn hòa hơn, còn chú ý tới nhạc tính và nội dung thơ, có Lê Bi và Du Tử Lê.

Thể loại tiểu luận, biên khảo, phê bình văn học cũng có một số tác phẩm đáng chú ý, tuy chưa có công trình nào thật quy mô. Võ Phiến cho phát hành hai tập mỏng trong bộ biên khảo về hai mươi năm văn học miền Nam 1955-1975, *Thơ Miền Nam* và *Truyện Miền Nam*. Trong mỗi tập, Võ Phiến chỉ mới

giới thiệu một số nhà văn nhà thơ với những nhận xét, phân tích, chưa thấy phần đánh giá có tính tổng hợp. Đỗ Quý Toàn cho in tập tiếp bút về thơ *Tìm Thơ Trong Tiếng Nói* theo phong cách một nhà thơ nói về thơ chứ không theo khuôn thước của nhà giáo, nhà nghiên cứu nói về thơ. Nhờ vậy, tác phẩm bớt phần nặng nề của lý luận và nhiều thi vị. Nguyễn Thị Sông Hương (một bút hiệu khác của nhà báo Trần Nhã Nguyên) cho in cuốn *Phê Bình Mùa Biển Động* sau khi cho đăng trường kỳ suốt hai năm trên *Diễn Đàn Thanh Niên*. Sách dày trên 300 trang viết về một bộ trường thiên gây nhiều tranh luận, có thể là đề tài cho một cuộc tranh luận khác về cái nhìn chính trị, lịch sử Việt Nam hiện đại. Đồng ý hay không với nhà phê bình là một việc, có điều ai cũng phải công nhận công phu và cố gắng khách quan của người viết phê bình. Nhà xuất bản Văn Nghệ in cuốn *Khổng Tử*, di cảo nghiên cứu của Nguyễn Hiến Lê (cuốn này cũng được trong nước xuất bản), và gần cuối năm, nhà xuất bản An Tiêm ở Âu châu cho phát hành cuốn *Phạm Quỳnh*, sưu tập một số bài viết của Phạm Quỳnh và bài viết về Phạm Quỳnh.

Chúng tôi nghĩ rằng trong các thể loại văn học, năm vừa qua, bút ký, hồi ký là thể loại có nhiều tác phẩm đáng chú ý nhất. Xin kể sơ một số sách chúng tôi được đọc: *Hai Ngàn Ngày Trần Thủ Củ Chi* của Xuân Vũ, *Nghĩ Trong Mùa Xuân* của Thế Uyên, *Bút Ký Irina* của Irina Zisman, *Trại Kiên Giam* của Nguyễn Chí Thiệp, *Qua Cơn Bão Dữ* của Kim Hà, *Những Ngày Muốn Quên* của Đoàn Thêm, *Công và Tội* của Nguyễn Trân, *Đời Quân Ngũ* của Trần Ngọc Nhuận, *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam* của Hồ Sĩ Khuê. Hầu hết các tác phẩm kể trên đều dày, được viết một cách công phu, và chắc chắn đã được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt.

Bút ký, hồi ký vẫn có ưu thế hơn các thể loại văn học khác về mặt thị trường, nhờ liên quan đến các vấn đề thời sự và dễ gợi tò mò. Tác giả phần lớn là những nhân vật giữ vai trò quan trọng trong một giai đoạn lịch sử, hoặc có thẩm quyền kiến thức để am tường đề tài của cuốn sách. Những năm trước đây, hồi ký được xuất bản rất nhiều, có cuốn từng gây ra những cuộc tranh luận gay gắt rồi nhờ đó sức phổ biến càng rộng hơn như hồi ký của Đỗ Mậu. Một điểm khác biệt lớn giữa những tập bút ký, hồi ký năm nay và các năm trước là mức độ chân thành và khách quan của tác giả. Hình như càng về sau, các tác giả hồi ký càng dằm lại, bình tĩnh hơn, nhìn quá khứ theo nhiều chiều, không để cho lòng tự ái và chủ quan lấn át sự thực. Trong các tập bút ký, hồi ký xuất bản năm nay, có ba cuốn được bạn đọc chú ý nhiều hơn các cuốn khác, là *Bút Ký Irina, Những Ngày Muốn Quên* và *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam*". *Bút ký Irina* phát hành đúng vào dịp cô cùng với nhóm Phục Hưng đi một vòng khắp Bắc Mỹ để vận động yểm trợ tài chánh cho đài Tiếng Nói Tự Do phát thanh từ Mạc Tư Khoa. Hiện tượng một biên tập viên quan trọng của đài phát thanh Mạc Tư Khoa quay sang hợp tác với các tổ chức của người Việt Quốc gia để đấu tranh cho tự do, dân chủ tại Việt Nam vốn đã là một biến cố ly kỳ. Nhưng tập bút ký không phải là một

kiểu làm dáng của một người ngoại quốc nói, viết tiếng Việt để lấy lòng người Việt. Irina am tường sâu sắc mọi vấn đề văn nghệ, chính trị của Việt Nam, và bằng các nét phác họa chính xác tiêu biểu, đã ghi nhận hết sức chính xác người và việc cô chọn làm đề tài.

Những Ngày Muốn Quên của Đoàn Thêm cũng là tập bút ký ghi lại những sinh hoạt của Sàigòn thường ngày, sau ngày 30-4-1975. Nhờ kiến thức uyên bác sẵn có của tác giả, cộng thêm với lối nhìn điềm tĩnh và đầy nhân ái, Đoàn Thêm vẽ lại cả một Sàigòn muôn mặt trong cuộc đổi đời, từ các sinh hoạt bình thường trong gia đình, cảnh phố xá đìu hiu cho tới những cuộc gặp gỡ sau bao nhiêu năm của những người bạn cũ. Không muốn làm phiền những người từng được tác giả nói tới, không tin tuyệt đối vào các nhận xét chủ quan của mình, Đoàn Thêm đặt cho các nhân chứng những tên riêng, như là tên nhân vật tiểu thuyết. Điều đó có làm giảm sức hấp dẫn của tập bút ký vốn là thể loại dựa vào người thật, việc thật. Có lẽ tác giả đã có lựa chọn này ngay từ khi bắt đầu ghi chép, từ một quan niệm sống hết sức nhân ái và khiêm cung. Phần thú vị nhất của tập sách là phần Đoàn Thêm ghi lại các cuộc gặp gỡ với những bạn già từ Bắc vào, nhiều người giữ những chức vụ lớn trong guồng máy chính quyền Cộng sản.

Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam của Hồ Sĩ Khuê là một pha trộn giữa hồi ký và nghiên cứu sử, đề cập đến những lãnh tụ chính trị, giai đoạn lịch sử hiện còn để nhiều dấu vết đậm nét trong cách yêu ghét phán đoán của nhiều người, nên chắc chắn sẽ gây ra nhiều tranh luận. Tác giả là người trong cuộc của nhiều biến cố quan trọng, cho nên nhiều tiết lộ của ông về Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm sẽ được (hay bị) các nhà nghiên cứu sử soi mói cân đo mức độ chuẩn xác, xem tác phẩm khả tín đến đâu. Lối giải thích sự hình thành của Mặt trận Giải phóng miền Nam cũng như vai trò của người Nam bộ là xương sống của tác phẩm, do đó không tránh khỏi vấn đề tôn giáo và địa phương là những "ta-bu" của dư luận.

Như vậy, kiểm điểm qua các thể loại sách xuất bản trong năm qua, chúng tôi thấy chung một tình trạng bất thường, mất quân bình. Các nhà xuất bản dinh trệ, ra sách cầm chừng nhưng sách vẫn được xuất bản đều đặn liên tục nhờ cố gắng và tâm huyết của chính các tác giả, viết xong tưởng mọi sự hoàn tất nhưng lại phải lo xoay tiền tự in lấy sách của mình. Mọi năm tiểu thuyết vẫn lấn lướt dẫn đầu về số in và đầu sách, năm nay sáng tác lùi xa sau thể hồi ký. Thế giới đang chuyển trục, cả nhân loại đang ở ngã ba đường, thì dân tộc Việt Nam, tập thể di dân Việt ở hải ngoại không thể nào đứng ngoài dòng, không thể thoải mái viết và đọc khi ai nấy đều lo toan chưa biết về đâu. Trong khi chờ đợi tương lai, hãy gắng ôn lại quá khứ để tìm vài bài học.

Có lẽ bút ký, hồi ký vẫn dẫn đầu sinh hoạt chữ nghĩa ở hải ngoại trong vài năm tới, nếu lịch sử vẫn còn ở ngã ba đường. □

TRƯƠNG VŨ

đi tìm một lối thoát

Tháng mười 1987, tại trong nước, Nguyễn Minh Châu viết *Hãy Đọc Lời Ai Điếu Cho Một Giai Đoạn Văn Học Minh Họa*. Như để đáp ứng lời ông, trong suốt ba năm tiếp theo, nền văn học trong nước khởi sắc với nhiều tác phẩm có giá trị văn chương và nhân bản hơn. Sau đó, sự khởi sắc dường như khựng lại.

Văn học hải ngoại cũng có bế tắc, và những bế tắc này được bàn cãi khá nhiều trong vài năm gần đây. Ngay trong cùng một số *Văn Học* (tháng 11-1992), cũng đã có tới ba bài nhận định liên quan đến các bế tắc này. Riêng bài viết của nhà văn Mai Kim Ngọc, ông báo động về một khuynh hướng phản nhân bản và xuống cấp văn chương tại quốc nội nhân việc trao giải nhất cho truyện ngắn *Kẻ Sát Nhân Lương Thiện* (1). Cả hai bài của Nguyễn Mộng Giác và Mai Kim Ngọc đều có hàm ý đề nghị một lối thoát cho văn học Việt Nam hiện đại, trong cũng như ngoài nước.

Bài viết này của tôi cũng chỉ nhằm đưa ra một đề nghị, đi tìm một lối thoát cho những bế tắc đó. Nó bổ túc cho những nhận định trước đây của tôi liên quan đến vấn đề này. Cũng như để khai triển một số ý kiến được trình bày trong phần phỏng vấn của chị Thụy Khuê, cho đài RFI, vào cuối tháng 8-1992.

*

Đối với nhiều người, lý do ngoại tại cho những bế tắc của văn học Việt Nam hiện nay khá đơn giản. Ở trong nước, vì chịu sự kềm kẹp của chế độ Cộng sản, nhà văn không có tự do sáng tác. Ở ngoài nước, vì sống xa quê hương và đương đầu với những khó khăn về hội nhập, nhà văn không có đủ chất liệu sống và không có đủ thời giờ để sáng tác.

Tuy nhiên, theo tôi, cho dù những lý do được nêu ra đây đúng hay sai, vấn đề mấu chốt vẫn là từ những lý do nội tại. Nghĩa là ở chính nơi nhà văn. Ở chính ông ta, ông ta có muốn tiếp tục làm một nhà văn hay không khi ông ta gặp chướng ngại. Và, ông ta có chịu tự tay phá vỡ những chướng ngại đó, thoát ra ngoài mọi kềm tỏa để sống thực sự như một nhà văn? Dĩ nhiên, khi sống thực sự như một nhà văn rồi, ông còn phải đương đầu với những vấn đề quan trọng khác. Chẳng hạn, ông có tài năng của một nhà văn hay không? Ông có sự nhạy cảm cần thiết của một nghệ sĩ hay không? Văn chương của ông có gì độc đáo? v.v...

Theo dõi sinh hoạt văn học hải ngoại cũng như những bàn cãi xung quanh vấn đề này, tôi có cảm tưởng là những bế tắc trong văn học Việt Nam hiện tại liên hệ đến phần thứ nhất hơn là phần thứ hai. Có nghĩa là sự bế tắc ở chỗ đa số nhà văn Việt Nam không thực sự sống và viết như một nhà văn?

Vậy thì, thế nào mới gọi là thực sự sống và viết như một nhà văn?

Trước hết, *thật khó bảo rằng một người nào đó đang sống và viết như một nhà văn, trong khi ông ta không muốn viết những điều phản ánh trung thực với những suy nghĩ và rung động của mình. Hoặc, nếu muốn, ông ta lại không dám viết ra những điều đó.*

Nguyễn Tuân đã nói một câu để đời là sở dĩ ông sống được đến ngày hôm nay – tức lúc ông nói câu đó – là chỉ vì ông "biết sợ". Có lẽ rất nhiều nhà văn Việt Nam đã theo đúng triết lý này của Nguyễn Tuân. Nó giúp họ tồn tại trong một xã hội mà ước mơ lớn nhất của con người là làm sao khỏi chết, khỏi tù tội, khỏi bị hành hạ, theo dõi, chứ không phải để sống với những cái quyền căn bản của con người. Tuy nhiên, trong trường hợp Nguyễn Tuân, triết lý đó đồng thời lại bắt ông phải trả một giá khá đắt. Ông có một quá khứ dáng hãnh diện của một nhà văn có tài và được kính trọng, nhưng kể từ cái quá khứ đó, ông đã không được sống và viết như một nhà văn, mặc dầu vẫn tiếp tục làm nghề viết văn. Sau này, khi vào Nam, ông được nhiều người trong Nam thương mến, vì ông đã sống thành thật và dễ thương với bạn bè, như một tay giang hồ . . . biết sợ, chứ không phải như một nhà văn đang còn sáng tác.

Ở hải ngoại, người ta có sống theo triết lý của Nguyễn Tuân không? Có nghĩa là, nhà văn ở hải ngoại có "biết sợ" không?

Khi nói chuyện với một nhà văn nữ ở hải ngoại, tôi có hỏi chị một câu. Giả sử trong đời chị, chị bị ám ảnh bởi một trường hợp liên quan đến một nhà giáo hiếp dâm, và chị muốn xây dựng một truyện ngắn dựa trên sự kiện có thật này. Chị có dám giữ nguyên nghề nghiệp thầy giáo của nhân vật đó trong truyện không? Chị trả lời ngay: "Mắc mớ gì không dám?" Tôi hỏi tiếp. Nếu tên hiếp

dâm đó không phải là thầy giáo mà là một sĩ quan Biệt động quân thì chị có giữ nguyên nghề nghiệp của ông ta trong truyện không? Chị ngập ngừng: "Cũng hơi sợ". Rồi chị nói thêm, "Nhưng nếu tôi là đàn ông và cũng là một sĩ quan Biệt động quân tôi sẽ viết thật như vậy". Chị rất thành thật. Có thể sự e dè của chị hơi quá đáng nhưng chắc chắn nó không phát sinh từ trí tưởng tượng.

Dầu sao, tôi vẫn cho rằng một môi trường sáng tác mà nhà văn lúc nào cũng phải e dè khi xây dựng nhân vật, cốt truyện, phải làm sao khỏi dụng chạm, không thể xem là một môi trường lành mạnh.

Sự e dè phát sinh từ một thực tế về tính dễ nổi giận của một cộng đồng quá nhạy cảm với bất cứ vấn đề nào đi khác ra ngoài những gì đã có sẵn trong quá khứ, nhất là quá khứ trước 75. Không phải chỉ riêng trong lãnh vực chính trị mà thôi. Hậu quả là, để an toàn, nhiều người chỉ đi loanh quanh trong khuôn sáo, kể cả những nhà văn "chống Cộng".

Tôi không đồng ý với những chủ trương văn chương phải "tải đạo", phải "dấn thân", phải "vị nhân sinh", phải "có sứ mạng", v.v... Nhưng tôi cũng không đồng ý với những chủ trương chống lại các chủ trương này. Giá trị của tác phẩm không phải ở chỗ đó.

Mỗi nhà văn là một cá thể không thể tách rời ra với kiến thức, với kinh nghiệm, với đam mê, với những ước mơ, những ham muốn . . . của ông ta. Khi viết văn, ông ta chịu sự chi phối bởi tất cả những yếu tố này. *Kinh Xuân Thu, Sử Ký Tư Mã Thiên* có giá trị văn chương không và đồng thời có "tải đạo" không? Cũng như, thật khó bảo là những tác phẩm mang tính "dấn thân" của André Malraux không có giá trị văn chương. Hay, những tác phẩm mang tính "chống Cộng" của Solzhenitsyn không có giá trị văn chương?

Ngược lại, cả cái mơ ước hàm ý đề nghị rất nhân bản, mà nhà văn Mai Kim Ngọc đã nêu trong phần kết luận của ông là "*thấm nhuần một nền đạo lý và công lý lành mạnh*" (1) cũng chưa chắc là hợp lý cho văn chương. Tôi không nghĩ *Tây Sương Ký* được xem như thấm nhuần một *nền đạo lý và công lý lành mạnh*, vào thời kỳ của tác giả tại Trung Hoa. Tôi cũng không nghĩ là *Ngàn Cánh Hạc* của Kawabata được dân tộc Nhật Bản xem như thấm nhuần một *nền đạo lý và công lý lành mạnh*. Nhưng đó vẫn là những tác phẩm văn chương tuyệt vời, được công nhận vào chính thời kỳ của họ.

Nếu một tác phẩm nào đó dở, đó là vì tác giả viết không thật với chính mình và không có tài năng, chớ không phải vì những cái "chủ trương" hay "phi chủ trương" đó. Điều này cũng áp dụng cho trường hợp những tác phẩm "chống Cộng" của Việt Nam.

Bộ *Khu Rừng Lau* của Doãn Quốc Sỹ mang tính "chống Cộng" rõ rệt, nhưng lại có giá trị cao hơn nhiều tác phẩm "chống Cộng" viết về sau này, cho dù các tác giả sau này có nhiều kinh nghiệm về Cộng sản hơn Doãn Quốc Sỹ khi ông viết *Khu Rừng Lau*. Sở dĩ như vậy là vì cái nhân cách, sự suy nghĩ, đời sống của Doãn Quốc Sỹ rất gần với những điều ông viết. Người đọc đón nhận

tác phẩm của ông một cách trân trọng. Khi đọc, không hề có cảm giác ngượng nghịu như khi đọc một số tác phẩm gọi là "chống Cộng" mà kỳ thực tác giả chẳng chống Cộng gì cả. Họ chỉ muốn chứng tỏ là họ chống Cộng thôi. Cái giả dối đó làm sao đánh lừa được người đọc?

Sự thành thật và can đảm của nhà văn nói chung, vô cùng quan trọng. Đối với nhà văn Việt Nam hiện tại, những đức tính đó còn quan trọng hơn nhiều. Bởi vì trong điều kiện thực tế của Việt Nam, trong hay ngoài nước, rất khó để nhà văn có được sự can đảm viết thật với điều mình nghĩ. Mà đối với nhà văn, chẳng riêng gì Việt Nam, một sự can đảm như vậy được xem là một phần không thể tách rời trong sự nghiệp văn chương của ông ta.

Nếu Pasternak còn sống và viết tác phẩm *Doctor Zhivago* vào lúc này đây, sau khi chế độ Cộng sản đã sụp đổ ở Nga, thì chưa chắc giá trị văn chương thuần túy của tác phẩm đó đã mang lại cho ông giải văn chương Nobel. Cũng vậy, nếu Solzhenitsyn chỉ viết về con người và cảnh ngục tù trong thời kỳ Trung Cổ cho dù với cùng một kỹ thuật, một tài năng, và một xúc động, thì chưa chắc tác phẩm của ông đã được đón nhận nồng nhiệt như vậy và Hàn lâm viện Thụy Điển chưa chắc đã quyết định trao giải văn chương cho ông.

Cái can đảm của một nhà văn rất hiếm và rất quý. Cũng chính vì vậy mà khi nhận diện được tính phản kháng trong văn chương Việt Nam tại quốc nội, một số người cầm bút hải ngoại tỏ nỗi vui mừng. Không có nghĩa là họ đồng ý với giá trị văn chương của toàn thể những tác phẩm này. Thế nhưng, có một điều quan trọng mà họ hiểu được, là nếu hoài bão của nhà văn là cống hiến cái đẹp cho cuộc đời thì chính nhà văn phải biết phản kháng với bất cứ trở lực nào đã làm cho cuộc đời bớt đẹp đi. Và những nhà văn khác biết thương yêu cuộc đời, không thể không cộng hưởng với những phản kháng đó. Cho dù trong quá khứ, hay cả trong hiện tại, giữa họ với nhau vẫn có nhiều điều rất khác nhau.

Nếu nhà văn không có can đảm viết trung thực với suy nghĩ và xúc động của mình thì văn chương sẽ đứng yên một chỗ. Cho dù nắm vững bao nhiêu kỹ thuật viết, làm sao nhà văn vượt ra khỏi bế tắc?

Dĩ nhiên, cũng còn phải kể đến những những yếu tố khác nữa. Như *biết mở rộng lòng mình ra, biết lắng nghe người khác*. Không đặt một giới hạn nào cho sự hiểu biết cũng như không đặt một điều kiện nào để cho phép con tim rung động. Cũng như, *biết xem nặng giá trị của sáng tạo*. Nếu mỗi con người trong đời sống không ai hoàn toàn giống ai thì mỗi tác phẩm trong văn chương hay nghệ thuật cũng phải như vậy. Nếu không viết khác được những tác phẩm đã có rồi thì thà đừng viết.

Quan trọng hơn hết là có sự *đam mê xây dựng những công trình thật "tới mức"*. Dĩ nhiên là "tới mức" theo cái phán đoán chủ quan của mình trước đã. Ở hải ngoại, tôi thấy sự đam mê lớn nơi một số nhà văn hay nghệ sĩ mà tôi biết. Nơi Nguyễn Mộng Giác, Võ Đình, Khánh Trường, Nguyễn Xuân Hoàng, Trần Vũ, Trần Sa, v.v... Đặc biệt là Nguyễn Mộng Giác. Nếu không đam mê

với công trình văn chương của mình thì làm sao ông có thể viết đều đặn mỗi ngày trong công viên, suốt mấy năm liền. Trong lúc đó, ông làm lao động, ông sống xa quê hương, xa vợ con. Và dù vợ con còn kẹt lại ở quê nhà suốt mười năm, vào cái khoảng thời gian không hề có bóng dáng gì của *Glasnost* hay *Perestroika* trên quê hương, người đọc không thấy ở ông có chút nào nhân nhượng khi ông viết về bối cảnh Mậu Thân trong tác phẩm. Ông ca ngợi cái đẹp, cái hy sinh của con người, lính hay không lính, nhưng ông cũng không nhân nhượng mọi cái xấu, như cái tàn độc lạnh lùng ở phía bên kia hay cái hèn nhát trơ trẽn ở phía bên này. Chính cái đam mê đó đã giúp ông hoàn thành bộ trường thiên *Mùa Biển Động*. Một công trình thật lớn. Tôi mê tác phẩm đó. Có thể bạn đọc không đồng ý với tôi. Nhưng điều quan trọng là cuối cùng rồi thì ông cũng có được cái phần thưởng quý giá nhất của sự đam mê đó: một tác phẩm dài hơi hiện diện trong văn học Việt Nam. Và dù thích hay không thích, từ 75 đến nay, trong hay ngoài nước, vẫn chưa có một tác phẩm cùng hạng để so sánh.

Lấy trường hợp của *Mùa Biển Động* để nói vì nó gần gũi. Điều chính yếu tôi muốn nói là chỉ có nỗi đam mê viết những công trình "tới mức" mới có thể giúp nhà văn vượt qua những chướng ngại tưởng chừng không sao vượt nổi. "Xa quê hương" không phải là một trở ngại lớn cho nhà văn đâu.

Quê hương? Tôi muốn nói đôi điều về quê hương.

Tôi có đọc *Quê Nhà* của Lỗ Tấn do nhà văn Mai Kim Ngọc dịch (2). Một truyện ngắn rất hay. Tuy nhiên, đọc xong tôi lạnh người. Tôi hiểu ý của Lỗ Tấn. Một khi ông đã rời quê hương lâu ngày rồi, khi trở về, ông không tìm thấy lại quê cũ. *Không phải vì quê ông thay đổi mà vì chính ông thay đổi*. Cái nước Trung Hoa rộng lớn đầy nọa tính, nhất là ở vùng quê và vào thời kỳ Lỗ Tấn viết truyện này, cách đây hơn 60 năm, chậm thay đổi lắm. Thằng con ông Nhuận Thổ cũng giống như ông Nhuận Thổ ngày trước. Thằng cháu ông Lỗ Tấn cũng giống như ông Lỗ Tấn ngày trước. Chỉ có ông Lỗ Tấn là thay đổi. *Nhưng có sao đâu?* Tôi không lạnh người vì sự thay đổi đó. Mà vì tôi chợt nghĩ đến một điều. Giả sử vào năm 76, tôi chạy xuống thuyền không kịp, tôi phải ở lại trên quê hương. Tôi rụt rè đến chào họ. Họ nhìn tôi, ái ngại, thở dài, cho tôi một ít quà, rồi tặng tôi một tập sách xuất bản ở hải ngoại trong đó có truyện ngắn *Quê Nhà* của Lỗ Tấn. Với ít lời bàn rải rác trong sách. Truyện ngắn không sao, nhưng lời bàn làm tôi lạnh người. Mặc dù nó phát xuất từ thiện chí và từ tâm. Cuối tuần qua, tôi có được nhiều niềm vui, sau khi tôi nói chuyện với hai người bạn, mới từ Việt Nam sang. Một người lớn lên ở miền Bắc, đang tu nghiệp ở Cornell. Một người lớn lên ở miền Nam, đang tu nghiệp ở Harvard. Tôi nói với họ nhiều chuyện, đặc biệt là về nạn "cường hào ác bá" ở Việt Nam và về nỗi lo âu cho một tương lai của Việt Nam không biết phải giải quyết như thế nào cho tốt, đừng nói chi đến chuyện theo kịp các nước láng giềng mà mình từng coi rẻ. Tôi cảm thấy rất gần gũi với họ, dù rằng giữa tôi và họ có rất nhiều khác biệt, cũng như tôi đang có nhiều khác biệt với những

bạn bè ở Mỹ. Tôi mê một cuộc đời trong đó nó cho phép con người thương nhau, quý nhau, gần nhau, và vẫn rất khác nhau. Tuy nhiên, điều vui mừng là hai người bạn này *chẳng phải là "cường hào ác bá" mà cũng không hề là "Nhuận Thổ"*. Điều vui mừng hơn hết là, sau đó, tôi cũng nhận ra một điều là tôi không hề mất quê hương. *Khi ra đi, tôi đã mang quê hương theo với mình.* Tôi nhớ lại, trong nhiều giấc ngủ, tôi vẫn nghe tiếng sóng vỗ từ cái bờ biển của thành phố mà tôi đã sinh ra. Dĩ nhiên, theo nghĩa vật lý, cái tiếng sóng trong cơn mơ đó không thực. Nhưng, *cũng giống như cái hư cấu trong văn chương, nó không thực mà vẫn có thể rất thực.*

Thêm một nỗi vui mừng nữa. Khi nhìn hoàn cảnh của họ, rồi so sánh với hoàn cảnh của những người không được như họ, còn ở lại quê nhà, tôi thấy rằng, *hoàn cảnh của tôi dễ cho phép tôi có một tấm lòng lớn hơn, để bao dung hơn.* Nếu tôi muốn làm nhà văn, thật dễ để tôi bay bổng lên cao hơn những rào cản nhỏ bé mà các bạn tôi ở trong nước khó thoát ra được. Nếu không bay bổng nổi thì quả là một điều khó tha thứ cho chính tôi. Ngoại trừ, tôi thiếu tài năng. Mà về chuyện này, thì thật là khó bàn.

Đi tìm một lối thoát?

Với một nhà văn ở hải ngoại, câu trả lời có lẽ rất đơn giản: *Đừng tự giam cầm mình, giam cầm cái đầu như giam cầm con tim.* □

Chú thích:

(1) Xem *Văn Học* số 79 (tháng 11-1992), các bài viết của Nguyễn Mộng Giác, Mai Kim Ngọc và Sĩ Liêm.

(2) Truyện ngắn *Quê Nhà* của Lỗ Tấn do Mai Kim Ngọc dịch cũng trên số *Văn Học* 79.

Tìm đọc

Thanh Xuân

Thơ KHÊ IÊM

cơ sở văn xuất bản

13600 Imperial Highway, Suite # 7
Santa Fe Springs, CA 90670

MAI THẢO

tiễn

Xuống tàu đưa bạn đi ra biển
Thả tàn tro xuống Thái Bình Dương
Biển mênh mông lặng lòng đông bão
Chẳng biết phương nào nữa viễn phương

như sương

Thanh Nam Cao Lĩnh Phạm Đình Chương
Với Vũ Khắc Khoan cùng đã mất
Khóc bạn chợt nhớ tới Nguyễn Khuyến
Chưa già hạt lệ đã như sương

bóng

Những điều nhìn thấy giữa đêm khuya
Khác với nhìn kia ở giữa ngày
Ngày thấy khối hình đêm thấy bóng
Hình dã vô hình bóng vẫn dây

chiều nghịch

Những bánh xe lăn tới bến rồi
Ngừng. Đâu chỉ thế mà thôi
Vòng xe khác tới theo chiều nghịch
Thành vẫn muôn đời thế nước trôi.

TRẦN VĂN TÍCH

thuốc thang thành thơ

Ngôn ngữ vốn có vai trò nguyên thủy là công cụ giao tế giữa người và người trong xã hội. Nhưng qua bản lĩnh điều khiển chữ nghĩa của nhà văn, do tài bố trí ý tứ của nhà thơ, ngôn ngữ trở thành chất liệu cho loại hình nghệ thuật gọi là *văn học*. Cho nên nếu ngôn ngữ thoạt kỳ thủy là dùng để trao đổi tư tưởng thì trong lắm trường hợp, do nhu cầu cảm thụ cái hay cái đẹp, nội dung được trao đổi mà ngôn ngữ chứa tải lại không còn là chính bản thân câu văn, lời thơ. Điều kỳ diệu có thể đạt được do những biện pháp, thủ pháp tu từ học.

Hãy đan cử một ví dụ cho dễ hiểu. Khi người thiếu nữ của *ca dao* bảo chàng thanh niên:

Thuyền về có nhớ bến chăng,
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

thì chúng ta thực khó lòng tưởng tượng nổi rằng có một người con trai nào, lúc nghe thông tin đó từ cửa miệng một người con gái, lại nhè hỏi cô ta những câu đại loại như:

– Thuyền nan hay thuyền mành, thuyền thoi hay thuyền thúng;

– Bến lở hay bến bồi, bến Kim Long hay bến Tầm Dương, v.v...

với tất cả hàm nghĩa đen của những từ hay nhóm từ này. Ngược lại, người con trai tri giác ngay một điều khác hẳn. Anh ta hiểu rằng đây là một tiếng lòng, anh ta biết rằng đây là một lời hứa.

Nghệ thuật diễn tả trong trường hợp này là tác dụng gây liên tưởng kín đáo: chúng ta không hề thấy chức năng định danh của ngôn ngữ, chỉ có hiệu ứng biểu cảm của ẩn dụ.

Nền văn chương cổ từng lắm khi huy động tính tương đồng của các đơn vị ngôn ngữ thuộc từ vựng dược liệu học để xây dựng những thông báo một cách linh hoạt, sắc sảo. Nói rõ hơn, trong nhiều trường hợp, giới tác gia Hán Nôm dùng tên vị thuốc để diễn tả tư tưởng, để trình bày cảm nghĩ và/hoặc để kể lể sự việc, để tường thuật diễn biến.

Người thai nghén bài thơ quen thuộc nhất mang tải nhiều tên Đông dược tất nhiên là nữ sĩ họ Hồ. Đùa cợt cùng chữ nghĩa để nói giùm người phụ nữ

những nhục cảm ẩn ức, ngòi bút lông phù thủy đã mượn tên một số vị thuốc hiền lành để gây liên hội đến những cơ quan cơ thể học thuộc hệ sinh dục hoặc những bộ phận nhân thân kích dục; để bắt tư duy người thưởng ngoạn phải hướng về những chức năng sinh lý học thuộc vùng đất kỵ húy của bộ môn tình dục học:

Thạch nhũ trần bì sao để lại,
Quy thân liên nhục tẩm mang đi.

Hai ý tưởng đối nhau trong hai câu sóng nhau. Nguyên tắc *nghịch đối* về *đối thanh*: trắc đối bằng, bằng đối trắc. Nguyên tắc *đồng đối* về *đối loại*: hư tự đối hư tự, thực tự đối thực tự; danh từ đối danh từ, động từ đối động từ. Thành tựu nghệ thuật của hai câu văn – tổ tiên chúng ta gọi là một *liên* – còn ở chỗ gói ghém được nguyên lý *âm dương*: nếu câu trên chỉ người vợ góa tức là *âm* thì câu dưới nhắc đến người chồng mệnh một nghĩa là *dương*. Nhưng chất xám tinh quái của nữ sĩ chắc chắn không phải chỉ muốn người đọc nhận thức hời hợt như thế. Bà đâu chỉ muốn nhắc đến bốn vị thuốc bắc và qua bốn vị đó, mô tả cảnh vĩnh quyết giữa hai con người, chữ *con người* hiểu theo nghĩa chung chung. Không, đó là hai vợ chồng. Cho nên phần mô tả quả phụ có đôi *vú* căng cứng như *đá* dưới tác dụng của hệ thần kinh chủ động và thực vật; có *làn da* nhễ nhại, *không che giấu* trong mỗi lần oằn mình giao hoan. Cho nên phần mô tả vong nhân có *quy đầu* của sinh thực khí nam giới, có khối *thịt* của văn học dân gian quỉ quái:

Kim châm vô thịt thì đau,
Thịt châm vô thịt nhớ nhau ngàn đời.

Động từ *tẩm* không phải chỉ nhắc đến một phương pháp bào chế Đông dược quen thuộc, nó còn khiến liên hệ đến *tẩm liệm*. Động từ *sao* có thể xem như một trạng từ hay một liên từ: *tại sao* để vú, để da ở lại mà tẩm liệm sinh thực khí chôn đi?

Nghĩa đen phô ra nói trực tiếp về hai đối tượng mô tả, nghĩa ngầm giấu giếm nói về chuyện trong buồng kín của vợ chồng; hai nghĩa đó đã được thi sĩ huy động một loạt thủ pháp tu từ học để diễn đạt:

– Trước hết là *lộng ngữ* hay *chơi chữ*, qua đó nữ sĩ vận dụng ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh một cách ranh mãnh nhằm khêu gợi những liên tưởng bất ngờ, không dè. Bà đã lợi dụng triệt để mật độ ngữ nghĩa cao của từng ngữ âm để tạo khả năng chuyển nghĩa linh hoạt, đa dạng, phong phú, lý thú;

– Rồi đến *nhã ngữ*: ngòi bút lông thấy không tiện ghi những tình huống sỗ sàng, những bộ phận kín đáo nên đã mang những vị thuốc ra làm bung xung;

– Lại còn *ẩn dụ* hay *ví ngầm*, xây dựng trên cơ sở tâm lý tạo sự dời đổi nhận thức từ động tác *sao* (thuốc bắc) sang trạng từ *sao* (để hỏi); từ thao tác bào chế Đông dược sang công việc chuẩn bị thi hài nhập quan;

– Tất nhiên còn phải kể bối cảnh ngữ học đặc biệt do mối tương quan Hán-Việt tạo nên: chữ *sao* nếu hiểu theo nghĩa đen nhà thơ mô tả thì là từ Hán-

Nôm; chữ *trần* trong *trần bì* khác nghĩa với chữ *trần* khi gán cho làn da; chữ *qui* trong *qui thân* là chữ *qui* có nghĩa *về*, chữ *qui* trong *qui đầu* là chữ *qui* chỉ loài *rùa*.

Nguyễn Khuyến dùng tên thuốc để viết câu đối điếu tang một ông lang mà người con cũng kế nghiệp bố:

Tích tai **bạch đầu ông! Bán hạ đan thanh** *thành lẫn* **thảo**;
Cảm hĩ **xa tiền tử! Trường sinh một dược** *tế* **linh tiên.**

(Tiếc thay ông già đầu bạc! Nửa hạ cỏ xanh thành cỏ cháy;
Thương nỗi người con cả! Không thuốc trường sinh để cứu cha.)

Phần lớn chữ dùng là tên các vị thuốc bắc, đồng thời cũng nói lên lòng thương xót người quá cố và sự bất lực của kẻ kế thừa.

Văn Đàn Bảo Giám của Trần Trung Viên ghi một bài thơ không rõ tác giả theo thể thơ bảy chữ với đầu đề *Ông lang viết thư cho tình nhân* dài ba mươi sáu câu, mỗi câu đều có tên một vị thuốc. Bài thơ không hay, chỉ có tính cách ghép chữ cầu kỳ, dụng công gò gẫm:

Trước kính lạy trông ơn **bối mẫu,**
Sau tỏ cùng thục nữ **hồng hoa.**
Đôi ta từ **bán hạ** *giao hòa,*
Lòng những ước **liên kiều** *hai họ.*
Duyên **xích thược** *anh đà gắn bó,*
Nghĩa **quế chi** *em khá ghi lòng*...

Một người khách xướng họa cùng Lãn Ông trong chuyến lên kinh chữa bệnh cho hai cha con chúa Trịnh đã tặng vị danh y một bài thơ cũng dùng danh xưng vị thuốc nhưng chứa tải ý nghĩa khác nữa:

Hồ ma sơn dược *dưỡng thiên chân,*
Sinh địa *tàu du bất ngã bần.*
Tục đoạn *cầm kỳ sơn dã khách,*
Thung dung *thủy thạch* **trí nhân** *thân.*
Phong đằng viễn chí *liêm ngoan tục,*
Thảo tiễn linh sa *hoạt thế nhân.*
Nguyên bị **sâm linh** *kham bổ tễ,*
Ưng điều **ngũ vị** *tán minh quân.*

(Cây vừng và củ mài giúp nuôi chí khí,
Rong chơi trên cõi dất mà lo khó nghèo.
Làm khách núi rừng đồng ruộng, vui cùng cây đàn cuộc cờ,
Là người an nhàn thư thái, thỏa lòng với dòng nước ngàn non.
Gió đưa chí lớn làm tan niềm trần tục,
Phơi cỏ, chế thuốc tiên nhằm cứu người đời.
Đã có sẵn sâm linh làm thuốc bổ,
Còn điều động ngũ vị giúp vua hiền).

Ở đây, bên cạnh các tên thuốc bắc được ghi nguyên danh: *hồ ma, sơn dược, sinh địa, tục đoạn, viễn chí, linh sa, ngũ vị* còn có những tên thuốc hoặc được ghi giản lược hoặc được ghi kết hợp mà chỉ có một người lăn lộn với dao cầu thuyền tán mới biết:

- Thung dung chỉ vị *Nhục thung dung,*
- Trí nhân là *Ích trí nhân,*
- Sâm linh là *Nhân sâm* và *Phục linh,*
- Phong đăng gợi nhớ đến *Phong đường* (mật ong),
- Thảo tiễn khiến nghĩ ngay đến câu văn trong bài *Nam Dược Tính Phú* của Tuệ Tĩnh: *Tiễn thảo là cỏ Bạch dược* vì cỏ Bạch dược được dùng để đắp vết thương cho mau lành nên còn có tên *Tiễn thảo* (cỏ chữa vết thương dứt). Động từ *tán* ở câu thơ chót vừa có nghĩa là giúp đỡ nếu theo văn cảnh, vừa hàm ý chỉ biện pháp nghiền thuốc thành bột nếu theo liên tưởng. Chữ *trí nhân* đã dành khiến liên hội đến vị *Ích trí nhân* (lộng ngữ, ẩn dụ) mà còn nhắc đến câu trong sách *Luận Ngữ*: *Trí giả nhạo thủy, nhân giả nhạo sơn* nghĩa là kẻ trí ưa thích chơi với nước, người nhân ưa thích chơi với núi (*điển tích*).

Truyện Nôm *Phan Trần* có một đoạn mô tả cảnh nhân vật chính là Phan Sinh ốm tương tư:

Bệnh tương tư cũng nực cười,
Để phương **Ngũ tích,** *để bài Bát trân.*
Bùa nào giảm, thuốc nào dần,
Được sư ngán nỗi, Lão quân khôn điều.
Có chăng **Liên nhục, Liên kiều,**
Dùng thang **Đồng nữ** *mới tiêu bệnh chàng.*

Trong đoạn này, chữ *Đồng nữ* vừa đề cập vị thuốc *Bạch đồng nữ* vừa ám chỉ Diệu Thường, do cự tuyệt không đáp ứng tiếng lòng Phan Sinh nên khiến anh chàng ốm lăn ốm lóc.

Trong hệ thống các dịnh đề Nho giáo, vua Tự Đức, do bản chất nghiêm cẩn, do tinh thần trách nhiệm, đã có sáng kiến chỉ đạo quần thần – mà vai chính là nhà soạn tuồng ưu tú Đào Tấn, một vị Thượng thư thuộc Nội các – soạn một vở tuồng một trăm lẻ tám hồi có đề tựa *Vạn Bửu Trình Tường* mà tên các nhân vật đều là những vị thuốc bắc. Nhóm soạn tuồng, theo chỉ dụ Hoàng thượng, đã dựa vào tính dược để xây dựng tính cách nhân vật. Người có tên *Cam Thảo* là người hiền lành, dịu dàng, cư xử ngọt ngào, độ lượng. Người có tên *Can Khương* thì tính khí nóng nảy, gay gắt, tác phong cáu kỉnh, cay cú. Kịch bản tuồng thoạt tiên do Dương Khánh Vương phụ trách nhưng Vương chỉ viết được hai phần, sáu mươi tám hồi còn lại do họ Đào chấp bút.

Nhưng lịch sử sân khấu triều Nguyễn còn một tên tuổi lỗi lạc khác bên cạnh Đào Tấn, đó là Bùi Hữu Nghĩa. Là một nho y, vừa dạy học vừa làm thuốc, vừa sáng tác thi ca vừa biên soạn tuồng tích, Thủ khoa Nghĩa đã có tác phẩm để đời là tuồng hát bội *Kim Thạch Kỳ Duyên* mà bản hiện hành được vinh dự cụ Trần Văn Hương chú thích. Trần Văn Hương, con người hiện thân của tiết

tháo đất Lục Tỉnh, con người tiêu biểu cho những bài học về *tri ngộ, dưỡng khí* của Võ Phu tử ngày nào từng ảnh hưởng sâu đậm lên hành trạng tác gia họ Bùi. Vở tuồng gồm ba hồi; về nội dung kể lại cuộc tình không hẹn mà nên giữa Trạng nguyên Kim Ngọc văn võ song toàn và nàng Thạch Võ Hà nết na xinh đẹp; về hình thức, tận dụng nhiều thể loại thơ văn từ *phú* đến *Đường thi*, cả *vè* lẫn thơ *lục bát*. Về phong cách, tác giả sử dụng thủ pháp *đối* vào hàng cao thủ, nhất là lối *đối giả tá*, khiến cho lời lẽ nhân vật tùy lúc tùy nơi mà trang nghiêm trịnh trọng hay hài hước trào lộng. Cảnh một phụ nữ lâm bồn được khắc họa dí dỏm, linh hoạt qua một lề lối dùng chữ đặt câu thực là tử công phu, trong một đoạn thi ca tự sự ngắn gọn. Người nữ hộ sinh – trong tuồng gọi là *Ổn bà* – động viên sản phụ:

Rặn! Rặn! Mới vài nguồn nai lưng,
Đặng một thằng chó má.

Câu trên dùng chữ *nai lưng* (phải liên tưởng đến cả nghĩa đen *lưng con nai*); câu dưới đặt chữ *chó má* (cần nghĩ ngay đến nghĩa tự nhiên *má con chó*). *Chó* đã dành là đối với *nai*, nhưng *nai* còn là một động từ với hàm nghĩa rán sức; *má* tất nhiên để đối với *lưng*, nhưng *má* còn là một trợ từ đi đôi với *chó*, gia thêm ý nghĩa cưng chiều, thương yêu. Có từng chờ đợi người bạn dầu gối tay ấp *vượt cạn* trong Viện bảo sanh Từ Dũ; có từng trìu mến gọi đứa con bé bỏng *cái con chó này, cái thằng chó này*, mới thấm thía ý nghĩa uyển chuyển của từ, ngữ thái phong phú của tiếng trong hai câu thơ tuy ngắn ngủi gọn gàng mà súc tính đa năng.

Nghệ thuật *chơi chữ* còn thể hiện ở điểm vị Thủ khoa cho nhân vật kịch trường thầy lang Đạo Toàn chuyên dùng tên vị thuốc mà vẫn diễn đạt được điều muốn nói. Sau đây chỉ xin trích nguyên văn một đoạn ở Cảnh hai, Lớp bốn:

Đạo Toàn viết:
Ủy nầy! Bí kỳ **chi tử,**
Sản xuất **kỳ nam.**
Dụng **Cần khương, Quế nhục** *trị hàn,*
Cùng **Qui vĩ, Hồng hoa** *trục huyết.*
Thôi mà! Ta coi phu nhơn người ít sữa, vậy ta cậy mụ bà một chuyện:
Mụ bà dà **chỉ thiệt,**
vậy thời:
Có **hương phụ** *phục lao.*
Giả dầu có **thách cao,**
Tôi không cầu **bán hạ.**

Hai câu đầu đại ý báo rằng "Con gái ta đã sanh đặng một đứa con trai kỳ lạ". Hai câu kế không dùng *lộng ngữ*, chỉ trình bày tri thức y học của bậc nho y: phụ nữ mới sanh do mất máu nhiều nên dễ sinh chứng phát lãnh, phải cho uống các vị thuốc làm ấm nóng khí huyết; đồng thời cần trục máu xấu có thể

còn ứ đọng sau khi sanh nhờ sự trợ lực của hai vị thuốc hoạt huyết phá huyết. Bốn câu cuối diễn tả ý muốn của người nói nhờ bà mụ, vốn bản tính thực thà, tìm giúp một người đàn bà sạch sẽ trong làng (*hương phụ*) cho dù người ta có đòi giá cao (*thách cao*, nói trại tên vị *thạch cao*) thì mình cũng chẳng nỡ trả ép (*bán hạ*). Ở đây vẫn có bóng dáng phương pháp *đối giả tá*: *bán hạ* (bán giá thấp) đối với *thách cao* (đòi giá cao). □

TRẦN HỒNG CHÂU

xuân mạn hứng

Xuân phong xuân ý hựu phùng xuân
Mỹ đô xuân tiết loạn phong trần
Lạc địa hoàng mai hồi hiểu mộng
Thăng thiên hồng pháo ánh tà huy
Xa mã khứ lai trùng điệp ảnh
Thị trung thanh khí kỷ nhân tri
Cố hương hoài niệm tình nhất phiến
Giang hữu Đông hải đổ quyên sầu

Dịch:

Gió xuân xuân ý lại gặp xuân
Ngày xuân phố Mỹ bụi xoay vần
Đất phủ mai vàng mộng sớm viếng
Trời bay pháo đỏ nắng chiều phơi
Nao nức ngựa xe người bốn biển
Mấy ai thanh khí biết cho cùng
Quê hương thương nhớ tình một mảnh
Đỗ quyên nước chảy biển Đông sầu.

HẠO NHIÊN

ngộ

— Rất riêng gửi Bùi Giáng
nhân đọc *Kẻ Cuồng Sĩ Trong Vườn Cây* của Phạm Xuân Đài.

. . . Một chữ "ngộ" vốn mang nhiều hướng nghĩa.
— H.N.

Từ chốn ấy mịt mùng
dẫy đưa vào trần thế
mộng mị đầm đìa khuôn mặt trẻ
một đời trắng tóc bạc chiêm bao
ray rứt thuở nao
bức bối nơi nào
đau đáu quê xưa lòng hữ thử
khói sóng mờ dâng dâu cố hương?
châu ngọc đầy mình khua rực rỡ
rơi ùn sỏi sạn xám ven đường
quên rồi lối dẫn về kho báu
vãng vẳng tử cung niềm gọi máu
nhau rốn đâu rồi
dất lạng câm . . .

Một quá ta nằm
dắp bụi ngựa xe
đầu gối vỉa hè
bảy sắc cầu vồng
bụi phấn hồ điệp
áo trắng hoa vàng
tỉnh mê thức thiếp
ai cố nhân ai
ta bướm bướm ta
thiều nhạc nhã ca

tay ta ấm ấp
đủ cho xưa sau
đủ cho trời đất
mở hoa dâng khiêu vũ khắp sao trăng
mà thế gian chỉ rặt những cây đàn
tơ chùng phím lệch
nên toàn oan nghiệp
lạc nhịp sai cung
ta dành bập bùng bật bông
tỏ dạ thâm tình với nàng quả phụ
vàng ròng lẫn cát lú
sàng sẩy mạnh nghe em
câu chữ con người xốc xếch lem nhem
quá ít ỏi
gáo gàu dem múc gió
ta nói lái cho chân dung thêm tỏ
ngọng líu lo mà lồ lộ thịt da
la hét rú gào dệm nốt khúc ca
múa may quay cuồng đắp thêm hình ảnh
ta ghì ôm dám ma bò bầu bạn
thân thể trào sôi đến độ đóng băng
hồn trí hào quang tới mức tối đen
tuyết cháy giữa đêm mặt trời im nổ
ta đeo lon bơ quàng vai quanh cổ
tràng hạt riêng chơi dầm nước mắt khô
đem bện chuỗi cười khua động đáy mồ
tặng cõi người ta đảo vần rối diệu
một hòa sắc
một âm giai
hàm tiếu
âm dương
nơi đây chợ nắng chùa sương
hai mai một mối khói hương cô kiều

chém cha tục ngữ nói liều
tố như ngọc dám đặt điều gạch nem
dom đóm rong đèn
về thôi em nhé
ốc dảo mảnh vườn mép bờ dâu bể
cây giao cành dùm bọc túp lều nôi
tình nghĩa buộc tao đàm thắm rụ hời
nai nghé đưng dưa à ơi nhịp võng
nước ối thơm tho dịu dàng vỗ sóng
hai đứa trần truồng một cặp thai nhi
tuyệt vời yên lặng
từ đó ta đi
chiều nay cùng cất bước
đã đến từ hôm trước
phiêu bồng bảng lảng cội nguồn
chân như chưa nhủ
sóng vờn hạt bay . . .

tiền kiếp ta là con voi say
không biết mình rượi chà đức Phật
nay bỗng hóa thân làm hoàng-bạch-hạc
dậu co chân trên mỗi cánh sen đào
vẫn thơ ta dưới ấy thoảng mưa rào
dọng lại thành giọt móc
dắm đuối hương mật ngọt
bíu nhánh cỏ lá cồn
trần gian luôn còn tê mê môi hôn
mà tên họ đứt quên rồi mãi mãi
đàn hiệu ngã tứ xanh vàng nhấp nháy
mắt hạc lim dim
mộng mị tắt chùm
hay vụt sáng lóe đường chim giáng trần?

LÊ THỊ HUỆ

nắng khô

truyện ngắn

Tháng tám. Mùa hè khô ở Cali. Gió không. Nắng nhiều. Từng dùm từng mảng cửa lên da thịt. Ba giờ chiều thứ bảy ở một chiếc ghế gỗ trong một cái sân giữa trời và vựa đồi khô. Sân rộng, thoáng, nằm nghiêng vai cưa chân đồi. Có mấy cục u công sở hình vuông hình chữ nhật xếp đều trên mặt đất, xếp thoai thoải dọc những ngọn đồi trọc miền đất sa mạc California.

Hai người phụ nữ tóc đen thẳng tắp ngồi trên một băng ghế trống. Dãy băng ghế cũ mốc meo năm tháng, tựa một cái hàng rào thanh sắt vàng, trên một cái sân nhìn xuống những thảm cỏ xanh. Chiều thứ bảy. Không phải chỉ cả cái sân vắng lặng, mà cả một góc đời sống vắng lặng trước mặt. May ra ở bên kia bãi cỏ nối tiếp bãi cỏ, có mấy cái sân quần vợt, và có những người áo trắng quần cộc trắng giầy trắng đang quần thảo với nhau trên sân chơi.

Hai người phụ nữ ngồi song song, ngó về hướng cái sân quần vợt xa xôi. Người con gái nhỏ tóc rậm rì, rẽ một bên, mặt không chút son phấn. Da dày tái tê năm tháng lâu ngày không một chút cày cấy thẩm mỹ nào lên đấy. Cô mặc một cái áo vải trắng thô dài nửa ống tay, hạt nút cao nhất leo lên đến ngang ức cổ. Cái quần tây xanh màu lính thủy ống rộng. Chân thì mang đôi săng đan trắng cũ mèm. Người con gái lớn tuổi độ giữa mùa ba mươi. Tóc che trán, cắt đều trên trán cắt thẳng băng ngang vai. Mặc một cái váy mỏng hoa hồng li ti cắt sát nách. Hai cánh tay mùa hè mịn mát lủng lẳng những xuyến tay bảy vòng. Má phấn hồng, mắt deo kiếng gián điệp xanh đen hiệu Liz Claiborne.

– Mến về đây mấy tháng rồi sao. Nàng nói.

– Em về đây đã được bốn tháng. Người con gái nhỏ nói.

– Bốn tháng mà sao không gọi cho chị.

– Em có chuyện chị à.

Họ nhìn nhau. Họ nói chỉ vừa đủ cho nhau nghe. Người con gái nhỏ nói nhỏ hơn. Y như cái gì cũng chậm hơn. Nói cũng chậm. Nhìn cũng chậm. Người con gái lớn thì to mồm hơn.

– Chắc bây giờ chị không còn muốn nghe chuyện của em nữa. Cô gái nhỏ nói.

– Bao giờ chị cũng muốn biết tin của em hết Mến à. Người con gái lớn nói. Nhưng hồi đó hễ gặp má em ngoài mấy cái chợ Việt Nam, hỏi thăm đến em là bả cứ bù lu bù loa. Nào là biểu chị lại nhà gọi báo cảnh sát giùm, nào là rủ chị đi tìm em, nào là nói em bị dụ dỗ. Chị nghe hoài mệt quá. Vậy bây giờ em về nhà có ở được không.

– Ba má em rất thương em.

– Tốt. Nàng nói.

– Bây giờ em đang lãnh tiền *disability* (1).

– Lãnh làm gì vậy.

– Chị nói cái chi.

– Thôi.

Nàng thở ra. Nắng tháng tám. Mùa hè khô. Hồi đó đi vượt biên cũng một đêm tháng tám. Đêm ba mươi tháng tám tối mò mò. Chèo. Chống. Trong cái thúng cái mủng ra đến cái ghe nhỏ đen thui thui, lóc ngóc những cái đầu mù u những cặp mắt. Rình rập chờ chực lấm lét. Ôi tháng tám.

– Nguyễn Tất Nhiên mới chết. Nàng buột miệng nói.

– Ai chết vậy chị.

– Một cái ông kia.

– Sao chết vậy chị.

– Tự tử.

Cô gái nhỏ im lặng. Tay vân vê chéo vải quần.

– Hồi đó hắn ở cùng trại với bọn mình. Nàng nói. Hắn là một thi sĩ. Một tên thi sĩ Việt Nam vô tích sự. Hắn chết còn rán lết vô sân chùa chết một mình trong chiếc xe của mình cho dẹp chuyện.

– Ôi trời đất ơi. Cô gái nói như reo lên thảng thốt.

– Mấy cái người Việt Nam đó. Nàng nói. Đùm túm nhau chạy sang Mỹ. Để làm gì. Người thì tự tử chết. Người thì lãnh tiền *disability. Người thì đi ăn xin trợ cấp. Người thì đi ăn mày tiếng Anh ăn mày bằng cấp. Trơ trên tội nghiệp.*

Một chiếc xe đen cảnh sát tuần tiễu trờ tới chầm chậm phía dưới. Người cảnh sát Mỹ trắng vặn kiếng xe xuống và nói "Hi" (2). Ông ta có hàm râu cá chốt, mặt mập và nghiêm trang. Người thiếu nữ lớn tuổi mở cái kiếng gián điệp ra nở nụ cười và nói một câu tiếng Anh chào trả.

Chiếc xe khuất bóng. Nàng nói:

– Mười hai năm rồi đó Mến à. Mến có nhớ cái lần cuối cùng, chị còn ở con đường Toyon không.

– Hồi đó chị học ngày học đêm để mong được trở lại ngành dược. Em nhớ rồi.

Người con gái nhỏ vân vê sợi dây thun trên cổ tay. Nàng nhìn cánh tay của người con gái nhỏ và buột miệng nói:

– Em làm cái chi mà bị cái sẹo trên cánh tay to vậy.

– Ở trong đó em làm vườn. Có hôm bị một cái máy xởn mất một miếng thịt.

– Trời. Đau chết. Bộ mười năm qua chỉ lo làm vườn không à.

– Em có đi học nữa chứ.

– Học cái gì.

– Em học kinh Phật. Em học Anh văn.

Nắng gắt tiến chiếm qua bóng cây chói lọi vào chỗ hai người ngồi. Buổi chiều không một hớp gió. Nỗi gờn gợn vây chặt quanh hai cái miệng cùng im lặng một khoảng khá lâu.

– Vậy chớ sao em không tu luôn quách đi cho rồi. Ra đây lãnh tiền *disability là sao?*

Nàng mở miệng cất tiếng. Đứa con gái nhỏ đáp lời:

– Em đã *violate* cái *rule* (3) của nhà chùa. Em bị trừng phạt.

– Mến à. Nàng nói. Chị không bao giờ tin vào những điều em đang làm.

Ngập ngừng một lát, nàng tiếp:

– Nhưng nếu tin được vào một điều gì đó. Chắc dễ chịu hơn.

Nàng xê dịch chỗ ngồi qua cái ghế bên cạnh. Lúc ngồi xuống tréo hai cái chân vào với nhau. Nàng thầm nghĩ: "Con nhỏ ưa làm những chuyện động trời. Trong cái trại tỵ nạn ở miền biên giới xa xôi kia, nó tự tử bằng cách uống một đống thuốc đi cóp nhặt trong trại. Không chết. Nó lẩm lẩm lì lì. Cái miệng vừa nói vừa hớ môi mà làm những chuyện người khác khó làm nổi."

– Nghe con Thanh nói bây giờ chị có hết mọi thứ. Người con gái nhỏ nói.

– Có cái gì mà có hết mọi thứ.

– Hôm em gặp nó ngoài chợ trời. Nó cho em số điện thoại của chị. Nó nói chị đã ra trường bây giờ là dược sĩ ở Thrifty. Chị có một cái nhà nho nhỏ sạch sẽ đẹp đẽ. Chị còn có cả bồ nữa.

– Không là gì cả. Ba cái đồ quỷ nhà cửa xe cộ áo quần dưới con mắt của con Thanh lãnh tiền trợ cấp kia là cái gì đó to tát lắm.

Nó nhỏ hơn nàng đến sáu tuổi. Hồi đó còn một con bé nữa tên là Thanh, mười tám tuổi. Ba đứa con gái. Trên một cái tàu vượt biển. Nằm ngửa cách nhau một mét trên cùng một khoang tàu. Ba tên cướp biển Thái to. Bầu trời đầy những vì sao. Máu me. Tiếng than khóc vì đau đớn. Mùi ghe thuyền mặn và hôi hám. Một cái gì đó xa tít mù mịt trên trái đất. Nàng đã nghĩ ước gì mình có thể tự chết đi giữa giây phút ấy. Ba đứa con gái lần đầu tiên đụng chạm đến cây trái của đàn ông.

Nàng đứng lên. Đi qua cái ghế có bóng mát của cành cây phong tụ lại. Nàng ngồi xuống và nói. Sang đây ngồi cho nó bớt nắng.

Cô gái nhỏ cũng cắp qua ngồi bên cạnh cái ghế nàng. Dầu không ngồi vào bóng râm như nàng.

– Chị có vẻ thay đổi.

– Đôi khi người ta phải khác đi để sống còn. Nàng nói. Chúng ta đâu cần phải ôm khư khư quá khứ vào trong lòng. Chị đã quyết lòng. Chân đã bước qua mắt không bao giờ ngoảnh mặt nhìn lại quá khứ. Sống là bước tới không thèm bước lui. Chị bây giờ trân trọng từng phút giây của đời sống đó Mến à.

– Chị có vẻ tự tin và yêu đời. Nước Mỹ đã phục hồi được chị.

Nó nói một câu nghe muốn đá cho nó một cú. Nàng nghĩ.

Nàng ngồi thẳng người lại. Hai tay choàng qua sau cổ. Có lúc nàng cúi xuống nhìn thấy cả bộ ngực của mình. Cái áo hơi trệ cổ. Nắng chiếu hào phóng lên da thịt chỗ hồng thắm nhất của nàng.

– Trừ một chuyện. Nàng tiếp tục nhìn xuống ngực mình và nói.

– Chuyện gì vậy chị.

– Vẫn chưa ngủ được với đàn ông.

Dừng một lát. Khép hai mắt lại. Nàng nói:

– Chị chưa kể cho anh ấy nghe một điều gì cả. Anh Tâm bằng tuổi chị. Gặp nhau lúc học cùng trường. Anh ấy là con một. Đã nhiều lần chia tay, rồi lại ráp lại. Chị cũng không hiểu nổi làm sao anh ấy có thể chấp nhận những lời xin lỗi vu vơ của chị. Chứ ở cái xứ thờ phượng câu thần chú *In God in money in sex we trust* (4) này, ai mà chịu nổi. Có lẽ vì vậy mà chị thương anh Tâm. Có lẽ vì vậy mà chị tự động đi kiếm người nhờ giúp. Chị đang gặp một bà cố vấn gia đình. Chị nói bà ơi cứ mỗi lần anh ấy hôn lên ngực tôi là trong người tôi trào dâng lên một nỗi buồn xa lạ. Buồn ùn ngập từng tế bào trên da thịt. Và rồi tôi cứ chảy nước mắt ra. Và rồi tôi chỉ muốn nằm yên xa lánh. Và rồi anh ấy phải đầu hàng tôi.

– Tội nghiệp chị. Đứa con gái nhỏ nói trong tiếng chép miệng.

– Im đi. Nàng nói. Đừng có giở cái giọng nhà chùa đó ra.

– Em bây giờ là người của nhà chùa. Đứa con gái nói như hát. Trong nó chỉ có giọng nói là lôi cuốn người nghe. Em sẽ tụng cho chị triệu triệu lần để chị qua được cánh cửa dục vọng. Em nguyện sẽ ăn chay năm này qua năm khác cầu cho cái nghiệp chướng của chị nhẹ nhàng đi . . .

Không biết nó còn nói những gì nữa. Khi nàng mở mắt. Nắng chói ngợp mắt, bừng bừng trên hốc mắt hốc mũi hốc miệng. Nàng nhìn sang cô bạn nhỏ. Nhìn nó như đang ngủ dù mắt mở to miệng môi khép hờ. Khuôn mặt nó tái xanh. Đã đi vô chùa mười năm rồi mà sao không chịu trắng trẻo ra. Cứ đen thui thui như người giang nắng bao nhiêu năm ngoài trời giống mấy cái ông thợ sửa đường.

Nàng nhớ giữa cái khoảng cách không đầy một mét. Nàng đã mở mắt ra ngó bạn. Một khuôn mặt kinh khiếp hãi hùng. Nhăn nhúm như một núi mặt

người không còn chút nhân cách nào nữa. Sao mà xấu tệ đến thế. Trong phút giây đó, nàng đã tràn ngập những ý tưởng. Những ý tưởng trắng sạch cảm xúc tuôn ra ào ào. Và nàng đã cầm cự giây phút đó bằng những ý tưởng. Tên cướp bể Thái Lan mê mải làm những điều gì đó ở phía dưới, nàng không còn biết đến. Cho đến khi hắn cúi xuống hôn lên ngực nàng. Lúc đó nàng mới tận thế. Lúc đó nàng mở mắt nhìn lên bầu trời vỡ vụn muôn ngàn vì sao cùng với những dòng nước mắt không cầm giữ nổi lại trong khóe mắt nữa.

Chiếc xe và người cảnh sát da trắng từ đâu vòng trở lại. Chiếc xe dừng lại bên kia vỉa hè. Ông ta mở cửa xe và bước ra. Miệng nhai lách chách kẹo cao su. Ông ta to lớn vạm vỡ vừa đi lại phía hai người phụ nữ vừa mở miệng ra chào "Hi".

– Hi, nàng nói to. Don't worry. We're not selling drug here, sir. (5)

Nàng nói mà nghĩ là không biết mình nói như vậy để làm gì. □

(1) Tiền trợ cấp dành cho người tàn tật thể chất hoặc tâm trí.

(2) Tiếng chào, như "Chào cô".

(3) Vi phạm điều luật.

(4) Trên đồng tiền giấy của Mỹ có câu: "*In God We Trust*", dịch nôm là, chúng ta tin tưởng nhau trong Chúa. Ở đây tác giả thêm vào thành ngữ này hai chữ "*money*" là tiền, và "*sex*" là tình dục.

(5) Đừng có lo. Bọn tôi không buôn bán ma túy ở đây đâu, thưa ông. Ở những thành phố lớn của Mỹ, cảnh sát thường tóm những tay buôn bán ma túy lẻ trong các công viên.

AH

Tìm đọc:

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Trường thiên của Nguyễn Mộng Giác

Nhà xuất bản An Tiêm

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

bà bạn sưu tập

truyện ngắn

Theo như lời bà bạn nói thì bà ta hiện đang làm chủ một bộ sưu tập búp bê rất quí giá. Giống như những thứ sưu tập đầy say mê khác, đắt tiền như sưu tập tranh, sưu tập đồ cổ, nhẹ túi hơn một chút như sưu tập tem thư, sưu tập tiền đồng . . . sưu tập búp bê cũng là một thú vui đầy say mê hào hứng.

Theo như lẽ thường, tất cả chúng ta đều bị quyến rũ bởi cái đẹp nhưng là cái đẹp bên ngoài trước hết, cũng theo như lời bà bạn tôi. Một cô bé mới lớn, tóc búp bê suông mượt, má hồng, mắt tròn như hai hòn bi lóng lánh, hàm răng ngọc hé mở nụ cười của cánh môi chưa biết hôn và chưa bị hôn, sự trong trắng, tinh khiết dường như chỉ có thể ví được với ngọc. Người ngọc, ngọc thể, ngọc nữ. Mái tóc dài bay theo gió trên một chiếc xe đạp đi ngược chiều, ánh mắt tình cờ gặp gỡ, một chút nắng vàng, một chúc dư hương, vẻ đẹp của những búp bê mơ màng cũng đầy sức quyến rũ như vẻ cường tráng đầy nam tính của các búp bê mặt vuông, da rám hồng như màu mận ửng nắng, nụ cười trắng phô hàm răng chân thật mang niềm hứa hẹn đáng tin cậy và do đó niềm an ủi không vơi. Có búp bê trẻ tất phải có búp bê già, có búp bê lành lặn tất phải có búp bê sứt mẻ. Những búp bê có dị tật bẩm sinh hay vì bịnh tật, tai nạn, thừa ngón chân, thiếu một mắt, lệch nét môi, khuyết dường mũi, lùn tịt hay cao lênh khênh lòng không, lấy tiêu chuẩn một người trung bình về cả mọi mặt: vóc dáng hình hài, mặt mũi, sức khỏe . . . thì loại búp bê cá biệt này có lẽ có nhiều sức hấp dẫn hơn gấp bội. Cho hay nhân gian vốn ao ước mọi điều cho được tầm thường êm ả, nhưng thực sự cái tiêu chuẩn tầm thường, trung bình, lành mạnh về tất cả mọi mặt thì lại dường như hơi có vẻ nhàm chán! Sách luân lý

muôn đời đều dạy trẻ là ăn cắp, nói dối chẳng hạn là xấu, nhưng thực sự có ai trong đám người lớn chúng ta dám cả gan lớn tiếng rằng trong suốt cuộc sống năm mươi, bảy mươi năm cuộc đời trên trái đất này tôi chưa hề một lần nói dối, ăn cắp? Chẳng qua cũng chỉ là chuyện trật đường rầy cho dỡ nhàm chán mà thôi! Vì thế, bộ sưu tập búp bê của bà bạn mà tôi vừa kể, lại cũng chia ra làm hai loại, nói theo kiểu văn hoa là có một loại búp bê chính diện và một loại phản diện, nói cách nôm na là có búp bê đẹp và có búp bê xấu, y như cuộc đời.

Tôi đã từng ngồi suốt cả một buổi chiều trong căn phòng chật hẹp ngổn ngang những kệ, những tủ đứng, tủ nằm, những hộc bàn, giường ngủ, gầm bàn, chân ghế và người sống lẫn lộn với búp bê. Những con búp bê nhồi bông may bằng những loại vải cô-tông tầm thường chỉ có hình dáng tàm tạm giống con người với mấy lọn tóc sơ sài kết bằng len vụn, đứng ngồi cạnh với lũ búp bê bằng cao su hóa học mặt mày trang sơn diễm phấn cực kỳ diễm lệ: mi dài cong chớp chớp, nụ cười ẩn hiện bí mật sau cái mỉm miệng của cặp môi hồng . . . cho đến những anh chị búp bê đàn ông đàn bà – nghĩa là dám búp bê người lớn biết cười biết nói. Đám búp bê biết nói này thường được trang bị băng nhựa từ tính trong bụng, chỉ cần bấm cái nút, chúng huyên thiên nói đủ mọi chuyện trên trời dưới đất vui đáo để. Những chị búp bê "kẹp tóc" thì như một định kiến áp đặt sẵn có của xã hội ảnh hưởng đến người chế tạo sản xuất, quý chị nói năng rất nhỏ nhẹ, duyên dáng dễ thương và dĩ nhiên dễ mê hoặc lòng người. Do tật ngây thơ bẩm sinh hoặc giả vờ học tập ngây thơ, riết rồi quen thói, tôi thường rất mê ngắm tụi búp bê đàn bà ngây thơ này nói. Những mái tóc ngắn có, dài có, đen có, vàng trắng, bạch kim, lúc la lúc lắc cái đầu, các chị riu ra riu rít như chim vành khuyên những chuyện không đâu vào đâu, vậy mà tôi và nhiều bạn nữa, những ai đã được nghe, cũng đều thú nhận với nhau là giọng nói và cách nói của các chị đầy sức mê hoặc.

Tôi thường đến một mình để tận hưởng cái sự quyến rũ đó, ngồi lặng lẽ nhưng thường khi là bật cười khanh khách vì cái vẻ ngúng nguẩy khẩu khỉnh, kênh kiệu vui tươi và cực kỳ dễ thương của mấy chị. Ngay cả trong những lúc các chị nở đóa cúc dại đóa ra mà chê bai, dè bỉu lẫn nhau. Các cô búp bê trẻ thì thường ganh tị nhau mũi thật mũi giả, vú độn vú bơm, kép nhí kép lão, các bà thì khích bác nhau nhà lớn nhà nhỏ, hột xoàn cắt cúc, cắt mặt trăng, nước tím nước trắng, có bọt hay có than.

Có lẽ do cái tính muốn chiếm hữu riêng thuộc về một bản năng rất con người của mình, tôi thường đọc sách, xem xi-nê, ngắm trăng, ngoạn cảnh . . . cái gì làm một mình thì thấy trọn vẹn ngây ngất hơn là cứ phải lao xao nghe ngóng lời khen tiếng chê điều này lẽ nọ. Thú xem búp bê cũng vậy.

Dù sao thì cũng như những thứ nghiện ngập tai hại khó tránh khác trên đời đều thâm nhập tấn công một cách từ từ hữu hiệu từ nghiện thuốc lá, cà phê, trà tàu cho đến xì-ke, dĩ điếm, ma túy . . . dần dần tôi đã trở nên một tên nghiện ngập khó trị lúc nào không biết.

Trở lại cái nhận định rẻ tiền về tật nói dối như cuội hoặc ăn cắp vặt như

ranh của mọi người, nhà sưu tập cũng cho tôi xem (thực ra thì nghe nhiều hơn) một buổi biểu diễn của các búp bê ranh cuối. Buổi đầu thì tôi còn ngạc nhiên và thưởng thức nhưng đến lần thứ hai thứ ba thì cái cảm giác buồn bã chán nản bỗng càng ngày càng thành hình rõ rệt. Tôi thường hèn nhát nhắm một mắt lại và vì nể nang chủ nhân nên chỉ nghe một tai mà đầu óc thì cứ ù ù nghĩ chuyện đâu đâu. Từ búp bê đàn ông nói xấu vợ, gạt gẫm nhiều loại đàn bà khác nhau, đến những ông búp bê chính trị gia, chính khách đạo to búa lớn cùng là quí vị thương gia, chuyên gia, trí thức, học giả, nhiều chiêu thức đối trá khác nhau, nhiều thủ đoạn ăn cắp vặt và ăn cắp lớn, tiền tình địa vị, không có chiêu pháp nào giống chiêu pháp nào. Sự lường gạt đã được tinh chế và đo đầu óc cạnh tranh thương mại, các hãng sản xuất đã lọc lựa được những thuật lường gạt kinh thiên động địa. Gã thương nhân Lữ Bất Vi và anh con trai Triệu Chính có đội mồ sống dậy cũng phải nghiêng mình bái phục dám hậu sinh khả úy.

Sau loại sưu tập phản diện này, theo như lời thổ lộ của nữ chủ nhân, các nhà sản xuất còn tung ra thị trường thêm đủ kiểu búp bê tội ác băng dẳng bằng nhiều cách khác nhau: tội ác bằng súng, bằng dao, bằng mượn tay người giết giặc, bằng chiến tranh ủy nhiệm, mồ chôn tập thể, bãi thử nghiệm vũ khí mới . . . Nghĩ tới thân phận nhỏ nhoi đầu đen mềm và máu đỏ lòng của mình, tôi bất rùng mình sởn óc. Nhưng chẳng ăn thua gì, thấy tôi rùng mình lia lịa, nữ chủ nhân còn cười khanh khách thao thao bất tuyệt rằng, nếu trời cho bà trúng được cái số lớn, cỡ vài chục ngàn chẳng hạn, bà sẽ đặt mua ngay loại búp bê hiện đại thời trang là các loại búp bê làm tình. Cũng như giết người, các cách làm tình cũng biến học mênh mông, sở kiến của một người không thể thâu tóm được hết trong vài dòng, các nhà sản xuất hiện đang cạnh tranh ráo riết trong sáng tạo tân kỳ và lý thú này. Có chính dâm, có tà dâm, rồi loạn dâm, bạo dâm . . . (Các búp bê này tuy táo bạo vậy mà lại rất rẻ tiền: một bộ chỉ cần có một búp bê đàn ông, một búp bê đàn bà hoặc hai nữ hết, hai nam hết, nhiều lắm thì lên tới con số ba: một nam hai nữ hoặc một nữ hai nam . . .) Cứ tưởng tượng bọn búp bê đàn bà da thịt tươi hồng thơm phức nằm tênh hênh trong tư thế chờ đợi làm tình, mà lại làm tình kiểu cọ nữa, dám bạn đàn ông của bà bạn tôi đã ứa ra không biết bao nhiêu là nước miếng, máu chảy rần rần lên mặt thiếu điều muốn tẩu hỏa nhập ma luôn.

*

Chiều nay chủ nhật, trời trong và ấm, mở cửa sổ ngó lên trời, những cụm mây trắng đang bay tản mạn trong một bầu trời rất xanh. Khi đi ngang phòng đứa con trai út, tôi ngạc-nhiên thấy nó không chạy ra ngoài đánh banh như mọi khi trời đẹp như hôm nay. Cu cậu đang loay hoay, chán trò bắn games, chán xem Ti-vi, nên bày trò câu cá ngay trong phòng. Tôi hỏi vọng vào:

– Sao không ra ngoài chơi, nghịch phá cần câu của ai đó?

Thằng bé đang chăm chú móc lưỡi câu câu chiếc dép sắp giật lên, giật mình nhìn lên đài giọng:

– Sân banh có ông khùng ổng ngồi đó. Đứa nào ra cũng bị ổng đuổi đi hết, con không dám ra! A Tỷ đó!

À, A Tỷ, cái anh hàng xóm thất tình của khu chung cư chúng tôi. A Tỷ làm *chief* đứng nấu ăn cho một nhà hàng lớn, năm ngoái gom góp tiền nong về Hoa lục, cưới cô vợ trẻ măng và đóng tiền máy bay bảo lãnh cho nàng sang. Mỗi tuần, trông Tỷ xấu trai, đầu lưa thưa dám tóc sói cặp kè cô vợ trẻ đi dung dăng dung dẻ, ai cũng chúc mừng cho Tỷ. Ở với nhau được sáu tháng, không hiểu vì ý gì, cô lặng lẽ bỏ đi. Tỷ thưa cớ cò bót tìm kiếm hụt hơi, cuối cùng phải đưa đơn ly dị để tránh hậu họa. Bây giờ ngày ngày đi làm, những ngày nghỉ, bất kể trời nóng hay lạnh, Tỷ khoác áo bành tô đeo cặp kính đen tổ bố, ngồi lì bó gối bất động suốt ngày ngoài sân banh. Chả là vì trước kia cô vợ trẻ của Tỷ, ban ngày ở nhà rảnh rỗi, nàng thường nhảy dây, ném banh, hít thở, chạy nhảy tưng bừng nơi sân banh để giữ gìn vẻ đẹp cho thân thể.

Trông dáng A Tỷ ngồi yên dấm đuối suy nghĩ, tôi bỗng nghĩ tới bộ sưu tập búp bê của bà bạn. Búp bê hiền hay dữ, nói nhiều hay nói ít, độc ác hay nhân từ, đẹp hay xấu, lành hay què, dâm đãng hay đoan chính, điêu hâu hay bồ câu, đời hay đạo, đạo mạo hay ma cô . . . chúng vẫn cứ là chúng, chứ không thể là cái gì khác được. Thêm chuyện nữa là chúng lại rất ngoan ngoãn vâng lời ngay cả những đứa muốn nói dai nói đài nói dở, chỉ cần bấm cái nút, chúng trở lại im bặt. Như chúng đã làm tôi từng xem, từng mê, từng sợ . . .

Khi quyết định phải buồn vui khóc cười, kinh tởm, chia sẻ cuộc đời với lũ búp bê cao su hay nhồi bông, nói cho cùng, chắc như hai với hai là bốn, là dễ chịu, vì hễ cứ gian ác là gian ác, hiền hậu là hiền hậu, bạc bẽo là bạc bẽo, chung tình là chung tình, trí thức là trí thức, trí ngủ là trí ngủ, lưu manh là lưu manh, nhà thổ là nhà thổ, nhà thờ là nhà thờ, sư ông là sư ông, hổ mang là hổ mang và châu chấu là châu chấu, cào cào là cào cào.

Nhớ một hôm khi bà bạn nghe lời xúi dại gà chết của tôi, hai chúng tôi đã mất cả một ngày trời thử xáo trộn thay đổi y phục mũ mãng của đám búp bê: búp bê nội trợ mặc y phục hở hang của búp bê ăn sương, búp bê sở khanh đạo mạo khoác áo nhà dòng, búp bê *Mafia* đóng vai chính khách, búp bê chuột chù sơn mất đỏ khoác bộ lông thỏ trắng, búp bê chim cú thì nối chân rắp mỏ làm thiên nga . . . Bỗng một xã hội, thế giới người và vật đảo điên, điên đảo quật chúng tôi khật khừ say sóng chóng mặt, tôi khá chịu đựng và lanh trí vội nhắm mắt lại nên chỉ phải nuốt mấy viên thuốc cảm. Còn bà bạn chủ nhân thì tệ quá, nôn dầy cả ra nhà và sau đó phải đi bác sĩ tiêm thuốc và nghỉ việc mất hai ngày vì trò chơi xúi dại dại cù lần của tôi. Sau trò chơi đau đầu nhớ đời đó, với sự hiểu biết hẹp hòi và dầy chấp ngã về sinh vật học cùng với nỗi bực bội nhất thời, hai tôi cả gan đi đến một kết luận láo lếu là: loài người nhất định không phải là con cháu của loài khỉ, mà chúng ta chính là hậu duệ siêu việt của loài tắc kè biết đổi da thay màu rất thức thời!

Bây giờ, chiều chiều tôi lại thơ thẩn trở lại thăm bà bạn và bộ sưu tập búp bê phong phú và quý giá của bà.

Lúc sau này vì có khuynh hướng nghiêng hẳn về tôn giáo, bạn tôi thường mua những búp bê nhà tu không biết nói. Rẻ tiền, vì không phải trang bị máy từ tính độn ruột, những nhà sư mặc nâu sồng chỉ ngồi yên lặng trong tư thế kiết già, chân phải trên đùi trái, chân trái trên đùi phải, tay phải trên bàn chân trái, tay trái úp lên tay phải, mắt trầm tư nhìn xuống, cái đầu bóng, cái trán bóng, mũi bóng, lặng lẽ bất động.

Lặng lẽ, bất động, hai tư thế tuyệt vời! Tuy nhiên đối với anh hàng xóm, quả tình là tôi không có ý trù ếm gì A Tỷ, tôi cũng tha thiết mong cho anh mau mau kiếm được một cô bạn đời tin cậy khác để qua khỏi cái tình huống bối rối hiện thời. Nhưng lúc này quả là dưới mắt tôi, A Tỷ trở nên dễ mến hơn bao giờ hết trong cái thế ngồi cô độc trầm tư đắm chìm và bất động trong những buổi chiều ngày nghỉ của anh.

Nếu có dịp đi qua phố Tàu, thế nào tôi cũng kiếm mua cho được một búp bê kiểu A Tỷ, một là để kỷ niệm cái ý thích thay đổi một thời của mình, hai là để bổ sung thêm vào đám búp bê đông vui nhộn nhịp của bà bạn thân quý.

Những chuyện này là chuyện đã xảy ra cách đây ba bốn năm về trước. Bây giờ bà bạn sưu tập của tôi bỗng trở thành một nhà văn nho nhỏ được độc giả ít nhiều mến mộ. Bà bảo viết văn cũng như chơi trò chơi búp bê, cứ ghép ráp búp bê này với búp bê nọ, bày đặt chiến tranh với hòa bình, đau khổ với hạnh phúc, rồi chia rẽ cặp này, đoàn tụ cặp nọ, lâu lâu tổ trác thì cũng đem râu ông nọ cắm cằm bà kia. Nhưng nói chung, vì yêu tất cả các búp bê xấu và tốt, hiền lành và độc ác, bất nhân và đạo nghĩa, độc tài và dân chủ, vân vân, bà bạn tôi đã hết sức công bình mà thưởng thức chúng và đem vào văn chương cho mọi người cùng thưởng thức. Tuy nhiên, về sự độc đáo thì bà nói:

– Bạn để ý coi, sự tầm thường, bình thường, ngăn nắp, tròn trịa và hợp lý quá thường sẽ kéo chân lý xuống rất thấp. □

ĐỖ KH.

Tất nhiên là vậy

Cuộc đời như chiếc áo được tặng
Mặc không vừa
Chật rộng
Chẳng có cách nào sửa
Ở thì mang trả lại
Không biên lai
(Ở thì mang trả lại)

VŨ THÙY HẠNH

đôi cánh hạc vàng

(Kính tặng Bố Mẹ nhân dịp Lễ Vàng 50 năm)

Cảm ơn áo cưới Bắc Ninh
Trầu cau Hà Nội tâm tình Thăng Long
Cảm ơn Yên Thái mận nồng
Câu thơ trường Bưởi gót hồng Cổ Ngư

Giọng hò Quan Họ lừng lơ
Cho sông Tô Lịch tương tư đò Hồ
Nắng chiều Yên Phụ ngẩn ngơ
Bước cô dâu mới nghiêng bờ Hồ Tây

Cảm ơn gió cảm ơn mây
Cảm ơn Trời Đất hòa dây tơ đồng
Xe duyên thắm buộc chỉ hồng
Suối nguồn êm ả mát lòng Thái Sơn

Ơn cha bền vững đá vàng
Ơn mẹ son sắt một lòng thuỷ chung
Nhân sinh một kiếp bềnh bồng
Câu cười tiếng khóc giữa dòng biển dâu

Cảm ơn nghĩa nặng tình sâu
Bến sông hạnh phúc nhịp cầu gian nan
Tạ ơn đôi cánh hạc vàng
Cúi dâng kính cẩn muôn vàn tri ân.

QUỲNH GIAO

hương xuân

tạp bút

Ban biên tập *Văn Học* nhắc nhở Quỳnh Giao về số Xuân với lời dặn dò: "Cho một bài gì vui vui nhé. Xuân mà!"

Xuân Nhâm Thân năm ngoái tôi đã viết về nhạc lấy cảm hứng từ một ca khúc của Phạm Duy, bản *Xuân Thì*. Câu chuyện vào Xuân năm nay bắt đầu bằng hương thơm . . .

Ở nhà, tôi thường được khen là có cái mũi và cái tai rất thính, có thể nhận được mùi thuốc lá khi chàng mới chỉ chạy về tới . . . ngoài ngõ, và cũng có thể đoán được chiếc lá rơi trên mái nhà, chứ không phải là . . . trái thông. Tôi cũng có thể đoán được tiếng đàn Claudio Arrau chứ không phải Alfred Brendel khi đạo *Impromptus* của Schubert. Và tôi vẫn thường làm bạn bè ngạc nhiên khi đột ngột nói đúng phóc hôm đó bạn tôi đang bôi nước hoa mùi gì . . . Tuy nhiên, cái gì cũng có luật bù trừ: ngoài tài năng "thiên phú" về thính và khứu giác, tôi rất tệ về thị giác! Ra đường thường không để ý đường xá, đi đứng hay vấp váp, mà tệ nhất là gặp người lạ thì toét miệng cười, còn gặp người quen thì vẻ mặt dăm chiêu (vì còn nghĩ xem có quen hay không). Bạn bè biết tật không ai dám nhờ tôi bấm máy hình hộ, vì tôi sẽ bấm bạn tôi đứng xéo một góc cạnh bản Stop to tướng, thay vì đứng trước cửa nhà có cây hoa hồng chẳng hạn. Tôi cũng chẳng phàn nàn gì vì không biết bấm máy hình thì mình được chụp hình!

Ngày Tết ở quê nhà, tôi vẫn thường bâng khuâng trong không khí phảng phất hương thơm rất nhà chùa của hoa huệ, mùi hăng hắc của cúc vạn thọ, lẫn với mùi trầm hương nghi ngút khói của bàn thờ tổ tiên. Cả cái mùi thơm

khen khét của xác pháo cũng rất gợi nhớ, không kém mùi dịu dàng của nếp, của đậu xanh và lá chuối trong tiếng lửa than tí tách của nồi bánh chưng ngoài sân nhà. Ôi quê hương, tuy xa mà rất gần. Tôi mường tượng mình chỉ cần ngửi được hương thơm nhẹ của một đóa huệ, cũng đã có cảm giác ngày Nguyên Đán, mặc quần áo mới mừng tuổi ông bà, cha mẹ . . .

*

Vào Xuân, chúng ta đọc và nghe nhiều về hoa xuân, xuân ca, xuân tình, cảnh xuân. Vì những phân trần nói trên về mùi thơm, và lại là người đặc biệt yêu thích nước hoa, thường hay tìm đọc những bài báo ngoại quốc về nước hoa, cũng như những câu chuyện bên lề của thế giới đầy hương thơm đó, tôi xin có vài cảm nghĩ về nước hoa, như một thứ hương xuân của một lời chúc vui đầu năm.

Những nhà khảo cứu có thể cho chúng ta biết là loài người bắt đầu biết dùng nước hoa từ thời nào. Mình chẳng cần biết rõ, và thấy đủ hài lòng nếu tưởng tượng ra hình ảnh một Cleopâtra tắm trong bồn, với các thị tì rải hoa thơm lên trên thân hình rắn chắc trong khi César sốt ruột đi lại bên ngoài. Gần hơn thì những phu nhân hay quý phi thượng cổ Trung Hoa có khi cũng có những khám phá về mãnh lực của hương thơm và bắt thiên hạ phục dịch đến nơi đến chốn. Trung Hoa đất rộng, kỳ hoa dị thảo cũng nhiều, và nghệ thuật sống thật cầu kỳ tất phải có những tìm kiếm khá độc đáo trong địa hạt đó.

Nhưng chắc chắn là phải thua người Pháp. Nói tới nước hoa, làm sao người ta không nghĩ tới nước Pháp?

*

Những người am hiểu mọi chuyện thường bình rằng dân Pháp ưa dùng nước hoa vì không . . . yêu nước và kỵ xà phòng. Mình nên coi đây là một thứ luật bù trừ, và nếu người Pháp có cái tật đó đến mức cống hiến cho chúng ta những sản phẩm thơm tho nhất thì cũng chẳng nên chê họ. Miễn là ta sống xa xa.

Hình như nổi tiếng nhất trong các hãng nước hoa của Pháp là Guerlain. Hãng này được thành lập từ hơn 160 năm nay, và trải qua năm thế hệ vẫn giữ một vị trí thơm ngát trong kỹ nghệ hương phẩm của thế giới. Cứ tưởng tượng ra một gia đình hay một phường xã Việt Nam, từ thời Minh Mạng, Tự Đức đến nay, trải qua bao cảnh dâu biển vẫn dứng đầu về nghệ thuật sản xuất ra một đặc phẩm nào đó, làm sao không thấy đáng yêu?

Cầm một vuông lụa hay một phiến quạt sản xuất từ nơi đó ra, và biết là khi xưa, Hồng Hà nữ sĩ hay bà Huyện Thanh Quan cũng đã nâng niu những vật trân quý đó, làm sao mình không thấy thích. Tôi nghĩ vậy vì nhà Guerlain, từ thời lập nghiệp đã hết sức ý nhị trong cách sản xuất riêng từng loại nước hoa cho từng nhân vật hay biến cố trọng đại. Nhà văn Honoré de Balzac mà chúng ta biết qua hình ảnh to và nặng như một Orson Welles, trong khung cảnh Pháp quốc ít xà phòng và kiêng tắm gội của thế kỷ trước, đã đặt riêng nhà Guerlain

một loại nước hoa cho mình khi ông viết *César Birotteau*. Hiệu *Eau de Cologne Impériale* cũng là do nhà Guerlain pha chế cho Hoàng hậu Eugénie năm 1853, gần trùng với thời Cao Bá Quát của ta. Sau chiến tranh thứ nhất, nhà Guerlain tung ra hiệu *Mitsouko* cho tới nay vẫn được trọng vọng. Tên nước hoa này có âm hưởng Nhật Bản là lẽ dễ hiểu, đó là tên một nhân vật nữ trong vở *Madame Butterfly* lúc đó đang được ngợi khen khắp Âu châu. Năm 1933, Guerlain tôn vinh nhà văn Antoine de Saint Exupéry với chai nước hoa hiệu *Vol de Nuit*, tên một tác phẩm của văn hào phi công này. Nhà văn nữ Francoise Sagan có một tác phẩm mang tên *La Chamade* (Nhịp tim loạn cuồng, Tiếng trống đầu hàng . . .) Năm 1969, nhà Guerlain tung ra hiệu *La Chamade* trong một chai pha lê hình trái tim, như giọt lệ. Khoảng mươi năm trở lại đây, nhà Guerlain tung ra mùi *Jardins de Bagatelle* là tên một lâu đài và một ngôi vườn dựng cho Hoàng hậu Marie Antoinette. Ở Paris, những người thích hoa *tulipe* (uất kim hương) thường hay thăm vườn Bagatelle vào mùa Xuân để ngắm hàng mấy trăm loại *tulipe* được trưng bày. Mùi thơm của *Jardins de Bagatelle* không có hoa *tulipe*, dĩ nhiên, nhưng có mộc lan (*magnolia*), hoa hồng, hoa sơn chỉ (*gardenia*), nhài, và tinh lộ của hoa cam . . .

Nhà Guerlain cho tới nay vẫn nổi tiếng nhất ở hiệu *Shalimar* mà bà mệnh phụ Việt Nam nào hình như cũng biết và cũng là nước hoa Âu châu thịnh hành nhất tại Hoa Kỳ. Y như hiệu *Trésor* của nhà Lancôme, *Shalimar* được ưa chuộng ở bên bên Mỹ này hơn là bên Âu châu. Tên nước hoa có nghĩa là "Nơi ngự trị của tình yêu" (hoặc dịch cho phong lưu là "Cõi tình", cho nôm na là "Tổ ấm" đều không đúng, đúng nhất phải dịch theo lối "thời trang nhạc tuyển" là "Lâu đài tình ái"). *Shalimar* thơm mùi chanh, hồng, nhài, hoa diên vĩ (*iris*), trầm, hoa cam-chanh (*bergamot*), và . . . va-ni, hèn chi mà ngon ngọt. Điểm đặc sắc nhất, chai *Shalimar* mang nét Đông Phương quý phái với nắp pha lê ánh xanh biếc, được vẽ kiểu bởi Raymond Guerlain và Baccarat. Baccarat nổi tiếng nhất thế giới về các nghệ phẩm bằng pha lê.

Điều cũng dễ hiểu, chai nước hoa được chế tạo để ngợi ca mối tình của một quốc vương Ấn Độ với nàng Mumtaz Mahal, nguồn gốc của cung điện Taj Mahal soi bóng trên mặt nước xanh, một trong những nơi danh thắng của thế giới.

Một hiệu nước hoa thứ hai của Guerlain là *Jicky*, được coi là loại nước hoa hiện đại đầu tiên của thế kỷ này. Theo thiển ý, *Jicky* cũng là loại nước hoa đầu tiên cả hai phái đều có thể dùng được và sở dĩ như vậy là vì thơm nồng nàn mà trẻ trung, và có mùi nhiệt đới ở vị cam-chanh (*bergamot*), oải-hương-nhu (*lavande*), chanh, bạc hà, trầm và hoa *rosemary* (chữ này thì phải nhờ tới các nhà khảo cứu về thảo mộc học!) Đây là loại nước hoa cổ nhất vẫn còn lưu hành, được pha chế từ năm 1889. Nghĩa là năm năm sau hòa ước Patenôtre ở nước ta, và còn xưa hơn cầu Long Biên ngoài Hà Nội. Tôi ngửi được mùi *Jicky* từ ngày ông ngoại tôi còn sống, và sau này lúc mẹ tôi còn trẻ, nên bây giờ cứ

thoáng ngửi đến *Jicky* là cả một thời thơ ấu như hiện trở lại. Đúng là "hương gây mùi nhớ".

Với trí tưởng tượng riêng, tôi nghĩ Audrey Hepburn trong phim *Vacances Romaines* rất thích hợp với *Jicky*. Nhưng Rita Hayworth trong *Gilda* thì phải dùng *Shalimar* . . . Bạn đọc còn nhớ, sinh tiền, có thời Rita Hayworth từng là vợ một ông hoàng Trung Đông không? Cũng trong khuynh hướng tôn vinh những mùi thơm rất Đông phương, gần đây, Guerlain đã tung ra mùi *Samsara* và bắt đầu trở thành thịnh hành.

So với các hãng khác nổi tiếng nhờ một hai mùi danh tiếng, Guerlain có gần hai chục hiệu thịnh hành, và đa số các chai nước hoa được nhà Baccarat vẽ kiểu. Ngắm chai nước hoa không thôi, người ta đã thấy được cái đẹp và thầm cảm ơn những nghệ sĩ đã pha chế ra hương thơm độc đáo đựng trong một khối trong vắt những nét thanh quý diễm kiều.

Viết hơn nữa thì e rằng mình sẽ thành đại lý phát hành cho nhà Guerlain mất . . .

*

Nói tới nước hoa, người Việt mình cũng nghĩ ngay tới Chanel và những mùi mang tên là những con số, số 5, số 19, số 22. Những người hơi lớn tuổi thì thích Chanel số 5, trẻ hơn thì thích số 19 và 22, và có tinh thần thể thao, hoạt động ngoài trời thì thích mùi khoáng đạt của *Cristalle*. Ở Âu châu, dường như mùi *Coco* rất được yêu thích, vì là mùi mới nhất của Chanel.

Người sáng lập, bà Gabrielle Chanel sinh năm 1883, hòa ước Quý Mùi tại Việt Nam, và mất năm 1971, năm của Lam Sơn 719 cho những ai chưa quên những năm tháng diêu linh của xứ mình. Bà là người mồ côi từ ấu thời và nổi tiếng với tên *Coco*, đầu tiên là về thời trang, sau đó là về một cuộc sống đam mê sôi nổi. Năm 1969, sân khấu Broadway đã tung ra một vở ca vũ nhạc mang tên *Coco* viết về cuộc đời của bà. Cho tới nay, những phụ nữ quý phái Âu châu và cả Hoa Kỳ vẫn còn ưa chuộng y phục kiểu Chanel, đắt tiền và hơi cổ điển. Mùi nước hoa của Chanel cũng có đặc tính kín đáo đó. Hương thơm vốn là một sự hiện diện vô hình. Chanel chủ trương là y phục hay nước hoa cũng vậy, phải kín đáo nhẹ nhàng mới thật là quý phái.

Marilyn Monroe là một người đẹp, và dù không nổi tiếng về nét quý phái vẫn là người ý nhị: khi được hỏi là mặc gì lên giường ngủ, nàng đã trả lời, "Chanel số 5". Ai có muốn ước mơ tiếp về làn thơm trong suốt của số 5 thì cứ việc, chỉ cần biết là từ 1959 rồi cơ, viện bảo tàng Museum of Modern Art của Nữu Ước đã chọn chai Chanel số 5 trong các nghệ phẩm được thường thực triển lãm tại đây. Ai bảo người Mỹ kém về nghệ thuật đâu?

Khác với nhà Guerlain trình bày nước hoa trong những chai thủy tinh mang nét yểu điệu cầu kỳ, nhà Chanel thường dùng những chai hình vuông hay chữ nhật, hết sức đơn giản mà thanh cao. Đúng là nét quý phái kín đáo kiểu Chanel.

*

Khi thành phố bắt đầu ăn nên làm ra, nước ta cũng bắt đầu biết đến Dior.

Nhà Christian Dior nổi tiếng đầu tiên từ thời trang. Người sáng lập tốt nghiệp Sciences Politiques ở Paris vào cuối thập niên 1920 và bỏ dự tính đi vào ngành ngoại giao mà lang thang vào nghề triển lãm họa phẩm của các bạn. Như Jean Cocteau hay Dali. Sau đó thì kết bạn với âm nhạc và những nhạc trưởng nổi tiếng như Darius Milhaud hay Francis Poulenc, Henri Sauguet. Kế tiếp, như nhiều nghệ sĩ Việt Nam, chàng xoay sang làm báo. May là không viết, mà chỉ phụ trách phần trình bày trang kiểu mẫu.

Bắt đầu từ 1938, Christian Dior bắt tay vào nghề vẽ kiểu, và cái bắt tay không rời kéo dài gần hai mươi năm, cho tới khi tạ thế. Nhà Dior nổi tiếng về những kiểu táo bạo, và tinh thần tiên phong khai phá. Những hiệu nước hoa đầu tiên của Dior là *Miss Dior* được tung ra năm 1947, mùi *Diorama* năm 1949, và mùi nổi tiếng nhất tại Việt Nam là *Diorissimo* được pha chế năm 1956. Tôi có cô bạn gái, ngày Tết đi chợ hoa, đứng cạnh một thanh niên đang tìm lời lẽ để làm quen nàng. Cậu ấy hỏi nàng dùng mùi nước hoa gì mà thơm giống hoa thủy tiên vậy . . .? Cậu ấy không biết là *Diorissimo* được pha chế bởi hoa nhài, hoa hồng, hoa ylang-ylang và hoa . . . thủy tiên dại.

Ngoại trừ *Diorella* và *Dioressence* thoang thoảng vị thanh và hăng rất hợp với Á Đông nhiệt đới, các mùi khác của Dior thường khá ngọt và có lẽ vì vậy mà hợp với phụ nữ Âu Mỹ hơn.

Nhưng, mùi thơm cũng như âm nhạc, mỗi người mỗi sở thích và hình như là mỗi tạng người lại riêng hợp với một số mùi. "Hãy nói với tôi bạn thích mùi gì, tôi sẽ nói bạn là ai . . ." Câu này chưa ai dám nói cả, vì rừng nước hoa thì nhiều, mà dịch tuyến mỗi người lại mỗi khác. Một chị bạn chẳng hạn, cứ than phiền là mỗi lần dùng hiệu *Poison* của Dior thì lại thấy mình thơm mùi . . . tỏi. Hạch bài tiết của mỗi người nghe chừng như tiếp tục làm việc pha chế mùi thơm xức trên da nên mới có những trường hợp biến hương bất ngờ như vậy.

*

Những người Pháp sành điệu thì yêu thích nhà Caron, nổi tiếng đầu tiên không nhờ thời trang mà chỉ chuyên về nước hoa, được thành lập từ đầu thế kỷ và phát đạt lên từ những năm 1910 trong một khu thanh lịch nhất của Paris. Mùi thơm nổi tiếng nhất của Caron là *Fleurs de Rocaille*, tung ra năm 1933 và thành loại cổ điển, tiêu biểu cho nước thơm chế từ hoa. Nói vậy vì người ta còn phân biệt với các mùi và vị khác, trong đó có cả mùi gỗ thông, trầm, sả, gừng, tiêu, và dĩ nhiên cả trái cây. Y như nhà Guerlain, Caron rất chú trọng tới việc vẽ kiểu chai, và các lọ nước hoa của họ là những tác phẩm nghệ thuật mang tên Baccarat hay Lalique. Chai *Fête des Roses* do Baccarat vẽ kiểu, nay đã trở thành một cổ vật cho những nhà sưu tầm. Chai *Rose de Noel*, sau đổi tên thành *Voeux de Noel* thì được nhà Lalique vẽ kiểu. Y như Baccarat, pha lê của Lalique là những nghệ phẩm nổi danh của Pháp.

Nhà Caron từng được Bảo quốc Huân chương Pháp vì những thành công trong lãnh vực xuất cảng và quảng bá nước hoa trên toàn thế giới. Sau khi Đệ

Nhị Thế Chiến bùng nổ, người sáng lập là Ernest Daldroff di tản sang Hoa Kỳ và mất tại Mỹ hai năm sau. Nhưng Caron hiện vẫn là một ngôi sao sáng trong kỹ nghệ nước hoa của Pháp.

*

Trong các hiệu nước hoa, có một nhà mang tên không có vẻ Pháp chút nào là Balenciaga. Nguồn gốc người sáng lập (Critobal Balenciaga) là Tây Ban Nha, sinh từ cuối thế kỷ trước và vào năm 1937 nội chiến Tây Ban Nha khiến bà rời cơ ngơi tại Madrid và Barcelona qua tỵ nạn và lập nghiệp tại Paris.

Trụ sở của nhà Balenciaga tọa lạc tại số 10 Avenue George V trong khu vực sang trọng của Paris. Mình biết vậy vì Balenciaga tung ra hiệu nước hoa *Le Dix* để ghi nhớ nơi lập nghiệp tại Paris. Balenciaga cũng là nơi nhiều nhân tài của thời trang Pháp đã tới thực tập hay làm việc trước khi nổi danh, như Hubert de Givenchy, André Courège hay Emanuel Ungaro. Nghệ thuật y trang của Balenciaga đã vào tới Viện Bảo tàng Thời trang của Metropolitan Museum of Art ở Nữu Ước.

Cũng như Balenciaga nguyên quán từ Tây Ban Nha và nổi danh tại Pháp, Maria Nielleci là một phụ nữ Ý Đại Lợi sinh trưởng tại Turin năm 1883 và di cư sang Pháp, lập ra nhà Nina Ricci nổi tiếng về thời trang ngay vào đầu thập niên 1930. Con trai bà nối nghiệp và tung ra hiệu nước hoa đầu tiên năm 1946 mang tên *Coeur Joie* có mùi hơi ngọt. Nước hoa Nina Ricci được biết nhiều nhất có lẽ là *L'Air du Temps* với nút chai là hình đôi chim trong dáng dấp uyên ương do Lalique vẽ hiểu. Lalique cũng vẽ hiểu chai *Fleurs de Fleurs* hình tròn dẹp có trạm hình hoa mờ cách điệu hóa rất tinh vi. Nhưng, *Farouche* của Nina Ricci mới đúng danh nghĩa là hương thủy với khoảng hơn một trăm mùi thơm pha chế với nhau, và có đặc tính bôi càng lâu càng tỏa thêm những hương thơm tinh tế bên trong.

*

Đắt nhất trong các loại có lẽ là chai pha lê đựng nước hoa *Joy* của nhà Jean Patou, là hợp chất của hoa nhài và hoa hồng xứ Bulgaria cùng hơn một trăm mùi tinh chế khác nhau.

Jean Patou là nhà may đã giải phóng phụ nữ, ngay từ đầu thập niên 1920 với những kiểu ngố ngáo, ngắn gọn đầy nam tính dành cho phái yếu. Bộ váy và áo ngắn tay đánh quần vợt đầu tiên là do Jean Patou tung ra, làm dư luận thời đó xôn xao không ít. Cũng từ 1920, Jean Patou là nhà đầu tiên lập kế hoạch chinh phục nước Mỹ, vừa mở bảng hiệu bên Mỹ vừa thuê nữ kiểu mẫu người Mỹ qua Pháp trình diễn thời trang, làm dân Pháp xôn xao cũng không kém. Năm 1925, Jean Patou bước vào lãnh vực nước hoa với mùi *Amour Amour* và từ đó ngự trị trên nghệ thuật hương phẩm của Pháp như một hiệu cao quý và cao giá nhất.

Nước hoa nguyên chất *Joy* của Jean Patou, loại đặc sản như nước mắm nhĩ của ta, được đựng trong một lọ pha lê của Baccarat, và là loại đắt tiền nhất.

Tung ra từ 1930, *Joy* vẫn làm các phụ nữ quý phái say mê, và người ta dùng loại phổ thông hơn, tương đối "rẻ" hơn, trong lọ màu đen, nắp đỏ, chạy chỉ kim tuyến vàng, cũng do Baccarat vẽ kiểu. Riêng tôi vẫn có cảm tưởng *Joy* chỉ thích hợp cho phụ nữ kiểu cách mà khêu gợi.

Marcel Rochas là nhà sản xuất nước hoa có mùi hương rất quyến rũ. Mùi *Femme* của Rochas làm từ năm 1944 cho đến nay vẫn còn được yêu chuộng là quà cưới ông sáng tác để tặng Hélène, vợ ông. Tại Việt Nam, mùi Rochas phổ thông nhất có lẽ là *Madame Rochas*. Vào đầu thập niên 1970, tại Việt Nam, các bà ưa chuộng mùi này đến nỗi bước vào một phòng trà ca nhạc, người ta có cảm tưởng có đến mười madames Rochas ngồi trong đó! Vì các bà chiếu cố *Madame Rochas* nên các ông thanh lịch cũng phải tìm *Monsieur Rochas* về bồi cho xứng. Rochas còn có sản xuất mùi *Eau de Rochas*, dùng cho cả nam lẫn nữ, giống như *Jicky* của Guerlain, thơm nhẹ và tinh khiết. Marcel Rochas mất năm 1955, và bà Hélène đảm nhận coi sóc cả công ty. Mùi mới nhất của nhà Rochas là *Bizance*, hiện đang được phụ nữ Âu châu yêu thích vì hương thơm rất kiêu kỳ.

Phái nam ưa thích kiểu diêm dúa và mùi thơm hơi ngọt thì thường chọn nhà Lanvin. Người sáng lập là bà Jeanne Lanvin học khâu từ năm 13 tuổi và nổi danh từ cuối thế kỷ trước với những kiểu áo vẽ cho con gái, sau này là một tay chuyên trị về áo cưới. Nhà Lanvin hiện con gái bà điều khiển (nữ Bá tước de Polignac) cũng nổi tiếng về nước hoa, một thời được giới thượng lưu ưa chuộng.

Lúc còn học trường Quốc Gia Âm Nhạc, bọn trẻ chúng tôi thường dùng mùi *Arpège*, chỉ vì cái tên liên quan đến âm nhạc! Lanvin còn có mùi *My Sin*, một trong những mùi cổ điển vẫn thịnh hành. Các mùi nước hoa của Lanvin, theo mũi của tôi, đều mang mùi hạnh nhân, hơi gắt nhưng thơm lâu, và càng lâu mùi càng dịu.

Danh tiếng nhất của Pháp về thời trang, khăn lụa, *cravate* có lẽ là nhà Hermès, nổi bật với những nghệ phẩm rất xa xỉ bằng da. Nhà Hermès xuất phát từ ngành sản xuất yên cương trong thế kỷ trước và bành trướng sang các ngành khác vào cuối thế kỷ nhưng vẫn hay chọn mô-típ trang trí là những hình về ngựa, xe ngựa và nghệ thuật kỵ mã.

Hermès là loại nước hoa tôi ưa chuộng nhất, nên . . . chẳng viết vào đây.

*

Những nước hoa nổi danh thì có khoảng hơn hai trăm, của gần sáu chục hãng khác nhau, mà gần năm mươi hãng là của Pháp. Hầu hết đã thành danh từ thế kỷ trước hay ít nhất cũng từ vài chục năm nay. Hoa Kỳ có nhà Estée Lauder là chuyên về mỹ phẩm, nhưng cũng nổi tiếng với vài hiệu nước hoa như *Private Collection*, *White Linen* hay gần đây hơn, chai *Cinnabar*. Bà Estée Lauder được coi là thuộc mười phụ nữ thành công nhất về doanh nghiệp năm 1970, nhưng nước hoa của Lauder thì vẫn chưa nổi danh như những hiệu xuất phát từ phía bên kia Đại Tây Dương. Ý Đại Lợi thì có các nhà Gucci và Gior-

gio Armani với thời trang rất được giới trưởng giả và *yuppies* Hoa Kỳ ưa chuộng, nhưng về nước hoa thì vẫn chưa lên tới đỉnh cao của các nhà kia.

Tôi không muốn dài dòng thêm về những nhà Balmain (có những mùi *Vent Vert* nhẹ nhàng thanh lịch, mùi *Jolie Madame* ngọt và ngổ, mùi *Miss Balmain* thích hợp cho các thiếu nữ); nhà Givenchy danh tiếng về thời trang (có nước hoa đầu tiên là *L'Interdit* pha chế cho Audrey Hepburn từ 1957 và mùi *Ysatis* ghép tên con của nữ thần tình ái Aphrodite, nhân vật Yseult yêu thích hướng lạc và nàng Isis nữ thần sinh sản của thần thoại Ai Cập); nhà Carven có một mùi *Ma Griffe* dịu dàng chứ không móng sắc thương đau chút nào. Ngoài ra, còn Yves Saint Laurent (mùi càng ngày càng ngọt rất hợp với Mỹ), Pierre Cardin (kiểu càng ngày càng Hương Cảng) hoặc Bourjois (mùi thơm mang tiếng là "nước hoa thợ cạo" ở nước ta, tai ác thật!); hoặc Coty (thơm mùi phấn), Cacharel (áo quần đẹp hơn nước hoa) . . .

*

Gần đây, người ta thấy nhiều hiệu nước hoa xuất hiện từ những ngành sản xuất khác.

Người ta có thấy nhiều nhà kim hoàn đi vào thị trường nước hoa bằng con đường dát vàng. Van Cleef & Arpels tung ra mùi *First* và *Gem* được giới trẻ ưa thích dù không rẻ. Nhà Boucheron nổi danh về kim hoàn và đồng hồ đắt tiền cho phụ nữ thì có mùi *Boucheron* tôi cho là không thua kém gì những mùi quý phái của các nhà chuyên sản xuất nước hoa đã nói ở trên. Nhà Tiffany cũng có mùi *Tiffany* . . . Trong lãnh vực kim hoàn, người ta phải nói tới Cartier, nguyên là tên một nhà thám hiểm Pháp. Cartier lừng lẫy về đồng hồ, trang sức và bật lửa đắt tiền nhất đã tung ra một loạt những vật trang sức quý phái với tên *Les Must de Cartier* (những vật không thể thiếu của người lịch lãm) và vài năm sau, nước hoa *Must* đã được tung ra, sau đó là *Panthère* và ca mùi *Santos* cho phái nam.

Sau này, những tài tử thành danh trong nghệ thuật trình diễn và muốn thành công luôn trong kinh doanh cũng xoay sang nghề sản xuất mỹ phẩm và nước hoa. Đó là những trường hợp của Elizabeth Taylor hay Cher ở bên Mỹ, Alain Delon hay Catherine Deneuve ở bên Pháp, Julio Iglesias gốc Tây Ban Nha. Nói chung, giá họ cứ ở trong lãnh vực diễn xuất hay ca hát thì hơn. Nhưng, về mặt tài chánh mà nói, có khi họ kiếm được khá tiền nhờ tên tuổi trên nhãn chai: Nhiều người cầm chai nước hoa lại thấy mình cũng quyến rũ trong vẻ lạnh và buồn như Deneuve, dâm ra ham. Hiện tượng này khá phổ biến ở Hoa Kỳ là nơi dân tình cứ hay tự vinh danh mình bằng cách tự phóng vào những nhân vật thời danh trên sân khấu.

Cùng với hiện tượng này mà chẳng liên quan đến nhau là cách đặt tên nước hoa vô cùng . . . khiêu khích. Người ta chọn những tính và tật xấu đặt tên cho nước hoa, thế có vui không.

Đi tiên phong trong cách đặt tên táo bạo chính là nhà Lanvin, với nước hoa tên *My Sin* (Tội lỗi của tôi), tung ra từ 1927. Nhưng, gần đây thì hiện tượng

trở thành phổ biến hơn, với những tên hiệu gay cấn hơn. Thí dụ như "Độc dược", *Poison* của Dior, có nhà thì đi ngay vào cấm địa với tên *Opium* (Yves Saint Laurent) hay *Bandit* (Robert Piguet). Hiền lành lắm thì cũng lấy tên là *Clin d'Oeil* (Bourjois) hay *Obsession* (nhà Calvin Klein đất Mỹ mới chập chững vào nghề sau này). Táo bạo và gợi cảm hơn cả có tên *J'ai Osé* (Tôi đã dám) của nhà Guy Laroche. Guy Laroche còn tung ra hiệu *Fidji* là tên hải đảo nhiệt đới rất hiền lành, nhưng lại quảng cáo với hình người mẫu quấn con trăn quanh cổ. Thấy cũng bị *Choc* (Pierre Cardin)! Y như một người Anh quý tộc, mình có than thầm về những tên kia là *Shocking* thì lại trùng tên nước hoa của Schiaparelli!

Đã xa rồi thời người ta chọn những tên kiêu diễm hoặc thiên về âm nhạc đặt cho các hiệu nước hoa (như *Arpège* của Lanvin, hay *Baiser du Faune* của nhà Molinard). Ngày nay, giới kinh doanh dùng đàn bà như điển hình của trái cấm và gợi lên những ẩn ức phá thể nhất để chinh phục . . . túi tiền phụ nữ. Nghe nói là tại Hoa Kỳ phong trào các bà tranh đấu cho nữ quyền đang nở rộ với đệ nhất phu nhân sắp vào toà Bạch Cung. Sẽ có ngày họ gây với giới làm nước hoa về cái thói đem tội lỗi ra nhử phụ nữ, coi phụ nữ như vật trang sức và nguồn gốc của những gì độc hại nhất. Giới nữ lưu tích cực đó chắc là chỉ thích loại nước hoa cay và nồng mùi sả, trầm, chanh, hồ tiêu và . . . ớt chỉ thiên của ta.

Ngày Xuân tán nhăng tán cuội về một sở thích của mình như thế này đã quá dài nên tôi không dám dùa dai. Chỉ mong bạn đọc, nhất là các bạn gái yêu nước hoa tìm thấy được một vài điều thú vị. Nếu các bạn được người của bạn cho là bạn được trời cho hương thơm thiên phú như nàng Hương được xoa Mộc Uyển Thanh của Kim Dung, chẳng có mùi nước hoa nào thơm hơn, thì bạn là Joséphine của Napoléon rồi. Các hãng nước hoa sẽ buồn lắm đấy! □

NGỮ AN

xuân vô lượng

xuân vô lượng tuổi em ngày đó
hoa tàn nguyệt tận nhớ chi nhau
có nụ hoa hồng trong tay giấu
sớm dửa sợ nở ngát hương sầu

TRẦN MỘNG TÚ

mặt trời lặn

truyện ngắn

Tôi được sở gửi đi tu nghiệp một tuần ở Florida, người bạn gái đồng nghiệp, đem đến một gói quà, gói rất đẹp, nói:

– Mẹ tôi nghe nói chị đi Orlando, Florida, cụ gửi chị gói quà nhờ đưa hộ cụ bạn hàng xóm cũ. Tôi biết chị chỉ có lớp vào buổi sáng thôi, buổi chiều tha hồ đi thăm thành phố, nên tôi nhận thêm việc cho chị đấy, có bằng lòng không?

Tôi vui vẻ nhận lời ngay, thành phố lạ, có thêm một chỗ để đi, một người để thăm (dù là cụ già đi chăng nữa). Chị bạn đưa tôi địa chỉ nhưng lại quên viết số điện thoại của người nhận quà, nên tôi dành phải đến mà không báo trước (có gọi về sở rồi mà không gặp chị).

Ngay hôm đầu, buổi trưa ở lớp học ra tôi đã tìm đến gặp bà cụ Debbie để trao gói quà, xem bản đồ thì cũng không xa lắm, tôi có thể đến đó bằng xe *bus*. Đó là một khu phố cũ nằm thụt xuống một thung lũng, trông xa như ngôi làng bị bỏ quên.

Căn nhà gạch nhỏ, kiến trúc theo lối xưa, mái và tường trông có sắc rêu, nhưng chung quanh thì cây cỏ được cắt tỉa gọn gàng, trước cửa có trồng hoa và thấp thoáng ở vườn sau những bóng cây xanh mướt. Tôi nhìn kỹ số nhà một lần nữa cho đúng, sửa lại cái nơ trên gói quà cho ngay ngắn, rồi mới đưa tay bấm chuông. Cửa mở, tôi ngạc nhiên không phải là cụ Debbie trên 60 tuổi như chị bạn đã tả, mà là một người đàn ông trẻ, khoảng ngoài 30 tuổi. Tôi ngập ngừng hỏi:

– Thưa, đây có phải là nhà bà Debbie? Người đàn ông niềm nở mở rộng cánh cửa.

– Đúng rồi, xin mời cô vào, Debbie đi chợ với con gái, chừng nửa tiếng nữa sẽ về.

Tôi định đưa gói quà rồi về, nhưng thấy không tiện, vì nghĩ có lẽ bà Debbie cũng muốn nhắn nhủ vài câu. Hơn nữa đến đã không báo trước mà lại về ngay không trao tận tay người nhận thì cũng hơi vô lễ, nên tôi theo người đàn ông vào phòng khách. Ông ta tự giới thiệu:

– Tôi tên là Albert, chồng của Debbie.

Tôi định há miệng ra ngạc nhiên, nhưng kìm lại được ngay, lúng túng đáp lễ.

– Tôi là Tâm, ông cứ gọi là Tammy cho dễ, bà Sandy, mẹ của chị bạn tôi, nhờ tôi đem gói quà này cho bà Debbie.

Albert vui vẻ nói:

– Tôi nhớ rồi, bà Sandy là bạn hàng xóm cũ của chúng tôi, ngôi nhà bà Sandy ở xéo góc đường bên kia. Debbie thân với Sandy lắm. Hai cô con gái của họ cũng là bạn của nhau.

– Cô Tammy uống nước cam nhé! Albert nhanh nhẹn vào bếp lấy ra cho tôi một ly nước cam. Anh ngồi xuống chiếc ghế đối diện với tôi. Ánh nắng từ khung cửa sổ sau lưng anh nhẩy múa lấp lánh trên mái tóc dày màu nâu đỏ, đậm như mật ong, hai con mắt anh trong vắt, xanh màu ve chai, bờ vai anh rộng và đầy, chiếc áo thung cụt tay khoe hai cánh tay săn chắc khoẻ mạnh, cặp môi anh đầy, hồng nhuận, cái miệng rộng. Cả người anh toát ra cái vẻ đẹp lành mạnh đầy nam tính. Bất giác tôi thấy hai tai mình nóng ran.

Albert không biết là mình đang bị ngắm nghía, anh hồn nhiên nói:

– Tôi với Debbie vừa đi Hawaii về, chúng tôi nghỉ hè ở đó một tuần. Thích lắm. Nếu cô chưa đến Hawaii bao giờ thì nên đi cho biết. Xem mặt trời lặn trên biển thì không biết tả thế nào cho đúng được. Mỗi người sẽ nhìn một cách khác nhau. Debbie thì bảo: Trông như một dám cháy đang được dập tắt bằng cách kéo xập xuống biển, nghe có vẻ được giải thoát. Tôi thì bảo: Trông như một ông khổng lồ vừa uống rượu xong thì trầm mình tự tử, nàng bảo ý tưởng đó hung hãn quá. Cô thấy ai đúng hơn?

Tôi cười bảo:

– Cả Debbie và anh đều có thể làm thi sĩ được, nói nghe như làm thơ vậy. Albert lại miên man nói tiếp về Debbie không cần đợi tôi hỏi. Anh kể cho nghe những sở thích của Debbie, những tính nết đáng yêu của nàng. Nàng nấu món gì ngon nhất, nàng hay hát bài hát nào vào buổi sáng, hay xem đài truyền hình nào buổi tối, thích mặc áo màu gì. Khi anh nói, hai mắt anh sáng bóng lên, miệng anh mỉm cười, trông anh hạnh phúc quá, làm tôi thắc mắc. Tại sao một người trẻ trung khoẻ mạnh như anh lại có thể lấy một người già như bà cụ Debbie làm vợ và yêu vợ đến mức như thế được. Tôi chưa gặp Debbie bao giờ nhưng được biết là bạn của bà Sandy và đã trên 60 tuổi thì không có cách nào mà "xứng đôi, vừa lứa" với Albert cho được. Không biết có phải đọc được ý nghĩ trong đầu tôi không, anh đứng lên bảo:

– Để tôi lấy cho cô xem tấm ảnh hôm chúng tôi chụp ở Hawaii lúc mặt trời lặn, cô sẽ thấy tôi và Debbie ai tả cảnh đúng hơn ai và để cô biết mặt nàng trước khi gặp.

Anh đi nhanh vào nhà trong đem ngay ra cho tôi một tấm ảnh, có lộng kính, loại để ở đầu bàn ngủ. Trong hình là một cặp vợ chồng trẻ tôi nhận ngay ra anh với mái tóc mật ong, cặp mắt ve chai và cái miệng rộng. Người đàn bà

trong hình thì không phải bà lão ngoài 60 như tôi được cho biết, mà là một phụ nữ trạc tuổi anh, cũng trẻ đẹp và đầy sức sống. Nàng có mái tóc vàng, mắt xanh nước biển, nụ cười tươi, có một bên má lúm đồng tiền. Bức hình chụp hai người đứng ở bãi biển, sau lưng họ, mặt trời đỏ rực đang ngâm một nửa mình dưới nước xanh (mặt trời trong hình thì không bao giờ lặn hết được) tôi kêu thầm trong đầu: "Chết rồi! nhầm nhà rồi, trùng tên rồi! Tôi vội đưa tấm hình trả lại anh, định giơ tay cầm gói quà xin lỗi về, thì, có tiếng xe ngừng trước cửa Albert hấp tấp nói:

– Debbie về rồi, tôi phải đi ra vườn đây. Và anh khuất ngay sau cánh cửa bếp. Tôi còn đang ngẩn người ra chưa biết phải làm gì thì cửa đã mở, một bà cụ già, đúng là ngoài 60 đứng trước mặt tôi, cụ nhìn tôi một giây, hỏi.

– Cô là cô Tammy phải không? Tối qua bà Sandy có gọi điện thoại cho tôi, nói là cô sẽ đến. Tôi xin lỗi đã để cô phải chờ, tôi không biết là cô đến lúc nào, nên khi con gái tôi sang đón tôi đi chợ, tôi có dán mảnh giấy ở cửa và để cửa cho cô vào. Chắc cô có đọc mảnh giấy rồi chứ?

Tôi lễ phép:

– Thưa bà không, ông Albert đã mở cửa cho tôi vào uống nước, trò chuyện để chờ bà. Cụ Debbie ngồi ngay xuống cái ghế của Albert ngồi lúc nãy, nắng ở cửa sổ phía sau lưng bà cụ hắt lấp lánh lên mái tóc đã bạc trắng, hai con mắt bà vẫn còn màu xanh nhưng mí mắt đã sụp xuống làm cho nhỏ đi, da mặt bà có nhiều nếp nhăn, khi bà nói hàm răng giả của bà trông thật đều đặn, hai vai bà hơi so lại, ngực bà mỏng. Bà ngồi gọn thõn vào lòng ghế. Giọng bà thờ thẫn:

– Albert lại về à? Bà run rẩy cầm bức hình ở bàn nước lên. Anh ấy chắc lại kể cho cô nghe chuyện mặt trời lặn ở Hawaii, phải không? Cứ bao giờ có người lạ mặt đến không có tôi ở nhà thì anh ấy cũng về, để kể lại câu chuyện chúng tôi đi Hawaii, 30 năm rồi đó cô. Lúc đó chúng tôi mới lấy nhau được hai năm, con gái chúng tôi mới lên một. Hai vợ chồng gửi con cho mẹ, dắt nhau đi Hawaii chơi một tuần. Chiều hôm cuối cùng, trước khi về, mấy người bạn mới quen rủ chúng tôi lên thuyền đi ra giữa biển. Albert uống rượu say, ngã xuống nước lúc nào không ai biết, đến khi phát giác ra là mất anh ấy thì mặt trời vừa lặn, tối quá mà lại ở khá xa bờ nên không có cách nào cứu được. Đến hai hôm sau thì anh ấy mới giạt vào bãi. Không biết khi rơi xuống nước anh ấy có còn đủ sức để kịp nhìn cảnh mặt trời lặn trên biển lần chót hay không?

Bà cụ nói một hơi dài, nói xong bà nhắm mắt lại, hai con mắt của bà, làn da ở đuôi mắt cúp xuống trông như hai giọt lệ khô, nét mặt bà toát ra một vẻ buồn bã, bàn tay vẫn cầm tấm hình đặt giữa lòng.

Tôi đứng phắt dậy, chạy ngay ra khỏi nhà, quên cả chào bà. Tôi chạy thật xa, thật xa ra khỏi khu phố đó. Tôi nghe như có tiếng Albert gọi ở đằng sau lưng, "Cô Tammy, cô Tammy", hai chân tôi như muốn rủ lại, tôi ngã chúi xuống, đứng lên, chạy tiếp . . .

Từ đó không bao giờ tôi còn dám nhận đi tu nghiệp ở Florida nữa. □

NGÔ NGUYÊN DŨNG

chờ trăng lên cuối năm trên đồi phục sinh

truyện ngắn

Má thương yêu,

Con viết lá thơ này gởi má, báo một tin vui: bắt đầu từ tháng giêng năm tới, hãng con làm việc tại đây sẽ cử con về Việt Nam điều hành một chi nhánh bên đó. Con mừng quá. Sau hai mươi năm xa nhà, con sắp sửa được gặp lại má và tất cả anh chị em. Lại có dịp ăn Tết chung với gia đình. Giá như ba còn sống...

Viết tới đó, Thứ mềm lòng. Chữ nghĩa khựng lại trên trang giấy lụa xanh. Chàng buông viết, hai tay ôm đầu, mắt nhìn di ảnh cha đóng khung đặt trên bàn. Khuôn mặt ấy, giọng nói ấy vẫn còn dậm nét trong trí nhớ Thứ. Tấm ảnh nhoè đi, lung linh chừng như cử động.

Cánh cửa sau lưng Thứ xoạt mở, giọng Doris nói như hét:

– Thứ! Hôm nay tới phiên mày rửa chén!

Thứ quay lại, khoé mắt long lanh. Doris nhíu mày, nhận ra tờ thư xanh phơi dưới trũng đèn sáng. Nàng bước lại, dịu dàng đặt tay lên tóc Thứ, vc vuốt:

– Ô, bê-by cưng, lại biên thư, lại nhớ nhà rồi phải không?

Thứ áp má sát bụng đứa con gái, gục gặc đầu. Giọng Doris vẫn mềm mại:

– Bê-by cưng sắp về bên đó rồi, đáng lẽ phải vui lên chớ!

– Tao buồn vì nhớ tới cha.

Doris đẩy đầu Thứ ra, giữ khuôn mặt chàng giữa hai lòng tay, tỉ tê:

– Mày coi tao nè! Ba tao qua đời lúc tao còn nhỏ xíu. Lớn lên tao dọn nhà ra ở riêng, mà tao có nhớ nhung gì đâu. Không phải tao là người vô tâm, nhưng tao có cái lẽ sống của riêng tao. Đâu có ai sống hai lần!

Thứ xô ghế, đứng dậy, lắc đầu:

– Thôi, dẹp cái triết lý hiện sinh bất cần đời của mày lại. Tao đi rửa chén đây!

Doris nhún vai:

– Làm như đời sống của mày thánh thiện dữ . . . A, khi nãy có Thomas gọi lại.

Thứ khựng chân nơi ngưỡng cửa, quay lại hỏi:

– Hồi nào, sao không kêu tao?

– Lúc đó mày chưa về.

– Nó nói gì?

– Nó báo, cuối tuần này không tới được vì phải đi công vụ xa.

Thứ xoay lưng bước vào nhà bếp, lầm bầm:

– Lại công vụ xa!

Khi Thứ xả nước vào bồn, thò tay vấy lăn nước ấm, mặt ngước nhìn ra ô kính cắt vòm trời đêm một mảnh chữ nhật, chàng thấy khuôn trăng chưa đầy treo lơ lửng. Mỗi lần nhìn trăng, tâm hồn Thứ lại nhen nhúm cháy. Một niềm xúc động mơ hồ, mỏng manh như sương mà đủ sức gây gió bão trong lòng chàng. Doris vẫn thường mắng yêu: "Mày giống đàn bà quá Thứ ạ, gì cũng ứa nước mắt được hết! Coi tao nè, đã mấy năm sống chung với nhau, có khi nào mày thấy tao khóc chưa?" Có lẽ vì tính khác biệt ấy mà chàng và Doris chấp nhận nhau dễ dàng, mặc dù đời sống của hai người là hai thế giới riêng lẻ. Doris với tính nóng nhiệt dồn dập. Còn Thứ? Doris vẫn hay ví chàng là một quyển nhật ký khóa kín, phải kiên nhẫn khéo léo ghê lắm, chàng mới mở ra cho đọc. Lần đầu chỉ vài dòng thôi, rồi gấp xập lại. Lần thứ nhì thêm vài trang. Cứ thế . . . Vì vậy, thời gian sống chung với Thứ, theo nhận xét của Doris là những chuỗi ngày đầy bí ẩn, là một quyển tiểu thuyết không bao giờ kết thúc.

Thứ và Doris quen nhau trong một quán rượu đêm Giáng Sinh. Sắp tới giờ đóng cửa, chỉ còn lại hai người và ông chủ quán. Chàng mời Doris một ly bia và chung rượu hồi. Cả hai cụng ly chúc nhau một mùa Giáng Sinh vui vẻ, rồi cặp tay chuệnh choạng bước ra trời đêm lất phất tuyết rơi. Doris đổi giọng ồm ồm bắt chước Bing Crosby hát bài *White Christmas*. Thứ rên rỉ lời ca *Silent Night*. Thứ bảo:

– Tụi mình là hai con chó đói trong đêm Giáng Sinh.

Doris cười rũ:

– Không, là hai con chó sói lạc loài trong cánh đồng tuyết Tây Bá Lợi Á.

Thứ ngập ngừng:

– Mày về đâu đêm nay?

– Về nhà chớ về đâu.

– Nhà mày ở đâu?

– Phía bắc thành phố.

– Làm gì mà lang thang tới đây?

– Đi lòng vòng rồi ghé ngang quán rượu. Định vào uống một ly bia thôi, dâu ngờ nán lại tới lúc đóng cửa.

– Mày về bằng cách nào?

– Xe buýt.

– Hết giờ xe chạy rồi.

– Giờn hoài, chưa tới nửa đêm mà.

– Mày quên rằng đêm nay là đêm Thánh sao?

Đứa con gái dừng chân lại, hai mắt mở to:
– Ấy, chết.
Thứ vồn vã:
– Thôi, tao mời mày về nhà đêm nay.
Doris ngó Thứ từ đầu tới chân, giọng rắn rỏi:
– Mày nghĩ tao là hạng gái như thế nào?
Thứ luống cuống:
– Chẳng nghĩ gì cả. Mày hiểu lầm tao rồi. Nhà tao có hai phòng . . .
Doris cười giòn, ngắt lời chàng:
– Ừ, về thì về, có sao đâu.

Kể từ đêm Thánh cô đơn đó, Thứ và Doris thân thiết nhau hơn. Một hôm, Doris ngỏ ý muốn về sống chung. Thứ dằn đo suy tính, cuối cùng đồng ý. Lý do vì chàng đã bắt đầu gớm ghiếc những năm tháng đi về lặng lẽ một mình. Chàng đã bắt đầu sợ hãi những lần thức giấc nửa khuya, chợt nhận ra cái im vắng nặng nề của bóng tối tha hương. Những chiều từ hãng trở về, xô cửa bước vào, chỉ thấy những ghế bàn câm tiếng. Sau những bữa cơm tối lẻ bạn trong nhà bếp, khi rửa chén, ngẩng mặt nhìn ô kính treo lơ lửng gương trăng rằm, Thứ chợt cảm thấy hồn quạnh quẽ như thân cây trơ trọi còn lại sau cơn động đất lớn.

Thứ lại lan man nhớ tới những tối cùng Doris lái xe lên đồi Phục Sinh ngồi chờ trăng lên.

Ngọn đồi thấp nằm ngoài thành phố náo nhiệt. Giữa mặt đất bằng, chợt trồi lên một chỏm đất cao chừng năm trăm thước, rải rác đó đây vài khối đá núi đã bị thời tiết bào mòn. Cạnh khối đá lớn ngạo nghễ trên đỉnh đồi có cắm tấm bảng ghi: *Vào mùa Phục Sinh năm 1762, tảng đá lớn này trồi lên sau một cơn địa chấn đã làm lưu hại nửa thành phố về hướng Bắc, khiến hai trăm người thiệt mạng. Hằng năm, phiến đá lún sâu năm ly và xê dịch vào hướng Đông vài phân*. Thứ đã nói dùa với Doris: "Vài triệu năm nữa, sẽ thấy tảng đá này ở Á châu."

Những tối chờ trăng lên ấy, ngoại trừ những hôm thời tiết xấu, dù bận rộn cách mấy Thứ và Doris vẫn cố gắng tìm đến đỉnh đồi Phục Sinh. Thứ lái chiếc Volkswagen, Doris chạy xe con cóc. Có khi cả hai đi chung, có lúc người này tới trước, một dỗi người nọ mới hấp tấp lên sau. Thường thì Thứ đến sớm, vì chàng không ưa lối nói mỉa mai xiên xọc của Doris khi phải chờ chàng lâu. Hơn nữa Thứ vẫn có tính mẫn cảm với trăng. Chàng yêu, đúng hơn, chàng say đắm vẻ mê hoặc cùng cực của vầng trăng những đêm rằm. Khi ấy, Thứ cảm thấy hồn lâng lâng như mãn khai, hoá thân thành loài thú hoang phơi thân man dại hứng từng giọt trăng ngọt như sữa.

Đẹp nhất là những đêm hè. Trăng hè gần và sáng hơn trăng cuối năm. Khí đêm mát dịu. Thứ và Doris cùng ngả lưng xuống phiến đá Phục Sinh, gối tay sau gáy nhìn lên vầng trăng no nê một khối giữa đỉnh trời sâu, đen chập chùng. Có khi Thứ úp mặt lên ngực Doris, thì thầm như trẻ nhỏ: "Tao yêu mày."

Doris khẽ hỏi, cũng như trẻ nhỏ: "Yêu như yêu ai?" "Như yêu một tình nhân, một người chị, một người mẹ." Doris nghịch ngợm: "Vậy mày phải gọi tao bằng Mama." Thứ rúc đầu vào trũng ngực nàng: "Dạ, Mama." Doris vuốt tóc Thứ, kêu lên: "Ô, bê-by, cưng ơi . . ." Khoảnh khắc ấy, Thứ quên hết: món tiền cấp dưỡng mẹ già hai tháng một lần, những biến đổi chính trị tại Đông Âu, mối bận tâm dằn vặt giữa nhiều nghịch tính . . . Tâm hồn chàng chỉ còn rạng rỡ một khối trăng đầy, dấm dúi mời gọi. Chàng siết lấy Doris, giọng thắng thốt: "Mama, Mama!"

*

Thứ đậu xe lưng chừng đồi, tắt đèn, mở thùng lấy mền và bịch cao su đựng nước nóng, lững thững leo lên triền dốc phủ tuyết mỏng. Trời đêm không mây, đính sao lấp lánh. Thứ móc túi áo choàng lấy găng tay ra đeo, phủ sạch lớp tuyết bám trên phiến đá quen. Chàng ngẩng mặt về phía trái. Nơi đó khoảng tám giờ, trăng sẽ nhô lên khỏi ngọn cây. Chàng đã nhận ra thấp thoáng phía sau cây cành mùa đông trơ trụi, khuôn trăng bị cắt dứt nhiều mảnh. Thứ ngồi xuống, trùm mền kín người, bịch nước nóng đặt giữa lòng chân, đợi.

Phố đêm bên dưới giăng đèn sáng rực. Những chấm sáng không hiểu vì sao cứ nhấp nháy liên tục như muốn chia sẻ niềm xúc động cùng Thứ. Trong không gian im lặng, chàng bắt được tiếng động cơ quen thuộc của chiếc xe con cóc, hục hặc như trách cứ. Một lát, như thường lệ, là tiếng chân hối hả của Doris. Lúc nào nàng cũng tất tả, hấp tấp, nôn nóng:

– Sao? Trăng lên chưa? Mày chờ có lâu lắm không? Ối, lạnh quá!

– Nàng thả phịch xuống cạnh Thứ, tự tiện tốc mền chui vào, sục vào tìm bịch nước nóng. Thứ cong người cười khúc khích:

– Nó nằm ngay dưới hai đầu gối tao chớ ở đâu mà mày sờ soạng ghê vậy!

Doris gắt:

– Thì đưa đây cho tao hong ấm hai bàn tay!

– Găng tay mày đâu?

– Bỏ quên trong xe.

Thứ nhẹ nhàng tháo găng tay đưa cho đứa con gái. Doris trợn mắt:

– Ô, sao hôm nay mày lịch sự quá vậy?

Thứ nói như thở dài:

– Đêm ngắm trăng cuối cùng mà.

Doris bất động một dỗi, rồi khịt mũi vài cái, hỏi:

– Có khăn giấy không, cho tao xin.

– Mới nói chút xíu mà đã khóc rồi.

– Con khỉ ngốc nghếch ơi, tao bị cảm mấy hôm nay, muốn hỉ mũi chớ khóc nỗi gì.

Thứ móc túi, đút vào tay Doris chiếc khăn giấy. Đứa con gái sụt sịt chặm mũi một lát, rồi cất giọng như phân trần:

– Cái thằng đồng nghiệp của tao chiều nay tự dưng nổi hứng, hết giờ làm

việC nằng nặc mời tao đi ăn tối cho bằng được. Ban đầu tao từ chối. Sau thấy nó năn nỉ tội nghiệp quá, nên đành ưng thuận.

– Tao có quen nó không?

– Không, nó mới vào làm chừng vài tháng nay nên chưa biết tao sống chung với mày.

– Thì đã sao?

– Nhưng cũng phải giăng ra vài chướng ngại vật, chớ dễ dãi quá, tụi nó coi thường mình. Dầu sao tao cũng là nhân viên lâu năm... A, coi kìa, bê-by cưng!

Thứ nhìn theo ngón tay Doris chỉ. Trên rặng cây trơ cành khẳng khiu bên trái, một lưỡi trăng vừa nhú, cong sứt như chiếc bánh sừng trâu bị cây rừng háu ăn táp mất một mảnh. Trái tim Thứ đột nhiên đập mạnh. Lồng ngực Doris nôn nao thấp thỏm. Tay nàng tìm tay Thứ, siết chặt. Trăng nhô cao dần. Cả vòm trời là con sò khổng lồ đang há vỏ để lộ hạt ngọc tỏa trắng man rợ. Cả người Thứ nổi gai. Chàng đang chờ hóa thân thành loài chó sói, dứng trên đỉnh tuyết cất tiếng hú vọng xuống mặt đất bao la câm nín.

Nhưng hạt ngọc đêm nay không giống như hạt ngọc đêm hè nào. Ánh sáng bị hơi ẩm phủ mờ như ưa lệ. Thứ ngả đầu vào vai Doris, thì thầm:

– Mama, Mama.

Doris khẽ hỏi:

– Gì đó, bê-by cưng?

Giọng Thứ mềm nhũn:

– Chưa đi mà tao đã nhớ rồi.

– Bê-by nhớ tao hay nhớ thằng Thomas?

– Mười phần, tao nhớ mày hết sáu, nhớ Thomas bốn thôi.

Doris dúi mặt vào tóc, lên má môi thứ, hôn vùi dập. Thứ tiếp tục kể lể:

– Nhưng đáng nhớ nhất là những đêm ngắm trăng như thế này. Nơi quê hương tao, trăng đẹp hơn, sáng hơn, nhưng làm sao tìm ra một người ngắm trăng chung?

Doris vẫn hôn tới tấp lên tóc Thứ, giọng đứt quãng:

– Thì thôi... dừng...

Thứ ngắt:

– Không, tao về chứ, đã ký hợp đồng làm việc rồi mà. Tao phải về nhìn mặt má tao lần cuối trước khi bả chết.

Doris gục mặt xuống vai Thứ, chậm rãi cất tiếng:

– Mày sống cho mày, dâu phải cho người khác.

– Tao không nghĩ vậy. Tình gia đình Đông phương bắt tao nghĩ khác.

– Ừ, thì bê-by cưng cứ về, nhưng rủi gặp khó khăn thì sao?

Thứ cười gượng:

– Nếu có chuyện bất trắc, tao sẽ liên lạc nhờ mày giải quyết giùm.

Doris nhấc đầu, nhếch người ra, giọng khó khan:

– Mày có liều lĩnh lắm không?

Thứ nói như van nài:

– Nhưng tao phải làm gì bây giờ khi mỗi lần ra đây ngắm trăng là mỗi lần tao nhớ nhà, nhớ má, nhớ quê hương ray rứt?

Doris mềm giọng:

– Ừ, bê-by cưng về một lần cho biết.

Chợt Thứ bật cười khan:

– Mà tao về rồi trở lại chớ có ở luôn bên đó đâu. Ba năm qua mau lắm, Mama ạ! Nếu mày sợ buồn, rủ bạn về ở chung cho vui.

Doris lắc đầu:

– Không, mày đi ba năm, coi như tao góa bụa ba năm.

– Trung thành dữ!

– Thật mà. Trước khi mày đi, tụi mình tổ chức một bữa họp mặt từ giã thay cho tiệc tất niên hằng năm.

Thứ kêu lên:

– Tao tẩy chay, không nấu nướng gì lần này cả.

Doris cằn nhằn:

– Ai bảo mày nấu đâu, một mình tao lo hết cho.

Thứ sáng mắt:

– Ừ, nhớ nấu mấy món bản xứ mà tao thích.

– Là cái chắc. Tao còn định làm món bánh bông lan nhưn chuối mà này vẫn thèm thuồng và cho rằng không ai làm ngon hơn má mày.

Thứ xúc động:

– Phải nướng bánh với bơ mặn mới giống.

– Ừ.

– Nhớ hấp chuối với đường cháy trước khi cho vào bột.

– Ừ.

– Phải cho thêm sữa đặc có đường mới thơm.

– Ừ.

– Nhớ mua chuối Phi châu, đừng hấp bằng chuối già, bở rệu không ngon.

Doris thở ra:

– Thôi, mày làm luôn cho rồi!

Thứ bật cười rũ. Chàng vít đầu Doris xuống, hôn vồ vập lên má. Chợt chàng khựng lại khi thấy hai gò má nàng ướt mèm. Thứ sửng sốt:

– Mama, đừng khóc!

Giọng Doris vẫn tỉnh rụi:

– Tao cho mày về với má ruột ba năm, rồi trở lại đây với má nuôi, nghe không!

Doris nói xong, nắm tay Thứ đứng dậy, khoác mền, xách bịch nước đã nguội lạnh bước một mạch xuống đồi. Mảu trăng cuối năm vẫn lặng lẽ dục lờ tái ngoét.

*

Doris ướm lên người tấm khăn giường mới may thành chiếc áo thụng Á Rập, hỏi:

– Mày coi tao giả làm ông vua Ả Rập có được không?

Thứ quay nhìn, thờ ơ đáp:

– Được, nhưng phải gắn thêm râu mới giống.

– Có rồi. Đồ trang sức dành cho ngày hội hóa trang, thứ gì tao lại chẳng có.

Thứ gật gù, nhớ tới hốc tủ của Doris chỉ dành chứa những thứ này. Tóc giả nhiều màu. Mặt nạ đủ kiểu. Quần áo của nhiều sắc dân trên thế giới. Đó là chưa kể mỹ phẩm hóa trang. Trời, cả một ngăn kéo, mở ra trông như những hộp màu trẻ con.

Thật ra, Thứ không đồng ý với dự tính này của Doris. Chàng thấy một buổi họp mặt tất niên không phải là dịp để chàng tạm biệt bạn bè trở về Việt Nam làm việc ngắn hạn, lại thêm việc hóa trang lỉnh kỉnh. Nhưng chiều theo ý Doris, Thứ dành chấp thuận. Doris đề nghị chàng giả trang thành công chúa Ấn Độ. Thứ cười đau cả bụng, nói: "Tao không cần giả trang cũng thấy khác người rồi. Đối với tụi mày, lúc nào tao lại chẳng là một thằng Trung Hoa." Doris vùng vằng: "Với tao, mày là một người bạn lạ lùng và đặc biệt. Đó mới là điều quan trọng. Còn người khác hiểu thế nào, mặc họ." Đôi co tranh luận một hồi, cuối cùng Thứ đồng ý hóa trang làm hề.

Sau khi nhờ Doris vẽ mặt, đeo nửa quả cầu nhựa lên mũi, Thứ soi gương thấy khác lạ hẳn. Tròng thêm mái tóc bù xù lên đầu, mặc vào người bộ quần áo vá chằng chịt nhiều mảnh vải màu khác nhau, Thứ chợt cảm thấy an tâm. Đêm nay, chàng không còn là chàng nữa, mà hóa thành một mẫu người khác, sống một cách khác, đem lại toàn niềm vui cho mọi người. Đã có lần Doris hỏi chàng: "Khi nào mày cảm thấy hạnh phúc?" Thứ đáp không do dự: "Khi tao làm cho người khác vui." Cuộc vui bắt đầu khi Thứ vừa dứt tiếng ngỏ lời chào mừng và tạm biệt những người bạn thân. Trong lớp mặt nạ hề, Thứ nghe giọng mình dường như đổi khác. Sống động, hào hứng hơn. Và khi ngưng tiếng, là một giây lát ngậm ngùi. Ngắn và sâu như một chuỗi nấc nghẹn.

Mọi người yêu cầu Thứ bày một trò tiếu xảo. Chàng móc trong túi ra một trái banh nhựa sơn xanh, bỏ vào miệng nhai trệu trạo rồi nuốt ực. Xong chàng bước tới cạnh người đàn bà mặc áo hở ngực, bốc từ trũng da thịt đầy dặn ra trái banh khi nãy. Tiếng "Ồ" vang lên. Rồi một trái nữa từ vành tai nhọn của người giả làm ma cà rồng. Thêm vài trái nhiều màu khác nhau từ cổ họng chàng lừ ra. Thứ ném những trái banh sặc sỡ vào đám người lô nhô, rạp đầu chào. Đám đông vỗ tay lào rào.

Âm nhạc được mở lớn. Những hình thù hoá trang lao xao bước lại chiếc bàn dài bày thức ăn kê sát tường. Giữa phòng một con thỏ ôm hờ mụ phù thủy mũi khoằm, xê dịch theo tiếng nhạc. Thứ cụng ly từ biệt với những chiếc mặt nạ. Tới lượt người đeo mặt nạ ác quỷ, Thứ hỏi đùa:

– Chắc bạn tới không phải để bắt tôi xuống địa ngục?

Người kia trả lời:

– Không, tôi tới rủ anh lên thiên đàng.

Thứ reo lên, ôm chầm lấy con ác quỷ:

– Thomas. Sao mày bảo không tới được?

Thomas tháo mặt nạ, nở nụ cười đẹp:

– Bỏ chuyến công du rồi. Muốn làm mày ngạc nhiên, nên tới không báo trước.

Thứ nắm lấy tay Thomas, dẫn ra bao lơn mờ ánh đèn. Cả hai ngồi xuống bệ xi-măng kê chậu hoa, quên cả cái lạnh se sắt. Thứ tíu tít nhắn nhủ Thomas những việc phải giải quyết sau khi chàng rời nơi đây. Cái trương mục tiết kiệm tháng tám năm tới sẽ hết hạn, nhớ lấy ra rồi mở thêm một quỹ tiết kiệm khác đề tên Thomas và Doris. Chiếc Volkswagen, chàng tặng cho Thomas, còn năm rưỡi nữa mới tới hạn kiểm soát. Hồ sơ nhập tịch, trời ơi, Thứ kêu lên, phải làm sao bây giờ với xấp hồ sơ mới nộp tuần rồi? Thomas điềm đạm nói:

– Cứ để đó. Thỉnh thoảng tao ghé ngang, bàn với Doris xem phải làm thế nào.

– Vậy cũng được.

Chợt Thứ trầm giọng hỏi:

– Còn chuyện tụi mình, giải quyết ra sao?

Thomas nhoẻn cười, nụ cười mê hoặc thu hút:

– Giải quyết gì? Mày đi, tao vẫn là bạn mày. Sau ba năm mày trở về, tao vẫn vậy.

– Nhưng mình còn bạn nhau nữa không?

Thomas ngập ngừng, rồi nhún vai, giọng chắc nịch:

– Không biết được. Tao không thể nói trước những gì chưa tới.

Thứ im lặng. Bây giờ hơi rét cuối năm mới thấm vào da thịt chàng. Thứ rùng mình mấy cái, xẵng giọng:

– Tao lạnh. Thôi, mình vào trong.

Vừa bước vào, Thứ đã bị đám đông níu kéo cụng ly thêm lần nữa. Lần đầu tiên Thứ cảm thấy vai hề bạc bẽo vô nghĩa đến thế. Chàng gượng gạo đóng cho xong vai trò, rồi lách đám đông mở cửa vào phòng vệ sinh. Một tên hải tặc chột mắt đang hôn hít, ve vuốt cô gái quàng khăn đỏ trong bồn tắm. Chàng đẩy cả hai ra ngoài, chỉ lối vào phòng ngủ, rồi khóa trái cửa lại. Thứ mở tủ, lấy lọ thuốc tẩy của Doris bôi lên lớp sơn vẽ mặt hề. Khi kê mặt soi gương, Thứ ngỡ ngàng nhận ra hai quầng mắt thâm vì mất ngủ nhiều đêm qua. Chàng tháo mái tóc giả, cởi lớp áo quần lèo loẹt, ném bừa bãi xuống sàn gạch. Thứ cong lưng ngồi xuống bên dưới bồn rửa mặt, hai mắt khô quánh mà cõi lòng lắt lay nhớ tới những đêm chờ trăng lên với Doris mùa hè nào.

Tàn cuộc tiệc, Thomas ngỏ ý muốn ở lại với Thứ và Doris đêm nay. Doris lạnh nhạt:

– Mày hỏi Thứ. Phần tao, sao cũng được.

Thứ muốn chấm dứt mối liên hệ không lối thoát này, nhưng chàng không cưỡng lại được nụ cười xúi dục nở trên môi Thomas. Chàng gật đầu không nói. Doris lặng lẽ quay lưng bước vào phòng riêng. Nàng giận mình đã không chấp

thuận để gã đồng nghiệp từng đeo đuổi nàng bấy lâu ngủ lại, vì thâm tâm nàng muốn dành trọn tối này cho Thứ, dẫu biết rằng lúc nào Thứ vẫn coi nàng như một người bạn, chị hay mẹ. Doris gối tay nằm thao thức, bên tai mãi vọng lại giọng gọi của Thứ: "Mama, Mama ..." Lúc êm ái, khi nôn nóng, thỉnh thoảng dài giọng nghịch ngợm. Tiếng nói ấy, mai đây, sẽ rời xa nàng ba năm dằng dẵng. Làm sao nàng chịu dựng nổi khoảng thời gian trống vắng ấy? Từ khi sống chung với Thứ, nàng đã hóa thành con chó sói, tới đêm trăng tròn lại hấp tấp chạy lên đỉnh đồi Phục Sinh, cùng con chó khác ngẩng cổ hú trăng. Bắt đầu từ mùa trăng tới, chỉ còn lại mình nàng nghinh trăng trên đồi tuyết.

Doris thiếp đi lúc nào không hay. Giữa khuya tỉnh giấc, nàng bắt được hơi ấm thân thể ai quấn quít bên cạnh. Nàng trở mình, nhận ra khuôn mặt trẻ con của Thứ kề sát lưng. Doris cảm động, ôm chầm lấy Thứ, gọi nhỏ:

– Ô, bê-by cưng!

Thứ đáp lại như tiếng vọng:

– Mama, Mama.

*

Doris mở tủ, khuân xấp áo quần của Thứ bày trên giường. Nàng giơ chiếc áo len, mà Thứ rất ưng bụng, lên hỏi:

– Xứ mày tháng giêng có lạnh không?

Thứ đang sắp xếp giấy tờ vào cặp, đáp không ngẩng lên:

– Không cần áo len.

Doris quả quyết:

– Phải đem theo ít nhất ba cái, phòng khi trời trở lạnh bất ngờ.

– Đã bảo không cần mà. Lạnh ở xứ tao có nghĩa là hai mươi độ bách phân.

– Vậy thì một cái thôi.

Thứ "ừ" cho xong chuyện. Một lát lại vang lên:

– Chết, còn mấy đôi vớ và quần lót của mày chưa giặt.

Thứ gắt:

– Có vậy mà cũng quên.

Doris xấn xít:

– Để tao mở máy giặt ngay.

– Còn phơi khô nữa, bao giờ mới xong?

– Một tối là khô ngay chớ gì.

Thứ cáu kỉnh bất chợt. Chàng dằn mạnh tập giấy xuống mặt bàn, quay nhìn Doris, ánh mắt đầy trách cứ. Doris ngừng tay, ngơ ngác ngó Thứ vài giây. Thứ đứng đó, chỉ cách vài thước, mà bỗng nhiên xa vời vợi. Cái thời gian ba năm diệu vợi gấp vạn lần khoảng không gian chia cắt nơi này và bên đó. Doris chán nản thả rơi mớ quần áo trên tay, ngồi bệt xuống giường, bưng mặt im lặng. Thứ bước tới, nhẹ nhàng ngồi xuống cạnh nàng. Chàng nâng tay Doris áp lên má, gọi khẽ:

– Doris, Doris.

Đứa con gái ngẩng mặt nhìn ra vuông cửa héo nắng. Ống khói lò sưởi nhà

bên kia thở chậm những làn hơi yếu. Nàng nghĩ tới những sáng, những trưa, những chiều, những ngày tháng năm lẻ bạn sắp tới, rợn người run rẩy.

– Bê-by cưng, ôm tao đi!

Thứ choàng tay ôm lấy Doris, mơn vuốt. Trong khoảnh khắc cận kề với giây phút chia ly, Thứ chợt cảm thấy khoảng cách xác thịt giữa chàng và Doris không còn những ranh giới tâm lý nữa. Người chàng run lên, bén lửa rồi phựt cháy. Chàng rên rỉ lướt môi lên mặt người con gái, thấy mình là con chó trung thành dang liếm tới tấp cô chủ lâu ngày mới gặp. Chờ cho cảm xúc Thứ lắng xuống, Doris mới ngập ngừng hỏi:

– Mày cho phép tao đưa mày ra phi trường chớ?

Thứ cương quyết:

– Không, đã nói không rồi mà.

– Tại sao?

– Tao không thích cảnh từ biệt.

Rồi chàng thì thầm vào tai Doris, không biết là lần thứ mấy:

– Tao vắng nhà một khoảng thời gian, chớ có đi luôn đâu . . . À, tao có lá thư gởi Thomas, bao giờ nó ghé ngang, mày trao giùm.

– Mày có muốn đem kheo khung ảnh của Thomas không, tao bỏ vô va-ly luôn thể?

– Không cần.

Doris nhíu mày nhìn Thứ:

– Còn ảnh của tao?

– Có rồi, trong này.

Và Thứ mở nút áo, dập khẽ lên ngực trái. Doris rầy rà:

– Mày là đứa lãng mạn không thuốc chữa, biết không?

Thứ thêm vào:

– Tụi mình là hai con sói lãng mạn, suốt đời đợi trăng lên.

Sau đó, trọn đêm Doris và Thứ không chợp mắt. Doris cứ thủ thỉ kể chuyện cũ, trong khi Thứ cứ loay hoay rối trí với những vấn đề tương lai. Đúng năm giờ sáng, Doris vào bếp chuẩn bị bữa điểm tâm. Nàng dí mặt vô cửa kính nhìn xuống. Lòng đường còn say ngủ, duỗi mình trần truồng. Màu đèn vàng hắt từng vũng sáng, cách khoảng đều đặn. Tuyết rơi lả tả từng cánh mỏng.

Hai người bạn lặng lẽ ngồi điểm tâm bên nhau. Khi đưa Thứ ra cửa, Doris cuống cuồng hỏi:

– Nhớ lại coi, còn quên thứ gì không?

– Không.

– Vé máy bay, sổ thông hành, giấy nhận việc . . .

– Có rồi.

Doris tiếp tục liệt kê:

– Bóp tiền, máy ảnh, lọ thuốc trị tiêu chảy, ống kem chống nắng . . .

Giọng nàng càng lúc càng rời rạc, rồi đứt quãng bất ngờ. Doris nấc lên:

– Bê-by cưng!

Thứ buông va-ly, ôm chầm đứa con gái, rên rỉ:

– Mama.

Giọng Doris giận giụa:

– Tới là biên thư cho tao ngay, nhớ!

– Dạ, Mama.

Rồi Thứ quay lưng, bước nhanh xuống lầu. Doris vội vã khoác áo choàng, đuổi theo. Cả hai từ biệt lần nữa bên trạm xe buýt. Doris nhìn theo vòng bánh kềnh càng chuyển động, cuốn tung những đợt tuyết mỏng, thẫn thờ hồi lâu mới lủi thủi trở vào nhà. Nàng ngẩng mặt tìm vầng trăng đêm nào, chỉ thấy một màu sắt rỉ nặng nề, lở loét hư hao.

Cả ngày, Doris không chú tâm làm việc được. Buổi trưa, gã đồng nghiệp rủ nàng đi ăn chung trong câu lạc bộ, Doris đáp thẳng:

– Tôi không đói, cũng không có hứng đi ăn chung với ông.

Mặt gã dàn ông đổi màu tái nhợt như đa gà mái, bước đi không chào nàng. Chiều về, nhằm bữa phải tới họp với "Hội phụ nữ đòi quyền bình đẳng", Doris ghé ngang, nghe mà không hiểu gì. Nàng bỏ về giữa chừng. Tới nhà, Doris đậu xe lại, ngước nhìn ô cửa phòng nàng và phòng Thứ song song đồng dạng, tối mịt quạnh quẽ giữa những dãy kính rực đèn ấm cúng. Nàng không muốn bước vào ngôi mộ lạnh lẽo ấy đêm nay. Doris gục đầu lên tay lái, nhớ lại. Gương mặt và giọng nói Thứ chập chờn như vầng trăng rơi trên hồ nước nhấp nhô. Lần gặp gỡ Thứ trong đêm Giáng Sinh năm nào là cuộc hạnh ngộ kỳ lạ, đã rẽ đời sống nàng vào khúc quanh khác. Nếu không có Thứ, chắc hẳn giờ này nàng đang chùm nhúm với bọn thanh niên sống bên lề xã hội. Nếu không gặp Thứ, biết đâu chừng nàng đã lâm vào cảnh nghiện ngập, điếm đàng. Mà tại sao là Thứ mà không là một ai khác? Doris rối trí với nhiều nghi vấn không lời giải. Lâu lắm, khi hai chân và mười ngón tay nàng bắt đầu buốt cóng, ngẩng lên thì thấy kính xe đóng băng mờ mịt từ lúc nào. Đèn đường rắc ánh sáng lên lớp băng mỏng, chiếu lấp lánh như trời sao mùa hạnh phúc cũ. Doris thở dài, quàng xắc tay lên vai, mở cửa bước ra, lê chân vào nhà.

Nỗi im lặng trống trải khiến nàng khựng chân lại giây lát. Làn hơi quen còn vấng vất quanh đây. Khi nhìn vào bao lơn phòng khách, Doris thấy mớ quần áo lót và ba đôi vớ Thứ còn phơi ở đó. Nàng xúc động mạnh, quay lưng bước nhanh vào phòng Thứ bật đèn. Giữa phòng, chiếc va-ly cồng kềnh vẫn nằm đấy. Đôi giày vất nằm sấp ngửa trên thảm. Áo choàng vắt ngang lưng ghế. Cạnh giường, tấm chăn lông ngỗng phủ nửa trên nửa dưới. Kế bên là dáng nằm sấp quen thuộc của Thứ trong bộ áo ngủ màu xanh mà chàng yêu thích đặc biệt. Doris tưởng mình nhìn lầm. Nàng nhéo vào đùi mấy cái đau điếng, mới biết là không nằm mơ. Doris rón rén bước lại, nằm xuống cạnh Thứ, se sẽ gọi:

– Bê-by cưng.

Thứ hé mắt, nói như mớ:

– Mama, Mama . . . □

LUÂN HOÁN

nhánh xuân lục bát

1.

pha trà ta mừng tuổi ta
uống hớp thứ nhất nhởn nha bình thường
lâng lâng lòng ngấm mùi hương
khói trà lãng đãng trăm đường nhung thơ
hớp thứ hai nghẹn bất ngờ
hình như lòng vấp bụi bờ quê xa
hớp thứ ba ngộ cái già
làm le chực nhận chùm ta xuống đời
hớp thứ tư ửa mặn môi
đưa tay vuốt mặt thấy người chênh vênh

2.

trùm chăn nằm suốt ngày qua
mùa xuân gõ cửa gọi ta giật mình
mím môi cương quyết làm thinh
mạch buồn trong máu thình lình vỡ ra
không nằm nổi nữa xoay qua
cầm cây bút nhịp lên da thịt cười
hóa ra vẫn phải làm người
chưa thành tiên để được lười biếng suông
chống tay ngồi mộng đầu giường
làm thơ chật kín vách tường nghênh xuân

HOÀNG XUÂN SƠN

biết mộng

Thiên thể một hình cong
mối đời lom khom nhặt
ôi vũ trụ vô cùng
mà lòng người bỗng ngặt

Khói thuốc đánh bã hai lồng ngực
chiều ho ran
mộng mị kéo chạy quàng hút mất
giọt cà phê thủy tinh đen
giọt rượu vàng
đêm ống ánh

Hồn với níu đời say
dắt qua khoảng rừng mù
con-cú-mèo-hạnh-phúc
ban mai
thở đau như em đau ngày kinh mới chớm ôi thơ trinh vú hồng
mớm vào môi hiền dịu sữa

Thân như thân mây trời
làm sao trói được mây
thân như thân ngọn khói
làm sao dìm được khói
trái tim trái tìm người
làm sao
giết
được người?

Câu kinh dài
khúc kệ ngắn
tiếng chuông đồng ngân nga
một hồn thơ thẩn
vào ra
nghe rồi khánh vọng
giữa tà huy
nao
hôm nào
hôm nào
nhớ về biển thuận
bãi sóng trào
lượng đời ơn phước
bạn ta
bạn ta ngồi
như tranh thái cổ
mà chiều đi lồng lộng
tràn
giấc chiêm

Khi ngó lại bàn tay mình xương xẩu
thương đôi vai gầy guộc dưới trời xanh
đi giữa nắng thầm nghe lòng run rẩy
ngày lên ngày lên cỏ động phương hành

Về tới nhà
những cây bông dường xa
rượu tưới vào chân hoa thềm ủ rũ
về lại nhà về lại nhà
a các người vẫn còn đông đủ
còn hát còn cười nói tràn giấc ngủ
chiều ta nghe ngón tay động đậy
sáng ta nhìn con mắt nhấp nháy

nhìn
một nỗi niềm không chân
mới
nụ

Ô dau vẫn đau
khốn khổ thay những người
không biết mộng.

PHAN NI TẤN (N.D.)

đường về rạch giá quê em

Ăn bánh phồng tôm Sa Giang
miệng nhai lốp rốp âm lan vào hồn
bước xuống bến đò Cái Sơn
thấy bóng Sa Đéc rập rờn lao chao

Qua bắc Vàm Cống hồi nào
không ai đánh thức tôi chào dòng sông
biết còn có trở lại không
ngồi buồn chép miệng tiếc công qua vàm

Lột lá cây nem Lai Vung
cắn một miếng nổ lùng bùng lỗ tai
hột tiêu chút xíu mà cay
như buồn phớt nhẹ mà lay động đời

Vô nhà lồng chợ rảo chơi
ghé quán cơm nước đợi người rước đi
nhiều năm qua buổi phân kỳ
hồn cây giá mọc trắng tì vết tôi

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

không có gì, không còn ai

truyện ngắn

(Gửi Trần Vũ)

Vợ tôi tên Tiên. Huỳnh Thị Hoa Tiên.

Chúng tôi lấy nhau năm 80, thầm lén, vụng dại, trốn bạn trốn bè. Chỉ ló mặt tới dãng Phường ngồi dợi ở bực thềm mất nửa ngày, tốn ít tiền lệ phí và đổi được mảnh giấy đen đúa có in hàng chữ ở trên: Giấy đăng ký kết hôn. Phía dưới in đóng khuôn dấu màu đỏ, bầm dập; dè lên trên một chữ ký loăng quăng như trùn bò vào ngày mưa dầm thúi đất. Một người đàn ông lạ mặt cười với bọn tôi: Vậy là thích nhé. Đừng quên chừa cho tôi một cốc rượu nồng . . . Tôi run tay đón lấy tờ giấy mỏng có thể dùng vấn thuốc, nó mong manh như một cái màng trinh. Cái triện son hoen ố một dốm tròn làm đầu óc tôi liên tưởng tới chuyện mấy ông ba Tàu cắc Chú lấy được cô vợ trẻ, đêm động phòng loay hoay lốt miếng vải trắng dưới chỗ nằm.

Tiên nhỏ thua tôi năm tuổi. Cô học tới lớp 12 rồi phải chịu bỏ ngang vì vấp phải vấn nạn lý lịch. Nhưng mà nhiều tuổi hơn thì sự sáng suốt cũng chẳng tìm đến với tôi và chả có gì đáng nói. Tôi vắt tay lên trán mấy ngày vẫn không kiếm ra cách gì để có được một chiếc nhẫn vàng mà tròng đút vô ngón tay nhỏ nhắn của người vợ mười tám tuổi, nuột nà! Tôi giấu kín nỗi khổ tâm, một tiếng thở dài cũng cố nén. Giờ đây, tôi cố gượng cười với người đàn ông vừa san sẻ những lời dành cho ngày vui của chúng tôi rồi cúi mặt đi như chạy ra khỏi trụ sở Phường. Một cốc rượu. Có lẽ đó là thứ nước mà tụi mình buộc phải uống, riêng cho nhau, phải không Tiên?

Đoạn đường về nhà, Tiên không nói gì. Mặt buồn rầu như thể một kẻ ý thức mình đã mất mát hết mọi thứ, trắng tay. Tôi ít khi bắt gặp Tiên vui. Bình thường khuôn mặt cô đã nhuốm sẵn chút ủ dột tựa người bị đầu thai lộn kiếp.

Cho nên khi phật lòng hoặc gặp chuyện không ưng ý, dĩ nhiên, thứ sắc đẹp đó dễ làm nhói buốt lòng tôi.

– Tiên đang nghĩ chi ở trong đâu?

– Không. Chẳng có gì cả. Trời hầm quá!

Giọng cô nhẹ thoảng, phải lắng lòng mới nghe ra. Hai đứa đi song song, chậm rãi dần từng bước. Có khoảng trống nào vẫn còn hiện diện, mà sao tay đánh nhịp chẳng bao giờ gây ra một va chạm?

Nắng buổi trưa đội hung hãn giữa lòng đường không một bóng cây. Tiên đội nón lá giấu kín gương mặt, tôi có cảm tưởng nếu Tiên biết làm phép, cô sẽ cho cái đầu ấy trốn biệt đi.

– Còn ít tiền, mình kiếm một chỗ nào ngồi uống nước nhé.

Tiên không trả lời. Cả dãy phố cũng thiêm thiếp. Những người ngồi bán hàng phe phẩy chiếc quạt trên tay và mắt phóng ra tia vô hồn. Những khung cửa mở hẹp lối đi, tối đen ở dằng sau. Những chiếc khăn lau mặt, áo quần trẻ con chưng bày sặc sỡ trông như hàng đồ mã, cắt dán bằng giấy. Tổ hợp thêu ren treo mấy ô vải mẫu phất phơ như bùa chú trừ ma quỷ. Những tủ bán thuốc lá lẻ lấn ra ngoài hè phố và trong hóc hẻm thụt vào có thằng nhỏ lem luốc hành nghề vá sửa xe đạp ngồi ngủ gục trên cái thùng dạn đại liên chứa đựng đồ nghề. Con nít thì lúc nào cũng vô tâm. Mấy người lớn, họ ngồi bán hàng ế ẩm kiên nhẫn như đang đợi một điều gì trọng đại sẽ xảy tới. Tiên nhỏ thua tôi năm tuổi. Tôi rất đốt lịch sử nước nhà, đã lú lấp quên tên cô Công chúa gì đó chịu hy sinh đi làm dâu nước láng giềng để cho phụ vương mở mang bờ cõi thêm được một hai vùng đất. Cuộc mua bán nào cũng mang theo nó sự lời lỗ, cho cả hai phía. Chú tôi có chiếc ghe, sửa sang xong hết mọi thứ kể cả việc đi coi thầy bói những hai ba nơi và đã ấn định dứt khoát ngày liều mình rong ruổi. Má Tiên cầm tay tôi đặt lên tay con mình, bóp chặt lấy mười ngón cứng ngắc không phản ứng: Hai đứa dắt nhau đi xin một cái giấy hôn thú đi. Bác cho không con Tiên, giao vào tay cậu đó . . .

Tôi hơn Tiên năm tuổi. Tôi quen Tiên chỉ vừa đúng bốn tháng. Tôi là người không tin và không hiểu chữ hạnh phúc. Nhưng giờ đây tôi đang nhặt tụng hai chữ đó, tâm niệm phải trân quí giữ gìn. Suốt ngày, công việc vẽ vời ở Ty Thông tin Văn hoá không cách gì lấn áp nổi hình ảnh Tiên luôn đè nặng trong tôi. Tiên hoàn toàn chẳng giống mảy may chuyện cô Công chúa ngày cũ. Chắc Tiên có yêu tôi một điểm nào đó, ngoài cái việc tôi và gia đình ông chú sẽ vượt biên. Vả lại, tôi dâu phải kẻ ngoại tộc. Tôi và Tiên cùng trưởng thành ở thành phố này, uống chung nước một dòng sông, hít thở chung sự hà khắc cố hữu của nó . . .

Khi đưa Tiên về, má Tiên có ý giữ tôi lại dùng cơm chiều. Bà hỏi:

– Xin giấy được chưa? Có dễ không?

Tôi ngồi nhấm mắt giây lâu cho quen với sắc độ tối tăm chứa đầy trong căn nhà nhỏ.

– Dạ dễ.

Tiên bỏ đi ra sau nhà. Bước chân cô nhẹ tựa một bóng ma, hoặc đúng hơn, đang cố tâm chơi trò trốn tìm. Hoa nắng như còn lung linh ăn vào bộ đồ lụa nhẹ mỏng ấy, hay tại mắt tôi? Tiên có thật ở đó mà tôi tưởng như đang nhìn cô bằng một ảo giác. Ở sa mạc người ta vẫn hay thấy những hồ nước xanh, những rặng dừa có gió cười cợt với bẹ lá xô động ướt át tiếng reo.

– Bác hỏi thật câu này, cậu đừng buồn lòng.

Tôi tìm cho cửa miệng mình một điếu thuốc. Ngậm nó xong rồi bình tĩnh đốt khói.

– Cậu . . . cậu có thành tâm thương Tiên không?

Ngồi trên một cái ghế đẩu, má của Tiên có vẻ như không được thoải mái. Và lạ lùng một điều, mặt bà xanh xao hơn mọi khi, dù đang ở trong chỗ tối.

– Cậu thông cảm cho bác, bác có quyền hỏi điều đó, đúng không? Một người mà dễ dãi quá thì có thể sự dễ dãi ấy làm hại tới mình.

– Con hiểu.

– Bác không đòi hỏi gì ở cậu hết khiến đôi khi cậu mọc lên cái ý nghĩ khinh khi tới bác, hoặc sau này nặng lời với Tiên.

Tôi nuốt tất cả những đám khói thuốc, nhốt nó ở lồng ngực tức. Trời cũng đang tức đông, một màu xám xịt buông xuống thành màn ngoài ô cửa. Người tôi rít rát. Tôi muốn cởi trường ra mà đứng đội ngạt thở những gầu nước mát lạnh. Tiên đang tắm ở nhà sau? Nước oà vỡ xối xả và nó phải đội từ trên cao xuống mới gây được thứ âm thanh rộn rã đó. Nó rì rào mon men đi lên, tạo ra nỗi thèm khát làm dấy động tới nhiều hình ảnh: Bàn tay Tiên múc nước, một tay khác kỳ cọ vân vê . . .

– Hy vọng bác vẫn còn sáng mắt. Nhờ trời khi qua được bên đó rồi, xứ lạ quê người cậu rán bảo bọc cho Tiên. Tiếng là mười tám tuổi đầu chứ thực ra nó còn con nít lắm. Có vụng về tay chân thì xin cậu nhớ giùm tới buổi chuyện trò ngày hôm nay, mà thứ tha.

Tôi cúi đầu che giấu một nụ cười khó nhọc. Tai tôi đón nghe những hạt mưa đầu tiên rơi xuống nặng nề trên mái ngói và bàn chân ai đó chạy vội. Một tiếng kêu vỡ ra và chuỗi cười giòn xoắn đuổi nhau ngoài lòng dường, tuổi trẻ bỏ người ta đi thật mau. Lớn lên, sự chín chắn không giúp ích được điều gì ngoài những suy tính thiệt hơn. Thời gian cướp đoạt ở con người quá nhiều thứ, trong đó có cả những cái nhỏ nhặt nhất. Nhớ khi xưa trời mưa lớn, cả bọn trần truồng rủ rê chạy reo hò dưới một vũ lượng rầm rộ không ngớt châm chích vào người những niềm hoan lạc. Con trai thì lủng lẳng quả cau với cái vòi thun lại bé như ngón tay út. Con gái thì xấu xí với mặt phẳng trần trụi có một đường rãnh như vết chém sâu đã thành sẹo, thương tích. Vậy chứ chẳng có đứa nào bận tâm, nam nữ đề huề không mở miệng lêu lêu bêu xấu nhau. Chẳng thể tưởng tượng sau này những vật thể ấy trưởng thành, mọc lông mọc cánh bay xuống cuộc đời đã hết thơ mộng. Không cách gì ngờ tới chim bướm kia là biểu tượng hòa hợp, nối kết làm nên một đời vợ chồng. Người tôi nổi gai, ngứa ngáy. Kể từ giờ, tôi bắt đầu đóng vai một người chồng? Tiên đã tắm xong.

Từ nhà sau, cô bước lên với cây đèn dầu lớn và với mái tóc đen mượt trơn láng. Cây đèn được đặt xuống bàn. Má Tiên nhìn con gái mình: Ngày mai nhớ tìm chỗ mà bọc nhựa hết bằng cấp giấy tờ. Làm được việc gì trước thì nên làm.

Gió thổi vào song làm run rẩy cánh cửa gỗ chưa ai đóng kín. Ngọn lửa trong bóng chụp thổi thụt đốm sáng như đang cạn dầu, lung linh con mắt đỏ quạch. Tiên đứng giữa khoảng cách, nên khi tôi nhìn tới, con mắt đỏ ấy đã rọi cho tôi thấy một phần ngực không mặc áo lót của Tiên. Cong vút, nhọn đầu như một búp sen tròn cứng chưa nở nhụy. Tôi nhắc thầm lời nói của má Tiên. Làm được việc gì trước thì cứ làm.

Buổi cơm chiều im lặng trôi qua. Tôi phụ Tiên thu dọn chén bát lui nhà sau. Cơn mưa đã bớt ồn ào, thỉnh thoảng có tia chớp sáng lạnh xẹt lên, xé toạc màn đêm, cắt trên gương mặt Tiên những nét hoảng hốt khó hiểu. Chén đũa kêu lách cách ở trong thau nhựa. Cơm thừa canh cặn. Nó hôi tanh, nhưng buồn cười ở chỗ chính nó đã khiến người ta lao tâm lao lực, đánh mất lần hồi những thơm tho trong tâm hồn để đổi lấy nó. Sự tuần hoàn đó xưa như trái đất. Mà cũng não nề như một vuông đất tù hãm. Bước chân mình loay hoay, vòng vo, không lối thoát.

Cơn mưa chẳng chịu ngớt hạt đồng lõa muốn níu kéo tôi ở lại. Má của Tiên chẳng lộ vẻ gì như ngầm duổi khéo tôi đi. Bà ngồi trầm ngâm, xỉa răng mãi mà chưa xong và trước mặt là chén trà chờn vờn khói bốc. Bà uống từ tốn từng ngụm nhỏ rồi sau cùng bỏ vào buồng nằm nghỉ. *Vũ vô kiêm tỏa năng lưu khách.* Câu ta thán ấy ai đã viết? Lý ra phải nên bảo là mưa không thể dập tắt ngọn lửa có trong lòng người khách đêm nay. Khi Tiên đến bồn rửa tay, tôi bước theo và ghì chặt lấy cơ thể cô. Tấm gương mù mờ ở đó soi cho tôi thấy một môi hôn hung hãn của kẻ nào đó muốn ăn tươi nuốt sống vợ tôi. Một lát, Tiên run lên. Năm ngón tay tôi lùa vào trong áo. Hơi thở cô dồn dập. Vú Tiên nhỏ, mịn màng lớp da quí. Nó nằm vừa vặn trong bàn tay khum lại, úp lên.

– Đừng . . . đừng. Tiên không thể . . .

Cô giữ chặt lưng quần và bao nhiêu sức mạnh như thảy đều dồn vào đôi bàn tay nắm.

– Chuyện gì vậy?

Tôi hỏi, giọng ngớ ngẩn, hơi lạc đi. Mặt vợ tôi nhăn nhó. Làm như đã có ai phán sẵn một lời nguyền, rằng khi cái quần ấy tụt xuống bởi bàn tay của dàn ông thì cuộc đời cô sẽ rơi hẳn xuống những tai ương khó lường.

– Đợi vài hôm nữa . . .

Những sợi tóc dài vướng víu ở cửa miệng Tiên. Cô gỡ tay tôi ra. Người tôi nhớp nhúa mồ hôi, là cái ly thủy tinh chứa đựng nước đá, rịn ra từng giọt đổ lăn xuống. Nếu tổ chức được một đám cưới rình rang màu mè hình thức thì có lẽ đêm nay là đêm tân hôn của vợ chồng chúng tôi?

– Tại sao? Tôi nói nhỏ, tự hỏi mình hay đang hỏi Tiên?

– Tại Tiên bị . . .

– Bị? Bị cái gì?

– Tiên đang có tháng . . . Đang có kinh . . . Anh hiểu không?

Trong bóng tối, ở đằng xa, từ chỗ nằm của má Tiên có tiếng trở mình, tiếng thở dài. Tôi ngồi bệt xuống nền nhà, trong hồn lạnh lẽo như bị dội nước mưa.

*

Trời mưa liên miên suốt cả tuần lễ. Chú tôi ôm cái radio không rời tay:

– Đù mẹ nó. Hết thời rồi! Không bão lúc nào lại nhằm lúc này mà nổi cơn.

Vợ ông thì lúc nào cũng loay hoay với cái va-ly. Hết soạn đồ ra lại xếp vào thẳng thớm hai ba cái áo lạnh.

– Chửi bới mà được cái gì. Không đi được thì ông phải tính cách khác chớ. Nằm ôm nhau cả đám ở đây liệu có yên thân không?

– Tính cái đếch gì? Bão từ bên Trung Quốc thổi về. Gió cấp bốn cấp năm cha ai mà dám ló đầu đi ra.

Căn nhà chật hẹp, suốt ngày giam giữ những tiếng chửi thề. Ban đầu Tiên không quen, có vẻ sợ hãi khi nhìn chú tôi ăn nói. Thùng rỗng kêu to, người dân ông vậy chứ xem ra cũng còn hiền lành chất phác. Tôi từng nói với vợ như thế và thường thì sau đó chúng tôi ngồi ấp ủ tay nhau lòng đầy lên nhiều ước ao. Tiên là một con chim ngày đầu tiên biết bay và tập tành soải cánh giữa khu rừng có nhiều gió. Run rẩy, lo âu, hoài nghi tới cả những đám lá cây xào xạc. Hôm Chín Lẹo tới thu tiền mua dầu, trước khi quay lưng, cái thằng con trai đen dúa tuổi chỉ mới xấp xỉ mười bảy ấy cũng đã làm Tiên yếu bóng vía giấu mặt lại sau vai tôi: Chết thật! Trắng trẻo lộ liễu như thế mà về tới đây không bị bể ổ là giỏi đó. Hắn xoay qua chú tôi. Đù má, là chi của ông vậy?

Ông chú nhìn lén tới tôi rồi giả bộ không nghe, áp một tai vô cái radio mở nhỏ tiếng, mặt nhăn mày nhíu. Tôi biết thằng Chín Lẹo từ hôm đó. Chú tôi thì từ lâu đã dán nhiều cái nhãn hiệu quanh thân đứa con trai tục tằn kia: Mầy nên nhớ bây giờ là năm 80. Chúng ta đã chậm lụt những năm năm, mất đi biết bao nhiêu nhân tài. Thời điểm này, thấp đuốc tìm không ra một tên "thuyền trưởng" nào điều khiển ghe điệu nghệ bằng nó. Đi đánh cá từ hồi mới bảy, tám tuổi . . . Tôi nghĩ thầm, và mất dạy lỗ mãng thì chắc là sớm sủa hơn, từ hồi mới chập chững biết đi? Không hiểu sao tôi mọc lên sự so sánh, thằng này mà đánh mình ngất đi nó chỉ cần múa may trong vòng ba mươi giây. Để xua đuổi những hình ảnh nặng nề có trong Tiên, tôi kể cho cô nghe về gia đình ông chú tôi. Chú tên Mưu, lấy vợ sớm. Ba tôi kể, là anh em mà hắn vô phước không giống tao được một phần cỏn con. Hắn là đứa hữu dõng vô mưu, đi học xa nhà ăn cơm tháng mắt láo liên để cho con mụ chủ quán quăng cho cái tròng vào cổ. Số là con mụ đó ngồi dạng chân trên dòn mà lặt rau, mặc quần đen xá xị đáy bị rách một đường dài phơi bày lộ liễu cái cửa tử. Chú của tụi bây cầm lòng không đậu chui đầu vô nên đang dở việc học hành và mấy tháng sau bồng cục thịt đỏ hỏn trên tay về khoe hàng xóm . . . Tôi nói cho Tiên rõ, cục thịt đỏ hỏn đó là con Hồng đã đầy thì ngày hôm nay . . .

– Vậy chứ mụ biểu hai đứa nó đi đâu mà giờ này chưa thấy về?

– Con Hồng thì đi mua miếng ny-lông đặng phòng khi hữu sự. Còn cô Tiên

thì lâu nay cuồng chân lợi dụng mưa gió đi theo nó để tham quan cho biết sự tình. Có ai sai khiến được đâu mà hỏi.

Khi nói bà ngó tới tôi. Phồng mang trợn mắt dồn sức đè đống áo quần xuống để gài kín cái va-ly lại. Tôi không hiểu tia mắt ấy có chuyên chở ngụ ý nào chăng? Tôi bận nhìn công việc của bà thím và thông cảm được sự áy náy chẳng ngừng của bà. Bàn tay ấy không quen nhàn rỗi. Chẳng động dao thớt trong quán cơm bình dân có nhiều thực khách thì nó phải được đền bù cho một việc làm khác, ở một nơi chốn khác. Đơm một hạt nút vào cái áo sờn cũ của ông chồng. Vá một lỗ thủng nơi đầu gối cái quần vải bông của Hồng. Và sau cùng là xáo ra, xếp ngay ngắn tất cả lại để cho vào va ly. Nếu ngày xưa bà chịu khó may vá, có lẽ Hồng sẽ không bao giờ hiện hữu. Tôi không tin lời ba tôi khi ông bảo chẳng qua đó là "mỹ nhân kế". Cái quần rách đáy và thế ngồi mát mẻ kia phải nên xem là một thử định mệnh. Hiểu như vậy rồi, thì chữ tình yêu nó sẽ được cắt nghĩa một cách giản dị hơn. Tiên không đồng ý với tôi. Cô phân loại ra nhiều hạng đàn bà. Cô nói tới chữ sĩ diện, nhân cách. Và để kết luận, cô hỏi: Còn anh? Phản ứng ra sao khi nhìn thấy một người đàn bà như thế? Tôi đã làm thinh. Cố xua đuổi những tưởng tượng ám tối. Tự hỏi tại sao vợ chồng người chú không tế nhị kiếm cách đi ra khỏi nhà trong vòng nửa giờ để cho vợ chồng tôi có những công việc cần giải quyết, đáng phải làm hơn là nghe radio và nghịch tay với mớ áo quần cũ như họ . . .

– Tụi bây về đây có lận theo giấy tờ chi không?

Chú tôi đã tắt máy, bắt đầu biết tiết kiệm pin. Ông hỏi tôi, đồng thời cuốn cái radio trong chiếc khăn lau mặt khô cứng và nhét nó vào ba-lô thu giấu dưới gầm giường.

– Dạ, có chứ.

Khi đứng bên cửa sổ nhìn trời ngó đất, ánh sáng đóng khung lấy người ông và làm tăng thêm cái màu vàng quái lạ đã bám sẵn vào da dẻ ông. Chú tôi bị bệnh gì đó thật ngặt nghèo. Ông tìm đường trốn dến đất nước người dưng một phần là muốn chạy chữa lo cho cái thân, phần khác mong cho đứa con tên Hồng tiến thân được trên một con lộ hanh thông, sáng sủa.

– Có làm được giấy phép đi đường không?

– Má của Tiên phải bỏ ra một chỉ vàng đó chú à.

– Mày có đồng hồ không? Chẳng biết mấy giờ rồi? Con quỷ này đi đâu mà lâu.

– Ông có biểu nó đi mua rượu hay sao mà đứng ở đó làm bộ sốt ruột?

Chú tôi quay đầu lui: – Tui không nói với mụ. Lỡ mà con Tiên bị người ta nghi ngờ điều gì thì tụi mình cũng gặp rắc rối chứ không giỡn chơi đâu. Xí, đàn bà. Đàn bà thiệt là . . . rắc rối.

– Phải a. Đàn bà mà uống được tí rượu vào rồi thì lại càng rắc rối thêm. Đúng không? Mồm mép lải nhải nay đù má ông trời mốt dịt mẹ thời thế. Người như ông công an chưa chộp cổ là cũng lạ đó.

Tôi bước tới góc nhà lôi chiếc áo mưa ra mặc.

– Mày đi đâu? Chú tôi hỏi, mắt long lanh. Biết đường xá không mà tìm?

Tôi cúi mặt, gài hết bốn hột nút nhựa thì Hồng bước vào, run rẩy dựng vịn tay ở cửa. Người nó giống như được cuốn trong cái bánh tráng đã chấm một nửa vào chén tương. Mưa dội ướt sũng đầu tóc bẹp dí và lệ dóng dầy trong con mắt đỏ. Phía sau, Tiên đang chậm rãi lê bước ngoài vuông đất lầy lội. Chân mất dép và tuyệt đối ở đó không có ai xiềng vào sợi dây xích khiến cô phải khó nhọc đi. Mặt Tiên trắng bệch, ở má có vết dầu mỡ đen đúa như hình một con vắt đang bám cứng để hút máu. Quần rách lai, hai tay Tiên bấu víu ở trước ngực, ở một bên hông và cô chực té khi bắt gặp ánh mắt sửng sốt của tôi.

Giọng chú tôi nổ ra đầu tiên, bắn tới Hồng:

– Tổ cha mi . . . Đứng yên coi nào . . . Sao lại khóc?

Tôi chạy vội ra ôm lấy Tiên. Vợ tôi nhẹ đổ như cành cây yếu bị níu cong xuống. Người cô lạnh toát. Tóc rối và phảng phất mùi xăng dầu thấm đẫm vào những lọn bện cứng.

Hồng thút thít:

– Thằng Chín Lẹo . . . Ba phải đi thưa nó.

– Chết cha tao rồi. Hắn đã làm chi mi?

– Hắn bẻ tay con, xô con té lăn xuống ruộng . . . Con chửi hắn . . .

– Rồi sao nữa? Đặt mẹ hắn. Bình tĩnh . . . bình tĩnh. Còn có ba đây, đừng sợ.

– Con thấy hắn đè lên người chị Tiên. Con dọa hắn, nói ba sẽ trả thù . . .

– Ông nội mày. Con này lớn đầu mà dại quá . . . Nói tóm lại là mi có bị chi không? Kể cái con mẹ gì mà dài dòng lôi thôi.

– Hắn cười như thằng điên. Tao thách hết đó. Không có thằng Chín Lẹo này xem thử bọn bây có đi ra được ngoại quốc không? Mưa to gió lớn, con kêu gào khô hơi mà chẳng có ai nghe. Chỉ thấy cái lưng của hắn và hai chân của chị Tiên chồi dạp lên trời.

Môi tôi thấm nước mặn. Nước từ đâu chảy giàn giụa xuống cằm. Mắt tôi nhòa đi, khiến lóng cóng hồi lâu mới kéo lên được cái quần vừa tụt xuống của Tiên. Giấy tờ Tiên lận trong lưng thay phiên nhau rơi bày trên lớp bùn quánh sệt. Cả ngàn giọt mưa kêu tí tách khi rơi xuống miếng ny-lông bọc kín vuông giấy có hàng chữ đăng ký kết hôn. Vẫn là chữ ký trùn bò bên trong. Vẫn là triện son tròn đỏ còn đó, chưa phai mờ, chưa suy suyển, chưa bị thấm ướt. Tôi ẩm vợ tôi vào trong gian nhà bỏng dưng lặng yên ai oán như một nhà quàn. Tôi đặt Tiên lên giường, cởi áo mưa tôi đang mặc phủ lên sợi dây thép để thế một cái màn. Tôi ngó những ngón tay lấy bấy của mình, cố giữ cho đầu óc thật tỉnh táo. Tôi lột bỏ áo quần vợ tôi ra, lau chùi nhẹ nhàng cẩn trọng cái thân thể yêu dấu mà tôi chưa bao giờ được nhìn ngắm. Vợ tôi không nhúc nhích. Tiên chỉ nghẹn ngào khóc và thỉnh thoảng cắn răng run nhẹ lên. Tôi không dám nhìn vào đám lông đen xác xơ bên dưới. Tôi nhắm mắt hôn vợ tôi thật lâu, mong Tiên sẽ ấm lại. Đắp cho cô cái mền, rồi tôi lén trốn mọi người lách mình đi xuống bếp. Vật tôi muốn tìm không khó kiếm, nó nằm tênh hênh ở đó, lạnh

lẽo như đang chờ tay tôi nắm vào. Tôi để đầu trần chạy thoát ra khỏi nhà bằng lối sau.

Được một đỗi xa, tôi cầm cây rựa bửa củi cắm xuống bờ ruộng mà gập người thở hào hển. Tôi như tờ giấy thấm, đầm đìa úng nước. Mưa cắn xuống trên người tôi triệu triệu nỗi đau, thê lương cùng cực. Có trốn chạy cũng không thoát thân.

*

Năm 80 tôi lập gia đình. Cũng cùng năm đó, sau mùa mưa bão đầy hoạn nạn bất ngờ ấy, bạn bè tôi đặt thêm một chữ sau tên tôi để gọi cho khỏi lầm lẫn: Tâm Sẹo. Tôi đã không trả được cái nhục mà vợ chồng tôi chẳng may hứng lấy. Chín Lẹo đánh ngã tôi bằng một thanh tre dài dùng để phơi lưới cá. Đầu mũi nhọn cắm dưới cát của nó mặn thấm nước biển cào rách mặt tôi một đường sâu máu đổ, trong khi lòng tôi ước ao nó phải chọc thủng vào trái tim cái đứa hèn yếu đang nằm co quắp nhục nhã dưới chân kẻ đã hãm hiếp vợ mình.

Chín Lẹo giờ này đã sang Mỹ ở, chú tôi viết thư về kể: Nó đi biển thật giỏi, chỉ ba ngày là tới đảo khoẻ re như một cuộc du ngoạn ngắn ngày. Trên ghe, mắt nó không láo liên ngó ngàng chi tới con Hồng. Âu cũng nên tạ ơn Trời Phật. Tội nghiệp vợ chồng mày. Cứ yên tâm đi, chú sẽ làm xong giấy tờ bảo lãnh . . .

Tôi không hồi âm lá thư xa ngãi mịt mù kia. Tôi đau đớn vì lá thư gần gũi khác, cùng gửi và nhận trên cái bề dài của quê hương khổ nhục. Thư của vợ tôi:

. . . Hoa Tiên cũng là tên gọi của một loại giấy. Anh biết không? Một tờ giấy đã lỡ vo rồi làm sao trải thẳng lại được? Má của Tiên vừa mới mất vì bị lở loét đường ruột. Bà là người rộng lượng. Anh đừng áy náy vì một lời lừa, rằng sẽ cố bảo bọc Tiên khi chúng ta xa bà. Bây giờ thì mọi điều đều vĩnh viễn cách ly. Bà đã nhắm mắt, Tiên luôn thắp hương xin bà phù hộ độ trì riêng cho mình anh chóng có ngày vượt biển bình an . . .

*

Năm 90, trời đãi kẻ khù khờ. Chẳng biết chú tôi dùng thủ đoạn gì mà giấy tờ chống gặt hái kết quả. Trước ngày lên đường tôi đò ra nấm mộ của má Tiên để tới thắp cho bà một bó hương. Mười năm, tờ giấy đăng ký kết hôn ngày nào đã rã mục trong miếng ny-lông vàng úa. Tôi đốt nó sau cùng, ngọn lửa cháy bùng lên như một cái cầu vồng mọc trong ngày mưa, ở một chân trời khuất lấp. Bạn có thể trách tôi sao đốt đi một chứng tích, một kỷ niệm? Tôi xin cúi đầu khấn nguyện. Có lẽ khi chết đi, hình ảnh Tiên mới tàn lụi ở trong tâm tưởng tôi.

Gió thổi bay tro than, tan tác những bông hoa héo úa nằm rũ liệt trước nấm mồ người tôi chưa một lần gọi má. Tôi cúng cho bà hai hàng nước mắt. Tôi không biết, giờ này vợ tôi đang nằm ở đâu? □

PHẠM QUANG NGỌC

Ơn em

Ơn em làm ấm chỗ nằm
Làm chăn gối lệch sỗ sàng thịt da
Ơn em buồn ngó trông xa
Tiền thân thoáng hiện la đà bóng mây

lên đồi

Lên đồi, bỏ dép, lên đồi
Áo quần cởi hết, định ngồi tịnh tâm
Chợt nhìn cánh bướm vô âm
Thì ra rồi cũng căn phần ở đây

lửi

Nắng hanh ta lủi bụi nằm
Gai đau đâm thấu nên quần quại thân
Luồn ra nắng, đứng chết trân
Tìm đâu bóng mát, chói chang cõi này?
Buồn buồn cùng nắng ngất ngây
Hóa tên lãng tử du say mộng phàm

trăng

Trăng theo ta, kiếp lưu đày
Hằng Nga chán chửa, phô bày ngực hoa
Cuội nằm nhớ bóng cây đa
Ta nằm vọng thuở mẹ cha gọi về

KIỆT TẤN

chớm thu chợt nở đóa xuân đầu

truyện ngắn

Từ lầu mười lăm rớt xuống đất, người đàn ông tay chưn gãy vụn, sọ sau bể nứt làm nhiều mảnh, đôi tròng mắt bật ra khỏi hố mắt, gân máu nhầy nhụa còn cố giữ, kéo buộc, tiếc hối. Lũ trẻ gái đang chơi nhảy cò cò lên thiên đàng trên sân xi măng giựt mình kinh hãi, nhớn nhác, ôm nhau khóc ré, kêu la inh ỏi. Người lối xóm tuôn ra khỏi nhà, chạy ùa tới nơi xảy ra tai nạn, xôn xao bàn tán. Việc gì vậy? Việc gì đã xảy ra? Người đàn ông đó là ai vậy? Chết chưa? Chết rồi hả? Từ lầu mười lăm nhảy xuống chỉ có nước chết thôi chớ làm sao sống nổi! Coi đôi mắt y lọt tròng kìa, khiếp chưa. Nhiều người đàn bà bụm mặt quay đi, bụng nhợn lên nôn mửa. Tiếng còi xe cứu thương rú lên đâu đó, hốt hoảng, hối thúc . . .

*

Vậy mà đã chín năm qua rồi. Bây giờ tôi trở lại đây một mình. Không có Evelyne. Không có *Em Điên Xõa Tóc*. Paul Brousse. Vẫn bệnh viện tâm trí cũ kỹ đó. Vẫn gạch tường đá đỏ rêu phong, mái đá bảng đen, chiếc đồng hồ tròn lớn trên mái nhà ở cổng vào đổ hồi kiểng quen thuộc cứ mười lăm phút . . . Ú liêu xang hò, hò liêu xang cống, ù liêu xáng hò . . . boong . . . boong . . . boong . . . Tôi níu tay Ánh bịn rịn. Tôi sợ trở về phòng của tôi một mình, mệt mỏi nằm một mình, thao thức lăn trở một mình, trợn trắng suốt đêm nghe tim lúc đập lúc ngừng, tưởng chừng nó sắp ngừng lại luôn – Tốt biết mấy! Đêm khuya tôi lò dò kiếm lỗ cắm điện để thọt hai ngón tay vào, không thấy đâu hết. Tôi gỡ lưỡi dao cạo râu, mò mẫm mạch tay, mạch cổ, mạch hạ bộ, mạch rún – làm sao cắt được một cái chết tốt, vô phương cứu chữa. Tôi kề lưỡi dao lên màng

tang, ngó mình trừng trừng trong kiếng. Hay là tôi cắt một vành tai như Van Gogh. Để làm gì? Tôi chỉ muốn chết. Tôi không muốn ngáp ngáp, sống dở chết dở. Tôi muốn làm sao trốn khỏi bệnh viện u ám nầy, trở lại căn nhà ở từng lầu thứ mười lăm của tôi ở Bagnolet, từ đó nhảy xuống nền xi măng bên dưới. Tiêu tùng! Chắc chắn tiêu tùng, vô phương cứu chữa. Uống thuốc độc, nhào ra đường cho xe cán, cắt mạch máu, mọi giải pháp đều rắc rối và không chắc ăn cả. Chỉ có nhảy lầu. *An toàn trên xa lộ, thanh lịch trong thành phố, và nhứt là bà xã hài lòng...*

Không! Không! Ánh sẽ không hài lòng một chút nào hết. Nàng sẽ không bao giờ hiểu được sự hủy mình của tôi. Chín năm trước đây – thời Evelyne – nếu tôi tự tử nàng còn có thể hiểu được vì lúc đó tôi khởi đầu lại từ con số không (sau năm 1975), tôi thất nghiệp, nàng nấu bếp nhà hàng, hai đứa nhỏ mới lò dò vào Trung học, Thụy thì còn luẩn quẩn ở Tiểu học. Bây giờ tôi đã có nhà (trả góp), có xe (trả góp), có cơm hoặc bánh mì hai buổi, còn muốn gì nữa? Phương vừa được điện tín hãng Shell thu nhận, Thụy tìm được việc hè ở FNAC chuyên về máy móc chụp ảnh. Ánh thì may vá lai rai. Ai cũng thấy con rồng cháu tiên quật khởi, vậy mà tôi cảm thấy mình rụng cánh giữa trời như Icare. Tại sao? Công việc trong sở tôi thay đổi nhiều từ ba năm qua, từ cơ cấu đến nhân sự. Tôi có thể bị gạt ra bên lề. Nhưng chưa ai gạt tôi ra thì chính tôi đã tự gạt tôi ra bên lề. Ngày đêm tôi lo sợ mất việc làm. Tôi cảm thấy mình già đi và mất hiệu năng. Cuộc lo sợ đó kéo dài hai năm, và cuối cùng tôi gục ngã. Trên chiếc taxi chở tôi, Ánh và Phương tới bệnh viện, tôi dẫy dành dạch, nhất quyết, tiếp tục đi làm việc cho tới... cho tới... lúc ngã lăn ra chết thiệt?

Bệnh viện Paul Brousse. Tôi bắt đầu trở lại lúc khởi khùng. Ra khỏi nhà thương điên nầy chín năm về trước là cả một sự nhiệm mầu rồi đối với tôi lúc đó. Lúc đó là tháng tư, chớm Xuân và cũng là tháng sinh nhựt của tôi.

Tôi trở lại nhập viện Paul Brousse lần thứ hai vào mùa Hè. Bà Girard chẩn bệnh và kê toa cho tôi chữa bệnh theo lối *protocole* (nghi thức?) Tôi không hiểu gì hết. Chỉ biết sau khi xem hồ sơ, bà bảo lần nầy cách trị liệu sẽ không như lần rồi. Bà sẽ cho tôi thử nghiệm một loại thuốc an thần từ bên Mỹ mới gởi sang, trước khi tung ra thị trường. Ngoài ra còn có một tập hồ sơ dầy cộm đặt vô số câu hỏi để tôi trả lời, từ đời ông nội tôi (như tờ tự thú) xem coi có ai ba trợn – hay làm chuyện bất thường cướp của hiếp dâm – như tôi chăng? Nhiều câu hỏi quá! – hơn hai trăm – nên tôi gạch chéo đại cho xong. Khi tôi nộp bài cho bà giám khảo, bà liếc sơ hỏi tôi trả lời thiệt tình đó chớ? Tôi gật đầu đại "*Xin đừng lấy đó làm chơi*". Nghiêm chỉnh một trăm phần trăm. Nếu tôi không nghiêm chỉnh một trăm phần trăm thì tôi đâu có điên như bây giờ. Sau phần thẩm vấn và thủ tục giấy tờ, tôi được tách rời khỏi Ánh và Phương để nhập viện – nghĩa là vô nhà thương điên đó. Tôi được đưa vào một căn buồng sơn màu hồng nhạt, trống trơn, không có một ngăn tủ, không có một vòi nước, chỉ có một ngọn đèn trần tòn teng trên đầu.

Tôi nằm bật lăn ra trên chiếc giường nhỏ ngó trần nhà trắng toát bên trên,

chạnh nhớ ông bạn già cố nhân Jacques trong *Vườn Chanh Miệt Biển*. Bạn tôi hỡi có thấu. Có biết chăng giờ đây tôi xiêu lạc hà phương? Tôi sợ điên, tôi sợ nhà thương điên, mà bây giờ tôi lại trở vào Paul Brousse. Tôi đâu muốn viết lần nữa chuyện *Em Điên Xõa Tóc*. Dù viết cách nào đi nữa thì cũng sẽ bết bát hơn là cái chắc. Lần trước tôi còn được chút tình yêu lẩm cẩm, lần nầy tôi được thêm phần lẩm cẩm nhưng không có chút tình yêu. Tôi biết yêu chăng?

Sau khi mò mẫm suốt cả buổi, tôi mới nhận diện ra căn phòng tôi nằm là một căn phòng nới rộng ở cuối hành lang, tiểu tiện, tắm rửa gì cũng phải qua cánh bên kia, nơi chín năm trước đó tôi nằm trong phòng mình ngó qua phòng Evelyne. Nhưng giờ đây nào tôi có dám chà tắm rửa ráy gì hết đâu. Tôi cầm cục xà phòng đi loanh quanh trong phòng, khăn nhỏ vắt vai. Tôi tự nghĩ nếu tôi đặt bước ra khỏi phòng, người ta – hay y tá – sẽ hỏi tôi đi đâu, làm gì, định cướp của giết người chăng, hay làm chi chi đó mà tôi không có khả năng giải thích gì hết. Người ta sẽ đưa tôi tới một nơi khác bí mật hơn nhốt kỹ để rồi cuối cùng đem tôi ra chặt đầu như một con chó trong truyện Kafka. Phải chăng chẳng qua tôi xấu hổ về một cái gì đó trong tiềm thức mà tôi chưa nhận diện ra. Tôi thuộc *loại người bị quỷ ám*.

Ngày hôm sau tôi được bác sĩ Dhot chẩn bịnh và cho thuốc. Ông nói gì tôi cũng đối lập, ông giận đỏ mặt. Khi ông kê toa thuốc, tôi hỏi có phải ông đang đem tôi ra thử nghiệm một món thuốc mới chăng? Ông bất mãn, sau đó ông than phiền với Ánh và Phương là ông cố giúp tôi mà tôi không bằng lòng. Buổi chiều Ánh và Phương đẩy tôi ra công viên phía sau phòng giải phẫu để giải khuây. Phương thấy cuộc đời tươi sáng với Shell, An (hôn phu của Phương), và thấy cuộc đời mình cũng vững chãi. Ánh may vá lặt vặt, Thụy có công việc FNAC mùa hè cũng qua buổi. Ai cũng cảm thấy trời đất bình thường. Xung quanh tôi không ai thấy tôi có một lý do gì để nổi điên hết. Tôi không có quyền nổi điên sau khi biểu quyết, sau khi được chính quyền thẩm vấn. Tôi nhập viện vào buổi trưa. Y tá đem tới cho tôi một phần cơm Á Rập – *couscous*. Tôi lắc đầu co người nằm quạnh hiu trong một xó giường. Ánh và Phương chia nhau phần ăn của tôi. Trong đầu tôi chỉ có một âm mưu duy nhứt: *làm sao chết*. Lúc bệnh càng lúc càng trầm trọng, nằm ở nhà mình đêm khuya thao thức, tôi sợ một ngày đẹp trời nào đó tôi chợt nổi điên vác dao nhọn đâm chết hết vợ con rồi nhảy xuống lầu tự sát như giáo sư Triết trong *La Dolce Vita*. Bởi lẽ đó tôi rất sợ những người tìm hiểu ý nghĩa cuộc đời và bi quan. Rồi tự ý chọn lựa sự kết thúc cho người khác – không cần tham khảo ý kiến. Tôi muốn khoét rỗng sọ đầu của tôi và ỉa vào đó một đống. Cứt hết! Cứt hết thảy! Trí tuệ con người đẻ ra những mớ cứt vĩ đại – và hân hoan vỗ tay, khen thơm. Mọi người xếp hàng để được phép dâng hoa và lễ bái. Làm như không có bạo chúa hoặc đấng tối cao thì mình trở thành khỉ hết ráo. Cám ơn bạo chúa, xin trả lại Ngài đỉnh cao trí tuệ. Tôi đang điên cơn điên của tôi đây. Cơn điên rất tầm thường và rất con người – con người trầm luân, mê muội và có con tim hệ lụy.

Tối hôm đầu tôi lấy tiền lẻ gọi điện thoại về nhà. Tôi nói tôi buồn và quá

sức cô đơn. Ánh an ủi tôi, Phương khóc ròng và khuyên tôi cố gắng. Tôi nói e rằng kỳ này tôi điên luôn quá. Nghĩ tới việc làm tôi đã thấy nhợn. Tôi dòi làm đơn xin từ nhiệm. Phương hỏi từ nhiệm rồi lấy cái gì mà sống? Còn nước còn tát, tới đâu hay tới đó. Đừng có tự động cầm dao cắt cổ mình, vô phương cứu vãn.

Tôi trở về phòng nằm quạnh quẽ, mắt mở thao láo, tay cầm lưỡi dao cạo mò mẫm vết cắt tuyệt mạng trên thân thể mình. Tôi chỉ e mình không chết mà trở nên tàn tật – á khẩu, bại liệt, hay liệt dương chẳng hạn. Hay là tôi chờ buổi sáng xe cam-nhông đổ rác tới lui trong bệnh viện, tôi lăn nhào dúi đầu dưới bánh xe kép. Rụp một cái! Tiêu tùng! *Thì thôi tóc ấy phù vân, Thì thôi lệ ấy còn ngần đáng sương. Thì thôi mù phố xe đường, Thôi thì thôi nhé đoạn trường thế thôi.* Tôi vẫn hằng mơ ước được chết vì tình dè đâu giờ đây tôi sắp chết vì bệnh điên và có thể bị xe đổ rác cán dẹp lép.

*

Tôi thức từ đầu hôm tới sáng. Liên tiếp ba ngày đêm rồi. Tôi chỉ thèm được ngủ một giấc – hay ngủ luôn càng tốt. Tháng bảy mùa Hè chim bay rậm rật, hoa nở hừng hực, ong bướm xôn xao. Đời sống sờ sờ đó mà tôi quấn lấy mình cơn bệnh sợ thất nghiệp, mọi việc trở thành không còn mùi vị gì đối với tôi nữa hết. Tôi cảm thấy mình trách nhiệm nặng nề về đời sống của mình, của Ánh, của Phương, của Thụy. Có lần bác sĩ tâm lý Cazas hỏi tôi bộ tôi tưởng tôi là Thượng đế đấy hẳn? Sau khi gởi gấm tôi vào bệnh viện Paul Brousse – lần thứ hai – ông đi nghỉ hè một tháng rưỡi.

Sáng hôm sau khi nhập viện, vị giáo sư trưởng viện Ginestet tới viếng tôi, kèm theo một lô nữ trợ tá, trong đó có nàng Nadine, trợ tá xã hội là đẹp nhất. Tóc mầu vàng, mắt xanh lục, môi no nê, thân thể lẳng tròn, cái nhìn ấm cúng. Nhưng than ôi, những pho bí kíp ghi triệu triệu năm trong tế bào của tôi đã chết tiệt. Khi ai nấy đã đứng vào vị trí của mình, ông Ginestet hỏi tôi:

– Sao, đêm qua ông có ngủ ngon không?

Tôi ì ạch rặn từ chữ:

– Tôi . . . thức . . . trắng . . . đờ . . . con . . . mắt . . .

– Ông có thường mất ngủ không?

– Gần như kinh niên, trừ những lúc tôi có một mối tình và si mê với mối tình đó. (Tôi mạn phép bỏ các dấu chấm chấm cho dỡ việc).

Mọi người ghi chép lời nói điên khùng của tôi. Ông Ginestet ngó quanh căn phòng rồi hỏi tôi:

– Có khi nào ông thèm chết không?

– Dạ, gì chớ cái đó thì thường lắm.

– Vì lý do gì mà ông thèm chết?

– Nhiều lắm. Nhưng nói chung thì do tâm tưởng của tôi mà ra hết. Khi tôi chấp một điều gì quan trọng quá mức thì tôi sẽ chết về điều đó. Như việc làm chẳng hạn.

Giáo sư trầm ngâm:

– Ừ hử. Ông bị khủng hoảng tâm lý đã bao nhiêu lâu rồi.

– Tính sơ sơ cũng có đến năm sáu lần, nhưng chỉ có hai lần vào bệnh viện Paul Brousse, lần trước cách đây chín năm. Thời gian qua lẹ thiệt, nhưng tôi vẫn nhận thấy mình chưa hết khật khùng. Tâm tôi còn vọng chấp quá mức.

Giáo sư Ginestet ngó quanh dám tùy tùng. Bà bác sĩ Jouve lên tiếng:

– Tôi đã chữa bệnh cho ông nầy hồi chín năm về trước. Bây giờ ông trở lại. Những trường hợp tái suy sụp cũng rất thường, trong bệnh viện nầy có nhiều người lắm. Có người đã tự tử đến hai ba lần.

Hết thuốc chữa! Có lẽ phần nào bà Jouve muốn nói như vậy chăng? Giáo sư Ginestet gật gù trầm ngâm rồi rút lui khỏi phòng bệnh của tôi. Ngày đó và liên tiếp mấy ngày sau tôi bỏ ăn, bỏ ngủ, bỏ đ., bỏ ỉa. Sắp chết thấy rõ. Nếu không thì cũng ngáp ngáp chờ chết. Đêm đêm tôi nằm lo sợ mình trở chứng lạ, sợ sự quạnh quẽ, sợ tiếng động xì xầm của thành phố, tiếng xe rú, tiếng gió thổi, tiếng lá rơi, tiếng của ai bỗng thét bên phòng ngang mặt, tiếng gót giày nhọn trong hành lang, tiếng chìa khóa mở, tiếng thịnh nộ, tiếng an ủi. Và tôi mưu toan cái chết của mình. Ở bệnh viện không cách gì ăn chắc một trăm phần trăm được. Tôi âm mưu trở về căn nhà của mình ở từng mười lăm. Rồi từ đó nhảy xuống. Ăn chắc!

*

Lần điên trước tôi mang theo mình quyển *Mickey*. Lần điên này tôi không kịp đem theo gì hết. Sau đó Phương đem tới cho tôi tập *Đại Bi Thập Chú* nhỏ mà Phương vẫn thường thấy tôi bỏ túi trên và thỉnh thoảng lôi ra đọc trong *métro*. Không dè lần này tôi sa sút quá nặng, nói không ra lời, đọc không thành chữ. Làm bất cứ một cử chỉ nhỏ mọn nào cũng rặn ì ạch. Sau một đêm (nữa) mất ngủ tôi bị dựng đầu dậy ăn sáng (bánh mì, bơ, mứt, cà phê). Trở về phòng kéo ghế ra ngồi trong vũng nắng hè lọt qua cửa sổ, tôi giở từng trang của tập chú Đại Bi nhỏ xíu, rặn từng chữ như nói mê hoảng "*Nam mô đại bi hội thượng bồ tát thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà la ni . . . Án tất đế hộ rô rô, tất rô rô, chử rị ba, kiết rị bà tất đạt rị, bổ rô rị, ta phạ ha . . . Ma ha Đi Lạc đế, tâu phả tăng kỳ đế, hê đế tỷ, tăng kỳ hê đế, tâm mạn đà, a tha a nậu, đà la ni . . .*"

Lời thần chú tôi không hiểu gì hết, tôi không tin tưởng và cũng chẳng không tin tưởng lời chú sẽ làm cho tôi hết điên và rời khỏi cái bệnh viện hắc ám nầy. Nhưng tôi cũng chẳng có cách nào hơn. Đọc chú xong tôi ngồi ngủ gà ngủ gật trong vũng nắng, chờ có nàng nữ y tá nào đó tới đè tôi ra gắn ống hút đo mạch tim, đo áp huyết, đo trọng lượng, bắt phóng uế, bắt tè. Không có máy nào đo độ cường dâm – có đo cũng vô ích, dưới số không là cái chắc. Thế nhưng nhiều nàng mơn mởn hết sức, đủ mọi màu trắng vàng đen xám, núng na núng nính nhưng tôi dửng dưng. Một đêm mất ngủ, vào khoảng bốn giờ sáng tôi bấm chuông kêu cứu một nàng. Nàng vội vàng chạy tới hỏi tôi có gì bất trắc. Tôi thều thào, cảm thấy đầu óc đặc cứng, như mất hết trí nhớ, không còn suy nghĩ gì được nữa. Nàng sờ trán, đo áp huyết tôi và nói giờ nầy, đâu phải là giờ để suy nghĩ, khuyên tôi hãy ngủ đi. Tôi ngã ra bất tỉnh.

Tuy nhiên tôi rất còn tỉnh táo trong dự mưu tự sát của mình. Tôi giả đò như tôi đã học tập cải tạo tử tế để được đi phép cuối tuần. Lần đi phép đầu tiên sau ba tuần nhập viện, Ánh và Phương đưa tôi về Paris, rong chơi Xóm Học. Mọi việc như đều xa lạ náo nhiệt ồn ào quá mức chịu đựng của tôi. Tôi ngồi bệt xuống một cột điện thở dốc, sợ hãi từng tiếng xe rú. Vậy mà hai mươi tám năm trước đây tôi đã từng múa may quay cuồng với Diane trước Fontaine Saint Michel ngày lễ Cách Mạng 14 Juillet. Pháo bông, pháo nổ và nhạc phong cầm tưng bừng. Đâu dè hai mươi tám năm sau tôi trở lại nơi này với cơn buồn ngủ trĩu nặng mí mắt, cơn mệt nhừ sắp rã của thể xác và cơn điên hủy diệt trong đầu. "*Em ơi kót đi em! Kót đi em! Kót đi em . . . Lên xe tiễn anh đi, chưa bao giờ buồn thế . . .*"

Sau đó tôi được chở đi ăn mì ở phố Tàu. Miệng tôi ăn gì cũng như ăn bã giấy. Thôi rồi! "Ăn, ngủ, đ., ỉa chẳng hay, trở về làng cũ học cày cho xong".

Trở về căn nhà ở Bagnolet, cảnh vật cũng trở nên xa lạ đối với tôi. Nhìn xó xỉnh nào tôi cũng thấy vấn đề. Tôi bảo Ánh chặt bỏ và dọn dẹp bớt cây kiểng trồng trong nhà – tội tình gì? Buổi chiều nàng dắt tôi đi dạo thơ thẩn ở công viên dốc đồi. Từ đó ngó lên từng mười lăm cũng thấy xa mặt đất lắm. Tôi nghĩ không lẽ đời tôi ngày hai buổi chạy đuổi theo những chuyến tàu dưới *métro*, chiều chiều về đắt vợ đi dạo mát rồi leo lên từng thứ mười lăm ăn uống, coi truyền hình – và làm tình đôi khi. Tôi đã làm những điều này bao nhiêu năm nay rồi, tự dưng sao bây giờ thấy ngán ngược.

Cuối tuần đi phép tôi cũng dâu có ngủ nghê được gì. Trợn trắng trong đêm, nghe tiếng xe cộ rì rầm dưới xa lộ khuất, lo sợ vẩn vơ. Ngày thì tôi ra đứng thẫn thờ ngoài bao lơn ngó xuống. Chỉ cần choàng cẳng qua rào sắt thấp búng vọt ra ngoài. Năm giây sau, *huỵch*! trên nền xi măng xác thân bể nát, óc vỡ, mất văng ra khỏi tròng. Tôi đoán khi mình rớt trên nền xi măng cứng thì sẽ có ba người thiệt mạng: tôi, Ánh và Phương. Tôi dụ dự. Hơn nữa, lìa bỏ thế giới khốn kiếp này tôi sẽ đi vào một thế giới khá hơn không? Hay chẳng qua chỉ là cái vòng luẩn quẩn càng ngày càng nặng nề nghiệp chướng. Như giờ đây tôi hết ra lại trở vào bệnh viện. Thế giới ta bà, chín từng địa ngục, trong cơn điên tôi đều qua đủ hết. Mãi về sau nầy, khi nghe tin nhà thơ *Nguyễn Tất Nhiên* tự sát, tôi ngậm ngùi buồng tiếng kêu bi thương. Tôi cảm thấy thấm thía cái chết của Nguyễn Tất Nhiên hơn ai hết, cho dù tôi chưa hề được gặp Nhiên một lần nào. Nhiên nhỏ hơn tôi mười tuổi. "*Đoạn trường ai có qua cầu mới hay! Mai anh chết đứng cội đào, Khóc anh xin nhỏ lệ vào thiên thu.*"

Trở vào bệnh viện, cuộc nghiên cứu để trị liệu được tiếp tục đúng "nghi thức". Đôi ba ngày bà Girand lại tới phòng tôi với hai trăm câu hỏi để lấy khẩu cung, kiểm tra tôi và cho điểm và thử nghiệm loại thuốc Mỹ còn trong vòng nghiên cứu, dĩ nhiên. Tôi lại bị đè xuống rút máu, ba giờ sáng bị dựng đầu dậy bắt uống hai lít nước lã (nước Pháp chắc hết rượu), năm giờ sáng bị y tá níu lưng bắt tè trong một cái lọ to tổ bố. Nước tiểu lợn cợn như nước lóng phèn – chắc tôi sắp đái ra . . . cây. Tôi được dọng một liều thuốc xổ pha chế đặc biệt,

tôi đền tội trong quần phải thay tã năm sáu lượt. Tôi được hướng dẫn xuống phòng trắc nghiệm não bộ. Cô nữ y tá lấy dũa móng tay dũa lên da đầu tôi, rửa bằng rượu cồn – ôi cha là rát! – trét kem dẫn điện rồi cắm cọc điện vào đầu tôi để đo lường và ghi nhận trên biểu đồ phản ứng trí tuệ tôi. Ngó trong kiếng trước mặt, tôi thấy một Tề Thiên Đại Thánh đang đeo vòng kim cô của nhà Phật trên đầu vì cái tội bướng bỉnh chống trời. Sau đó cô y tá cho chớp đèn lia lịa trước mắt tôi, tôi thấy hào quang và ánh sáng (phúc âm?) trong con ngươi tôi lóa chóa, tá hỏa tam tinh. Lại cắm điện, lại ghi. Khi được thả ra, tôi đi cụng đầu vào cột, và đò dẫm từng bước một trên cầu thang thăm thẳm dẫn về phòng mình.

May thay nàng đã tới. Nàng trước nhất là nàng của tôi. Ánh! Mỗi ngày Ánh đánh xe tới, dậu xe trong bóng mát, hớn hở lên lầu để gặp tôi. Sau buổi trưa, khi ăn cơm xong nàng là người, tôi mệt ngất, hai đứa nằm bên nhau, thoi thóp. Ngày nào cũng như ngày nấy. Nếu Ánh ngã bịnh, chắc chắn tôi sẽ không tới được với nàng mỗi ngày như vậy. Tôi dư biết khả năng phản bội của mình. Còn điều gì để lột mặt nạ tôi nữa chăng?

Nàng thứ hai là Nadine, nữ trợ tá xã hội, tóc nâu vàng, mắt xanh lục. Thỉnh thoảng nàng ghé qua phòng tôi giúp tôi điền ba mớ giấy tờ để được hưởng trợ cấp xã hội. Một lần nọ dừng lại trước bảng xốp có gắn tranh tôi vẽ, nàng trầm trồ khen ông có tài vẽ tranh thủy mặc thiệt đó. Tôi thụt lùi ấp úng, "Vậy hả? Cám ơn Nadine, cám ơn lắm lắm. Tôi chỉ vẽ chơi vậy mà. Chắc Nadine khen tôi lấy lòng." Nàng mỉm cười độ lượng. Lấy lòng ai cũng vậy, lấy lòng tôi, tôi cám ơn. Tôi hỏi nhỏ, "Nadine có biết xứ sở của tôi ở đâu không?" Nàng lại gật đầu mỉm cười thông cảm. Tôi thấy mình quê một cục. Tưởng gì chớ Việt Nam người ta đã nghe điếc lỗ tai từ bốn mươi lăm năm nay rồi. Nadine hỏi có nghề gì làm mà tôi yêu thích chăng? Tôi nói tôi yêu thích đàn bà, nhưng nào đâu phải là một cái nghề. Nàng nói tại sao không, nếu ông thành thật. Tôi chới với. Lẽ đâu tôi dám xưng tụng yêu đàn bà là một cái nghề, cha truyền con nối!

Nàng lại mỉm cười độ lượng. Tôi bối rối như lần đầu viết thư tình. Mất mèo trong xanh leo lẻo. Tôi sắp chết, nhưng không phải vì bịnh điên. Dù sao cách chết này cũng sẽ đằm thắm hơn. Giờ đây tôi đã tìm được một hơi thở tiếp sức. Ngày ngày tôi vẫn chờ đợi Nadine mang tới một mớ giấy tờ rườm rà gì đó và nàng giúp tôi điền hộ. Cuộc chơi lấm cấm mà an ủi tôi vô cùng. Tuy nhiên trên cái dốc dứt thẳng tôi đâu có cách gì kềm hãm được. Xe càng tuột dốc tôi càng chóng mặt. Tuy nhiên, tôi tiếp tục giả vờ học tập tốt để được trả về nguyên quán.

Cuối cùng, sau sáu tuần cải tạo, tôi được trả về với vợ con. Vợ con những tưởng tôi hết bịnh, đâu dè tôi vẫn âm ỉ mưu toan tự sát. Chết để giải quyết cái gì tôi không rõ, nhưng lòng tôi chỉ muốn chết, muốn mình biến mất luôn trên mặt đất này không để lại một dấu vết gì hết ráo. Sau mỗi ngày thường trực ở bệnh viện, giờ đây về nhà Ánh túc trực bên tôi và nấu nướng các món ngon. Tôi sống hết còn ham sống nói chi tới điều ăn uống. Tôi nằm li bì trên giường

ngó ra bao lơn, tính tới tính lui, làm sao cho ổn (ổn cái gì?). Nàng dút cho tôi ăn, vỗ về cho tôi ngủ, dắt tôi đi dạo, nấu nướng món ngon và yêu cầu tôi đừng có vò đầu bóp trán nữa. Nàng nói nếu tôi cần vợ bé thì nàng sẽ cưới cho – miễn sao tôi hết điên thì thôi. Tôi nín thinh ngó lại đời mình thấy đã nhầm quá rồi. Tình nghĩa vợ chồng đâu lẽ nào không bén lửa trong lòng tôi, cứ để tôi nổi trôi bội phản. Chắc chắn sẽ không có ngân hàng nào dám đứng ra bảo hiểm tôi không phản bội vợ. Lúc nào tôi cũng thấy mình phản bội. Hai lần điên cũng không phải là hai lần chung tình với Ánh.

Hồi nằm trong bệnh viện, niềm vui của tôi là được Nadine tới thăm viếng bất thường và giúp tôi diễn ba mớ thủ tục hành chánh – tôi được bơm thuốc thẳng vào mạch máu, nằm quẹp tại chỗ, bất ly cục cựa.

Sáu tuần thử nghiệm thuốc Mỹ, trở về nhà tôi vẫn còn ăn nói khó khăn và cử động lờ quờ. Thỉnh thoảng ngồi một mình ngoài bao lơn lấy chú Đại Bi ra đọc. Tôi muốn nhảy lầu nhưng tôi vẫn cứ khoan khoan đợi chờ – chờ cho bao lơn sụp đổ dưới chưn tôi? Khi nhảy lầu tôi dự định viết lên mặt bàn trắng bốn chữ tuyệt mạng, đen lớn "Hèn nhát! Lười biếng!" Chết còn muốn thuê người đẩy mình xuống lầu.

Sau một tháng rưỡi nghỉ hè, Cazas trở về Paris và tôi tới để ông chẩn bịnh. Thoáng nhìn qua sắc diện của tôi, ông Cazas cầu nhàu sao bệnh viện dễ dãi và Phương, Ánh quá cưng tôi. Chỗ của tôi là phải nằm trong bệnh viện tiếp tục vì tôi còn bịnh nặng. Nói xong ông gọi điện thoại đến Paul Brousse thu xếp cho tôi trở lại trại cải tạo. Dĩ nhiên tôi không ưng ý một chút nào hết. Vậy mà rồi tôi vẫn thu xếp hành trang biệt kinh kỳ để trở vào bệnh viện lần nữa. Thấy tôi trở lại Nadine giựt mình – nàng những tưởng tôi đã một thuyền nhỏ qua sông Dịch thích khách bạo chúa xong xuôi rồi. Dè đâu bạo chúa là tôi.

Tôi được đưa vào phòng mới, phòng của Evelyne nằm tịnh dưỡng chín năm về trước. Mái tóc xõa và đôi giày ủng còn luẩn quẩn đâu đó. Một lần tôi dắt Ánh tới quán cà phê nơi tôi cho Evelyne uống nước bạc hà giải khát – giờ quán cà phê đã đổi chủ, bên ngoài bên trong đều lạ hoắc. Sau ngày tái hồi bệnh viện, hôm sau ông Cazas đến chẩn bịnh cho tôi, ông cầu nhàu lên gặp giáo sư Ginestet và xin đổi hết mọi cách thức chữa trị. Lối trị theo "nghi thức" bị dẹp bỏ, không cần lấy máu hay nước tiểu, nước phân gì ráo. Tôi được cột ghì xuống giường chín ngày đêm liên tiếp cho các nàng y tá bơm thuốc chống khủng hoảng thẳng vào mạch máu. Tôi nằm trên giường nửa mê nửa tỉnh, mơ mơ màng màng, hồn phách phiêu du, dở sống dở chết, ống thuốc treo tòn teng trên đầu. Tôi mê thiếp, rồi tỉnh lại, rồi mê thiếp.

Nhưng cách chữa trị hỏa tốc đó đã mang tới hiệu quả ngó thấy. Tôi đã ngồi dậy được, đi tới đi lui, ăn uống nói cười, ra chợ trời mua bán lung tung, và nhứt là thấy các cô y tá cô nào cô nấy cũng ngực vú no đầy, mông miếc tròn trịa, cảm thấy ngứa tay muốn làm hoàng. Dục tình tôi cứ sùng sục mà không thể kết thúc được vì chất thuốc an thần. Ăn, ngủ, đ., ỉa coi có mòi hứng thú trở lại, chắc chưa thể nhắm mắt tắt hơi. Tôi mua một tập giấy trắng bìa cứng đầy, vẽ

viết lăng nhăng trên đó. Và làm thơ nữa chứ. Chủ đề vẫn là thân thể người đàn bà – nguồn sống muôn thuở của tôi:

yêu nữ

Trên mái tóc dạ lý em anh nhìn thấy trận mưa tuôn và mặt trời mọc
Trên vầng trán ngây thơ em anh đọc được sự tinh khiết và lời điêu ngoa
Trên sóng mũi thẳng tắp em anh tìm được dốc cầu tuột đam mê
Trong đôi mắt có hồ nguyệt em anh nhìn thấy Lý Bạch đang mò trăng
Trên gò má hây đỏ em anh thấy những đồng bằng kỳ hoa dị thảo
Trên vành tai xoáy cong em anh nhìn thấy đường trôn ốc dẫn vào bí mật
Trên viền môi dợn uốn em anh đi loanh quanh trên miệng núi lửa
Trên đầu lưỡi ngọt ngào em anh nếm được diệu trung thành và sự phản bội
Trên đường cong diễm kiều cổ em anh nhìn thấy loài thiên nga đang bơi lội trên hồ rộng
Trên đồi ngực thơm ngát em anh tìm được nguồn sữa mật nguyên thiên của Thượng đế
Trong trái tim lấp lánh em anh nhìn thấy lửa từ bi và lửa tham si bốc cháy
Trên lỗ rún hun hút em anh nhìn thấy khởi nguồn của đời sống và tiếp tục của luân hồi
Trên da bụng phẳng phiu em anh đọc được nguồn gốc nhân loại
Trên gò tình bát ngát em anh ngó thấy sự phì nhiêu của giống người
Trên đỉnh dục lạc bí mật em anh nhìn thấy ân sủng của vũ trụ
Trên những cánh hoa thầm kín em anh đọc được mười điều răn cấm của Thượng đế
Và trên trọn vẹn thân thể mỹ miều em anh nhìn thấy tặng phẩm diễm tuyệt của trăng sao cho loài người.

Tôi còn đang lặn ngụp trong nguồn thơ thần thì có tiếng gõ cửa phòng. Tôi ra mở cửa bất gặp Nadine rạng rỡ hơn bao giờ hết. Nàng hỏi:

– Tôi có làm rộn ông lắm không? Ông đang làm gì đấy?

Tôi ấp úng:

– Tôi đang làm . . . tôi đang làm thơ.

– À, ông là thi sĩ mà tôi không biết.

– Tôi viết vớ vẩn vậy thôi, có gì đâu mà đáng gọi là thi sĩ. Coi chừng Jacques Prévert kiện tôi về cái tội mạo danh . . . À, cô có việc gì cần tới tôi chăng?

– Tôi đến báo tin mừng là ông được phép rời bệnh viện này và đưa tới nhà tịnh dưỡng một tháng. Nếu sau một tháng ông cảm thấy thích thú thì có thể xin gia hạn thêm.

Tim tôi đập mạnh:

– Tôi vào bệnh viện vậy mà đã được ba tháng rồi à! Khi nào tôi sẽ ra đi và đi đâu?

Nadine vuốt mái tóc xòa hất ra sau:

– Ngày đầu tháng chín, nghĩa là trong vòng hai ngày nữa ông sẽ được

chuyển đến nhà tịnh dưỡng ở Bois-Le-Roi, cạnh rừng Fontainebleau, có sông Seine chảy ngang, cảnh trí thú vị và yên tĩnh lắm. Thế nào ông cũng sẽ yêu thích.

Nadine dâu biết trong bụng tôi rối bời. Ở lâu cũng sanh ra luyến cảnh luyến người. Nàng đưa cho tôi vài ba trang giấy thủ tục để tôi điền vào từ từ rồi đem nộp cho nàng ngày mai. Tối đêm đó tôi lại mất ngủ, mong cho trời mau sáng để được tái ngộ mỹ nhơn.

Sáng sớm hôm sau tôi đến chực hờ ở phòng làm việc của Nadine – sợ có người nhanh chân giành mất chỗ. Khi tới, nàng ngạc nhiên:

– Ơ kìa! Sao ông đến sớm vậy. Giấy tờ ông đã điền xong chưa?

Tôi ấp úng:

– Xong hết cả rồi. Nhưng cô hãy vào văn phòng ngồi chờ tôi năm phút tôi sẽ trở lại liền.

Nadine còn đang đứng xớ rớ thì tôi đã ù chạy ra khỏi cổng bệnh viện, băng qua đường rồi chui vào một tiệm treo đầy bông. Tôi nói với người đàn ông trong tiệm là tôi muốn mua hoa hồng. Người đàn ông trầm tĩnh cho biết tiệm này chỉ bán mộ bia và vòng hoa để đi đám táng thôi. Tôi chưng hửng:

– Ủa! Hôm trước tôi thấy tiệm bán bông ở đây mà.

Người đàn ông mỉm cười:

– Ông lầm rồi. Tiệm bán bông là tiệm khít vách bên này.

Tôi cám ơn ông, ngượng ngùng lui ra cửa. Tôi chui vào tiệm bông bên kia. Cả một rừng bông. Tôi chọn mua một bông hoa hồng đỏ thắm, vừa hé nở, có thể để dành được lâu. Tôi cầm đóa hồng trên tay vội vã chạy ngược trở vào bệnh viện. Tôi đưa tay gõ cửa văn phòng Nadine. Nàng mở cửa đón tôi vào. Tôi lật đật chìa đóa hồng ra trước mặt nàng:

– Tánh tôi nhút nhát không nói được nhiều lời. Chỉ có đóa hồng này thay lời tôi để cám ơn cô.

Nàng đón nhận đóa hồng, cám ơn tôi, rồi đưa lên mũi ngửi. Nàng cười tủm tỉm. Tôi cũng tủm tỉm cười theo. Trong óc tôi chợt lóe lên hình ảnh đức Phật Thích Ca giữa buổi hội các đồ đệ, Phật đưa đóa hoa hồng lên cao và bên dưới ngài Ca Diếp đã lĩnh ý Phật nên mỉm cười chúm chím. Giờ đây tôi có cảm tưởng Nadine là hiện thân của Bồ Tát. Nàng đưa đóa hồng lên để thử ý tôi và tôi đã mỉm cười chấp nhận. Chấp nhận đời sống con người của mình với những khổ đau và hạnh phúc của nó.

Nadine lại đưa đóa hồng vô thường lên mũi và nói bông thơm thật dịu dàng.

Tôi nói:

– Từ lâu rồi tôi đã quên hết mùi vị của đời sống, chỉ biết dúi đầu của mình vào công việc làm, những tưởng đó là hạnh phúc của mình và bảo đảm tương lai vợ con. Kết quả, tôi đã khùng và trở vào bệnh viện này lần thứ hai.

– Biết thế nào là khùng, biết thế nào là tỉnh. Mỗi người chúng ta thỉnh thoảng sa lầy và cần một bàn tay níu kéo.

– Cô mà kéo tôi chắc vất vả lắm. Có khi sa lầy cả hai.

Nadine cười:

– Đó là nhiệm vụ xã hội của tôi trong đời sống này. Kéo người khác lên khỏi vùng u ám mà không bị sa lầy. Ông nên phát triển khía cạnh con người thực của ông, một người thích viết văn, làm thơ, vẽ vời, yêu đàn bà, vân vân. Như vậy đó, may ra ông sẽ tìm được sự quân bình của mình.

– Quân bình? Đúng vậy. Nhưng cái quân bình của tôi chỉ tạm bợ theo thời điểm, rồi sau đó tôi lại mất quân bình. Địa ngục này nối địa ngục khác, tôi đã quá mỏi mệt.

– Ai cũng sống trong sự quân bình nhứt thời, rồi thay đổi, kiếm sự quân bình khác. Ông chớ khá bận tâm. Ngày mai ông lên đường tịnh dưỡng chắc chắn sẽ vui.

Tôi tiu nghỉu. Tôi hỏi nhỏ:

– Tôi có thể xin Nadine một ân huệ cuối cùng được chăng?

Nàng áp đóa hồng lên vành môi thanh tú mỉm cười:

– Được lắm chứ. Ông đã trở lại ham sống rồi. Tôi từ từ đưa tay mình cầm lấy bàn tay thơm tho của Nadine đưa lên mũi mình hôn nhẹ. Nàng mỉm cười bao dung. Nàng yên lặng chấp nhận.

Nàng cầm đóa hồng áp lên ngực nhìn tôi dịu dàng. Tôi chúm chím mỉm cười như ngài Ca Diếp thuở xưa, trong tâm mình chợt bừng nở một nụ hồng đầu xuân mới tinh khôi. Tôi đã hiểu – hay ít ra tôi tưởng mình đã hiểu. Hiểu cuộc đời và hiểu tình yêu. Bóng đôi con chim câu chao liệng ngoài cửa sổ rực nắng. Lòng tôi bồi hồi ngất ngây . . .

Ngày xưa em qua đây
Cho tình tôi chớm nở
Như chân chim muôn thuở
In mãi bực thềm rêu,

(thơ mượn của Phạm Thiên Thư). □

tìm đọc

CÁI CHẾT SAU QUÁ KHỨ
tập truyện thứ hai của TRẦN VŨ

Hồng Lĩnh xuất bản

NGU YÊN

thú làm người

Sáng nay
Rạo rực
Tâm tư đầy hương hoa
Đánh thức em
Kể chuyện
Giấc mơ và đàn bà

Em nghe
Cười chúm chím
Hiểu ngầm
Ừ, có duyên
Mười tám năm làm vợ
Sáng nay thật là hiền

Rủ nhau tắm
Cách nhau bọt xà phòng
Xoa nhau vừa đơn bông
Xoa
Trơn mềm
Xoa
Nhám êm
Bọt vỡ kêu hổn hển
Cảm giác đần lên

Tưới em nước lạnh
Xà phòng trôi trắng da
Rưới ngâm nước nóng
Phập phồng tươi nhụy hoa

Lau khô mái tóc
Khăn ấm bàn tay
Lau dần
Lau dần xuống
Khăn rơi lòng chưa hay
Tay xoa
Tay nắn
Lau láng bóng ngọc ngà
Mười ngón tay nghệ sĩ
Đàn tình ngân trên da

Ra trang điểm
Nhìn thấy vui vui
Ai trong gương ngộ quá
Chỉ vào, tay buông xuôi
Chải em kiểu tóc mới
Lót phấn
Kẻ lông mày
Kẹp nheo
Tô son tím
Em rộn ràng đôi tay
Tay nâng
Tay vuốt
Thơ tả không hết lời

Tay mài
Tay vỗ
Ngón kềm
Ngón lời
Kéo anh lên cao
Tuột anh xuống thấp
Tình mang mang mắc nghẹn giữa tuyệt vời

Hãy còn sớm
Hãy ngồi xuống đây
Chung một ghế
Hưởng đời đắm say
Ngồi lên nhau hòa điệu
Nhấp nhổm ngắm bình minh
Ngồi nối nhau hạnh phúc
Vui cho trọn thú tình
Ngồi đong đưa lãng mạn
Cho nhau những phiêu diêu
Anh nồng nàn ôm chặt
Những vội vàng vừa kêu
Dâng
Dâng
Tràn tê dại
Em
Em
Trời ơi, yêu!

HOÀNG LIÊN

điên

truyện ngắn

Đi dọc theo đại lộ Van Ness, gặp đường Post, nhìn thấy một cao ốc đồ sộ, tôi đoán đó là trung tâm y tế Daniel Burnham. Rẽ qua trái, đi một quãng ngắn nữa, tôi đọc được ngay mấy chữ tên màu đỏ nằm dài trước cửa. Đẩy tấm cửa kính lớn, tôi bước vào một phòng khách rộng thênh thang và tiến về phía hai chiếc thang máy: bác sĩ Stephen Schneider làm việc ở lầu 5, phòng 545C. Thang máy ngừng lại, tôi men theo hành lang, mở tấm cửa gỗ, bước vào phòng khách. Cạnh tấm cửa cuối phòng, treo một tấm bảng nhỏ đề mấy chữ yêu cầu bệnh nhân bấm cái nút điện dưới tên người bác sĩ mình muốn gặp. Tôi nhìn đồng hồ tay: đúng 1 giờ, như cơ quan phiên dịch đã hẹn trước cho tôi. Tôi bấm nút, đèn sáng lên, và một phút sau, một người đàn ông bước ra – mà tôi đoán là một bác sĩ – với dáng người cao lớn, râu mép đen nhánh, sơ mi trắng, quần nâu sậm và cà-vạt màu nâu nhạt điểm vài ngọn lá màu trắng phớt lục rất kín đáo.

– Chào ông, ông là thông dịch viên?

– Vâng.

– Tôi là Schneider. Người bệnh chưa đến. Trong hai lần hẹn trước đây, ông ta cũng không đến. Có phải lần đầu tiên ông phiên dịch cho ông ấy không?

– Đúng. Hy vọng lần này ông ấy sẽ đến. Dù sao, tôi chờ ông ấy ở đây.

Người bác sĩ quay trở vào, đóng cửa lại. Ngồi xuống cái ghế bành rộng lớn, tôi với tay lấy một số tạp chí *Time* và bắt đầu đọc. Khoảng 15 phút sau, một

người đàn ông còn trẻ, có nét mặt của một người Á Đông, mặc quần và áo len màu đen, đầu đội cái mũ mềm màu vàng nhạt lững thững bước vào. Anh nhìn quanh phòng, nhìn tôi, rồi lặng lẽ bước ra. Vội đứng lên, tôi gọi theo anh ta trước khi anh mở cửa:

– Xin lỗi ông, ông có phải là ông Tiến, Hoàng Mạnh Tiến?

– Đúng tôi là Tiến.

– Chào ông. Tôi là thông dịch viên của ông hôm nay. Đã quá giờ hẹn, xin mời ông vào.

Phòng làm việc của bác sĩ Schneider rộng rãi và sáng sủa hơn những phòng bác sĩ mà tôi đã từng biết ở các trung tâm y tế khác. Đặc biệt, ngoài chiếc bàn viết, có hai ghế sa lông dài kê đối diện nhau. Schneider mời Tiến và tôi ngồi trên chiếc ghế dài kê sát tường và ông ta ngồi vào ghế trước mặt:

– Hôm nay tôi không có thuốc thang gì cho bệnh nhân. Tôi chỉ nói chuyện với ông Hoàng. Tôi sẽ đặt từng câu hỏi một; ông dịch câu hỏi của tôi và câu trả lời của ông Hoàng. Tôi có bổn phận giữ kín những gì ông Hoàng sẽ nói với chúng ta.

Trong lúc tôi phiên dịch, người thầy thuốc lấy một cuốn sổ tay đặt trên đùi và chuẩn bị ghi chép:

– Xin ông Hoàng cho biết tên và họ đầy đủ. Xin ông đánh vần từng chữ cho rõ ràng.

Tiến ngồi nghiêng nghiêng, lưng dựa ra đằng sau, cánh tay trái chống vào thành ghế, dáng điệu mệt mỏi và lơ đãng:

– Tôi họ Hoàng, H O A N G và tên là Tiến, T I E N, chữ lót là Mạnh, M A N H.

– Ông sinh năm nào?

– Năm 1955.

– Thế là ông được 36 tuổi. Ông sinh quán ở đâu?

– Hải Phòng, Việt Nam.

– Ông đến Mỹ năm nào?

– Năm 1980.

– Ông đi thẳng từ Hải Phòng qua Mỹ?

– Không, tôi đi thuyền qua Hồng Kông, ở lại đó khoảng 6,7 tháng rồi mới qua Mỹ.

Tiến do dự một lát, rồi xác nhận:

– Lâu quá rồi tôi không nhớ rõ. Mà đúng rồi, 7 tháng.

– Ông ra khỏi nước Việt Nam có dễ dàng không?

– Dễ thôi. Tôi quen đi biển và có nhiều bạn bè có thuyền.

– Ông đi một mình hay có người trong gia đình cùng đi theo?

– Tôi đi với một người bạn gái tên là Ngọc.

– Gia đình ông gồm có mấy người?

– Bố mẹ và 10 anh chị em, tôi là con trưởng.

– Mười người là kể cả ông nữa?

– Vâng.

– Bao nhiêu em trai và bao nhiêu em gái.

– Bảy em trai và hai em gái.

– Họ còn ở Việt Nam cả?

– Vâng.

– Bố mẹ ông còn sống không?

– Bố tôi mất cách đây 3 năm. Mẹ tôi còn sống.

– Sao ông biết bố ông mất?

– Các em tôi có viết thư cho tôi. Vả chăng cách đây 3 năm, tôi có trở về Việt Nam.

– Trong thời gian ở Hong Kong ông làm gì?

– Tôi ở trong một trại tỵ nạn. Người ta cho phép tôi ra ngoài phố làm việc. Tôi sửa chữa máy móc cho các tàu đánh cá.

– Tại sao ông muốn qua Mỹ?

Tiến ngập ngừng chưa trả lời ngay. Anh suy nghĩ một lúc như để tìm và lựa chọn lý do. Sau cùng, anh nói:

– Hồi ở Tiệp Khắc, tôi có qua Áo và tôi biết rõ cuộc sống của một xã hội Tư bản.

Như chưa thoả mãn với câu giải thích của Tiến, Schneider hỏi thêm:

– Ông chống Cộng sản hay theo Cộng sản?

– Tôi không ra mặt chống mà cũng không theo Cộng sản. Tôi thích một chế độ cởi mở, có tự do. Hồi ở Tiệp Khắc, có lần tôi định trốn hẳn qua Áo, nhưng bị lính biên phòng Tiệp giữ lại.

– Ông làm gì ở Tiệp Khắc?

– Năm 17 tuổi, tôi được chọn qua du học ở Tiệp về ngành cơ khí, chuyên về ô-tô. Năm năm sau, tốt nghiệp kỹ sư tôi trở về nước.

– Sau khi về Việt Nam, ông làm gì?

– Tôi không kiếm được việc làm thích hợp với khả năng. Sau cùng, người ta đưa tôi lên Lạng Sơn tham gia xây dựng một cái "cảng nổi" để thu nhận hàng viện trợ của Trung Quốc, vì hồi đó cảng Hải Phòng đã bị Mỹ phong tỏa. Tôi chuyên đẩy xe, đổ đầu, đổ đá.

– Hồi còn sống, bố ông làm nghề gì? Và mẹ ông làm nghề gì?

– Bố tôi đi kháng chiến chống Pháp và bị Pháp cầm tù ở Côn Đảo. Đến năm 1954 bố tôi mới được thả và tập kết ra Bắc. Về sau bố tôi làm giám đốc một công ty sản xuất thực phẩm. Mẹ tôi là nhân viên của một công ty thực phẩm khác.

– Lần đầu tiên ông đến Mỹ ông ở vùng nào?

– Portland, tiểu bang Maine.

– Ông ở đó bao nhiêu lâu và làm nghề gì?

Tiến cúi đầu, tì tay phải vào má, cố gắng nhớ lại:

– Lâu quá rồi, tôi không nhớ rõ. Tôi làm nghề xẻ thịt gà.

– Sau đó, ông đi đâu?

– Tôi chuyển qua San Francisco.
– Tại sao ông muốn ở thành phố này?
– Tôi có một số bạn bè ở đây.
– Ông kết hôn với cô Ngọc ở Portland?
– Vâng.
– Ông có hai con, phải không? Các con ông mấy tuổi?
– Tôi có hai con trai, một đứa 9 tuổi và một đứa 8 tuổi.
– Chúng nó đều đi học?
– Vâng, chúng nó học ở một trường gần nhà.
– Chúng nó học giỏi không?
– Kém lắm.
– Sức khoẻ của chúng ra sao?
– Đứa lớn bị đau thận. Mỗi lần ăn phải thức ăn mặn là mặt nó sưng vù lên. Đứa nhỏ thì sức khoẻ bình thường.

Tôi vừa dịch vừa suy nghĩ và nhìn kỹ Schneider. Là nhân viên của một cơ quan phiên dịch chuyên trách về bồi thường lao động của các hãng bảo hiểm, tôi đã cộng tác với khá nhiều bác sĩ, nhưng dây là lần đầu tiên tôi làm việc với một bác sĩ tâm thần. Ông ta đặt những câu hỏi như thế với mục đích gì? Rõ ràng không những ông muốn tìm hiểu quá khứ của người đối thoại mà còn chú ý quan sát thái độ, cử chỉ và cách bệnh nhân trả lời những câu hỏi của ông ta nữa. Tiến trả lời ngắn gọn, đôi khi như miễn cưỡng, nhiều lúc ngập ngừng tìm chữ hoặc cố nhớ lại những chi tiết cần thiết. Schneider vẫn không ngừng viết trên cuốn sổ tay. Một lúc sau, ông ngửng đầu lên, hỏi tiếp:

– Ông hãy nói qua về tình trạng sức khoẻ của ông.

Tiến ngập ngừng:

– Gần dây tôi gầy đi nhiều. Vâng, mất nhiều *pounds*. Để tôi nhớ lại: sụt 15 *pounds*, không, 24 *pounds*.

– Trước kia ông cân nặng bao nhiêu *pounds*?

– Để tôi nhớ lại đã. Ở... ở... 145 *pounds*. Bây giờ chỉ còn lại... 121 *pounds*.

– Ông ăn có ngon miệng không?

Tiến lắc đầu chán nản:

– Tôi không muốn ăn uống gì cả. Đã không muốn sống thì ăn làm gì?

– Ông ngủ được không?

– Ngủ ít lắm. Mỗi đêm vài tiếng đồng hồ.

– Ông lên giường nằm lúc mấy giờ?

– Chín, mười giờ. Có khi một hai giờ sáng.

– Sau lúc gặp tai nạn, ông có ngủ được không?

– Ngay sau khi gặp tai nạn, bác sĩ cho tôi uống thuốc ngủ, nên tôi ngủ được. Nhưng sau đó tôi lại mất ngủ.

– Bác sĩ nào cho ông uống thuốc ngủ?

– Tôi không nhớ tên.

– Ông có nhớ bác sĩ ấy ở vùng nào không?

Tiến yên lặng suy nghĩ, cố gắng nhớ lại:

– Ông ấy có phòng mạch trong khu vực này, nhưng tôi không nhớ rõ địa chỉ.

– Ông hãy kể lại tai nạn đã xảy đến cho ông.

– Hồi đó tôi làm nghề lợp nhà: Lấy giấy bôi dầu hắc rồi dán lên mái. Một hôm, đang ngồi trên mái thì tôi trượt tay, cái thùng đựng dầu hắc đổ vào người tôi làm bỏng cả mặt và thân thể. Tôi được đưa vào bệnh viện San Francisco General Hospital cấp cứu. Người ta cắt da ở đùi và vá vào một bên má cho tôi.

Tiến đưa tay chỉ vào má bên phải. Tôi nhận ra vết sẹo vá dài, tuy không sâu và không rõ nét lắm. Rồi Tiến nói tiếp:

– Bây giờ tôi xấu trai đi nhiều.

Tôi lại nhìn anh: gương mặt sáng sủa, nước da trắng, mũi cao, đôi mắt khá to, anh không xấu trai chút nào.

Bác sĩ Schneider ngẩng đầu lên:

– Ông nằm trong bệnh viện bao nhiêu lâu?

– Ba hay bốn ngày. Tôi sợ nằm bệnh viện nên trốn ra.

– Trong đời ông, ông có bị tai nạn lần nào nữa không?

– Ồ, nhiều lần lắm.

– Ông thử nói rõ thêm

– Hồi còn ở Hải Phòng, nhà tôi bị không quân Mỹ ném bom. Cả một nồi nước sôi hất vào người tôi. Lần ấy, tôi phải nằm bệnh viện khá lâu, có đến sáu, bảy tháng.

– Tại sao lâu vậy?

– Không có thuốc chữa, và tôi bị nhiễm trùng. Bây giờ tôi sợ bệnh viện lắm.

– Ông còn bị tai nạn lần nào nữa không?

– Tôi bị xe hơi đụng phải hai lần. Nhẹ thôi.

– Cuộc sống của ông bây giờ ra sao? Có thoải mái không?

– Cũng có đỡ từ khi các con tôi về ở chung với tôi.

– Nghĩa là từ bao giờ?

– Từ sáu, bảy tháng nay.

– Vợ ông đồng ý giao con lại cho ông?

– Chúng tôi đã ly dị, và đó là lệnh của tòa án.

– Vợ ông hiện ở đâu?

– Ở ngay thành phố San Francisco này, trong nhà một người bạn trai. Vợ tôi có nhiều bạn trai, có hôm nó đưa cả bạn trai về nhà tôi. Vợ tôi đẹp lắm, ông có gặp chắc ông cũng mê luôn.

Không hiểu sao, tôi chỉ dịch đến câu "vợ tôi đẹp lắm" và bỏ đoạn sau. Vẫn với cái vẻ trang nghiêm cố hữu, người thầy thuốc hỏi tiếp:

– Ông có hiểu tại sao bà nhà bỏ ông không?

– Bởi vì tôi trở nên xấu đi sau khi bị tai nạn.

– Ông đoán như thế hay vợ ông nói như thế?

– Chính vợ tôi nói thế.

– Vợ ông năm nay bao nhiêu tuổi?

– Ba mươi tư tuổi.

– Bà ta làm nghề gì?

– Nó làm công cho một tiệm làm móng tay ở San Francisco.

Schneider im lặng đọc lại những trang giấy chi chít những ghi chú. Ánh nắng rực rỡ của một buổi chiều đông trong sáng xuyên qua tấm kính lớn của chiếc cửa sổ rộng và chảy tràn trên tấm thảm len màu xám nhạt. Một đám mây trắng xốp nổi bồng bềnh trên nền trời xanh thăm thẳm, lững lờ như muốn trôi vào tận trong phòng. Trừ những trường hợp giải phẫu, tôi chưa bao giờ gặp một vị thầy thuốc dành nhiều thời giờ cho bệnh nhân như Schneider. Mà hình như ông chưa muốn kết thúc cuộc phỏng vấn. Suy nghĩ một lát, ông chăm chú nhìn Tiến đang cúi đầu, đưa tay che miệng ngáp dài:

– Ông thử kể lại những hoạt động trong một ngày của ông.

– Sáng dậy, tôi đưa các con tôi đi học, rồi ra tiệm ngồi uống cà phê và trò chuyện với bạn bè. Rồi tôi trở về nhà xem Ti-vi và đi đón con về. Buổi tối tôi cũng xem Ti-vi.

– Ông có nhiều bạn không?

– Ít thôi.

– Ông xem những mục nào trên Ti-vi?

– Tôi thường mở đài số 2 để xem những phim hài hước và phim dành cho trẻ em để các con tôi cùng xem chung.

– Vợ ông có thường trở về nhà để thăm con không?

– Thỉnh thoảng vợ tôi mua quần áo đem lại cho các con tôi.

– Lợi tức của ông từ đâu mà ra?

– Tôi hưởng trợ cấp dành cho người tàn phế. Chỉ mới xin được gần đây thôi.

– Trước kia, ông có tiền không?

– Các bạn tôi cho tôi mượn tiền. Tôi còn nợ họ khá nhiều.

– Bao nhiêu?

– Hai chục nghìn đô. Không ít hơn thế, khoảng mười nghìn đô chưa trả được.

– Trước khi vợ ông bỏ ông, hai người có gây gổ với nhau không?

– Có chứ! Nhiều lần, tôi đánh vợ tôi.

– Có gây thương tích không?

– Thật ra thì không. tôi mới dọa đánh, hoặc đánh sơ sơ thì vợ tôi đã gọi cảnh sát đến bắt tôi. Có hôm tôi bị giam giữ gần một ngày nên không đến gặp bác sĩ được.

– Và một lần ông bỏ về San Jose, không đến bệnh viện này, như đã hẹn trước.

– Đúng như vậy.

– Bây giờ, ông thử nói qua về việc học hành của ông.

– Mười bẩy tuổi, học xong Trung học, tôi qua Tiệp Khắc học về ngành cơ khí.

– Ông nói được mấy ngoại ngữ?

– Tôi nói được tiếng Tiệp và một ít tiếng Nga.

– Còn tiếng Anh?

– Tôi biết ít lắm.

– Ông nên học thêm tiếng Anh. Các con của ông có nói tiếng Việt Nam không?

– Chúng nó hiểu tiếng Việt, nhưng nói không thạo. Chúng nó nói tiếng Anh nhiều hơn.

– Ông nên học tiếng Anh để giúp cho các con ông hiểu ông nhiều hơn.

Tiến ngồi yên không trả lời. Một lúc sau anh nói:

– Tôi đã chán mọi sự ở đời, còn học hành gì nữa!

Tôi nhìn Schneider. Ông vẫn bình tĩnh, kiên nhẫn ngồi nghe và hỏi tiếp:

– Ông có bị áp huyết cao không?

– Tôi không biết.

– Ông có đau tim hay phổi không?

– Phổi tôi bình thường. Thỉnh thoảng, tôi có cảm giác như tim tôi ngừng đập.

– Ông có dự định gì về tương lai không?

– Sau khi có bang giao giữa Việt Nam và Mỹ, tôi sẽ trở về Việt Nam.

– Ông có quốc tịch Mỹ chưa?

– Chưa. Tôi chỉ có thẻ xanh của người thường trú.

– Hôm nay là ngày mấy, tháng mấy?

Tiến trả lời ngay và đúng. Schneider lại hỏi tên đương kim Tổng thống Hoa Kỳ và vị Tổng thống tiền nhiệm. Tiến cũng trả lời đúng, nhưng anh không biết tên vị Thống đốc tiểu bang California. Schneider đọc một vài con số và yêu cầu Tiến lập lại. Anh nói đúng những con số gồm bốn con số. Người bác sĩ lại thử:

– Tôi đọc con số 8264. Ông nói lại theo thứ tự ngược.

Tiến ngồi yên, không đáp được câu hỏi ấy. Schneider nhìn đồng hồ rồi đứng lên đến gần bàn viết:

– Hôm nay như thế là tạm đủ. Ông Trần sẽ giúp ông trả lời một số câu hỏi trong ba bản trắc nghiệm tâm lý này, theo lời hướng dẫn ở đầu trang. Có ba bản trắc nghiệm: một bản gồm những câu hỏi về lý lịch, tình trạng sức khoẻ . . . một bản về cảm tưởng, suy nghĩ của ông trong ngày hôm nay và một bản gồm một số chữ của một câu chưa hết để ông điền thêm vào cho đầy đủ ý nghĩa.

Bác sĩ Schneider bước ra ngoài. Chúng tôi chuyển qua một phòng khác và ngồi vào một cái bàn dài. Khi tôi hỏi Tiến những chi tiết cần thiết thì anh nói:

– Phiền phiến thôi. Hôm nay tôi về muộn, không đón con được.

Đến mục "yêu, ghét", Tiến yêu cầu tôi ghi rõ là anh ghét đàn bà và chỉ thương đàn ông. Anh hóm hỉnh nói thêm:

– Không chừng người ta sẽ nghĩ rằng tôi là một người đồng tính luyến ái. Nhưng đàn bà phần trắc lắm, tôi không thích.

Tôi muốn anh xác nhận:

– Có thật bà nhà bỏ ông vì chê ông xấu trai sau khi ông bị tai nạn không?

– Chứ còn gì nữa! Đàn bà bên Mỹ này chú trọng đến sắc đẹp của đàn ông lắm!

– Nhưng theo tôi, ông vẫn còn đẹp trai.

– Ngày trước tôi đẹp lắm cơ. Không "bô trai" thì đời nào Ngọc nó thuận lấy tôi.

Tôi nhận thấy Tiến thành thật nói ra những điều anh nghĩ. Anh không cố ý làm ra vẻ điên như một vài người muốn xin hưởng trợ cấp tàn phế. Khi trả lời câu hỏi về nhu cầu tình dục, anh khẳng định:

– Không bao giờ, không bao giờ nghĩ đến đàn bà nữa! Tôi ghét đàn bà lắm. Thôi chúng ta về.

Tôi nhìn đồng hồ: 4 giờ 50 phút.

*

Chúng tôi cùng ra khỏi trung tâm y tế Daniel Burham. Hai bên đại lộ Van Ness, đèn đã sáng lên, lung linh những vòm lá xanh đen và lấp lánh trong những cao ốc khắc dậm những nét sắc sảo trên nền trời đang sẫm màu dần. Tiến thất thểu và lặng lẽ bước bên cạnh tôi. Không biết anh đang nghiền ngẫm những gì trong trí, sau khi cặn kẽ trình bày hoàn cảnh của mình với người thầy thuốc đang chữa trị cho anh. Riêng tôi, tôi bàng hoàng thông cảm tâm trạng của một người muốn tìm một cuộc sống tươi đẹp hơn mà lại rơi vào một nghịch cảnh đau thương đến nỗi không còn muốn sống nữa. Và qua nỗi đau khổ của anh, tôi xót xa chung cho thân phận của mỗi con người chúng ta và bất giác đứng lại bên lề đường. Bỗng anh đặt tay lên vai tôi:

– Nhiều người cho rằng tôi điên. Nhưng khi người ta còn yêu thì người ta không điên đâu!

– Ban nãy, ông nói rằng ông ghét đàn bà.

– Ghét đàn bà, nhưng vẫn yêu Ngọc.

Tôi buột miệng trả lời:

– Cũng có thể ông bị khủng hoảng tinh thần vì yêu và ghét đấy.

Tiến không đáp. Chúng tôi thong thả bước đều trên vỉa hè. Trong màn đêm đang mông lung phủ xuống thành phố, những bóng người vội vã ngược xuôi chập chờn như trong cơn mộng du. Giữa đám người đang quay cuồng trong cuộc sinh hoạt xô bồ ấy, chắc hẳn có những người đồng hương của Tiến và tôi. Biết đâu trong số ấy, cũng có những người như Tiến; có lẽ họ đang trải qua những tấn bi kịch đen tối mà nguyên nhân chính là một nếp sống khác hẳn nếp sống ở quê nhà. □

ĐẶNG PHÚ PHONG

xuân muộn

(Tặng Mịch La Phong)

Chạnh lòng ta cũng gọi Xuân
Ô hay! Nguyệt dã riêng cùng đêm vui
Hoa mai mấy cánh ngậm ngùi
Nằm nghiêng lòng chén ngủ vùi Nguyên Tiêu
Mời em ngả nón qua đèo
Nghe tiền thân lửng lẳng treo ngang mày
Ngại ngùng tay nắm bàn tay
Bạc đầu cỏ trắng chứa bày lòng xanh
Em đi còn chút nắng hanh
Thuở ban sơ mộng dỗ dành tương lai
Mùa Xuân về đánh giấc dài
Gọi trang dính ước khép cài Xuân Thu.

LA TOÀN VINH

tĩnh vật 1

Lá rơi vào chân không
tóc vương vài khoảng nắng
gửi theo ánh thu vàng
về trong chiều trống vắng

tĩnh vật 2

Ngày qua từng nhịp bước
nụ cười miền hoang vu
cố hương trong hơi thở
giăng giăng thoáng bụi mờ.

HOÀNG VŨ ĐỨC VÂN

dường về

Trăng xưa chiếu sáng dường về
Qua sông qua núi bốn bề tịnh không
Lãng du cánh bướm phong trần
Tẩy trần khói sóng bao lần hoàng hôn

Đêm khuya trăng thức dầu non
Đường về mở sáng dặt hồn hồi hương
Trăng thanh gió mát diệu thường
Vần thơ bước nhẹ về nơi an bình

Ruổi rong mãi chốn thế tình
Tâm thành tìm gặp ánh linh dõi dời
Đem thơ về chốn xa vời
Thoảng nghe ngân vẳng những lời từ bi

Trong Không thơ biết nói gì?
Mưa sa rửa sạch phân ly bụi trần
Cho hồn gặp lại tri âm
Bóng mình trở lại giữa tâm vô cùng

Ngàn xa chìm hết nhớ nhung
Cánh vương ánh nắng qua vùng tịnh không
Lòng yên theo suối mây hồng
Giở trang thơ sáng phương Đông ban đầu . . .

NGUYỄN VĂN SÂM

tình lụy

truyện ngắn

Trong đời, tôi thương cậy Bảy tôi nhiều, gần gũi cậu nhiều nhưng cũng chán cuộc đời bỏ cho trôi chìm làng nhàng của cậu. Tôi chịu ảnh hưởng nhiều nơi cậu, có thể nói hầu hết cách đối xử và phản ứng của tôi tạo nên do những cử chỉ học được từ cậu. Cho tới bây giờ đầu đã hai thứ tóc, tôi chưa bao giờ trách mình đã quá gần gũi cậu lúc tâm hồn mình còn như một nắm đất sét ướt thiên hạ chung quanh muốn nặn nên hình thể gì thì cứ tự tiện. Trái lại với tôi, đó là những lúc có ý nghĩa nhất đời mình, lúc tâm hồn mới vừa tượng hình đã được ươm trong vùng đất nhiều mầu mỡ nhân ái và tưới bằng thứ nước năng động, thương yêu . . . May thay tôi chỉ giống cậu những phần tôi chấp nhận được, phần làng nhàng, phần tình lụy của cậu, tâm hồn tôi không dủ yếu tố lãng mạn đáng yêu mà cũng đáng trách đó . . .

. . . Cho đến khi có thể đi học một mình – tới ngôi trường lá xộc xệch cách khu vườn nhà năm ba thửa ruộng và hai cái cầu khỉ chông chênh – mà không cần người dẫn, tôi nhận chân rằng đã đến lúc không thể nào còn có những ngày sung sướng được cậu tôi đưa đến trường để được cậu cõng trên lưng qua cầu nữa. Nhiều khi tôi thử để coi sự vòi vĩnh của mình hiệu lực tới mực nào, qua ánh mắt hiền từ nhưng quyết liệt của má tôi, tôi biết rằng mình đã lớn, đã lớn nghĩa là những ưu đãi từ trước đến nay được hưởng đã bị tước đoạt bớt lần. Tuy vậy trong tình thân thương giữa cậu cháu, tôi cũng vẫn thường cùng cậu ra sau vườn đứa lang thang, chọt hang cua hang rắn hang lươn, lượm chất đống lại những trái dừa chuột khoét, bẻ ăn mấy trái chuối vừa mới hườm hườm trên mấy quài ngoại để dành . . . Nhất là nài nỉ để được cậu cõng nhảy qua mương, một việc tôi vừa thích vừa thán phục. Ôm sát cái lưng rộng và cứng như bộ ván ngựa của cậu tôi vững tâm và thống khoái. Dưới mắt tôi lúc đó cậu thật phi thường. Không phi thường sao được trong khi tôi không thể tự mình nhảy qua. Má, dì Hai, ngoại đều nói nhảy được không khó khăn lắm nhưng nhiều lần họ chỉ xăn quần lên, đứng bên bờ ngắm nghía một hồi rồi không biết nghĩ sao, mười lần như một ai cũng như nấy, đều đi vòng. Đi vòng thì dễ quá ai không đi được, chỉ mất một chút thời giờ hơn mà thôi. Tía nữa, tía không xăn quần, không đi vòng, nhưng tía không bao giờ cõng tôi trên lưng mà nhảy. Thêm nữa, nói theo cách nói của cậu, anh Tư nhảy mà phải lấy trớn

quá xa thì còn yếu lắm. Anh nhảy theo kiểu thằng cha bán dù Sài Vinh, còn tao hả, tao nhảy theo kiểu công tử Triệu Khuôn Dẫn hay ít nữa cũng là theo kiểu của anh hùng Trịnh Ân.

Nói cách gì thì khó hiểu, chứ nói theo kiểu Phi Long Diễn Nghĩa thì dễ hiểu quá. Cái ông Sài Vinh yếu như bún thiu, trèo tường trốn chạy tụi lục lâm thảo khấu mà cứ nhăn nhăn nhó nhó, không dám nhảy xuống, túng cùng phải nhảy xuống thì đau chưn, trặc mắt cá thiếu điều nằm vạ tại chỗ. Còn hai người em kết nghĩa của ông ta hả, khỏi đi. Họ ngó lên đầu tường nín hơi một cái thì đã đứng trên đầu tường, nhảy xuống thì còn dễ hơn nữa, khỏi cần nín thở. Ba anh em nầy, đối với cả nhà tôi, và luôn cả đối với nhiều người lối xóm, còn gần gũi và cụ thể hơn cả Bảo Đại huyền thoại hay cái đất Sàigòn xa lắc xa lơ.

Những buổi chiều vàng, bắt chước cậu tôi cũng ngồi dựa lưng vào gốc dừa, hai tay bó gối, miệng ngậm ngậm nhai nhai một cọng cỏ trồng chầu, mắt ngó về một cụm mây trôi xeo xéo trên trời về phía cuối vườn. Cỏ lạt nhách, nhưng nhai bất ngây, vừa tàn cọng nầy đã đợm tay bứt cọng khác. Còn mây trời? Đó là những hình thể linh động vẽ trên một cuốn sách lý thú dầy vô tận mà tôi và cậu là hai tác giả ngang hàng nhau. Đủ hình, đủ kiểu, biến thiên từ loài vật trên địa cầu tới linh thú, linh điểu của thần tiên, hóa hiện từ hoạt động thường nhựt con người tới hành vi phiêu bồng trên thượng giới như ngự trên mây, cỡi sao, hóa phép, thâu trời. Chúng tôi thường đồng ý với nhau về lý giải hình ảnh và những hoạt cảnh nầy, thỉnh thoảng một trong hai có ý kiến hay, người kia biểu đồng tình bằng cách cười hăng hắc, chúng tôi, lúc ấy, có vẻ là đôi bạn vong niên hơn là hai cậu cháu. Nhiều khi cậu giải thích bằng các thần thoại Tây phương, chẳng hạn như cô . . . đang buồn vì bị ông . . . cai quản cõi chết bắt về làm vợ, ông ta đang dứng kế bên ra sức dỗ dành, xa xa kia là bà . . . mẹ cô ta đang ngồi khóc tỉ tê tôi không lo coi sóc việc mùa màng cho hạ giới khiến cho có nhiều người đói khổ phải nằm lê lết . . . Tôi nghe mà chỉ trố mắt, thích ý nhưng không thể nào nhớ được tên cùng địa điểm như các tên thần tiên tôi đã lượm được đó đây khi nghe người ta đọc truyện Phong Kiếm Xuân Thu, Phong Thần Diễn Nghĩa.

Khi cậu chặt dừa thì muôn lần như một mắt tôi thao láo theo dõi cung cách yêng hùng khác người của cậu. Không phục sao được, không ớn sao được khi cậu tay mặt cong năm ngón lại bợ dưới đít trái dừa, tay trái cầm ngang cái mác vạt ngang, mỗi một vạt tách ra khỏi trái dừa một miếng vạt dừa bự cỡ bàn tay tôi, chỉ còn lủng lẳng dính lại một chút nhỏ trên đầu bằng mấy cái sơ chóp; khi tay nầy rút mác về để sẵn sàng cho mác kế tiếp thì ngón tay cái của bàn tay kia đã xoay trái dừa một góc độ vừa đủ cho một vạt nữa sẽ bung ra. Cứ như vậy, vạt chừng độ năm sáu lần thì trái dừa đã đâu đó xong xuôi, cậu chỉ cần đưa tới gần tôi, vạt nhẹ ngang miệng dừa, vậy là xong. Tôi uống lần nào cũng vậy, ngon miệng hơn những lần tự mình vạt hay má, đi hoặc ngoại làm sẵn. Sau nầy lớn lên, lắm lúc ngồi tìm cách giải thích cảm thức ngon ngọt lạ lùng nầy, tôi đã bâng khuâng không biết cảnh vườn thân thiết vì có nhiều trò chơi với cậu

khiến mình cảm thấy quá nhiều dư vị trong lúc thưởng thức trái dừa hay nhờ mặt dừa được vạt ngon lành phẳng phiu không tua ra những sợi xơ cưng cứng ươn ướt, thường đâm nhồn nhột trên mép tôi, đã biến sự đẹp mắt và tiện nghi thành một hương vị nồng nàn trên đầu lưỡi . . .

Dưới mắt tôi cậu là hình ảnh tôi ao ước được trở thành, một ước vọng tuyệt đích. Biết bao nhiêu lần tôi khóc cãi với má, với dì vì mấy người nầy cứ nhứt quyết là tôi giống họ, trong khi tôi cho rằng tôi giống cậu từ cặp mắt sáng tròn lớn như cục đạn ve chai tới cái miệng cười nhếch một góc của đôi môi đỏ, giống bây giờ và cả sau nầy khi tôi lớn lên. Càng phục cậu, càng muốn giống cậu, thâm tâm tôi càng thấy mình khó trở thành như cậu. Làm sao tôi có thể có được quá nhiều điều hiểu biết như cậu? Làm sao tôi có thể có được thân hình to lớn và hai cánh tay cứng như sắt của cậu? Nhiều khi tôi ngó cái đầu của cậu rồi ước lượng cái đầu mình. Đâu có lớn hơn nhau bao nhiêu mà sao óc cậu chứa nhiều quá, còn tôi không có gì trong đó. Hay nói một cách bi thảm hơn, dùng từ ngữ của thầy Đại mỗi khi tôi không làm đúng bài toán cộng hai số: "Đầu mầy đầu bò chứa bùn với rơm không biết gì hết, học ba năm chưa thuộc một bài toán cộng".

Có những buổi trời chạng vạng, con trâu của chú Bảy Tường nhà kế bên, lững thững về chuồng, đi theo ngoài sau xa xa là thằng Thìn, vẫn còn mải mê thất con két, con công bằng lá dừa. Cậu tôi không biết từ bao giờ đã làm quen được với trâu, kêu tên nó, vỗ vỗ trên khoảng giữa hai sừng vài ba cái thì trâu dừng lại, nghếch mỏ, thân thiện. Hất mình một cái, cậu đã đặt đít gọn gàng lên lưng nó, cỡi trâu đủng đỉnh về nhà. Hình ảnh cậu in rõ ràng trên nền trời màu vàng nhè nhẹ, hai bàn tay chụm lại đưa trước miệng làm kèn thổi vi vu cho đến ngày nay dầu gần bốn thập niên qua không thể nào phai mờ trong trí. Tôi nhiều khi năn nỉ cậu để được cỡi trâu. Hai ngón chân cái và giữa của mầy kẹp chỗ nhượng chưn sau của nó, tay nắm đuôi, tay kia ôm bụng nó, kềm cho cứng, chưn còn lại quàng qua đít nó, vậy là mầy lên được. Lần nào cũng vậy, cậu để tôi mệt hào hển, bụng áp vô lưng trâu nhám ồ, đỏ ửng thiếu điều trầy sau cả chục lần tuột lên tuột xuống rồi mới đưa tay bợ nhẹ phía sau lưng tôi đẩy lên. Tôi nhe răng sún mỉm cười khoái chí. Cậu đi kế bên chỉ nhẹ vào trán tôi dặn yêu: Tâm, mầy phải ăn nhiều cơm hơn nhe, cho mau lớn. Lâu lớn quá đi chơi với mầy mất vui. Tôi trả lời thiệt tình: Nghe lời cậu, bữa nào Tâm cũng ăn thêm một chén cơm. No rồi mà còn ăn thêm một chén nữa để lớn cho bằng cậu đó. Ăn nhiều cá thịt nữa để tay cứng như tay cậu. Chặt dừa ngon lành.

Cậu ngó tôi ừ ừ gật đầu mà không nói gì. Con trâu coi như không có tôi trên lưng đã lững thững lại còn nhàn du ghé chỗ nầy ngoạm mớ cỏ, ghé chỗ kia cắn vài đọt lúa non. Những lúc trâu bước xuống chỗ trũng, hay ào xuống ruộng là những lần tôi nao núng tâm thần ngó ngoái lại thì thấy cậu đã đi kế bên sẵn sàng để giúp tôi nếu có chuyện chi bất trắc. Lắm khi cậu chỉ cần đưa tay đẩy một cái nhẹ là con trâu ngoan ngoãn đi theo hướng cậu muốn.

Tôi lớn lên với những chuyện vui dùa như vậy với cậu Bảy. Nhưng mà nếu

chỉ có bao nhiêu đó thôi thì bất quá đối với cuộc đời tôi, ngoài tình máu mủ, cậu như là thằng Thìn, như là dì Út, kỷ niệm hiện diện trong tôi một thời khoảng nào của đời rồi sẽ phai tàn theo nhịp sống bận rộn của thời gian. Tâm trí ta cũng như hoàn cảnh sinh hoạt không cho phép giữ lại tất cả chuyện về mọi người. Thằng Thìn đã nhiều lần cùng tôi lội qua sông mỗi đứa cặp bên hông một bặp dừa. Có lần cả hai đứa cùng bị nước cuốn trôi nếu không nhờ xuồng của một người nào đó thời may chèo gần cặp tới cho vịn bẹ thì không biết chuyện gì đã xảy ra. Tôi và nó cũng đã đào hang bắt dế, cũng đã cùng nhau lặt liệng xuống hết cho bõ ghét tất cả những trái xoài non trong vườn nhà bà Cả Tài vì bà già nầy đã không cho chúng tôi một hai trái trong khi bà có cả vườn thì chớ lại còn thì hồ, nạt nộ đuổi đi. Vậy mà bây giờ bắt tôi hình dung lại khuôn mặt thằng Thìn tôi sẽ không thể nào nhớ được, chỉ mài mại nhớ là nó đen đen, cười đưa mấy cái răng trước có khía răng cưa luôn luôn đóng bợn vàng. Còn dì Út nữa, dì lén mọi người, lùi bắp, nướng tôm, nướng khoai cho tôi. Dì dạy tôi thắt dây làm nài leo bẹ dừa. Có lần tôi tè thiếu điều nín thở, dì chạy u vô nhà lấy muối tha, khuấy nước đường cho uống. Tôi cũng là người liên lạc nhận thơ và đưa thơ cho dì để được dì ôm hun lên tóc khen thằng Tâm giỏi dì Út thương. Những lần đưa thơ như vậy, đi chợ thế nào dì cũng mua cho mấy cái bánh bò trắng tinh láng lấy. Có lần dì đưa bánh bò ra, tôi đương mài ngói làm mấy đồng tràm để chút nữa chơi nhảy cò cò với con Bưởi đằng đầu xóm, mừng quá, lẹ làng đưa tay ra chụp, bánh bò in dấu tay bột ngói đỏ ửng, dì giựt lại chùi chùi bằng mu bàn tay rồi hai dì cháu ngó nhau cười như nắc nẻ. Vậy mà khi tôi học lớp nhứt thì dì đi lấy chồng xa. Từ đó cho tới giờ dầu như là tôi chỉ gặp được dì có hai ba lần, lần nào cũng gặp một dì Út xa lạ, xa lạ tuyệt cùng tận so với hình ảnh dì Út đẹp thương thời tuổi trẻ của tôi – đã vùi mất trong thời gian quá khứ không thể nào tìm thấy được. Còn cậu Bảy tôi thì không vậy. Bất cứ lúc nào tôi cũng có thể tưởng tượng ra hình ảnh cậu. Có quá nhiều trường hợp để liên tưởng đến cậu. Một cánh đồng. Một con sông. Một buổi chiều vàng. Một thanh niên lực lưỡng. Một người thông minh. Một nhân vật anh hùng và tài trí trong tiểu thuyết. Cậu là nhân vật lý tưởng cho tôi hư cấu thành vai chánh trong truyện nếu tôi là nhà văn. Nếu là con gái, thanh niên nào có một vài chi tiết giống cậu sẽ tạo nên tiếng sét ái tình chắc chắn trong lòng tôi. Đó là những hành động mà sau nầy lớn lên tôi được biết đó là những nghĩa cử quên mình vì người . . .

Bà ngoại năm đó theo dỗ dành tôi hằng ngày để nói cho bà biết tên những người con gái mà cậu thường lân la trò chuyện. Mặc kệ bà nói gì thì nói, tôi cứ lắc đầu chối không biết, không nghe. Tuy không nói cho cậu hay về chuyện mình bị dụ dỗ nhưng trí non nớt của tôi cũng thấy có điều gì đó bất lợi cho cậu. Điều cần nhứt là im lặng. Cậu, người bạn thân nhứt, lẽ đâu tôi lại nói một điều có hại? Gần Tết bà qua nhà, đưa ra trước mặt tôi hai cái áo mới, vải sọc xanh da trời trên nền trắng tinh rất đẹp, còn thơm mùi hồ, nói là phần thưởng cho tôi nếu tôi cho bà biết cậu mèo chuột với ai. Tôi đã muốn kể ra rồi. Hai cái áo

ngày Tết không phải là món đồ một đứa nhỏ như tôi có thể cưỡng lại ước muốn. Nhưng cái tiếng mèo chuột ngoại xài khiến tôi thắc mắc. Tôi thiệt tình hỏi:

– Mèo chuột xấu lắm phải không ngoại?

Hơi ngần ngừ một chút bà mới trả lời:

– Ừ, mèo chuột xấu lắm nên tao mới biểu mầy nói tên cỏn cho tao để tao đi cưới cho thằng Bảy. Không cưới để tụi nó tò tí với nhau hoài thiên hạ cười thúi đầu. Nhà mình danh giá chứ bộ hư hèn gì sao?

– . . . Mèo chuột, tò tí te thì mấy chị có con chuột Tàu trong bụng phải không ngoại? Mà con chuột Tàu là con gì vậy ngoại?

Cười ngất một hồi rồi bà lập nghiêm nạt tôi:

– Thôi mầy, hỏi mầy chuyện đàng hoàng mầy không trả lời, lại còn hỏi tao chuyện dần lân. Con chuột Tàu là cái đầu mầy đó chứ gì mà hỏi.

Dĩ nhiên tôi biết con chuột Tàu không phải cái đầu tôi nên bỏ qua, tính chạy đi chơi, bà ngoại tôi tiếp:

– Nè nói cho mầy biết, tò tí thì con trai thường bị thất tình.

– Ngoại nè, tôi cướp lời, người thất tình hay ngồi gốc dừa bứt cỏ nhai, ưa lượm đất cục liệng xuống mương phải không ngoại?

Ngoại tôi vừa cười cười vừa đưa hai cái áo cho tôi cầm:

– Nè áo của mầy nè, nói đi kẻo không thôi thằng cậu yêu quý của mầy thất tình đó. Thất tình đậm thì điên luôn như thằng cha Tư Điên tối ngày cứ láp dáp, làm xàm một mình, đi lên đi xuống đầu đường xó chợ coi không giống ai.

Tôi mân mê hai cái áo, ướm thử, coi bộ đẹp. Bận áo nầy ngày Một Tết nhảy cò cò với con Bưởi thì hết xẩy, thế nào nó cũng trầm trồ. Nói để cậu khỏi thất tình, khỏi điên mà mình được áo sao lại không nói? Tôi bặm môi ngó ngoại để lựa chọn quyết định. Vừa lúc đó dì Út tôi ở ngoài bước vô. Thấy dì tôi nhớ chuyện những cái bánh bò, những lần dì ôm đầu tôi hun, những lần dì biểu tôi giấu dừng cho ai biết chuyện thơ từ. Thôi có gì dây bất ổn. Lại có cái nheo mắt của dì nữa. Chuyện gì dây?

Tôi đưa áo ra trả:

– Trả áo lại ngoại nè, con đâu biết gì mà nói.

Tôi nhận được ánh mắt tán dương nồng hậu của dì Út khi nói câu nói đó. Tôi thấy mình anh hùng, xứng đáng để được cậu Bảy tin cậy dẫn đi dây đi đó. Tôi chạy ù ra sân, bỏ lại hai người đàn bà nhìn theo, cười như nắc nẻ.

Tết năm đó hai cái áo mới tôi vẫn được mặc như thường. Và Tết năm đó là khúc quanh quan trọng trong đời cậu Bảy tôi.

Nửa đêm mùng Hai, nằm ngủ mặc luôn trong mình cái áo mới bà ngoại cho, tôi giựt mình thức dậy vì trong chiêm bao con nhỏ Bưởi xé áo tôi, bắt đầu một chuyện cãi lẫy sao đó. Có tiếng xù xì nho nhỏ của ngoại tôi với cậu Bảy:

– Ngày tư ngày Tết mà tao đánh nó như vậy để cho nó mang xấu, không rủ rê mầy nữa. Chừa, chừa tới già.

– Má đánh nó, nó xuôi tay không cự lại là quá tốt rồi. Gặp dân ở chợ nó đánh lại thì má làm sao? Phải nhục không?

– Dễ không? Cự lại tao bửa đầu.

– Nó cuốn gói đi mất tiêu rồi, kiếm cùng khắp nơi không thấy. Nhà cửa bỏ toang hoác. Người ta phận gái mồ côi đáng lẽ má phải thương chứ. Sao lại ăn hiếp làn tệ như vậy?

– Còn ông già tía nó tao cũng đánh luôn, thằng đó hồi còn sống đi ở đợ cho tao không lẽ bây giờ tao ngồi sui với nó? Coi sao được mậy?

– Nhưng mà thương yêu đâu ăn nhằm gì tới chuyện giàu nghèo. Con lấy người ta chớ bộ má lấy hay sao? Tía người ta chết rồi mà má còn tị hiềm.

– Không nói gì hết, bây giờ tao phải cưới con Diệp cho mầy. Mầy còn nhỏ thì sao cũng được, chứ tao lớn rồi lời nói tao phải giữ, không thôi ai còn coi tao ra gì.

– Má giữ lời hứa của má sao má không cho con giữ lời hứa của con với người ta? Người ta ăn nằm với con rồi đó.

– Kệ nó, nó khôn thì nhờ, dại thì chịu. Ai biểu con gái mà ngu?

– Con nhứt định không thương con Diệp đâu má đừng cưới mà ân hận.

– Mầy còn trẻ người non dạ, chưa hiểu gì về đời đâu. Cưới xin đâu phải chỉ có chuyện hai đứa bây mà thôi . . . Nhà con Huệ giàu nứt vách đổ tường. Còn con Muội mồ côi cha mẹ lại nghèo rách mùng tơi.

– Má ham giàu thì má cưới nó đi, má ở với nó tôi không biết gì hết. Từ nay sắp tới tôi không làm ăn gì hết. Tôi bỏ xụi hết, để má với con dâu của má lo chuyện nhà cửa.

– Tao không cần mầy làm, người làm tao thiếu gì. Tao chỉ cần mầy chịu cho tao làm đám cưới thì thôi. Tao cần có con dâu làm tao nở mặt nở mày chớ không cần có con dâu mồ côi.

*

Trí thông minh của mình nếu không lo phát triển, cứ sử dụng mãi thì sẽ hao mòn lần mà cuộc đời thì cứ tiến triển, đến lúc nào đó mình không còn theo kịp và sẽ bị bỏ quên lại phía sau. Cuộc đời u trầm của cậu cũng vậy, lần lần kéo theo nếp sống trì trệ của mấy đứa em họ tôi không phải chỉ lỗi ở thời cuộc khó khăn, ở chiến tranh dai dẳng mà phần lớn lỗi ở cậu tôi đã quá quyết liệt với tình yêu xưa cũ.

Hình ảnh một ông già còm cõi, da đen cháy, nhăn như lụa nhầu không ủi, tay cầm chén rượu đế kê trên nhân trung, hít vô bằng lỗ mũi để thắng một trận cá nho nhỏ, bằng số tiền mua một tô hủ tiếu, chung quanh một bầy thanh niên tóc dài, mặt choắt, đang cười cợt ngả nghiêng là hình ảnh tôi không dợi chờ để gặp lại người hùng một thời của mình. Còn đâu nữa lúc cậu Bảy tôi hùng dũng dội ba bốn cái mền nhúng nước chạy ào vô căn nhà đang cháy bừng bừng để ẵm đứa em nhỏ của thằng Thìn ra, tất cả những câu khen tặng sau đó cậu đều mỉm cười ngượng nghịu từ chối? Còn đâu nữa hình ảnh cậu Bảy tôi quăng mau cái búa bửa củi xuống, chạy như tên bắn ra bờ sông, hai tay nắm hai

người đàn bà chìm xuống, lội đứng vô bờ trong khi trên bờ nãy giờ đứng lao xao bao nhiêu người chỉ biết đưa mắt ngó hay cùng lắm là lớn tiếng la làng? Hết rồi cậu Bảy của tôi thời thơ ấu. Hết rồi người cậu mà tôi hằng mơ ước trở thành! Cậu xin xỏ "cháu cho cậu một chỗ trên tàu", như một ý nghĩa tự dối, một lời xin lỗi khi thấy ánh mắt quá thất vọng của tôi về cậu, tuyệt nhiên không có chút ý muốn nào hết trong thâm tâm cậu về việc lập lại cuộc đời trên một xứ quá xa xôi, lúc khí lực đã do thời gian làng nhàng của đời cậu bào mòn tới những đơn vị cuối cùng.

Móc túi đưa cậu tới những xấp tiền cuối cùng để dành cho những bất trắc có thể có trên đường về Sàigòn, tôi không trả lời, bước đi trong mơ hồ, ra khỏi khu vườn tuổi trẻ của mình. Ngang sân, ngó vô chỗ dàn lu nước ngày xưa, bây giờ chỉ còn hai cái nằm xiên xẹo, mất nắp, tôi nghĩ không biết sau nầy mình có thể tự giải phóng ra khỏi niềm thất vọng vô lường về sự xuống dốc thê thảm của cậu Bảy hay không. Hay cũng như cậu, ôm mối tình lụy suốt đời, tôi sẽ tiếc thương hoài sự tự hủy ghê gớm của cậu. Đứng trước cây mít còi cọc ngoài đầu ngõ, cây mít ngày xưa ngoại trồng có tôi phụ vác xuống xúc đất. Nắm xương khô của bà đang nằm sau vườn, chắc hồn có thể chứng kiến hậu quả hành vi ép uổng của mình ngày trước, một sự ép uổng dựa trên cái môn đăng hộ đối phù phiếm, đã ảnh hưởng quá nhiều lên con cháu, biến đời một thanh niên có tương lai xán lạn như cậu tôi thành một người bất đắc chí mộng du trong cơn hôn mê tình lụy không biết cho đến bao giờ. □

LƯU HY LẠC

lên chùa

Nhấc kinh bỏ ở cửa chùa
Ra chợ ngơ ngác bông đùa phù hư
Quảy kinh đi bước chần chừ
Liều ngõ tắt mắt khư khư nhắm nghiền
Run vai lần giở hoa nghiêm
Phía chân trời tiếng tụng đêm giọng rền
Trang kinh treo lửng đầu ghềnh
Tiếng qua lời lại trôi lềnh ngập sông
Ôm kinh vùi giấc mặc lòng
Tâm rơi rớt phật nhạt bồng trĩu tay.

CAO XUÂN TỨ

thiệp xuân

có phải chim về quên báo bão
giữa chiều nơm nớp ngượng bàn tay
nếp nhăn hằn lên giấc ngủ ngày
thiệp xuân nằm đó chưa buồn viết
hướng hoa dập vùi bên đống tuyết
bước trầm khua lá mục dưới chân
hàng thông nguôi gió đứng tần ngần
dâu đấy tiếng ai cười khô cứng
vọng về những chân trời bỏ lửng
những tình cờ xiêu giạt bến sông
những quá giang vừa bỏng cái hôn
chưa nguội đã xanh rờn trong nhớ
những liềm trăng xa vườn bỏ chợ
chém trên da xát mãi oan cừu
những tiêu pha đần với gánh rượu
lọc men trời gai lưỡi tìm hương
lồng bóng ai thảng thốt bờ gương
trong mắt dại xuân vừa non cỏ

HUỲNH LIỄU NGẠN

cổ tích

(Tặng Hoàng Xuân Giang)

rồi tiếng hát chở dòng sông đi biệt
mai người về mây trắng có buồn không
thưa với đời xin buổi chiều chậm lại
kịp chuyến đò hoài một ánh mắt trông

ngày nhớ Huế lâm thâm mưa đổ vội
bên tê chờ bên ni đợi người ơi
từ hữu ngạn mưa về qua tả ngạn
bước qua cầu thương mấy nhịp chơi vơi

trời thấp xuống nửa lòng trăng vừa hé
con đường gầy còn mấy nẻo phân ly
đến ngã phố rẽ hồn vô thành nội
bến sông nào rồi cũng đợi thuyền đi

xin cổ tích một mùa thu của Huế
cho em đầy hai vạt nắng đong đưa
bay lên trời những nỗi buồn dất đá
cho em về xanh nụ giữa ban trưa

TRẦN LONG HỒ

một chỗ ngồi lâu

truyện ngắn

Từ mấy ngày nay, vừa hừng sáng tôi đã thấy ông già ngồi trong trạm xe *bus*. Ông ngồi trên cái băng cây, cùng một chỗ và thật yên lặng. Ông mặc cái áo chống lạnh bằng nỉ xám, rất dày và thật cũ. Áo trùm ngang mặt ông và phủ dài xuống tận chân. Trên khuôn mặt ông chỉ lộ ra đôi mắt lem nhem. Ánh mắt ông vừa lờ đờ vừa trông thật xa vắng. Mỗi lần nhìn vào mắt ông, tôi có cảm giác tuy ngồi đây nhưng tâm tư ông hướng về một nơi nào xa lắm. Hai bàn tay ông già giấu kỹ trong đôi găng bằng da màu nâu, cũ rích và dơ bẩn. Còn chân ông được bọc kỹ trong đôi giày da đen bám đầy đất, mũi giày vừa to vừa ướt nên lớp da ngoài nở loe ra và sần sùi.

Nếu chiếc xe tôi không bị hư bất tử thì tôi chẳng bao giờ gặp ông Minh. Tôi biết tên ông vào ngày thứ ba trong trạm xe *bus*. Có lẽ có một sự xui khiến nào đó để tôi gặp ông. Tôi nghĩ như vậy vì mọi ngày tôi lái xe đi làm, dâu khi nào để ý đến xe *bus* thì làm sao gặp được những người ngồi chờ xe tại các trạm ven đường. Chiếc xe của tôi phải kể là loại không đến nỗi tệ, hiệu Toyota Corolla, tuổi tuy đã mười hai nhưng máy còn tốt. Nó chưa bao giờ nằm đường qua bao nhiêu năm rồi, cả trong mùa tuyết, có năm lên đến sáu *inches*. Nhưng ba ngày trước, bình nước của nó bị sét rỉ và thủng một lỗ bằng đầu viết bi. Chỉ chừng đó thôi cũng đủ gây ra tai họa. Xe đang chạy trên xa lộ, tôi khám phá tiếng máy nổ có vẻ khác thường rồi. Đến lúc tôi thấy khói bốc lên mịt mù thì chiếc xe cũng vừa tắt nghỉ. Tôi nhờ một người bạn làm thợ máy lo việc sửa chữa, theo kiểu "tị nạn", đi kiếm đồ cũ ở nghĩa địa xe. Do đó, đã ba ngày qua tôi phải đi xe *bus*. Chính vì vậy tôi mới gặp được ông Minh.

Ngày đầu tiên tôi ra trạm xe *bus* nhằm buổi tuyết rơi thật nhiều. Năm nay tuyết có trễ nhưng rơi trận nào cũng từ ba *inches* trở lên. Phải nói, tuyết rơi từ hồi khuya. Khi đồng hồ rẻ sáu giờ, tôi nhìn qua cửa sổ đã thấy trời đất trắng xóa một màu.

Tôi bước ra khỏi nhà. Ngoài trời, tuyết rơi rất nhẹ. Bông tuyết như những mảnh gòn trắng tinh, rơi rắc thật đều dặn. Tuyết đã bao trùm mọi vật. Tất cả chỉ còn là một màu trắng. Tuyết phủ từ mái nhà, mui xe, ngọn cây, bãi cỏ, và cả trên đầu những người qua lại ngoài phố.

Tôi dò dẫm trên lề đường đi từng bước đến trạm xe *bus*. Lúc tôi vào bên trong đã thấy ông Minh ngồi đó rồi. Ông ngồi thù lù một chỗ. Bộ đồ xám sậm của ông nổi bật giữa màu trắng của tuyết đang phủ trùm cảnh vật chung quanh.

Hình ảnh ông ngồi cô đơn trong trời giá lạnh và vắng vẻ càng làm tôi chú ý ngay từ ngày đầu. Hơn nữa ông là một người già Việt Nam. Chính điều này làm tôi suy nghĩ và chú đến ông nhiều. Nếu ông là một người Mỹ, có lẽ cái cảm giác cô độc mà tôi cảm nhận sẽ ít hơn. Tôi không hiểu sao mình lại có cảm nghĩ như vậy. Nhưng tôi biết, có lẽ thông qua cái thận phận của chính mình. Có phải cái mặc cảm nhược tiểu ăn sâu vào tâm khảm tôi đã nhiều năm qua, theo thời gian lớn dần lên thật khoẻ mạnh rồi sinh sản ra mớ suy tư èo uột đó.

Phải chi ông Minh ngồi trong một trạm xe *bus* tại Việt Nam, chắc là tôi yên tâm hơn và tôi không thèm để ý đến ông nữa. Nhưng ông lại ngồi một mình trong trời mùa đông giá lạnh, tuyết rơi đầy trời. Chỉ còn vài tuần nữa là chấm dứt một năm âm lịch và bắt đầu cái Tết cho một năm mới. Nếu ông ở Việt Nam, dù nghèo thế nào đi nữa, dù trong xã hội hà khắc thế nào đi nữa, dù một vài người con ông có đi vô trại tập trung hay đã vượt biên, thì ít nhất ông cũng có vài người quây quần quanh ông. Còn thời tiết, đương nhiên dễ chịu hơn nhiều. Ông sẽ ngồi trong một ngôi nhà, hay căn chòi cũng được. Nếu tệ hơn, ông có ngồi dưới một mái hiên nhà nào đó, tôi nghĩ, sự áy náy trong lòng tôi cũng phải lắng dịu.

Đằng này, ông ngồi trong trạm xe *bus*, thu người lại đến độ không còn có thể co nhỏ hơn được. Mà trạm xe *bus* tại Mỹ, điều đó mới sinh ra chuyện. Nhưng chuyện gì mới được? Nói thật, chẳng có chuyện gì xảy ra làm mọi người phải bàn cãi, hay chỉ có tôi cắc cớ suy nghĩ lôi thôi.

Hôm đó là ngày đầu tiên, tôi ngồi ở đầu băng cây bên này còn ông ngồi phía bên kia. Tất nhiên tôi chỉ nhìn thoáng qua ông và bắt gặp ánh mắt rụt rè của ông đáp lại. Tôi chẳng biết mặt mũi ông ra sao. Tôi chỉ thấy dáng ông vừa phải, hơi ốm một chút. Trên người ông, không thấy gì đặc biệt, ngoại trừ đôi mắt lờ đờ và xa vắng.

Tuyết ngoài trời vẫn rơi. Một chiếc *bus* vừa đến, thả một người xuống rồi chạy đi. Tôi vừa trễ chuyến của tôi, chuyến tới còn ba mươi phút nữa. Tôi không có lý do gì để nóng lòng hay sốt ruột. Tôi cũng không có chuyện gì làm và điều đáng ngại là không có chuyện gì để suy nghĩ, ngoại trừ sự thắc mắc về ông già ngồi đợi xe với tôi trong cùng một trạm. Ngược lại, tôi biết ông có việc rất bận rộn trong đầu ông. Cứ nhìn chân mày ông nhíu lại từng hồi, mí mắt chớp nhanh và ánh mắt lộ nét dăm chiêu ghê lắm. Ông miệt mài với điều suy nghĩ trong đầu và gần như quên bẵng mọi sự chung quanh.

Tôi nhìn ra ngoài. Màu trắng tinh khiết của trời đất thật trái ngược với nỗi lòng u ám và rối rắm trong óc tôi. Tuyết đã che hết tất cả và vạn vật trở nên trắng tinh chỉ chừa riêng tôi. Do đó lòng tôi cứ chộn rộn và óc luôn xà quần mà chính tôi cũng không hiểu nổi tại sao.

Những chuyến xe *bus* qua lại qua. Có người xuống, có kẻ lên nhưng ông Minh vẫn bình thản ngồi đó. Tiếng máy xe kêu rầm rầm, tiếng người nói năng chộn rộn, nhưng ông già cứ ngồi yên với đôi chân mày nhíu, mí mắt nháy, vá ánh mắt lờ đờ. Ông không thèm ngó ai và cũng không cần ai nhìn lại.

Tôi nhìn ông và lại bắt một cái liếc rất vội đáp trả. Ánh mắt ông đưa ngang rất sắc và thật nhanh. Ánh mắt mang cả một tiềm lực vô hình về phía tôi và ông ngụ ý anh đừng có lộn xộn. Thế thì ông già này không điên, tôi quả quyết một cách hàm hồ như vậy.

Tuyết đã ngưng rơi, mặt trời lộ lên khỏi nóc tòa nhà bên kia đường, và nắng bắt đầu chiếu xuống. Một phần tuyết vừa chớm tan, nước lan xuống mặt đường chảy qua lề tạo thành một dòng suối thật nhỏ. Ánh nắng chiếu nghiêng qua mặt nước, lóng lánh một chút gì đó của dòng sông thuở ấu thơ đã mất. Một rãnh nước nhỏ nhoi lại tái sinh một dòng sông rất lớn. Thế thì sự tái sinh đâu có bắt buộc phải một chiều.

Trong khi tôi đang suy nghĩ miên man thì chuyến xe *bus* của tôi vừa tới. Tiếng bánh xe bị thắng gấp, nghiền nát rãnh nước và cũng phá vỡ dòng sông trong ký ức của tôi. Đến giờ tôi phải lên xe rời khỏi trạm.

Ông Minh vẫn ngồi yên trong trạm cho đến khi chuyến *bus* của tôi rẽ sang ngã đường khác. Cái dáng dấp thu nhỏ và buồn rầu đó cũng tan theo cùng lúc với sự tiếc nuối trong tôi cho một thời đã mất.

Ngày hôm sau tôi đến trạm xe *bus* thì ông Minh đã ngồi trên băng cây, ngay chỗ cũ, tự lúc nào. Tôi không biết ông ngồi ở đây đã bao lâu và để làm gì. Đâu có chuyện gì hay ho để ngồi một mình thật buồn tẻ trong trời lạnh buốt xương như vậy.

Tôi đến chỗ cũ của mình, ngồi xuống, và loay hoay với mớ suy nghĩ hỗn độn trong đầu. Tôi phải hỏi cho ra lý do tại sao ông già làm chuyện kỳ cục, tự dày đọa mình trong cô đơn và lạnh lẽo. Nhưng khi tôi nhìn ông thì ý nghĩ đó vụt tan biến. Ánh mắt ông nhìn lại tôi vẫn tràn ngập nghi ngờ và ái ngại. Đôi chân mày ông nhíu lại rồi giữ yên như thế. Như vậy ông già này chẳng những không điên mà còn có vẻ khó chịu lắm. Tôi khẳng định như vậy và không muốn hỏi thăm ông nữa.

Suốt buổi sáng hôm đó tôi không biết thêm được gì về ông Minh cho đến khi tôi lên xe *bus*. Ông già vẫn ngồi yên trên băng cây trong trạm. Cái dáng ngồi co rút của ông nhỏ dần rồi mất hút sau dòng xe chạy nườm nượp trên đường.

Hôm nay, tôi đã chuẩn bị cẩn thận để điều tra ông Minh. Tôi gọi vào sở cáo bệnh, vặn đồng hồ réo sớm hơn. Tôi phải thức dậy từ năm giờ, sửa soạn qua loa, để đến trạm xe *bus* trước khi ông Minh có mặt.

Khi tôi ra khỏi nhà, trời chưa sáng hẳn. Tuyết đã ngưng từ hai hôm trước nhưng nhiệt độ xuống thấp trong mấy ngày nay. Do đó tuyết không tan được và một màn trắng tinh khôi vẫn bao trùm lên mọi vật.

Đúng như tôi dự liệu, ông Minh không có mặt trong trạm. Lúc tôi ra đến nơi, chiếc băng cây nằm trơ trọi đó. Một lớp nước mỏng trên tấm gỗ đã đóng băng lại. Lớp nước đá mỏng manh đó tựa như miếng kính in khuôn mặt tôi méo mó và cả nỗi lòng tôi rách bươm. Nhìn chung quanh trạm, tôi thấy vách kính bám đầy hơi nước, nhạt nhòa.

Tôi ngồi xuống chỗ của mình chưa được bao lâu thì một chiếc xe Datsun vàng nhạt, cũ kỹ chạy trờ tới rồi tấp vào lề đường, ngay trước trạm. Chiếc xe thổ tả của tôi đã cũ nhưng so với chiếc này xét ra nó còn tốt hơn nhiều.

Một người trong xe lom khom bước ra không ai khác hơn là ông Minh. Hôm nay ông chưa kịp trùm đầu nên cái áo nỉ dài luộm thuộm của ông chỉ che ngang tới cằm. Tôi thấy mặt ông thon dài, da nhăn nheo. Tóc ông bạc gần hết khiến cả đầu ông trắng phau. Vài sợi đen còn sót lại lưa thưa bên tai và sau ót mang lại cho tôi hình ảnh một đám mây u ám. Ông không đeo kính. Cặp mắt ông nhỏ và lờ đờ. Chân mày thưa thớt và bạc rất nhiều. Mũi ông cao, miệng nhỏ. Trên cằm ông sót lại vài sợi râu bạc lưa thưa.

Khi bước vào trạm ông mới ngẩn người nhận ra có tôi ngồi sẵn bên trong rồi. Ông nhìn tôi, nhận ra người quen từ mấy ngày nay nên yên tâm nở miệng cười. Thật bất ngờ, tôi cứ dinh ninh ông sẽ lườm lườm nhìn tôi như mọi khi và có thể nhíu mày khó chịu như hôm qua ông đã làm. Nhưng nụ cười bất chợt của ông làm tôi thấy vui và gương mặt ông, do đó, cũng tươi tắn và hồn nhiên hơn.

Trong khi đó một người nữa, phía bên tài xế, bước ra khỏi xe. Đó là một thanh niên tuổi độ hơn ba mươi, người vừa tầm, nhưng gầy ốm. Do đó trông anh cao lêu khêu. Người thanh niên bước lên lề đường. Anh khoác cái áo nỉ cũ màu xám, mặc quần tây đen nhưng đã bạc màu. Tôi thấy nét mặt anh phảng phất giống ông Minh. Khuôn mặt anh cũng thon nhỏ, tóc sau ót dài lượt thượt phủ qua cổ áo. Trán anh trợt lên phía chân tóc, mũi cao, và miệng nhỏ như ông Minh vậy. Chỉ có vài điểm khác là chân mày anh rậm và mắt to hơn ông.

Anh nhìn ông Minh, nhíu chân mày lại. Hai cha giống nhau quá, đều biểu lộ sự khó chịu như nhau. Tôi đoán họ là hai cha con và quả nhiên đúng như vậy.

Người thanh niên nhìn ông già, giọng không vui:

– Ba chần chờ coi chừng trễ học.

Ông Minh chậm rãi đáp:

– Tấn à, còn sớm mà con.

Như vậy đúng như tôi dự đoán, người thanh niên đó tên Tấn, con trai ông Minh. Anh nhìn ông, xụ mặt nói:

– Ba trốn học đã mấy ngày nay rồi.

– Con chỉ nghe người ta nói, chớ . . .

– Nhà trường gọi điện thoại tới nhà cho biết ba không tới lớp đã mấy ngày.

– Ở, ờ . . .

– Vậy thì ba đi đâu?

– Ba không đi đâu hết.

Tấn lắc đầu, giọng khổ sở:

– Con đã nói nhiều lần. Ba bỏ học còn dỡ, chớ đi bậy bạ bị lạc có phải phiền không. Con biết ba ở đâu mà tìm.

– Ba không đi đâu mà. Ngày nào con tới cũng thấy ba chờ ở đây.

Tấn nhìn ông Minh, nét mặt lộ vẻ nghi ngờ. Anh biết ông già trốn học đi chơi, đến giờ hẹn thì trở về ngồi sẵn trong trạm. Chiều hôm qua nhà trường gọi cho anh biết để hỏi thăm xem ông có bệnh gì không. Anh biết ông già không ốm đau gì cả. Ông vẫn ăn ngon, ngủ kỹ và xem phim bộ Hồng Kông mỗi ngày. Người có bệnh phải là anh.

Ông Minh thấy con nghi ngờ ra mặt, túng thế quay lại chỉ tôi:

– Có cậu em đây làm chứng. Qua ngồi đây mỗi ngày phải không?

Tôi vội gật đầu, hăng hái nói:

– Tôi cũng chờ xe *bus* mà. Tôi biết, thiệt tình bác ngồi cả buổi ở đây.

Tấn có vẻ không tin lắm nhưng cũng gật đầu: – Vậy được, con chỉ sợ ba đi chơi đâu đó, lạc mất lại phiền.

Ông Minh chắp tay sau lưng, lẳng lặng đi về phía trường học. Ông đi lầm lũi có vẻ nghiêm chỉnh lắm.

Tấn chờ cho ông đi thật xa mới quay lại hỏi:

– Xin lỗi anh, có thiệt ba tôi ngồi ở đây không?

Tôi nhìn anh, mỉm cười:

– Tôi nói thiệt với anh. Xe tôi bị hư nên mấy ngày nay tôi phải đi xe *bus*. Mỗi ngày tôi chờ xe đều thấy ông ngồi đây.

Tấn ngập ngừng hỏi lại:

– Nhưng anh chờ xe chỉ mười lăm phút hay nửa giờ, đâu có ngồi ở đây cả buổi?

Gương mặt Tấn nhăn nhó có vẻ khó chịu về chuyện tôi làm chứng cho ông Minh. Ý chừng, anh nghĩ tôi dụ dỗ ông già đi làm chuyện gì bậy bạ chắc. Tôi cảm thấy bực, liền sẵng giọng:

– Anh sợ ba anh đi lạc phải không?

Tấn gật đầu:

– Đúng!

– Mấy ngày nay ông đều ở đây chờ anh đúng giờ mà. Chuyện ông có đi đâu, anh chưa biết rõ nhưng việc ông không lạc đã chắc chắn rồi. Tôi nghĩ, anh nên yên tâm mới phải.

Tấn giả lả chào tôi rồi lên xe, rồ máy chạy thẳng.

Tôi ngồi nhìn ra đường, lòng se lại trước tình cảnh ông Minh. Tôi biết gần khu nhà tôi có trường Junior High. Người ta mở lớp dạy Anh văn cho người lớn tuổi vào mỗi buổi sáng. Lớp này do mấy người già tình nguyện đứng ra đảm trách.

Như vậy ông Minh là một học trò trong lớp đó, nhưng ông thường trốn học ra ngồi đây.

Tôi đang ngồi suy nghĩ lan man thì ông Minh chợt xuất hiện ở đầu đường. Ông lững thững đi lại rồi vào ngồi xuống, ngay chỗ cũ trên cái băng cây.

Ông giơ một ngón tay lên miệng ra dấu cho tôi nên giữ bí mật về chuyện trốn học của ông. Tôi cười:

– Chào bác. Cháu sẽ không nói với ai hết.

Ông già gật đầu, khoan khoái nói:

– Tôi tên Minh, thằng con tôi lúc nãy, tên Tấn. Nó là con út của tôi.

Tôi cũng tự giới thiệu:

– Dạ, cháu tên Trúc.

Ông Minh cười, kéo nhăn lớp da mặt thành từng nếp. Trông ông khác hẳn mấy ngày qua. Vẻ u sầu với ánh mắt lờ đờ đã biến đâu mất. Hôm nay, trông ông có vẻ trẻ ra và lanh lẹ. Ông xoa hai bàn tay vào nhau cho bớt lạnh rồi ôn tồn hỏi:

– Cậu Trúc không đi làm sao?

Tôi vừa cười vừa hỏi lại:

– Tại sao bác biết cháu không đi làm?

Ông già lại cười:

– Xe *bus* của anh qua hai chuyến rồi.

Thế thì ông già không điên mà cũng không khó chịu. Trái lại ông rất hồn nhiên và lại tinh tế nữa. Vẻ mặt u sầu và đôi mắt lờ đờ chỉ có trong lúc ông buồn và không có chuyện gì làm mà thôi. Bây giờ ông biến thành một người khác. Trong khi tôi đang suy nghĩ, ông Minh nói tiếp:

– Cám ơn anh đã giúp tôi.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

– Bác cám ơn chuyện gì?

– Thì chuyện cậu làm chứng gian đó mà. Cậu ngồi chờ xe *bus* chừng nửa giờ, đâu có ngồi cả buổi ở đây. Nói thiệt với cậu, lúc sáng sớm khi cậu chờ xe *bus* thì tôi ngồi ở đây, nhưng cậu lên xe rồi thì tôi cũng đi.

– À, thế ra bác cũng có việc phải làm.

– Ờ, tôi chờ tiệm K-Mart mở cửa. Cậu có biết tiệm đó không?

– Biết chớ, tiệm đó bán đồ rẻ lắm phải không bác.

– Đúng vậy. Tôi khoái K-Mart chớ không ưa tiệm Macy hay Lort . . . gì đó. Ờ, tôi lẩn thẩn quá, đi hỏi cậu có biết tiệm K-Mart. Chắc cậu sang Mỹ lâu lắm phải không?

– Dạ, cũng không lâu lắm đâu bác, mới mười năm . . .

– Mười năm, vậy là lâu quá rồi, không chừng cậu qua cùng lúc với thằng Tấn của tôi.

– Còn bác qua Mỹ được bao lâu rồi?

– Ối chà, mới ba tháng mà tôi thấy như ba năm. Khổ lắm cậu ơi, cậu còn trẻ chớ già như tôi chẳng biết gì. Tôi như câm, điếc, què, lại ngu nữa. Suốt ngày tôi ngồi trong bốn bức tường, đối diện với cái truyền hình đâu có hay ho gì.

Tôi nói để an ủi ông:

– Thỉnh thoảng bác nên ra ngoài cho đỡ tù túng.

– Đi ra làm sao được. Cậu có nghe thằng Tấn nói không? Lúc nào nó cũng xem tôi như con nít ba tuổi. Hở một chút là nó sợ tôi đi lạc. Nó cứ dặn thằng cháu nội chín tuổi phải canh chừng tôi.

Tôi thấy ông vừa nói vừa quơ tay, mắt mở lớn, mặt trông thật linh động. Tôi phải nói để ông bớt bực bội:

– Thì anh lo cho bác mới làm vậy.

– Lo cái gì, nó có coi tôi là cha nó nữa đâu.

– Bác nói vậy tội nghiệp cho ảnh.

– Tại cậu chưa biết đó thôi, để tôi kể cho cậu nghe.

Ông Minh đội cái nón nỉ lên đầu, mang đôi găng vào rồi chậm rãi nói . . .

*

Trời thật u ám khi ông Minh đến phi trường. Trên không đầy mây xám còn mặt trời đã biến dâu mất. Dưới đất cảnh vật cũng thật buồn bã. Cây cối rụng hết lá và trơ cành khẳng khiu. Ông Minh cho đó là điềm xấu và ông không tin tưởng một sự tốt lành nào cho đời sống mới của ông tại Mỹ.

Thiệt tình, ông Minh không muốn qua Mỹ vì ông còn hai đứa con và một bầy cháu ở Việt Nam. Tấn là con út mà cũng là đứa con duy nhất ở Mỹ. Tấn làm giấy bảo lãnh chỉ trong vòng năm năm là ông được giấy xuất cảnh.

Gia đình Tấn chỉ có ba người. Vợ Tấn tên Ngọc nhưng lại mang tên Mỹ là Nancy. Hai vợ chồng lấy nhau khoảng mười một năm, từ khi cả hai mới được định cư. Họ nâng đỡ cho nhau từ bước đầu, phải vừa đi làm vừa đi học. Họ có đứa con trai nhưng mang tên Mỹ. Nó tên Biêu, ông Minh nghe vợ chồng Tấn gọi như vậy. Ông không vừa ý cái tên này nhưng không dám nói. Ông dâu ngờ, sau ông vở lẽ ra mới biết thằng cháu nội tên là William, ở nhà thường gọi là Bill. Nhưng mặc kệ chúng nó, ông Minh nghĩ rằng cái tên Biêu cũng dễ kêu và dễ viết, thì ông cứ dùng luôn như vậy.

Gia đình Tấn mang cái xe Datsun cũ ra đón ông Minh ở phi trường. Hơn mười năm không gặp, bây giờ ông Minh và Tấn đều đổi khác. Ngày Tấn trốn thoát khỏi Việt Nam chỉ vừa hơn hai mươi, nay anh đã ba mươi hai tuổi rồi. Tóc anh đã có vài chỗ lốm đốm bạc. Anh cho tóc bạc đó đánh dấu chuỗi ngày làm việc quá sức để gầy dựng tương lai nơi xứ người. Ông Minh thì nghĩ khác, ông cho tóc bạc đó là tóc hỗn. Anh mới hơn ba mươi mà có tóc bạc là dấu hiệu không tốt cho sức khỏe và tuổi thọ. Tấn mặc kệ quan niệm của ông.

Phần ông Minh, dĩ nhiên đã thay đổi quá nhiều. Ngày ông chạy đôn chạy đáo lo cho Tấn vượt biên, ông chỉ khoảng gần sáu mươi, bây giờ ông đã bảy mươi rồi. Lúc Tấn ra đi, ông còn là một người đàn ông, nhưng bây giờ ông là một người già hẳn hòi. Một ông già với đầy đủ những nét tiêu biểu. Tóc ông bạc trắng, da mặt nhăn nheo, dáng còm cõi, chuyện gần thì hay quên nhưng việc xa xưa lại nhớ rõ mồn một. Ông lại hay cau có, bắt lỗi từng chuyện nhỏ nhặt.

Còn Ngọc và thằng Biêu, tên của ông Minh gán cho nó, dương nhiên xa lạ với ông rồi. Ngọc lấy Tấn trong những ngày mới đến Mỹ, dâu có phép của gia đình hai bên. Ông Minh để bụng điểm này nhưng không nói ra. Thằng Biêu là cháu nội, nhưng nó có chịu nói tiếng Việt dâu, nó chưa hề gọi ông bằng hai chữ ông nội. Nó nói líu lo thứ gì mà ông không thể hiểu nổi. Mặc dù ông thấy

hình hai người từ lúc còn ở Việt Nam nhưng khi gặp mặt họ, ông vẫn không có cảm giác thân thiện ngay được. Ngay cả Tấn cũng vậy, ông Minh cứ mang trong đầu hình ảnh thằng con nhỏ thó, mặt mũi non choẹt, lúc nào cũng phải nhờ vả ông. Bây giờ Tấn đã thành một người đàn ông, có gia đình, có nghề nghiệp vững vàng, và có một đời sống tương đối ổn định. Tấn đối diện ông là một người khác, không giống đứa con ông ngày xưa.

Buổi gặp gỡ ngoài dự liệu của ông Minh. Ông nghĩ hơn mười năm mới gặp lại con, ông phải nói rất nhiều, kể lể tất cả những nỗi cực khổ từ ngày lo cho nó vượt biên tới khi khăn gói rời quê cha đất tổ sang một nơi xa lạ. Nhưng khi gặp Tấn, ông Minh có cảm giác người đứng trước mặt mình là một kẻ nào đó. Mặt mũi Tấn trông già hơn, kiểu đi đứng, cách nói, và ngay cả giọng nói cũng thay đổi. Ông Minh có cảm giác ngờ ngợ về thằng con của mình và đâm ra ngại ngùng. Ông mất cái vẻ tự tin của một người cha đầy quyền sinh sát và dủ bản lãnh bảo bọc con. Điểm đầu tiên, ngay ở phi trường, khi ông Minh vừa bước ra khỏi hành lang từ máy bay ra chỗ đón, lúc ông ngó dáo dác và còn kinh sợ cái hào nhoáng của cảnh trí văn minh tại Mỹ thì thằng con đã nhào tới ôm ông và siết ông trong đôi tay rắn chắc của nó. Thiệt tình, ông thua cuộc ngay từ đầu. Ông cũng ôm Tấn nhưng cánh tay ông đã yếu và sức ông cũng không siết chặt nó được. Ông bị Tấn đưa vào tình trạng thụ động. Trong sự cảm động và yêu thương ông cảm thấy đã có mầm mống của sự thua cuộc. Ông cảm thấy cay mắt, muốn khóc nhưng ông cũng biết điều đó không phải hoàn toàn do niềm hạnh phúc trong buổi gặp gỡ giữa hai cha con, mà do một điều mới hơn vừa nhen nhúm trong đầu ông.

Sau đó Tấn có vẻ lúng túng khi giới thiệu Ngọc với ông, đứa con dâu không được ông lựa chọn. Ngọc lí nhí chào ông và ông cũng ngậm câm miệng, chỉ gật đầu chào đáp lại. Hành động ấy làm ông cảm thấy khách sáo và xa lạ. Đến thằng Bibu thì tuyệt nhiên không có sự thân thiện lúc đầu với ông. Tấn bảo nó đến chào và hôn ông nội thì nó kéo trì lại và núp sau lưng cha nó. Tấn hăm he bắt nó chào thì nó chỉ nói một tiếng "Hai". Ông chẳng biết nó nói gì. Ông đâm ra hoài nghi về lòng hiếu thảo của đứa cháu. Ông vốn thứ hai, chẳng lẽ nó kêu ông bằng thứ như cha mẹ ông hay kêu ông ngày xưa hay sao. Chẳng những thế, nó còn liếc ông với ánh mắt nghi ngờ và bộ tướng nó như muốn phòng thủ, sợ ông làm hại nó.

Tấn chở ông Minh một mạch từ phi trường về nhà. Tấn vốn tánh ít nói còn ông Minh đã cảm thấy e ngại từ đầu, nên không mở lời. Ông không hỏi thì Tấn không nói. Còn Ngọc đâu dám mở miệng hỏi ông. Thằng Bibu thì chẳng màng đến ông, nó có cái máy nhỏ chỉ bằng gói thuốc lá nhưng có hình và phát ra âm thanh "tạch tạch tè tè". Nó mải mê chơi với cái máy và không để ý đến ai. Do đó khoảng không gian nhỏ bé trong xe dầm ra ngột ngạt. Ba người đều cảm thấy khó chịu chớ nào phải riêng ông Minh, nhưng không ai nói gì. Ngọc vốn là người hay nói nhưng hôm đó lại làm thinh trong suốt đoạn đường về nhà.

Xe chạy chừng nửa tiếng đồng hồ, Tấn cố hỏi ông vài câu về tình hình gia

đình và xã hội ở Việt Nam. Ông Minh nghĩ Tấn cố gắng hỏi cho có để giết thì giờ nên chỉ đáp chiếu lệ.

Đến nơi, ông Minh không ngờ ngôi nhà Tấn lại lớn như vậy. Nhà đến ba từng, có quá nhiều phòng, đồ đạc trưng bày thật sang trọng. So với nhà anh chị Tấn ở Việt Nam thật quá khác biệt. Nhà ông Minh ở chung với anh của Tấn chỉ bằng hai phòng của nhà này, lại cũ kỹ, mưa dột thường xuyên. Ông biết vợ chồng Tấn giàu lắm, không giàu sao lại có nhà lớn thế này, mặc dù nó đi chiếc xe cũ.

Ngay từ đầu ông Minh đã cảm thấy mọi chuyện ông gặp hoàn toàn không giống như ông nghĩ. Cái cảm giác lạc lõng vào một thế giới khác lấn át sự suy nghĩ trong đầu ông và ông cảm thấy hết sức khó chịu trước mọi chuyện xảy ra chung quanh. Ông không đọc được chữ và không nghe được tiếng Anh. Ông chịu thua báo chí và truyền hình. Ông không biết đường xá mà cũng không thể lái xe được.

Ông Minh đã cảm thấy bất an ngay với cảm giác của chính mình. Tấn xin nghỉ mấy ngày để đi làm giấy tờ cho ông. Tấn dẫn ông tới nhiều chỗ. Anh hỏi nhiều chuyện và điền rất nhiều giấy tờ. Ông chẳng hiểu Tấn nói gì và làm gì. Ông ái ngại phải đi theo Tấn, không phải vì lười biếng mà vì cảm giác bất lực lớn dần trong người ông. Ngày xưa ông dẫn Tấn đi làm mọi thứ, từ chuyện đi học cho tới mọi việc ngoài đời. Ông giải quyết hết và lo liệu tất cả. Tấn chỉ có một chuyện là gật đầu vâng dạ. Ngày nay đã hoàn toàn đổi khác, ông đi theo Tấn tò tò như một đứa trẻ. Ông chỉ biết có mấy tiếng "yes, no" rồi "hi, bye". Tấn bảo gật thì gật, bảo yes thì yes. Tấn đưa giấy tờ ra bảo ký thì ký. Ông chẳng biết gì cả. Đến khi hỏi ra ông mới biết Tấn dẫn ông đi xin tiền và xin trị bệnh. Ông bàng hoàng trước chuyện đó nhưng ông không dám nói ra. Cả đời ông chưa biết đi xin xỏ ai, bây giờ đến già lại phải đi ăn mày thiên hạ.

Từ đó ông Minh trở nên ít nói hơn và Tấn cũng không hỏi gì đến ông. Hằng ngày, từ sáng sớm vợ chồng Tấn đi làm, thằng Bíêu đi học. Ông ngồi một mình, ngó trân trân vào cái truyền hình. Người ta nói huyên thiên mà ông chẳng biết họ nói gì. Điện thoại reo càng làm ông khổ hơn. Ông sợ hãi cái điện thoại reo đinh tai nhức óc đó. Một lần ông giở nó lên, ông nghe ai nói líu lo bên kia đầu dây. Ông ú ớ không trả lời được thì người kia càng nói lớn tiếng hơn, có vẻ giận dữ. Cuối cùng ông phải bỏ điện thoại xuống và thề từ đó trở đi không rờ tới nó nữa.

Buổi trưa ông tự nấu nước, ăn mì gói. Ăn xong ông ra phòng trước bật cái truyền hình lên nhưng chỉ ngồi nhìn chứ không hiểu gì cả. Chán, ông ra nhà bếp, xuống từng dưới, rồi đi lên từng trên. Một hôm ông vô phòng thằng Bíêu sắp xếp đồ đạc cho nó. Phòng nó như một ổ chuột, quần áo vất tứ tung, đồ chơi vứt đầy sàn nhà. Ông xếp mọi thứ lại cho ngăn nắp. Đến chiều thằng Bíêu về và khám phá điều đó. Nó cong ngón tay ngoắc ông lại rồi nói một tràng. Nó chỉ phòng nó, mắt long sòng sọc, mặt đỏ phừng. Bộ tướng nó hết sức giận dữ. Tấn giải thích cho ông hiểu là ông không nên xâm phạm đời sống riêng của

nó. Như thế là ông có lỗi mặc dù ông có hảo ý giúp thằng cháu. Ông Minh phải dấm ngực than trời, ông không thể chấp nhận một đứa cháu hỗn hào như vậy.

Còn việc nấu ăn cũng làm ông cảm thấy khó chịu. Mỗi chiều Tấn phải nấu cơm vì Ngọc về trễ. Ông Minh không thể chấp nhận chuyện con trai ông phải chui vào bếp còn con dâu tới giờ chỉ gõ đũa rồi lên bàn ăn. Hơn nữa, Tấn và vợ nó chẳng màng đến ông và chẳng xem ông là cha. Một lần đến bữa ăn ông ngồi trong phòng trước xem truyền hình. Tấn chỉ gọi ông một tiếng rồi vợ chồng và thằng Biêu ăn trước, chẳng đợi ông. Ngay chiều hôm đó ông cáo bệnh, không ăn cơm. Tấn đưa ông hai viên thuốc rồi vợ chồng ngồi xem truyền hình. Khi ông nghe phòng trước yên lặng quá, ông bước ra mới biết cả hai đã đi ngủ. Sáng hôm sau khi ông ra khỏi phòng mới biết vợ chồng Tấn và thằng Biêu đã đi rồi.

Một hôm ông Minh nhận được thư của anh chị Tấn từ Việt Nam. Anh chị Tấn cần một số tiền và cầu mong Tấn giúp đỡ. Ông Minh chờ Tấn về, ăn cơm xong, nghỉ ngơi một lúc, ông mới nói:

– Anh chị con cần một số tiền, ba nghĩ, vợ chồng con nên giúp đỡ cho anh chị.

Tấn bực bội nói:

– Giúp gì nữa bây giờ, nhà cửa, xe cộ của con ở đây ai trả. Vợ con đau ốm bệnh hoạn ai vô đây lo.

Ông Minh xuống giọng:

– Nhưng anh chị con nghèo lắm, con biết không?

– Con đã gởi nhiều lần rồi.

– Nhưng dâu có đủ, anh chị con lại đông con, đời sống bên đó mắc mỏ.

Tấn sẵng giọng:

– Tháng rồi, con đã gởi cho anh chị và cả chú Năm, cô Sáu. Tháng này, lương con lãnh về không đủ trả nợ và tiền nhà.

Ông Minh sa sầm nét mặt. Những thớ thịt trên mặt ông giật lên từng hồi. Ông cảm thấy nóng mặt và tim ông đập đồn dập từng hồi. Ông cảm thấy hết sức đau đớn vì lòng dạ đứa con. Tấn chỉ lo cho gia đình nó còn anh em, họ hàng thì bỏ mặc.

Từ hôm đó, sau vụ bức thư Việt Nam, ông Minh nhớ rất rõ, vợ chồng Tấn không màng đến ông nữa. Tấn bảo ông ở nhà ăn trước. Đồ ăn để sẵn trong tủ lạnh, ông cứ việc mang ra hâm lại. Đến chiều hai vợ chồng về đến nhà là rút vào phòng riêng. Họ không muốn nói chuyện với ông nữa. Ông cảm thấy hết sức đơn độc trong căn nhà của Tấn. Ông cảm thấy Tấn đã bỏ rơi ông.

*

Giọng ông Minh nhỏ dần rồi im bặt. Ông xoa tay vào nhau cho bớt lạnh rồi đội cái nón nỉ lên đầu. Trông ông thật buồn bã. Ánh mắt ông trở nên xa vắng và lờ đờ.

Tôi không biết nói gì với ông trong lúc đó. Bên ngoài mặt trời đã lên cao

và nắng chiếu xuống thật gay gắt. Tuyết đã tan từng khoảng trên mái nhà, mui xe, và trên những bãi cỏ xanh trước khu chung cư.

Lúc đó, xe Tấn cũng trờ tới trước trạm. Ông Minh lẵng lặng bước ra ngoài, không buồn chào từ giã tôi. Chuyện ông kể gây cho tôi một cảm giác thật buồn chán. Tôi dự định ngày mai sẽ hỏi kỹ hơn về chuyện gia đình ông để có cách gì giúp cho ông hay không.

Sáng hôm sau, khi tôi ra trạm xe *bus* thì ông Minh không có mặt ở đó. Trái lại một người tôi không đợi là Tấn, đang ngồi trên băng cây, ngay chỗ của ông.

Tôi ngạc nhiên quá, định hỏi thì Tấn đã mở lời:

– Mấy ngày nay ba tôi có nói chuyện gì lạ với anh hay không?

Tôi lắc đầu:

– Anh muốn nói chuyện lạ là chuyện gì?

Tấn ngập ngừng đáp:

– Thì chuyện ba tôi dự tính sẽ làm.

Tôi thấy nét mặt căng thẳng và lo lắng của Tấn. Tôi đoán có chuyện gì xảy ra cho ông nhưng anh không muốn nói ra.

Tấn vuốt mớ tóc lòa xòa xuống trán, môi anh mím lại, một lúc sau anh mới nói tiếp: – Tôi biết đem chuyện gia đình nói với anh hơi đường đột nhưng tôi phải nói vì có thể anh biết chỗ ở của ba tôi hiện thời.

Tôi lắc đầu định giải thích thì Tấn vội nói át:

– Để tôi kể cho anh nghe . . .

*

Tấn sang Mỹ được mười hai năm và đó cũng là khoảng thời gian anh cách biệt ông Minh. Ngày anh nhận được thư ông báo cho biết ông sẽ được đi Mỹ đoàn tụ gia đình, vợ chồng anh đều vui mừng và chuẩn bị ngay mọi việc để đón tiếp ông. Tấn dọn dẹp phòng làm việc của anh vào phòng ngủ, mua giường, và sửa soạn mọi thứ cần thiết cho ông. Tấn dự định một kế hoạch trong đầu về chuyện làm ăn và sẽ nhờ ông phụ giúp.

Ngày gia đình Tấn gặp ông ở phi trường, anh mới biết những điều anh dự tính là không đúng. Ông Minh không còn như ngày xưa, ông không còn là một người đàn ông khỏe mạnh và xông xáo nữa. Hình ảnh của ông mà anh vẫn giữ trong đầu đã thuộc về dĩ vãng. Bây giờ, trước mặt anh, ông Minh là một ông già lụ khụ và ngờ nghệch. Không những thế, ông lại mang hết cái nếp suy nghĩ lỗi thời theo ông. Trong buổi gặp đầu tiên, ông nhìn sững anh một lúc lâu, ánh mắt ông không mang hết tình cảm nồng nàn của một người cha như xưa. Trái lại nó đã pha rất nhiều sự ngần ngại và co thủ. Điều này đã làm cho anh hơi chùn bước trong cách đối xử. Nhưng điều này không làm anh xót xa bằng cách đối xử của ông đối với Ngọc và Biêu. Ông đã nhìn Ngọc như một người xa lạ và đối xử với Biêu chẳng khác gì một người dưng. Cung cách đó nói lên cả hai chưa được phép của ông để trở thành dâu và cháu. Anh có cảm giác như họ phải chờ sự tuyên bố chấp nhận của ông trong một buổi lễ có mặt họ hàng. Từ đó họ mới được quyền trở thành một người dâu và một đứa cháu. Ông đã giữ

nét mặt hết sức lạnh lùng khi Ngọc bước đến chào ông cũng như ông đã nhăn mặt biểu lộ một sự phẫn uất khi thằng Bibu nói "Hi" với ông. Đành rằng thằng cháu không nói được tiếng Việt, anh biết đó là lỗi của cha mẹ chưa dạy con đúng mức, nhưng đó không phải là một cái tội tày trời.

Khi về đến nhà, ông Minh đã choáng ngợp trước cái nhà của Tấn. Anh biết ông quen sống trong những căn nhà khiêm nhường ở Việt Nam nên khi ông thấy nhà Tấn ông đã để lộ xúc cảm và bất mãn. Thật sự nhà anh chỉ là một căn nhà rất tầm thường ở Mỹ mà tất cả mọi người với mức lương trung bình cũng có thể mua được.

Từ đó ông biểu lộ tất cả quyền uy không đúng chỗ của một người cha. Ông bắt anh phải sắp xếp lại đồ đạc trong nhà theo ý ông. Cái truyền hình phải để chỗ này, bàn ghế phải dời qua chỗ nọ. Anh phải ép bụng chìu lòng ông.

Trong sinh hoạt gia đình, ông bắt buộc Ngọc phải xuống bếp làm tất cả mọi việc mặc dù nàng đi làm thêm giờ mỗi ngày và về nhà rất trễ. Ông cấm hẳn chuyện Tấn phụ với vợ nấu ăn và dọn dẹp trong bếp. Còn thằng Bibu, ông quát thét la rầy nó mỗi khi nó mở miệng nói tiếng Anh. Ông bắt nó phải nói tiếng Việt. Tội nghiệp thằng nhỏ, ú ớ mãi không ra lời.

Một lần ông vào phòng nó, tự ý sắp xếp lại mọi thứ và đồ chơi của nó. Đến khi thằng Bibu về, nó phẫn uất la lên phản đối. Thế thì một trận chiến nổ bùng giữa hai ông cháu. Tấn phải đứng ra dàn xếp. Anh cố giải thích cho ông hiểu về nếp sống và những điều riêng tư của mỗi người, những thứ đó phải được tôn trọng. Ông Minh đã không chấp nhận mà còn chửi anh một trận rồi từ đó bỏ ăn. Hằng ngày, anh phải mời mọc và năn nỉ ông nhiều lần, ông mới chịu ăn.

Điều làm Tấn lo sợ nhất không phải ở sự bất hòa giữa ông Minh và thằng Bibu, mà chính là cuộc chiến tranh lạnh tay ba, ông Minh, Ngọc và anh. Tình trạng bất hợp tác rồi không nhìn mặt nhau giữa ông và Ngọc càng ngày càng trầm trọng. Ông không đồng ý cho Ngọc sắm quần áo. Ông cho rằng, tiền đó nên gởi về Việt Nam. Ngọc cho rằng, ông Minh phải biết dừng lại ở vị trí của một người cha chồng ở xã hội Mỹ. Trước tiên ông phải tự lo cho ông những việc tối thiểu cho đời sống của ông, trước khi ông đòi hỏi người khác phải hi sinh. Tấn đứng làm bia giữa hai lằn đạn. Ông Minh cho anh là thằng con bất hiếu, dửa em ích kỷ. Ngọc cho anh là người chồng nhu nhược và u mê.

Một hôm, ông Minh nhận được thư Việt Nam. Trong thư người chị lớn cần một số tiền để làm đám cưới cho con và người anh cần tiền để sang một cái sạp ngoài chợ. Ông Minh để cái thư trên bàn, ngay một chỗ rất dễ thấy. Ông chờ Tấn đi về. Ông đợi anh ăn cơm xong rồi chờ anh xem truyền hình. Ông thấy Tấn không đả động gì đến lá thư. Dĩ nhiên, anh biết nhưng không thèm nhìn đến cái thư Việt Nam có ren xanh đỏ. Ông Minh bèn lấy thư đưa cho Tấn. Ông nhìn kỹ mặt Tấn. Ông quan sát thật kỹ và khám phá anh không có chút xúc động nào. Ông bảo Tấn ngồi xuống rồi nói:

– Con có thấy thư này trên bàn không?

– Dạ có.

– Tại sao con không đọc?

Tấn điềm tĩnh trả lời:

– Từ từ rồi con đọc.

Ông Minh bực bội nói:

– Con định tới lúc nào mới đọc.

– Khi con cảm thấy khỏe lại, bây giờ con mệt lắm.

Tấn cau mày định đứng lên nhưng ông Minh ra dấu cho anh ngồi xuống, ông nói:

– Con phải biết anh chị con ở Việt Nam rất nghèo khổ. Tấn gật đầu:

– Con biết và con vẫn gởi tiền đều đặn hằng tháng cho anh chị.

Ông Minh nói tiếp, giọng nghiêm trọng:

– Nhưng anh chị con quá nghèo, còn con sống ở đây, nhà cao cửa rộng, ăn uống đầy đủ, đâu có thiếu thứ gì.

Tấn lắc đầu, giọng chán nản:

– Con đã giải thích với ba nhiều lần rồi. Không những con gởi cho anh chị hằng tháng mà thỉnh thoảng còn gởi cho cô, chú nữa. Nếu con không làm việc được, không thể trả nổi chi phí ở đây thì họ lấy ai mà xin. Ba thấy rồi, con làm việc cả ngày, sáng sớm còn đi bỏ báo kiếm thêm tiền, vợ con phải làm hai nơi. Nhà cửa và mọi chi phí ở đây đều là của ngân hàng, không trả nổi thì người ta sẽ tống cổ mình ra đường.

Ông Minh không nghe lời giải thích của Tấn và anh cũng không thể thực hiện những điều ông yêu cầu. Từ đó ông sống trong nhà anh như một cái bóng. Chỉ còn vài chuyện trong gia đình mà ông và anh còn liên lạc nhau là ăn uống, học tiếng Anh, và coi phim bộ.

*

Tấn hạ giọng nhỏ dần rồi ngưng bặt. Tôi thấy tóc anh rối nùi, mặt nhợt nhạt, và mắt thâm quầng. Tôi hiểu tình cảnh anh nhưng không làm sao giúp anh được vì tôi còn mấy bức thư Việt Nam trong túi đây, đã hai tuần qua tôi chưa trả lời được.

Trong khi tôi đang miên man nghĩ ngợi, Tấn nói tiếp:

– Trưa hôm qua khi tôi trở về nhà thì vợ con tôi biến đi đâu mất. Tôi chạy tìm khắp nơi cũng không gặp. Tôi phải bỏ việc. Đến chiều, tôi trở về thì ba tôi cũng không có mặt. Không ai để lại thư từ và cũng không ai nói một câu từ biệt với tôi.

– Tại sao anh không gọi cảnh sát?

– Tôi có gọi nhưng họ nói chuyện người đi lạc hay mất tích trong ngày thì không ai giúp được, phải chờ qua bốn mươi tám tiếng đồng hồ mới đúng luật.

Tôi nhìn về cuối đường hi vọng ông Minh trở lại từ cái tiệm K-Mart thân quen của ông. Nhưng không có ai cả. Trên đường vắng lặng, chỉ có từng đám tuyết bị dồn vào lề đường cạnh mấy chiếc xe đậu lề loi. Trên trời u ám, mây xám giăng đầy. Dưới đất, cây cối đứng trơ cành.

Tấn đưa tôi một mảnh giấy, thành khẩn nói:

– Nếu anh gặp ba tôi xin làm ơn gọi số điện thoại này.

Tôi gật đầu:

– Tôi cũng muốn gặp bác Minh. Anh không cần nói tôi cũng gọi anh khi tôi tìm được bác.

Tấn chào tôi rồi lầm lũi bước ra đường.

*

Sáng hôm sau, tôi ra trạm xe *bus* thật sớm. Trời vẫn đầy mây xám và u ám như mấy ngày qua. Trong trạm không có ai cả. Tôi ngồi xuống chỗ của tôi trên băng cây.

Hôm nay gió thổi nhiều, mang cái lạnh bên ngoài vào tận trong góc trạm. Tôi kéo cao cổ áo, nhìn ra đường. Mấy bông tuyết vừa rơi xuống mặt lộ. Chúng mỏng manh quá, vừa chạm vào mặt nhựa đã tan ngay tức khắc. Nhưng càng lúc tuyết rơi càng nhiều rồi đầy trời giăng mắc bông trắng.

Tôi ngồi yên lặng một mình. Tôi sẽ làm gì đây trên xứ lạnh xứ người. Chỉ còn vài tuần nữa là hết năm âm lịch. Một cái Tết lại đến trong cảnh giá buốt nơi đây. Nhìn quanh tôi chỉ thấy tuyết rơi, chẳng thấy một dấu hiệu mùa Xuân nào cho Tết.

Một chiếc lá khô còn vướng dưới chân băng cây, chỗ ông Minh thường ngồi. Chiếc lá vàng nâu, cong queo. Cái cuống đen, khô khốc, còn cánh lá cuốn quắp lại. Nó bị gió thổi dùa vào trong góc, nằm rúc dưới chân băng cây. Nó lẽ, nó ở đó lâu rồi nhưng không ai để ý đến. Cái chỗ trong góc kẹt, tận cùng của mọi hướng. Nó không còn lối thoát để chạy đi đâu, và chính vì thế nó còn ở đó để tôi bắt gặp.

Gió thổi mạnh hơn. Tuyết bay thật nhiều rồi bị hất vào trong trạm. Những bông gòn trắng phau bắt đầu phủ lên chiếc lá.

Tôi cúi người xuống định lấy chiếc lá lên, nhưng bàn tay tôi không với tới được. Cố gắng một chút nữa, ngón tay tôi chỉ còn khoảng một chút nữa thôi là chạm tới nó. Thắt lưng tôi bắt đầu đau, đầu tôi nặng dần. Tôi cảm thấy hơi chóng mặt.

Chiếc lá khô nằm yên đó. Tuyết đang phủ dần lên. Tôi cố lấy nó lên làm gì? Nó đã là chiếc lá khô. Nó không thể tươi lại được nữa. Đem nó lên có làm nó xanh lại được đâu. Tại sao tôi muốn làm một chuyện vô lý như vậy?

Tôi từ bỏ ý định bất thường ấy, ngồi trở lên và dựa vào thành băng cây.

Ngoài kia, tuyết đã giăng đầy trời và phủ kín mọi vật. Trong trạm, chiếc lá khô đã chìm mất dưới tuyết tự lúc nào.

Tôi nhắm mắt lại. Một mùa Xuân vừa đến bên kia đại dương. Tôi thấy tôi ngày xưa, áo mới xênh xang, tiền bạc đầy túi, mặt mày hớn hở. Tôi thấy đường phố nhộn nhịp, người đi tấp nập, pháo nổ đì đùng. Tất cả là của Tết và Tết đâu rồi? □

DUY LAM

tiếng chuông ngân

Tôi làm thơ như con chim cứ hót
Chẳng hiểu sao và đừng hỏi tại sao
Như trẻ sơ sinh mỉm cười mụ tặng
Bàn tay quơ đụng khuôn mặt mẹ yêu.

Như đứa trẻ trong đêm nghe tiếng dế
Chợt vẳng lên trong ấm cúng gia đình
Rồi giấc mộng tuổi thơ cũng dát bạc
Mỉm cười tay gỡ rối tóc mơ xuân.

Tôi làm thơ như thiếu nữ chải tóc
Ngả nghiêng nhìn ánh mắt má ửng hồng
Và cười nhẹ vu vơ tay áp ngực
Chận nôn nao mơ chăn chiếu vợ chồng.

Tôi làm thơ như lính trẻ đang yêu
Tay ôm súng nhìn hoa trời rực sáng
Cái chết đến gần giơ tay xua đuổi
Vì trong tim đầy ám ảnh diễm kiều.

Tôi làm thơ như khói hương làng vắng
Trên mồ thiếu nữ chết tuổi trăng rằm
Khói sẽ tan nhưng bóng hình óng ả
Lấp lánh đâu trong mắt kẻ viếng thăm.

Tôi làm thơ để chặn niềm thổn thức
Nỗi đau nào cứ cắn rứt tôi hoài
Có gì đâu khi nỗi khổ ai ai
Cứ vẫn hiện theo đà tuôn ngòi bút.

Hãy buông tha cho tôi để tôi yên
Hãy trả cho tôi niềm im lặng triền miên
Của cây cỏ của núi non vô thức
Mặc gió chiều hờ hững vuốt thân chim.

Rồi trời chiều mang bóng hình diễm ảo
Cũng mờ đi trong khoảng khắc bâng khuâng
Và tiếng hót vươn dài sợi chỉ mảnh
Vương vấn trên những đợt sóng chuông ngân.

NGỤ THUYẾT

bước thấp, bước cao

truyện ngắn

Bố này, hơn sáu giờ rồi. Bố dậy đi làm, bố!

– Hôm nay bố nghỉ.

Người con gái tuổi khó đoán, khoảng từ 20 đến 30, vóc dáng thanh tú, cặp mắt hơi xếch và quá to so với khuôn mặt gầy gầy, tiếng nói nhỏ nhẹ. Người đàn ông đã lớn tuổi, tóc đen, gốc bạc, lông mày tiêu muối, nụ cười mệt nhọc. Hai bố con sống trong căn phòng nhỏ có hai cái giường chiếc kê sát nhau thành hình chữ L bọc lấy cái bàn viết cũ kỹ ngổn ngang giấy tờ, sách báo, ly, chén, nồi, niêu, đèn . . . và cạnh đó là cái tủ đứng nửa trên trang trí thành bàn thờ Phật, nửa dưới làm kệ sách. Ngoài ra còn có cái ghế quay đặt sát cửa ra vào và cái tủ đựng áo quần nằm lẫn trong tường. Cô gái quay lại nhìn bố, có vẻ sốt ruột:

– Chắc là bố đã bị . . .

Cô gái buông thõng câu nói, mắt mở to, chờ đợi.

Người đàn ông kéo chăn trùm kín đầu trả lời, tiếng nói khó nghe:

– À, mà . . . có gì đâu. Bố nghỉ phép, nghỉ có mấy ngày mà.

Buổi sáng trời lạnh căm căm. Người con gái khoác thêm chiếc áo len, lấy ly hứng đầy nước từ vòi nước nóng, uống chầm chậm.

– Bố ơi, trời lạnh uống nước nóng nhiều vào thì . . . thì tốt, phải không bố. Cái gì bố, tẩy, tẩy . . .

– Tẩy độc khu phong.

– Này bố, đừng đùa nữa, kéo mền xuống cho con thấy mặt bố đi. Bố ơi, bố đi làm đi bố.

– Bố . . . bố nghỉ phép. À . . . mà . . . chỉ có mấy ngày.

Người đàn ông cũng buông thõng câu nói.

*

Này cô bé, cô nghĩ ngờ tôi quá lắm rồi. Cô đinh ninh rằng tôi đã bị cho thôi việc chứ gì. Đã thế thì tôi cho cô hố một chuyến. Tôi vẫn quý cô, nhưng cô lại coi thường tôi, coi tôi như chiếc xe lửa trật đường rầy. Nhớ ngày xưa cô xem bố của cô như người tài ba nhất, mạnh nhất, cái gì cũng nhất. "Cái ông da đen giỏi võ nhất thế giới đó có sợ bố không, hả bố?" Mẹ thì nấu ăn ngon nhất, may áo đẹp nhất, và cũng là người đẹp nhất. Còn bố của cô nghĩ gì về cô? Bố thương cô một cách không bình thường. Hồi mẹ cô còn sống vẫn bảo tôi muốn đưa cô lên trang thờ mới hả lòng. Những câu nói không đầu đuôi ngô nghê nghé ngọ phát ra từ cái mồm răng sún, tôi chỉ thoáng nghe vài âm thanh là đủ hiểu tất cả: muốn ăn cà rem cho răng sún thêm hả? muốn bố công kênh lên vai để với tay nghịch quạt máy ở trần nhà chăng? muốn bố chở vespa một vòng trước khi chịu lên giường để mẹ đắp chăn ngủ một giấc ngon lành cho đến sáng, phải không?

Rồi cô bé lớn lên một chút xíu, tôi đưa cô vào trường mẫu giáo. Những buổi sáng, cổng trường khép lại, tôi thấy xót xa trong lòng, nhìn theo đôi chân nhỏ loắt choắt chạy vào sân trường lạc lõng, mái tóc bum bê bay rối loạn, bàn tay tí hon cầm cuốn vở xốc xếch. Cô quay lại nhìn, òa khóc. Cô giáo đưa hai tay xua tôi đi nhanh. Những buổi trưa đón cô về, giờ tan trường của bố trễ hơn giờ tan học của con, cô bé đứng chờ một mình bên hàng cột dài nơi hành lang, ướt nhòe nước mắt. Tôi cho cô đi học như cái tội này chắc là không ổn.

– Anh cưng con như thế sau nó sẽ khổ.

– Em ghen với nó sao?

– Vô duyên cảy. Ai mà thèm ghen. Ghen ai chớ ghen anh thêm tổn thọ. Học trò nữ sinh của anh lớn sầm sầm mà cứ lơn xơn tới thầy thầy em em, em cũng chẳng cần để tâm cho mệt, nữa là. Nhưng anh phải tập cho con nó bạo dạn, cho nó có bạn có bè. Lớn năm sáu tuổi mà nó không biết ai cả, không dám nói một câu nào với ai cả, ngoài bố mẹ. Anh có sống mãi để đeo đuổi nó suốt đời không?

Em nói đúng, rốt cục anh phải xa em, xa nó, anh vào tù. Bố của cô không hề làm việc gì phi pháp mà cũng phải tập trung vào tù, lê lết hết trại giam này đến trại giam khác, để mẹ cô và cô bơ vơ giữa Sàigòn đã mất. Cô bé có biết không, tôi như con thú quẫn chân chạy trời không khỏi nắng, chống chọi lại nghịch cảnh bằng cách coi thân xác mình như thân xác của ai ai, gai đâm thủng bàn chân nhức nhối như dâm vào bàn chân của người khác, việc gì phải nhăn nhó, cách biệt mẹ cô và cô như xa cách người lạ, khỏi cần phải bận tâm, đầu óc lú lẫn, trì độn, lãng quên hết thảy.

Nhưng cơn sợ thỉnh thoảng vẫn tới. Những buổi trưa vắng lặng, trời nắng

bàng bạc khắp nơi, gió hiu hiu lay động bụi cây lá cỏ, một mình bố cô loanh quanh đi kiếm lá tàu bay hoặc rau dền mọc hoang, chợt nghe tiếng chim quyên, hay tử quy, hay quốc quốc, hay gì gì đó, kêu thê thiết, tiếng kêu lẻ loi chuyền hết cành cây này đến cành cây khác, rền rĩ, than vãn, day dứt, như không bao giờ nguôi, đầu óc bố cô bỗng loãng ra như bốc hơi để hòa lẫn vào tiếng chim bay đi tìm hồn những người bạn của ngày hôm qua, của những năm tháng cũ, trong đó hồn cô bé hiện lên rực rỡ. Em tha lỗi cho anh nhé, anh vẫn nghĩ rằng em cương nghị và vững vàng như thế thì không thể nào chết sớm được, anh chỉ lo cho cô bé không có anh chắc là không sống nổi. Ngờ đâu. Và đến khi em mất đi, anh mới biết rằng nó thương mẹ hơn thương bố. Như thế cũng tốt, nhưng lại càng khổ cho nó hơn.

Tôi phải tìm cách nào thay thế cho cả mẹ lẫn bố của cô, và phải luôn luôn nhớ lời mẹ cô dặn, bố đâu sống mãi được với con. Nhưng đồng thời tôi cũng chưa dám hình dung cái cảnh cô phải sống một mình trên cõi đời này không có bố, mẹ. Cô phải xoay xở như thế nào đây? Cô phải bạo dạn hơn nhiều, cô phải từng bước tập sống tự lập, tập chịu đựng những điều bất như ý, tập đối phó với nghịch cảnh, với sự thô lỗ hoặc tàn bạo, tập dạn dày, trâng tráo. Rồi cô phải có bạn trai, phải biết đến tình yêu dối lừa, rồi vợ chồng, con cái, đủ thứ. Cho nên tôi phải đổi cách xử sự của tôi đối với cô. Phải chi mẹ cô còn sống để chứng kiến được sự thay đổi lớn lao nơi bố. Tôi muốn cô tập quá nhiều chuyện trong một thời gian ngắn chẳng qua là vì tôi đã đánh mất quá nhiều thì giờ. Tôi sợ mọi chuyện đến quá trễ vì biết đâu tôi lại đi theo mẹ cô một ngày không xa.

Cô kinh ngạc trước những thay đổi nơi tôi, tôi biết lắm. Tôi cũng biết rằng cô oán tôi. Con mắt cô giận dỗi hay căm hờn? Cái nhìn tinh nghịch hay kháng cự? Nụ cười chịu đựng, khoan dung hay lặng lẽ, khinh bỉ? Cái biên giới giữa những thứ đó mơ hồ quá, tôi không muốn phân biệt, chỉ có một điều tôi chắc chắn là cô cứng cáp dần và khoảng cách giữa cô và tôi xa dần. Đó là điều tôi tiên đoán được và vừa mong muốn vừa lo sợ sẽ xảy ra. Những lần cô đi học về trễ, tôi làm bộ hỏi han chiếu lệ, cô thì nói vờ vịt quanh co, nhưng tôi biết chắc rằng cô đã có bạn trai. Con của bố đã là thiếu nữ rồi mà. Những hôm cô nằm trằn trọc suốt đêm, tôi cũng không thể nào ngủ được. Tôi càng nghĩ đến mẹ cô. Phải chi mẹ cô còn sống để cô có người mà cô có thể bày tỏ nỗi lòng, có cố vấn về những điều tôi không hề biết đến.

Qua đến bên này, cô càng cứng cỏi hơn và xa cách tôi hơn. Ngoài bao nhiêu điều cô bực bội vì tôi, cô đã bắt đầu vỡ mộng trước một ông bố hết thời phải nhuộm tóc để đánh lừa mình, đánh lừa người, mong níu lại tuổi trẻ mới có thể đi kiếm việc làm ở nấc thang cuối cùng trong xã hội. Thế mà lại sắp mất việc, bố còn vờ vĩnh làm gì, con nghĩ như thế, phải không con?

*

Còn hai chuyến xe buýt nữa là mình đến sở làm. Ở đất Mỹ mới nửa năm mà đã hai lần thay đổi công việc, hay nói cho đúng hơn, đã hai lần bị sa thải. Bây

giờ mình phải cố gắng hết sức để giữ cho được việc làm này. Bố thật buồn cười, mất việc thì cứ nói là mất, lại còn ngượng với con, giấu đầu lòi đuôi. Chỉ có hai bố con sống với nhau nơi xứ lạ quê người mà không chịu thành thật với nhau, không chịu gần gũi nhau, không chịu tin nhau. Dường như mình có ý nghĩ bất kính đối với bố, nhưng chung quy là lỗi tại bố. Bố thay đổi nhiều quá từ ngày mẹ mất. Trước kia con cứ nghĩ rằng bố quý con hơn tất cả những gì trên đời. Thật ra, bố chỉ quý mẹ thôi. Con chỉ là cái giá để bố treo hình ảnh của mẹ lên mà ngắm nghía. Mẹ ra đi mang theo tất cả, cuốn trọn hết tình cảm của bố, để trơ lại con tội tàn, ghẻ lạnh. Số phận mình như thế thì mình đành chịu vậy, nhưng về phần bố, tại sao bố thay đổi quá lắm thế, nhất là từ ngày qua bên này. Một người hào hoa, phong nhã biến thành một người lụm cụm, nói năng ậm à, một giáo sư Anh văn nổi tiếng trước kia mà nay cứ ưa phát âm kỳ cục, nào mình H.O. trọc không có "bông xo", nào "dốp" nào cũng được miễn đừng "tăm bô ri", nào đã bắt đầu dán "la bồ" quen tay. Quen tay đâu chẳng thấy chỉ thấy mất việc đến nơi. Dường như bố muốn quên hết chuyện cũ, muốn xóa bỏ lý lịch của mình đi. Nhưng nghĩ cho kỹ bố còn làm được gì ở đất nước này? Có thể nào bố bắt đầu lại cuộc đời ở tuổi 60?

Nghĩ lan man hết chuyện nọ đến chuyện kia, mình đi quá trạm chuyến xe lúc nào không hay. Chết rồi, phải làm sao đây? Trạm kế tiếp là trạm nào? Phải đi đến đoạn đường nào? Phải đáp chuyến xe nào để đến sở? Đường sá chằng chịt, rối nùi, phương hướng quay cuồng, dảo lộn. Ruột gan mình nóng như lửa đốt. Nhưng phải trấn tĩnh lại ngay. Người hành khách ngồi ghế bên cạnh cứ nhìn mình trừng trừng, chắc hẳn biết mình đang hoảng hốt. Trông hắn ghê khiếp, cặp mắt trắng dã như mắt cá ươn, râu tóc đỏ hoe đâm tua tủa. Mình không dám nhìn hắn kỹ, mắt hắn nhìn thẳng đằng trước cố làm mặt tỉnh, thế mà cứ mỗi lần mình liếc qua thì y như rằng gặp ngay hai con mắt dục ngầu chờ sẵn. Hắn ngồi cận lối ra. Mà cho dù không có hắn ngồi đó, mình cũng không biết phải làm gì đây. Xuống xe tại trạm ngừng sắp tới chăng? Xuống rồi đi đâu? Cảnh vật lạ lùng, xe cộ quay cuồng đến chóng mặt. Và phố phường thì lạnh lẽo quá, ngoài tiếng động cơ âm ì liên miên như tiếng sấm vang từ chân trời xa, không còn nghe âm thanh nào quen thuộc, không có tiếng còi xe gọi nhau, không có tiếng người cười nói, tiếng rao quà, tiếng chim kêu, tiếng chó sủa, gà gáy. Những khối bê tông cốt sắt lầm lì, những hàng cây thẳng tắp, những con đường dài hun hút.

Giờ này hãng đã đóng cổng không cho những người đi trễ quá 15 phút vào làm việc thì dù mình có mọc cánh bay đến đúng nơi cũng không còn kịp nữa rồi. Biết làm sao đây? Về nhà? Làm sao đi về? Thôi thì mình cứ ngồi lì đến trạm cuối, xe sẽ chở mình trở lại ga trung tâm từ đó mình có thể kiếm đúng xe lại sở xem sao đây. Bỗng hắn nói lẩm bẩm một mình, hay là hắn muốn nói gì với mình chăng? Mình mù tịt, chẳng hiểu một tí gì, chỉ còn cách là ngồi yên nhìn thẳng phía trước. Những công việc như đóng gói, dán nhãn hiệu, dưới quyền con nhỏ bạn Việt Nam, không giúp cho tiếng Anh sách vở của mình

tiến bộ lên một chút nào. Chắc là hắn đang nói những câu trêu ghẹo tục tằn. Có lẽ dân ông ở đâu cũng vậy, hễ gặp người đàn bà cô thế là giở trò.

Chiếc xe này chạy quanh chăng, sao mãi mà không tới được trạm cuối cùng. Ngoài cửa xe đang trải dài quang cảnh lạ lùng chỉ thấy trong những phim ghê rợn: những vườn cam um tùm, bao la, như cả khu rừng, cây đứng nghiêm thành hàng thành lối, trái chín vàng một phần chen lẫn trong lá xanh và phần lớn nằm la liệt trên mặt đất dưới trời nắng mênh mông, không một bóng người chăm sóc, không một bóng người thu hoạch. Vắng lặng đến sởn tóc gáy.

Hồi còn ở bên nhà, mình cũng đã có lần trải qua những ngày kinh hãi. Đi học về mỗi buổi chiều phải qua một quãng đường dài vắng không đèn. Bánh xe đạp lăn trên lề đường nhựa lâu ngày chỉ còn trơ sỏi cát nghe rào rạo như tiếng xay lúa ở nhà quê. Trời tối dần. Bỗng có tiếng bánh xe lăn đằng sau. Chiếc xe đạp đằng sau thu ngắn khoảng cách nhưng vẫn không chịu qua mặt. Rồi có tiếng nói lầm bầm, tiếng nói cứ đến gần mãi như sát bên tai của mình. Mình sợ quá không dám quay đầu lại, cố làm bộ tỉnh bơ, hai chân đạp xe đều như cái máy, trong khi tai vẫn nghe rõ từng tiếng, từng lời của hắn, những câu nói tục tằn lạ lùng mình mới nghe lần đầu trong đời, những câu nói mà mình không dám nhớ, không dám nói cho bố nghe, không dám kể lại cho ai cả. Chắc hắn là thằng điên. Hắn cứ lảm nhảm như nói một mình, mà thật ra, mình cảm thấy cả hơi thở nóng của hắn hà vào tai. Đến hẻm vào nhà, mình không dám đạp xe chậm lại để rẽ vào. Mình có linh cảm rằng hễ nó nhận ra được mình có một cử chỉ nào khác là tai họa sẽ ập đến. Mình cố tiếp tục đạp đều đều, hai chân rã rời. May quá, quãng đường có đèn hiện ra, có mấy quán ăn đêm xúm xít bên góc chợ nhỏ, có tiếng loa phóng thanh ồn ào những khẩu hiệu động viên sản xuất, mình liền ghé ngay vào một tiệm nước, gọi ly trà đá, ngồi lì ở đó hàng giờ sau khi đã thấy hắn phóng xe nhanh vào ngõ tối. Vậy mà về đến nhà mình đâu có dám nói gì với bố, cứ ngập ngừng mãi. Bố nhìn mình nghi ngờ, cười mà không ra cười. Mẹ của con ơi!

Những hôm sau hắn cũng đuổi theo bắt đầu từ quãng đường không đèn, chắc mình không thể nào thoát khỏi tay hắn. Dọn nhà đi nơi khác đi bố, nhưng chắc chắn bố không chịu đâu. Biết làm sao đây! Mình chịu trận như thế gần một tuần thì chàng xuất hiện. Tối hôm đó mình nhận ra có hai chiếc xe chạy theo, chứ không phải chỉ một. Hai chân mình đang đạp đều bỗng như tê dại, cuối cùng tai họa sắp xảy ra rồi đây. Bỗng nhiên tiếng lảm nhảm tục tĩu tắt ngang, tiếng bánh xe nghe lùi xa dần, rồi tiếng bánh xe khác tiến lên và giữ đều một khoảng cách. Tiếp đó là im lặng. Đến hẻm vào nhà mình đạp chậm lại, vẫn không dám nhìn lui, đánh bạo quẹo nhanh ở đầu hẻm, và thoát nạn.

Chiếc xe vượt qua khỏi vùng kỹ nghệ với những khu nhà máy mênh mông, những ống khói sắp thành hàng dài mút mắt. Phía đằng xa chân trời xanh biếc một màu, biển đó rồi chăng. Hành khách ngồi ở những băng ghế trước đều đã xuống xe, người lên xe lác đác, rồi thôi hắn. Các băng sau như thế nào, mình

chưa dám quay đầu nhìn. Hắn ngồi bên cạnh nãy giờ im lặng. Có chàng ngồi ở sau chăng? Mình được thấy chàng hôm cuối cùng. Cũng như mọi khi, đi qua quãng đường không đèn một đoạn ngắn, mình nghe được tiếng bánh xe theo sau, lần này nghe gần hơn nhiều. Mình không cảm thấy sợ. Nhưng lỡ hắn trở lại mà chàng không đến thì sao? Không, không thể nào như thế được, chàng đã đi theo mình hơn một tuần lễ rồi, kẻ trước người sau, lặng lẽ, tín cẩn. Mình đạp xe đều đều, thong thả, có khi có phần chậm lại, thế mà chàng vẫn giữ một khoảng cách. Mình chưa có bạn trai và hình như mình chưa dám có. Dường như mình không có nhan sắc, lại thêm nhút nhát, rụt rè, vụng về, và nhất là vô duyên. Thỉnh thoảng tự ngắm nghía trong gương, mình cảm thấy sượng trân. Nhưng mình thích gọi như thế một mình, chàng. Tiếng "chàng" nghe vang đội trong lòng như một giấc mộng đang xây. Mộng thôi nhé, chàng của tôi, không có thực đâu.

Xe sắp đến ngõ rẽ vào nhà, bỗng nhiên mình nhận ra chàng muốn tiến gần hơn, rồi đột nhiên mình quay lại nhìn chàng không chút sợ sệt. Chàng đang chờ đợi cái nhìn của mình. Trong bóng tối, mình mơ hồ thấy chàng cười nhẹ, cười nhưng đôi mắt bình thản đến lạnh lùng. Mình chậm rãi đạp xe vào ngõ hẻm cảm thấy xót xa rằng thế là hết. Vĩnh biệt! Hình như chàng khá lớn tuổi so với mình, và tật nguyền. Không hiểu sao mình có ý nghĩ rằng chàng là quân nhân sót lại của đoàn quân thất trận, và chàng sắp đi xa. Quả thật từ đó về sau mình không bao giờ có dịp nghe lại tiếng xe đạp theo sát trên con đường tối. Này bố, con không hiểu đâu vào đâu cả, bố cho con lời giải đáp đi.

Chiếc xe buýt dừng lại bên cạnh một tòa nhà rộng lớn, người tài xế thong thả đứng lên khỏi ghế ngồi, hai tay xoa vào nhau, rồi quay đầu nhìn lui. Hẳn đây là trạm cuối. Tim mình đập mạnh trong lồng ngực. Mình quay nhìn. Không còn ai cả. Bố ơi, con bơ vơ quá. Trên xe chỉ có hắn và mình. Nỗi kinh hoàng tỏa ra nhanh khiến mình co rúm cả người lại. Người tài xế bước vội đến nói với hắn một tràng dài, và những tràng dài của hắn nói lại dường như trả lời được một điều gì đó. Hai người lại bắt tay nhau nói cười vui vẻ, rồi hắn, rồi người hành khách râu ria đó, thủng thẳng đi xuống xe sau khi nhìn mình lần chót bằng cặp mắt đục ngầu và buồn. Dường như người nào có con mắt buồn thì không làm chuyện gì hung dữ.

*

Cú điện thoại trưa nay làm đảo lộn hết kế hoạch của bố cô rồi. Cô không bị hố, ngược lại, bố cô mới là kẻ sắp lâm vào tình thế khó ăn khó nói với cô. Cô bé trưởng toán "dán nhãn hàng" báo cho bố biết bố sắp nhận chi phiếu của 95 giờ làm việc kể cả giờ làm phụ trội và mấy giờ nghỉ phép có lương, được chiết tính đầy đủ, xong xuôi đâu đấy, bố tạm nghỉ việc cho đến khi nào có tin tức gì mới. Cho nên tôi không thể không nghĩ đến cô, đôi mắt sắp mở to. Cô sẽ nhìn tôi thông cảm hay khó chịu, cô sẽ hỏi han ân cần hay nói bóng gió vẩn vơ. Nhưng không sao, tôi đã có cách của tôi.

Hai giờ chiều cùng ngày, người con gái về đến nhà, trông hốc hác như người mới ốm dậy. Người đàn ông mở cửa đón con vào, vẻ mặt lạnh lùng.

– Bố có chuyện muốn nói với con đây. Hôm nay được về sớm hả? Ăn uống gì chưa?

– Dạ.

– Dạ thế nào?

– Dạ bố có chuyện gì cứ nói con nghe.

– Bố tính kỹ rồi, bố không ở đây nữa. Bố sẽ đi Oklahoma hay Iowa kiếm việc làm. Ở hai tiểu bang đó, họ cần người chặt thịt bò. Công việc có quanh năm.

– Nhưng bố chặt thịt sao nổi!

– Để bố nói hết. Hoặc là đi Alaska. Trời sinh voi trời sinh cỏ.

Người con gái tỏ vẻ sốt ruột:

– Này, bố đừng đùa nữa. Trên đó làm gì có voi với cỏ. Chỉ có chó sói và tuyết thôi.

Người đàn ông, mặt rắn danh lại, cố nén cơn giận:

– Cái cô này, cô cho rằng tôi không thể nói chuyện đàng hoàng được sao. Chỉ biết đùa thôi à?

Cô gái khựng lại, ngập ngừng đáp:

– Con xin lỗi bố, nhưng con định nói bố có thể kiếm việc khác ở đây. Chẳng hạn đi cắt chỉ ở những "xốp" may Việt Nam mỗi ngày cũng kiếm được năm, bảy đồng. Con nhỏ bạn . . .

Người đàn ông ngắt lời:

– Không! Bố không muốn làm gánh nặng . . . Đi Alaska đánh cá, có nhiều công ty đánh cá trên đó, bố đã hỏi kỹ. Bố quyết định rồi. Cuối tuần này đi.

Người con gái mở to mắt, mặt tái hẳn. Bố cô dịu giọng, nói tiếp:

– Con sao vậy? Con ở đây làm ăn vài ba năm dành giụm tiền ghi danh học tiếp cho có tương lai. Nước Mỹ là đất nước của tuổi trẻ. Còn người như bố, nói đến làm gì. Rồi bố sẽ về . . .

Cô gái nói lắp bắp:

– Bố về? Về đâu? Bố về Việt Nam hả? Con, con . . .

Cô gái không nói hết câu, nước mắt lặng lẽ ứa ra, chảy xuống, làm ướt thân áo trước ngực. Hai bố con cúi đầu nhìn xuống đất một hồi lâu. Người đàn ông đã bỏ hẳn thái độ lạnh lùng, nhìn con âu yếm:

– Về đây với con, chứ còn về đâu. Về Việt Nam làm gì. Khi nào hết giặc hãy về, bố muốn nói hết Cộng sản hãy về. À, mà . . . mình còn ai ở Việt Nam? Bà con, bạn bè đã bỏ đi tứ tán, người ở Mỹ, ở Pháp, kẻ ở Úc, ở Anh. Ở đây bố chẳng biết làm gì nhưng về thì . . . Con có về không? Nếu con về, bố theo con.

Người con gái lấy mảnh khăn giấy chặm nước mắt, mỉm cười, nụ cười hiếm hoi hiện lên khuôn mặt gầy gầy có đôi mắt mở to ngơ ngác:

– Bố cho con theo bố lên Alaska, nghe bố. □

PHẠM CHI LAN

im lặng

là thể tích giọt nước
dọng trong tâm hồn
không thể vỡ
không thể rơi
dã thành hình
hay chưa thành hình
im lặng như cát
ngủ vùi biển sâu
im lặng như sóng
chết giữa lòng sông
im lặng là đá xanh
ngồi đợi thiên thu
im lặng lá khô
nằm im rã mục
nằm im trăm năm
đất bao dung che chở

im lặng như cái chết
im lặng như tình yêu
im lặng là cuối cùng
. . . là tất cả
và không là gì

BÙI DIỄM-ÂU

truyện em bé gỗ

truyện ngắn

(Riêng LDS và LDKN yêu quý)

Tháng 8 năm 1990

Năm nay, nhân dịp kỷ niệm năm năm sinh nhật cưới của bố mẹ, một trong những món quà bố mua về tặng mẹ là một tập sách truyện, có những hình vẽ bé xíu, pha trộn nhiều màu sắc thật thắm tươi. Tập truyện cũng mỏng thôi, do ông họa sĩ Mordicai Gerstein kể và vẽ tranh minh hoạ. Tên của tập truyện mỏng ấy là... *Những Rặng Núi ở Tây Tạng* (1). Đằng sau bìa tập truyện có ghi, *Sách này dành cho thiếu nhi từ 7 tuổi trở lên* . . . nhưng, lẽ dĩ nhiên, bố biết là mẹ vẫn hay thích đọc những quyển truyện thiếu nhi ấy lắm nên mới mua về làm quà cho mẹ cho dù mẹ chẳng còn được nhỏn nhơ làm một cô bé con lên bảy lên tám nữa. Bố bảo, câu truyện dễ thương này, để dành mỗi tối mẹ kể cho tôi nghe. (Tôi nhìn vào mắt mẹ khi nghe bố nói điều đó mà biết là trong lòng mẹ đang hân hoan lắm).

Sau buổi tiệc ăn mừng, ở một ngôi nhà được chủ nhân biến thành một tiệm ăn lộng gió nằm ven ghềnh đá bãi biển Laguna – nơi mà tám năm trước đây, bố mẹ đã chia tay nhau lần đầu, sau cuộc hội ngộ đầy bất ngờ và kỳ thú – chúng tôi trở về nhà khi bóng đêm đã thả tràn xuống trên đầu chúng tôi những giọt sao li ti, lóng lánh vàng tươi. Căn nhà nhỏ nhắn nằm khuất sau mấy cây khuynh diệp có lá rủ dài – có lẽ vẫn chưa muốn dỗ giấc ngủ êm đềm – đang chờ chúng tôi trở về để thì thầm nói lời chào buổi tối.

Bố mẹ đã ngồi sát bên nhau trong căn phòng thoảng hương khuynh diệp, ôm tôi, vỗ về. Mẹ đưa tay giở nhẹ trang sách ra và bắt đầu kể truyện. *Những Rặng Núi ở Tây Tạng* thấp thoáng ẩn hiện giữa những cánh mây trắng nõn, mông mênh. Tôi nhìn thấy tranh vẽ một chú bé con đang buông dây thả diều. Chiếc diều có hình thù một con chim khổng lồ. Đầu chim màu đen, mỏ và mắt

màu đỏ tía. Hai cánh chim soải dài, đỏ, cam, vàng, tím. Sau lưng chú bé là bầu trời xanh, xanh biếc – bầu trời xanh, xanh biếc ấy đang trôi lững lờ trên những rặng núi xanh non. Chú bé đội nón, mang hia, mặc y phục đúng theo cốt cách những người dân xứ Tây Tạng. Mẹ mỉm cười hỏi tôi:

– Bé Con, Bé Con có thấy chiếc diều này đẹp quá chừng không hở?

Rồi mẹ bắt đầu đọc, giọng mẹ lướt trôi êm ái như một dòng sương mát lạnh giữa khuya.

Trên những rặng núi cao ở xứ Tây Tạng, trong một ngôi làng nhỏ bé giữa vùng thung lũng, có một chú bé con được sinh ra đời. Chú bé ấy mê thả diều lắm!

Vào những đêm khuya khoắt, khi bầu trời trở nên trong trẻo không chút gợn mây, chú bé ấy thích ngước nhìn lên dải Ngân Hà với vô vàn những vì tinh tú. Còn biết bao những thế giới kỳ lạ khác ở trên đó. Chú bé tự nhủ. Một ngày nào đó, tôi sẽ đến viếng thăm những thế giới kia. Rồi chú bé lớn lên và, trở thành một người tiều phu. Trong những lúc đi nhặt củi, người tiều phu thường ngước nhìn ra những rặng núi xa tít mù xa. Còn biết bao những quốc gia khác nằm sau những rặng núi ấy. Ông tự nhủ. Thành phố, và biển cả, và những người dân khác chủng tộc. Một ngày nào đó, ta sẽ đi thăm viếng tất cả.

Nhưng, hình như suốt cả cuộc đời, lúc nào ông cũng bận rộn với công việc, với vợ và con của ông. (1)

Bố đưa tay chỉ vào bức tranh minh họa bên cạnh, ngắt lời mẹ, hỏi đùa:

– Có giống như bố đang tập cho Bé Con thả diều không?

Tôi nhìn theo tay bố chỉ, lại thấy bầu trời xanh, xanh biếc, trôi lững lờ trên những rặng núi muôn màu, vàng, lam, tím, hồng. Tranh còn vẽ một người dân ông đang đứng thả một chiếc diều hình thù con chim khổng lồ, màu sắc sặc sỡ, giống hệt chiếc diều của ông những ngày ấu thơ. Bên cạnh ông là một người đàn bà có khuôn mặt dịu hiền, tóc kết bím được vấn tròn quanh đầu gọn ghẽ. Người mẹ đang bế một chú bé, miệng bé cười toe toét, tay bé với ra trước mặt như muốn bắt lấy con chim khổng lồ đang được bố thả cho bay trên cao. Bên dưới, trên thảm cỏ xanh mướt, có một chú bé khác đang ngồi và một cô bé con đang tung tăng chạy. Cả hai cũng đều đang buông dây thả hai chiếc diều tuyệt đẹp lên trời, một chiếc có hình thù con chuồn chuồn, có vẻ lấu lỉnh, còn chiếc kia có hình thù một con cú, mắt cú to, tròn xoe.

Rồi tôi nhìn sang trang bên cạnh và thấy tranh vẽ hình . . . không, không còn phải là tranh vẽ người đàn ông rắn rỏi – mà là một ông lão tóc trắng phau, da nhăn, móm mém, đang ngồi bên dưới một gốc cây đại thụ, yên lặng ngắm những cụm mây tím thẫm bay ngang qua bầu trời không còn xanh biếc của ông. Bầu trời đã ngả qua mầu da cam, ửng vàng. Xa xa, mẩu bánh tròn hình mặt trời đang lui dần qua kẽ núi. Những rặng núi muôn màu thẫm tươi cũng đã đổi thành ra những sắc màu rất thẫm. Ông lão móm mém, mỉm miệng cười trông thật an vui.

Mẹ mân mê bìa sách, tiếp tục đọc.

Người đàn ông ấy sống rất lâu, cho đến khi trở thành một ông lão và, ông lão ấy, chưa hề một lần bước chân ra khỏi vùng thung lũng của ông. Rồi ông lão qua đời . . .

Ông bỗng thấy mình đang hiện diện ở một nơi vừa u tối mà cũng vừa chói lòa ánh sáng. Ông nghe có một tiếng nói vọng lại bên tai. Tiếng-Nói ấy bảo với ông rằng, bây giờ, người có quyền được chọn lựa. Người có thể chọn để sống trong một thế giới vĩnh hằng mà có người gọi là thiên đàng hoặc, người cũng có thể chọn để sống trở lại trong một cuộc đời khác. Tôi muốn được sống trở lại trong một cuộc đời khác. Lão tiều phu nói. Cuộc đời mà tôi mới vừa trải qua đây . . . nó đang tan nhòa đi trong đầu tôi như một giấc mộng. Tôi không nhớ gì về nó cả ngoại trừ một điều: tôi muốn được biết nhiều hơn về những thế giới kỳ lạ chung quanh mình.

Vậy thì ngươi hãy nhìn chung quanh ngươi đi. Tiếng-Nói ấy lại vang lên. (1)

Mẹ ngừng một chút, cúi xuống nhìn tôi. Câu truyện đã ru tôi vào giấc ngủ, trong đó tôi thấy có thật nhiều những cánh diều ngũ sắc, đang cùng nhau nhảy múa, đùa nghịch trên những vạt gió vi vu. Mơ hồ, tôi nghe tiếng mẹ khe khẽ gấp quyển sách mỏng lại, bảo với bố:

– Thôi, mình để dành, ngày mai hẳng tiếp tục, bố nhé. Khuya rồi . . .

Hình như trước khi tắt đèn đi ngủ, mẹ có vỗ vỗ lên đầu cái tượng chú bé con bằng gỗ mà mẹ đặt trên một chiếc ghế đẩu bé tí teo và thấp tủn cạnh bên giường. Chú bé làm bằng gỗ (dài bằng một phần ba cánh tay của mẹ) được sơn bằng những sắc màu không đến nỗi đậm, nâu, xanh, cam, hồng. Thật ra, nhìn chung thì có thể nói là chú bé có nước da màu bánh mật, nâu hồng, trông rắn rỏi khoẻ mạnh. Chú nằm nửa nghiêng nửa sấp, chiếc mông bé xinh xinh hơi nhổm lên, hai chân chú co lên như đang quỳ. Đầu chú gối lên một trái dưa bí tròn lẳng, hai mắt nhắm nghiền, chắc chú đang nằm mơ thấy điều gì vui lắm nên miệng chúm chím như muốn cười trông thật thương. Khuôn mặt chú bầu bĩnh, cân đối, toát ra một niềm an bình, thanh thản. Mẹ bảo, chú có khuôn mặt sáng rỡ ràng của một ông-Phật-con. Trông chú bé thật vô cùng hạnh phúc.

Bao giờ cũng thế, chú bé gỗ luôn luôn được dự phần vào những buổi tối nghe kể chuyện của tôi.

Món . . . đồ chơi ấy, cái chú bé bằng gỗ này, là món quà sinh nhật mà ông bà ngoại đã đem về cho mẹ từ một chuyến đi xa. Bà ngoại đã mua nó tít tận bên Thái Lan, đâu đó trong một cửa tiệm bán đồ kỷ niệm trong khu Siam-Ratchadamri hơn ba năm trước. Bà ngoại nghĩ là mẹ sẽ yêu thích cái chú bé bằng gỗ này vì khuôn mặt say ngủ, yên bình, thanh thoát của chú. Mà mẹ yêu thích chú thật. Đi đâu mẹ cũng phải có chú cạnh bên. Chúng tôi dọn nhà năm lần bảy lượt từ dạo đó đến nay rồi, và lần nào cũng thế, việc đầu tiên mẹ làm khi dọn tới một căn nhà mới là khui ngay cái thùng giấy đựng toàn những vật trang trí đủ loại đủ kiểu của mẹ ra. Mẹ lôi chú bé bằng gỗ ra từ trong chiếc thùng carton to cồng kềnh, tìm một chỗ sáng sủa trong nhà – và, lần nào cũng

thế, mẹ hoan hỉ đặt chú bé bằng gỗ xuống, âu yếm, cẩn trọng, như đang đặt xuống đấy một em bé sơ sinh.

Sáng nay, đúng ngày sinh nhật cưới của bố mẹ, mẹ đã vỗ về tôi, vừa dùa vừa bảo:

– Bé con, mẹ mong là con sẽ giống được như chú bé bằng gỗ này, lúc nào trông cũng thật hân hoan và thanh thản.

Nghe mẹ nói như thế, tôi đã lắc đầu, ra chiều không hiểu, rồi lẩn thẩn hỏi lại mẹ:

– Mẹ ơi, tại sao mẹ không bảo cái chú bé ấy biến thành một em bé thật đi hở mẹ? Như câu chuyện cái chú búp bê múa rối bằng gỗ tên Pinocchio mà mẹ hay kể cho con nghe ấy mà? Như thế thì sẽ có thêm một em bé dễ thương trong nhà, đúng như ý mẹ thích, để chơi với mẹ và con.

Mẹ không trả lời tôi, như tôi cũng đã không trả lời mẹ. Mẹ chỉ cười một nụ cười màu hồng, tươi, ngọt, thật vui. Mắt mẹ mơ màng như đang tưởng tượng thấy em bé gỗ tên ông-Phật-con của mẹ, bất chợt, vươn vai, choàng tỉnh, duỗi tay duỗi chân, mở to hai mắt biến thành một em bé thật lúc nào mà mẹ không hay.

Hình như sau đó, khi buổi chiều ông ả vừa nhón gót đến sát cạnh khung cửa sổ, trong lúc đón nhận và trao lại cho bố món quà sinh nhật cưới, tôi thoáng nghe tiếng mẹ thì thầm với bố. Bên ngoài, tiếng gió vẫn lăn tăn trên những nhánh lá khuynh diệp rủ dài, nghe như những nốt nhạc trong trẻo của Đất Trời, khe khẽ phụ họa theo những nốt nhạc reo vui trong trái tim của mẹ. Vừa âu yếm nhìn bố, những nốt nhạc trong trái tim của mẹ cũng vừa khe khẽ reo lên:

– Bố ơi, năm nay, mình hãy có với nhau một em bé, để mẹ và Bé Con có thêm bạn trong nhà, nhé bố nhé.

Tôi thấy bố cười thật tươi, dón mẹ ngả vào vòng tay mở rộng. Nụ cười của bố cũng rực thắm một màu hồng, tràn ngập yêu thương. (Mà với mẹ, thì bao giờ bố chẳng hay cười những nụ cười như thế. Như thể hài lòng. Như thể dung thứ, như thể bao dung. Như thể đang nuông chiều một đứa bé con chưa hề bao giờ phải buộc biết làm người lớn).

Năm ngoái, vào đúng mùa đông, bố mẹ có đến Thái Lan và dừng chân ở lại đó hơn một tuần lễ. Bố mẹ đã đi cùng khắp thủ đô của xứ Xiêm La, lặn lội trong khắp các khu thương mại sầm uất của họ, từ khu Silom-Surawong, qua đến Siam-Ratchadamri, rồi khu chợ Pratunam . . . để tìm thêm một vài chú bé Pinocchio bằng gỗ như chú bé mà ông bà ngoại đã tặng cho mẹ. Nhưng, tuyệt nhiên không dâu có. Chủ nhân các cửa tiệm đều lắc đầu nguầy nguậy, cho biết rằng năm nay, người ta không sản xuất các chú bé nằm say ngủ yên bình ấy nữa. Rồi họ chỉ cho bố mẹ xem các tượng gỗ khác, cũng là tượng của các cô cậu bé bầu bĩnh xinh xắn. Đứa thì quỳ gối chắp tay, đứa thì cầm hoa đứng múa, đứa thì nằm dài chống tay dưới cằm, đứa thì đi guốc ngồi cạnh cái lu. Nhưng, tìm mãi không dâu thấy cái chú bé gương mặt sáng rỡ nằm ngủ như

ông-Phật-con cho mẹ! Đến tận buổi tối, ngay trước ngày bố mẹ phải ra phi trường để đi Nam Dương vào sáng sớm hôm sau, bố đành vội vàng đi mua tặng mẹ ... một chú bé khác. Cái chú bé này mặt mũi cũng tròn trĩnh sáng sủa, đầu quấn khăn, chân đi đôi guốc to. Chú ngồi bệt dưới đất, một chân co lên, tay phải để trên đầu gối, tay trái chống hờ trên cái lu đựng nước, trông cũng ra dáng nghỉ ngơi an nhàn.

Thế nhưng cái chú bé ngồi cạnh lu nước ấy không sao có được một chỗ đứng tuyệt đẹp, thật trang trọng trong tim mẹ như ông-Phật-con kia.

Và ... những ngày ngắn ngủi ở vương quốc Thái cũng đã để lại trong tim bố mẹ nhiều nỗi niềm băn khoăn man mác. Tất cả những người bố mẹ được gặp ở cái vương quốc nạm vàng dát ngọc ấy, sao mà dễ thương và nhũn nhặn đến thế. Từ người lái xe taxi, cho đến ông hướng dẫn viên, những cô cậu bé học trò, đến bà cụ bán hàng rong, vị tu sĩ trong chiếc áo cà sa vàng, người phu quét đường trong bộ đồng phục xanh thẫm, bạc phếch ... tất cả, nhất nhất đều đã mỉm cười, chắp hai tay lại để trước ngực và cúi đầu xuống, hoặc chào, hoặc cám ơn bố mẹ, như họ đang chắp tay cúi đầu, lễ Phật, dâng hương. Đất của họ là xứ Phật. Đi đâu cũng thấy chùa, thấy *wat*. Dân của họ lại có cái mỹ tục chắp tay cúi chào, như là một biểu tượng để tỏ vẻ trân trọng, ý rằng họ nhìn thấy được Phật tánh sáng ngời trong người đối diện, bất kể là ai. Thế mà, tại sao cái đất nước hiền hòa ấy của họ lại sản xuất ra một đám ngư phủ (hay cướp biển?) tàn ác, dã man đến vậy? Bao nhiêu ghe thuyền mỏng manh, bao nhiêu mạng sống quý báu của người dân Việt đã bị vùi thây dưới lòng biển cả gây ra bởi lòng tàn ác của đám ngư phủ ấy? Làm sao mà hiểu được? Hay đó chỉ là những món nợ vay từ tiền kiếp đến bây giờ phải trả? Có lý nào chăng? Không lẽ nào lại có những món nợ khủng khiếp và kinh hoàng đến vậy? Làm sao mà hiểu được? Cái thế giới đảo điên này! Cho nên ... cái chú bé bằng gỗ ngủ say thanh thoát, những ngày mùa đông ở đất Xiêm La và, mối oán hận bi thương giữa hai giống dân Xiêm-Việt – mỗi thứ với một lý do khác biệt – cứ làm cho trái tim của mẹ, khi thì hân hoan, thanh thản, khi thì se sắt, bồi hồi. Mẹ muốn vui mà chẳng thể nào vui cho trọn vẹn. Những hình ảnh tang thương trên biển Đông, như những bóng ma rờn rợn, cứ đeo đuổi theo tiềm thức của mẹ mà quấy phá không để cho yên.

*

Liên tiếp nhiều buổi tối sau đó, câu truyện *Những Rặng Núi ở Tây Tạng* đã giúp bố mẹ đưa tôi bước vào những giấc ngủ đầy thanh âm, đầy màu sắc. Tôi đã ngủ say, và ngủ rất êm đềm, giữa tiếng kể truyện thì thầm, nhè nhẹ vương vương của mẹ.

Vậy thì người hãy nhìn chung quanh người đi. Tiếng-Nói ấy lại vang lên. (Ông lão tiều phu tối nào cũng mặc một bộ quần áo màu hoàng kim quyến rũ, nhảy múa quay cuồng bên cạnh những bức tranh vẽ hình sặc sỡ để cho ông, và cả cho tôi, được tha hồ lựa chọn, đắn đo).

Lão tiều phu vâng lời, đưa mắt nhìn quanh và thấy hiện ra trước mắt tất cả

những thế giới kỳ lạ của vũ trụ, những thế giới mà ông đã từng mơ ước được đặt chân đến khi còn sinh thời. Những thế giới ấy đang cháy rực và xoay tít mòng mòng như pháo bông trong đêm Giao Thừa. (1)

Và, cuối cùng, có một hành tinh trông xa giống như một viên bi màu ngọc bích, viên bi mà lão tiều phu đã có khi còn là một chú bé, tự thuở nào xa xưa. Ta yêu thích hành tinh đó quá. Lão tiều phu nói. Không hiểu sao, ta có cảm giác như đó chính là ngôi nhà thân mến của ta. Có muôn vàn sinh vật thật khác lạ mà cũng thật tuyệt vời đang sinh sống trên hành tinh đó. Người có toàn quyền chọn lựa để được sống cuộc đời mà người mong ước. Vậy người muốn trở thành như thế nào?

Lão tiều phu đưa mắt nhìn chăm chăm vào tất cả những sinh vật kỳ lạ đang tuần tự diễn hành ngang qua mặt ông. Có những đứa đang bơi lội, có những đứa đang nhảy múa, và cũng những có đứa đang bay lượn trên cao. Hãy trở thành giống như tôi đi nào! Mỗi đứa đều ra sức khuyến dụ ông như vậy. Rồi ông sẽ thấy, vui lắm cơ! Đẹp lắm cơ!

Này là cá voi và cá vàng, mèo và sư tử. Này là rắn và hươu cao cổ. Này là bươm bướm, và kia là con người. Suýt chút nữa là lão tiều phu đã quyết định để trở thành một chú chim hải âu đang tung cánh lướt bay trên những cơn gió biển. Nhưng, ông chợt thấy một đứa bé đang đứng ngắm chim hải âu và đang phá lên cười hạnh phúc. Đứa bé ấy đang thả lên trời một chiếc diều tuyệt xinh. (1)

Tháng 11 năm 1990

Ba tháng trôi qua, từ sau ngày kỷ niệm cưới của bố mẹ. Mọi chuyện trong nhà không có gì thay đổi, ngoại trừ mẹ đã đem cái chú bé ông-Phật-con của mẹ xuống dưới nhà, bày ở phòng khách chứ không để trên phòng ngủ như trước nữa. Chú bé được đặt nằm trên cái ghế gỗ sơn láng kiểu Nhật, thấp tủn, gần sát đất. Bên cạnh chú, có một chiếc lọ pha lê cắm những nhánh hoa khô, như những nhánh lau vươn dài màu cỏ rơm nhàn nhạt. Chiếc lọ pha lê cũng được mẹ đặt nằm dưới đất, trên sàn nhà lát gạch trắng muốt, lạnh băng. Những nhánh hoa lau màu cỏ rơm tỏa bóng xuống chỗ nằm của chú bé, như đôi cánh mịn, dầy của gà mẹ, ôm ấp che chở cho chú gà con đang thiu thiu ngủ một cách vô tư.

Vào một buổi sáng, cách đây dăm ba bữa, tôi nghe mẹ kể cho bố nghe rằng đêm trước, mẹ vừa ngủ mơ một giấc mơ lạ lắm. Mẹ thấy mẹ đang đứng trên một con đường sạch bóng, chung quanh hình như có những toà nhà thấp xây bằng gạch đỏ, một màu đỏ thẫm, tối, cũ, buồn buồn làm sao. Có nhiều cụm khói trắng xám đang tỏa ra từ những căn nhà ấy. Ngước nhìn lên phía trên đầu, mẹ như chạm tay được vào một bầu trời đang đứng yên, không nhúc nhích. Màu trời nhàn nhạt, trong sáng và tĩnh lặng như mặt hồ thu. Mẹ không nghe được tiếng động nào cả. Tất cả êm như ru. Mẹ cảm thấy mọi thứ tiếng động chung quanh thốt nhiên đều bặt lại, rù rù, vo ve, trong một khoảng thời gian không biết là bao lâu nhưng, cơ hồ như . . . lâu, lâu lắm. Rồi thoắt một cái,

mẹ thấy mẹ đang đứng ở giữa một đám trẻ con, không hiểu từ đâu tới, và không rõ vì sao, lại đang bu chặt lấy mẹ, reo hò ầm ĩ. Đám trẻ chừng mười đứa, cả trai lẫn gái, cỡ năm cho đến mười tuổi. Đó là những đứa bé thật xinh đẹp, bầu bĩnh, hai má hồng như những khoanh bánh tròn xoe màu rượu chát, đỏ au au. Những cô bé, cậu bé xinh đẹp không quen biết ấy cứ ngó chăm chăm vào mẹ bằng những đôi mắt long lanh, sáng dị thường, như đang muốn bày tỏ một điều thật quan trọng cho mẹ nghe và muốn được mẹ cảm thông. Mẹ không thể hiểu những lời nói âm thầm toát ra từ những cặp mắt nai ấy, chỉ biết rằng đó là những đốm sao rực sáng, một thứ ánh sáng tuyệt đẹp, cuốn hút, làm cho mẹ tưởng chừng như mình cũng đang biến thành một luồng ánh sáng kỳ ảo, mông mênh. Rồi đột nhiên, những cô cậu bé xinh đẹp níu áo mẹ, níu tay mẹ, hoa chân múa tay, cười rúc ra rúc rích, ríu rít chuyện trò bằng một thứ ngôn ngữ mà mẹ không sao hiểu được. Hình như chúng muốn mẹ làm một chuyện gì đó mà chính mẹ cũng không rõ. Điều kỳ lạ là tất cả đám trẻ con ấy đều mặc y phục màu đen giống hệt nhau. Áo chùng đen dài đến chân, đầu đội mũ đen từa tựa như những chiếc mũ nồi, kiểu mũ *béret* mềm, bằng vải nỉ (không hiểu vì sao, bộ y phục và mấy chiếc mũ nỉ đen của chúng lại làm mẹ liên tưởng đến và cho rằng đây là mấy đứa bé người Do Thái).

Mẹ bảo là lúc ấy, ngay trong giấc mơ, mẹ vẫn còn đủ . . . sáng suốt để thắc mắc rằng, lạ nhỉ, chẳng hiểu chúng đang muốn tôi làm cái gì thế này? Và, tại sao trẻ con lại đi mặc toàn màu đen thế kia?

Tôi muốn được làm người! Lão tiều phu bật thốt. Có cả ngàn loại người đang sống trên quả địa cầu này. Tiếng-Nói vang lên. Mỗi giống dân đều có những điệu múa đẹp mắt riêng, những món ăn ngon miệng riêng, và người có thể chọn để trở thành bất cứ loại người nào mà người ước muốn.

Lão tiều phu đảo mắt nhìn và ông thấy hết tất cả những giống người khác nhau trên thế giới đang nhảy múa chung quanh ông. Trông họ giống như những đoá hoa hàm tiếu. Tất cả đều đang nhảy múa những điệu múa đặc biệt của dân tộc họ và, họ đang réo gọi lão tiều phu bằng đủ mọi thứ ngôn ngữ riêng.

Hãy nếm thử đi nào! Họ kêu réo ông và đưa ra mời ông những món ngon vật lạ nhất của xứ họ. Ôi! Đây mới thật là điều khó chọn nhất. Lão tiều phu lẩm bẩm. (1)

Tháng 4 năm 1991

Cũng đã hơn chín tháng trôi qua, từ buổi chiều êm ả mẹ âu yếm nói với bố, rằng, "Năm nay, mình hãy có với nhau một em bé, để mẹ và Bé Con có thêm bạn trong nhà, nhé bố nhé".

Cái điều âu yếm, và riêng tư ấy, không hiểu sao, mãi vẫn chưa thành sự thật! Chính sự trì trệ, trễ nãi ngoài ý muốn này đã làm cho bố mẹ ngạc nhiên và sốt ruột không ít. Tôi cũng mang một tâm trạng nóng lòng y như thế nên cứ đeo theo bố mẹ mà căn vặn suốt ngày. Lần nào cũng thế, mẹ thường xoa đầu tôi, dịu dàng, nhẫn nại:

– Bé con phải kiên nhẫn nhé. Đâu phải là mẹ không muốn chú bé ấy biến thành một em bé thật cho con chơi dâu. Mẹ vẫn luôn thúc giục chú bé cho con đấy chứ. Bé con không thấy sao? Nhưng, con phải kiên nhẫn nhé. Thế nào rồi chú bé ấy cũng sẽ choàng tỉnh vào một lúc bất ngờ nhất, như Pinocchio ấy mà, rồi con xem!

Những câu nói dịu dàng, nhẫn nại của mẹ không giúp tôi bớt bồn chồn nôn nóng và, thật ra, tôi biết, cũng chẳng giúp cho chính bố mẹ bớt băn khoăn, sốt ruột chút nào.

Cuối cùng, tiếng nhạc trầm bổng của giống dân màu hoàng kim đã làm cho ông thấy bồi hồi rung động. Tôi muốn được sống cùng với họ. Lão tiều phu nói. Vậy bây giờ, ngươi muốn sống ở đâu trên quả địa cầu này? Ở bất cứ nơi nào ngươi muốn cũng đều được cả.

Thế rồi lão tiều phu nhìn thấy tất cả những quốc gia khác nhau trên thế giới hiện ra trước mắt, những nơi ông chưa hề bao giờ được đặt chân đến khi còn sinh thời. Ông thấy núi cao và đồng bằng. Ông thấy sa mạc và những ốc đảo xanh tươi. Ông thấy những thành phố tân kỳ và những khu rừng nhiệt đới tràn nhựa sống. Nhưng, duy chỉ có một vùng thung lũng mướt xanh, nằm khuất giữa những rặng núi cao hiểm trở . . . hình như, vùng thung lũng mướt xanh đó vừa nhảy mắt với ông và thì thào kể cho ông nghe những câu truyện cổ tích không hiểu sao lại nghe ra quen thuộc lắm. (1)

Tối hôm đó, khi mẹ sắp đọc cho tôi nghe đến đoạn cuối thì chuông cửa reo, có khách đến. Khách là một bà thím từ Việt Nam mới qua được gần một năm nay. (Mẹ gọi bằng thím thì tôi phải gọi bà bằng bà thím). Bà thím đến chơi có dẫn theo hai người con, một trai một gái, để nhờ mẹ tôi chỉ dẫn điền giúp một số giấy tờ xin trợ cấp xã hội. Tôi đã được gặp bà thím của mẹ một vài lần nhưng, không hiểu tại sao, cứ mỗi lần gặp lại là tôi lại thấy bà có cái vẻ gì là lạ, khang khác hơn lần trước. Bà có một cặp mắt lé kim rất nặng nên nhiều khi bà quay qua nhìn tôi mà tôi không hề biết là bà đang nhìn mình, lại tưởng bà đang ngó cái gì khác hoặc ngó ai khác. Bà khoảng độ trên dưới năm mươi, ăn nói rất lưu loát, sành sõi thành thạo và, lâu lâu bà hay dừng câu chuyện lại, nhoẻn miệng cười với người nghe vào những lúc bất ngờ nhất để dò xem phản ứng của họ có thật sự theo dõi những gì đang được bà bày tỏ hay không.

Tôi nghe ông bà ngoại kể, từ ngày còn ở Việt Nam, bà thím đã nổi tiếng là người có . . . *psychic power*, một thứ sức mạnh vô cùng huyền bí của tâm linh, để giúp bà nhìn thấy trước được những sự việc sắp xảy ra. Đã có rất đông người tìm đến nhờ bà giúp đỡ. Bà trở thành ân nhân của nhiều người, được người ta vừa quý trọng, sợ hãi, vừa bàn tán xầm xì, như một hiện tượng kỳ lạ không ai dám đối đầu mà lại càng không muốn chạy trốn. Bà có một giác quan thứ sáu vô cùng nhạy bén, biết bói bài *Tarot* mà lại bói đúng một cách thần kỳ. Bà thành tâm tin vào sức mạnh huyền bí của tâm linh, vào một thứ quyền lực siêu nhiên, một cái gì đó vượt xa hơn khả năng thâu nhận và xét đoán hữu hạn tầm thường của lý trí. Thường khi, vì không dám xét đoán những điều bà thím nói

bằng đầu óc hữu hạn của mình, tôi thấy bố mẹ chỉ lắng nghe rồi để tâm hơn là góp ý và, vì thế, trên một phương diện nào đó, đối với bố mẹ, bà là một người hết sức thân quen mà cũng hết sức xa lạ.

Tôi ngồi trên lòng bố nghe mọi người tíu tít nói chuyện một lúc lâu thì cảm thấy ríu mắt lại. Giọng nói của bà thím vẫn sang sảng bên tai và, tôi mơ hồ cảm thấy một cơn sóng ồ ạt bập bùng, cuốn tôi trôi vào giấc mộng lúc nào không hay. Tôi nghe tiếng bà thím nói thoang thoảng câu chuyện gì đó, hình như là hỏi có phải bố mẹ đang muốn có thêm một em bé ở trong nhà, để tôi có thêm bạn chơi phải không, nhưng tôi chẳng nghe thấy bố mẹ trả lời điều gì dứt khoát cả.

Sau đó, bố xin phép để bế tôi lên lầu cho đi ngủ, và tôi lại loáng thoáng nghe bà thím rù rì dặn dò bố mẹ một hồi lâu, thật lâu, chẳng hiểu chuyện gì mà lại có liên hệ đến cả cái chú bé bằng gỗ đặt trên chiếc ghế thấp tủn gần sát đất, bên cạnh những nhánh lau vươn dài nở hoa màu cỏ rơm khô.

Đêm hôm đó, tôi đã ngủ một giấc ngủ thật ngon, không có hình ảnh của ông lão tiều phu mặc áo màu hoàng kim nhảy múa.

Nhưng, từ sau buổi tối hôm đó trở đi, không hiểu sao, tôi thấy suốt ngày mẹ cứ loay hoay đi tới đi lui trong nhà, băn khoăn, nghĩ ngợi, lúc nào cũng ra vẻ đang suy nghĩ điều gì mông lung lắm. Bố thì chỉ dịu dàng bảo, mẹ cứ suy nghĩ đi, tùy mẹ đấy . . . nhưng rồi, cuối cùng bố lại chêm thêm vào, bố thấy thím ấy nói cũng có lý lắm chứ, mẹ không nghĩ như vậy hay sao? Mẹ không trả lời bố, mím môi e dè và nhìn bố với vẻ ngập ngừng, ngượng nghịu, nửa muốn nói nửa muốn không. Bẵng đi một vài hôm, như đã có đủ thời giờ để suy nghĩ một cách sâu xa và chín chắn, mẹ mới kéo tay bố ngồi xuống bên cạnh, khuôn mặt mẹ thật phẳng lặng, nghiêm trang. Tôi cũng được bố đặt xuống để cho ngồi lọt thỏm ở giữa bố mẹ. Mẹ vừa mân mê những ngón tay hồng hồng, bé xíu của tôi, vừa từ tốn nói:

– Bố ơi, mẹ nghĩ kỹ rồi. Như thế này bố ạ. Về chuyện . . . cách mình bài trí, trang trí trong nhà, nhất là căn phòng khách, thì . . . có lẽ . . . thím ấy nói đúng. Sàn nhà lát gạch men trắng muốt từ trong ra đến ngoài. Mấy chiếc ghế *futon*, với khung ghế *butterfly* và khung vải bố, toàn một màu đen. Lại thêm những cành cây hoa đào khô, khẳng khiu, nâu thẫm, những bụi trúc cứng cỏi, khô vàng, những nhánh lau khô màu cỏ rơm, những hòn đá nhẵn thín, xám ngắt hoặc đen bóng, bày rải rác đây đó khắp nhà. Tranh ảnh mình treo thì cũng toàn những màu pha trộn giữa những sắc tím thẫm, tím hồng, sắc màu gạo rang lẫn sắc màu đậu nâu hoặc đen huyền. Trên phương diện thẩm mỹ thì phải công nhận là mọi thứ được mẹ sắp đặt một cách hết sức hài hòa, màu sắc cũng vậy, trang nhã, lịch sự lắm. Con mắt . . . nhà nghề của chính mẹ, của bố và của tất cả những người khách đã đặt chân đến căn nhà này, đến căn phòng khách của mình, đều phải trầm trồ khen đẹp. Bố đã chẳng từng nhắc mẹ là mình phải trang trí nhà mình theo lối . . . Thiền đấy sao. Ít đồ đạc. Đơn giản mà đẹp. Nhưng . . .

Bố ngắt lời mẹ:

– Nhưng . . . mẹ vẫn thấy thím ấy nói đúng?

– Vâng, đúng, đúng lắm. Đúng trong trường hợp . . . hiện tại của mình thôi, nếu mình . . . muốn tin là như thế.

– Nghĩa là cái đẹp trong căn nhà của mình, trong căn phòng khách của mình, nó kém phần sống động, nó đẹp một cách lạnh lẽo, cô đơn. Cái đẹp tĩnh mặc nhưng thiếu vẻ linh hoạt tươi vui. Và, như thế thì không hợp tí nào với tâm hồn của những cô bé cậu bé tí hon, không làm cho . . . em bé của chúng ta . . . hào hứng tí nào để đến với chúng ta như lòng chúng ta đang mong mỏi.

Mẹ bật cười, sửa lời bố:

– Sao bố nói văn hoa quá! Vâng, không làm cho em bé của chúng ta hào hứng tí nào để . . . thức dậy với chúng ta như lòng chúng ta đang mong mỏi.

Rồi mẹ quay qua tôi, hỏi nhỏ:

– Có phải đúng như thế không, bé con?

Đôi mắt của mẹ long lanh sáng. Tôi nhìn đôi mắt chân tình, dào dạt thương yêu đó mà cảm thấy thương mẹ, tội mẹ vô cùng. Tôi mím môi, lắc đầu:

– Con không biết. Có thể là như thế đối với . . . em bé. Nhưng, còn con, con đã đến với bố mẹ đó chứ, có cần gì khác hơn đâu.

Mẹ lại bật cười, đưa tay lên vuốt má tôi. Bố cũng mỉm cười với hai mẹ con rồi bình thản ngồi chờ nghe mẹ nói tiếp.

– Thôi, được rồi. Bố đừng lo nữa nhé. Tạm thời, nếu chúng ta muốn tin như thế cũng được. Mẹ sẽ tìm cách thay đổi cách trang trí trong nhà lại, cho có thêm một ít màu sắc, một ít lá hoa tươi, một ít này, một ít nọ nhưng, sẽ không làm cho mọi thứ trở nên lòe loẹt, rườm rà. Chúng ta sẽ vẫn giữ lại cái không khí đơn giản mà êm ả của chúng ta . . . cho riêng chúng ta!

Bố choàng tay qua vai tôi, nheo mắt với tôi rồi hỏi mẹ:

– Nhưng . . . thế còn cái . . . chú bé bằng gỗ của mẹ thì sao? Thím ấy nói những gì, mẹ còn nhớ chứ? mẹ biết rồi, bố không mê tín dị đoan nhưng, mình có thể giải thích được câu chuyện ấy một khi mình đã hiểu rằng linh hồn của con người ta cũng chỉ là những nguồn sinh lực, được chuyển hoá không ngừng trong cõi không gian vô cùng này. Thím ấy nói cũng . . . có lý. Mẹ không nghĩ vậy hay sao?

Tôi chẳng hiểu bố đang nói những chuyện gì xa xôi, chỉ thấy mẹ nhăn mặt nhìn bố, và im lặng, lâu . . . thật lâu. Hình như mẹ có vẻ không vui khi phải đề cập đến chuyện chú bé bằng gỗ của mẹ.

Một lát sau, bố đưa tay vòng qua sau vai tôi, vuốt má mẹ, lắc đầu:

– Thôi, vậy thì tùy mẹ thôi.

Mấy hôm sau, tôi thấy mẹ bỏ ra một buổi ở nhà sửa sang lại căn phòng khách, nơi có chú bé bằng gỗ nằm. Mẹ phủ lên bộ ghế *futon* đen một tấm vải rộng thùng thình xanh biếc màu nước biển (những hôm biển không có quá nhiều nắng gay gắt vào buổi sáng sớm, nước biển không xanh đậm mà lại xanh dìu dịu, và phảng phất ánh lên những sắc màu hồng của mặt trời hừng

đông). Những mép vải được mẹ thả mặc cho rủ dài xuống đất thành từng vạt dầy nằm xếp lên nhau ở hai bên chân ghế. Trông chiếc ghế có cái vẻ dẹp không trau chuốt, tự nhiên mang bộ mặt . . . phóng khoáng, như đồ dạc trong xưởng vẽ của những anh chàng họa sĩ lúc nào cũng được phủ trùm lên người những tấm vải dầy để khỏi bị lấm bụi sơn. mẹ để lên bộ ghế đìu dịu nước biển ấy hai chiếc gối màu hồng phấn, tươi, rất nhạt, như sắc màu của trời hừng đông. Sau đó, mẹ dẹp bớt những cành cây khô đủ loại đủ kiểu của mẹ đi và thay vào đấy bằng những nhánh hoa tươi mua ở tiệm hoa đầu đường – nhiều nhất là hoa *iris* tím, cắm chung với vài cành trúc khô, vàng nhã, ở dưới đáy lọ hoa lại có đặt vô số những viên đá thủy tinh trong suốt, trông thanh tươi, hòa hợp lạ thường. Còn ba cành cây hoa đào khô, khẳng khiu, cao gần dụng đến trần nhà mà mẹ đã xin về từ khu vườn sau nhà ông bà nội, thì mẹ bắc ghế, leo lên kết vào đấy những búp hoa lan, tuy đã được phơi khô nhưng vẫn còn giữ y nguyên màu sắc thắm hồng và nét dẹp e ấp, mơn mởn tươi. Những búp hoa lấm tấm dây đó trên thân cây nâu sẫm, trông như những bông hoa tuyết phất phơ đang chực rơi xuống thảm cỏ dầy tuyết trắng phía dưới. Mẹ còn đính lên đó một cái tổ chim bé xíu, có chim mẹ, chim bố (và thêm cả ba bốn trái trứng xinh xắn đặt ở giữa lòng cái tổ để cho chim mẹ ấp).

Ở ngay dưới chân cụm cây hoa đào ấy, vẫn là chỗ nằm của cái chú bé bằng gỗ, trên một chiếc ghế gỗ thấp tủn, chỉ cách mặt đất có một gang tay.

Tháng 6 năm 1991

Tháng sáu lại chậm chạp trôi qua, vẫn không có gì mới lạ, ngoại trừ tuần vừa rồi là sinh nhật mẹ. Mẹ đã thay những bức tranh cũ trên tường bằng những bức tranh mới trông vui tươi và nhí nhảnh hơn. Phần nhiều là tranh vẽ hoặc hình chụp những đứa trẻ con xinh xắn. Tôi thích nhất là bức ảnh chụp hai đứa bé một trai một gái trạc bốn năm tuổi, đang đứng đối diện nhau trên một bãi cát vắng hoe. Có lẽ bấy giờ đang là buổi sáng, trời yên, sóng cũng yên. Mọi thứ hơi nhạt nhòa vì bức ảnh chụp không màu, hơi ngả ngả, nhạt như phấn hoa. Thằng bé con mặc áo trắng sọc dậm, quần phùng *bouffant* rộng thùng thình ngắn gần đến đầu gối, đang cầm một chú ốc biển khá to và áp chú ốc biển ấy vào tai cô bé bạn. Cô bé đội một chiếc mũ bằng nan có hai sợi nơ dài bay phất phơ phía sau nón, mặc một chiếc váy đầm trắng mát có lẽ bằng vải *cotton*, tay trái nắm lấy váy, tay phải áp lên tim, đầu nghiêng qua bên vai trái, rèm mi cong cong úp xuống trên khuôn mặt bầu bĩnh có nét tò mò. Cô bé đang lắng tai nghe, chăm chú. Mẹ bảo không hiểu sao, khuôn mặt bầu bĩnh non nớt của hai cô cậu bé này cứ làm cho mẹ liên tưởng đến những đứa bé con xinh dẹp mặc toàn áo chùng đen trong giấc mơ của mẹ. Chỉ khác là hai đứa bé trong ảnh lại chỉ mặc một màu trắng thơ ngây. Tên của bức ảnh đó, món quà sinh nhật của bố tặng mẹ, là *Seashell Voices*, Tiếng Lòng của Đại Dương, do Suki Hill chụp.

Tháng 7 năm 1991

Đến gần cuối tháng bảy thì có một chuyện đáng ngạc nhiên xảy ra. Không! Không phải là cái chú bé bằng gỗ bất chợt vươn vai, choàng tỉnh dậy như trong truyện cổ tích Pinocchio đâu! Chuyện đáng ngạc nhiên ấy là, cái chú bé bằng gỗ của mẹ không còn được đặt nằm ở chỗ cũ nữa.

Một buổi chiều mẹ đi làm về, tôi thấy mẹ bắc ghế leo lên cái tổ chim tý hon gắn trên cụm cây hoa đào khô. Mẹ lấy mấy trái trứng bé xíu ra và để thay vào đấy hai con chim non cũng bé xiu bé xíu. Hai con chim non đang há mỏ chờ chim mẹ mớm mồi, trông thật là thương. Sau đó, mẹ cúi xuống phía dưới chân cụm cây, bế cái chú bé bằng gỗ lên, thì thầm điều gì vào tai chú ấy rồi cẩn thận đặt chú bé lên trên mặt chiếc dương cầm kê sát tường ngay cạnh đấy. Bố không thắc mắc hỏi mẹ gì cả, cứ tỉnh bơ và miệng thì lúc nào cũng tủm tỉm cười một cách ranh mãnh. Qua đến hôm sau, đi làm về, tôi lại thấy mẹ nhấc cái chú bé gỗ lên khỏi mặt chiếc dương cầm, ôm chú vào lòng, thong thả đi lên lầu rồi đem chú vào phòng ngủ, đặt chú nằm xuống trên chiếc kệ sách, ở ngăn thứ tư. Đến hôm thứ ba thì mẹ lui cui đi tìm một chiếc hộp dựng giầy trống không, lót giấy hoa mới vào rồi nhẹ nhàng đặt chú bé gỗ vào nằm trong đó. Mẹ lại thì thầm nói gì đó với chú bé, hình như là chúc cho chú bé ngủ ngon. Rồi mẹ thản nhiên đóng nắp hộp lại, đem cất đi trong *closet* treo quần áo của bố mẹ.

Tối hôm ấy, khi mẹ ôm tôi vào lòng trước khi đi ngủ, tôi thấy tự nhiên mẹ cảm động đến rưng rưng. Mắt mẹ loang loáng ánh nước nhưng giọng mẹ lại nghe như muốn reo vui, có phần nào hân hoan, nhẹ nhõm. Mẹ nói với bố:

– Thôi, tối nay, bố thay mẹ đọc truyện cho hai mẹ con bé con nghe nhé bố.

Bố nhảy mắt với tôi, lẳng lặng gật đầu rồi giở những trang sách quen thuộc ra, vui vẻ đọc. Giọng bố trầm, và chậm, như đang vuốt ve, dỗ dành.

Đây mới thật đúng là một nơi chốn tuyệt mỹ để được sinh ra đời. Lão tiều phu thì thào nói. Đúng, ở nơi ấy, ở vùng thung lũng mướt xanh ấy, có không biết bao nhiêu là những ông bố trẻ, những bà mẹ trẻ đang ngóng đợi. Tiếng-Nói vang lên. Ngươi sẽ được làm con của một trong những ông bố và một trong những bà mẹ ấy. Ngươi hãy chọn đi.

Lão tiều phu cảm thấy tình yêu thương của những bà mẹ và những ông bố trong vùng thung lũng ấy, như nước thủy triều đang dâng tràn, bao phủ lấy ông. Họ cười thật tươi, giang tay ra đón chờ và réo gọi. Hãy đến với chúng tôi! Hãy trở thành con của chúng tôi!

Ông lão nhìn thấy một người đàn ông có nụ cười rạng rỡ khuến trái tim của ông chợt muốn cất lên tiếng hát. Rồi ông nhìn thấy một người đàn bà có nụ cười bao dung che chở khiến ông cảm thấy yên tâm và ấm lòng. Tôi muốn được làm con của họ. Ông lão nói.

Cuối cùng, Tiếng-Nói vọng lại, ngươi có thể chọn để làm con trai hoặc con gái. Tôi mơ hồ nhớ rằng hình như tôi đã từng làm con trai. Lão tiều phu nói. Lần này tôi muốn được làm con gái để thử xem làm con gái thì sẽ như thế nào.

Và rồi, trên những rặng núi cao ở xứ Tây Tạng, trong một ngôi làng nhỏ bé giữa vùng thung lũng, có một cô bé con được sinh ra đời. Cô bé ấy mê thả diều lắm! (1)

Bức tranh minh hoạ cuối cùng vẽ hình một cô bé tóc vấn quanh đầu, mặc y phục, mang hia của người dân Tây Tạng. Cô bé đang thả lên trời một chiếc diều sặc sỡ, cam, xanh, vàng tím, có hình thù một con bươm bướm tuyệt xinh. Bầu trời sáng, mát, và những rặng núi cao hiểm trở nơi vùng thung lũng của cô bé cũng mang những màu sắc nhẹ nhàng tươi thắm y hệt như bức minh họa đầu tiên.

Trước khi khép mắt trôi vào giấc ngủ, tôi thầm nghĩ, trong lòng vô cùng sung sướng, rằng không như lão tiều phu, tôi vẫn thích làm một cậu bé con trai hơn và, hơn bao giờ hết, tôi cũng biết rất rõ là tôi thật hạnh phúc để được làm con của bố mẹ.

Rất mơ hồ, tôi nghe mẹ nhắc lại với bố những lời bà thím đã căn dặn từ mấy tháng trước. Bà thím bảo, sao lại đặt cái chú bé gỗ gần sát mặt đất như vậy, chẳng khác nào như mình đang cúng vong, lỡ vong nhập vào rồi làm cách nào mà giải được. Cái tượng gỗ ấy trông giống hệt như một bào thai, y như một đứa bé nằm co chân cuộn mình trong bụng mẹ. Phải đem cất cái chú bé bằng gỗ đi thôi, nếu không thì sẽ khó lòng mà có con được trong căn nhà này lắm. Chú ấy nằm đấy, chẳng khác nào như đã có một bào thai ở sẵn trong nhà rồi, làm sao còn có thể thụ thai cho được. Nhưng, bà thím cũng dặn, nếu có muốn cất đi thì phải làm từ từ, cẩn trọng, đừng để bị xáo trộn một cách đột ngột, bất thình lình, không tốt đâu!

Bắt đầu vào truyện . . .

Chú bé bằng gỗ của mẹ không bao giờ còn được có dịp thức dậy nữa cả!

Mẹ thụ thai tôi vào giữa tháng 8 năm 1991, đúng vào dịp kỷ niệm sáu năm kỷ niệm cưới của bố mẹ – một vài tuần sau khi cái chú bé gỗ được mẹ đem đặt vào trong hộp đựng giầy, cất kỹ trong *closet* treo quần áo.

Bố mẹ nói, tôi là món quà kỷ niệm cưới vô giá, món quà kỷ niệm cưới đẹp nhất, quý nhất, hoàn hảo nhất mà bố mẹ có thể cho nhau.

Vài tháng sau đó, chúng tôi lại dọn nhà và, tôi đã chào đời vào giữa tháng 4 năm 1992, khi những cánh hoa đào trước cửa căn nhà mới bắt đầu nở rộ, chim chóc hót mừng để cùng Đất Trời mở hội mùa xuân. Một hôm, khi ngồi ôm tôi trong vòng tay ngắm tôi say ngủ, một cách hết sức bất ngờ, ông ngoại đã bật thốt:

– Trông thằng bé giống một ông-Phật-con quá đi thôi!

Hôm ấy đúng vào ngày đầy tháng của tôi và, ông ngoại là người đầu tiên nhưng không phải là người cuối cùng đưa ra nhận xét đó. Tôi sung sướng biết chừng nào để được làm một ông-Phật-con và trở thành người bạn tý hon, thay cho cái chú bé bằng gỗ xinh xinh, trong căn nhà và trong vòng tay yêu thương

của bố mẹ. Từ đó trở đi, bố thôi không gọi mẹ bằng bé con nữa. Và, tôi nghiễm nhiên trở thành . . . bé con của bé con.

Một đôi khi nằm hồi tưởng lại quãng thời gian trước khi được sinh ra đời, khi tôi còn là bào thai trong bụng mẹ, rồi ngược xa hơn nữa, trước cả khi mẹ thụ thai tôi, hoặc khi linh hồn tôi còn ở bên ngoài lòng mẹ, hoặc ngay từ thuở mẹ về với cha (2), tôi thấy một niềm vui tỏa ngát, lâng lâng trong hồn. Tôi muốn tâm sự cho bố mẹ nghe về quãng thời gian ấy lắm, vì hiện giờ đầu óc tôi vẫn còn rất sáng suốt, chưa bị những ràng buộc của đời sống mới làm cho trí nhớ bị phai mờ đi.

Nhưng, tôi . . . không thể tâm sự được vì hiện giờ tôi còn quá bé nên chưa biết nói. Đến khi tôi biết nói thì, lẽ dĩ nhiên, cũng như bao nhiêu người khác, tôi sẽ chẳng còn nhớ lại được chuyện gì! □

(1) Mordicai Gerstein. *The Mountains of Tibet*, Harper & Rows, Publishers, 1987. Bùi Diễm-Âu phỏng dịch. Tác giả Gerstein, người đã từng đoạt nhiều giải thưởng dành cho sách truyện thiếu nhi, đã viết và minh hoạ câu truyện trên do cảm hứng có được sau khi đọc quyển *Tử Kinh* (Tibetan Book of the Dead) của dân Tây Tạng.

(2) Phạm Duy: *Bài Ca Sao*. Bài ca có những câu như, "Thương em từ thuở mẹ về với cha, thương em từ thuở mẹ mang đầy lòng."

PHẠM VIỆT CƯỜNG

làn năm

Không thể tin tưởng vào thời gian
nằm im trong đêm lạnh
tôi không còn đợi chờ cái chết

những niềm vui thanh xuân
đời lấy đi một cách bạo tàn
như thể tôi là con nợ khốn nạn

rồi không hiểu sao
lại đột ngột trả em về
khi năm tàn tháng lụi

NGUYỄN VIỆT THƯỜNG

mỗi đêm

Lại thấy trên trán anh
Thêm những đường nhăn mới
Đường dành cho tình yêu phản bội
Đường dành cho những đứa con hận phiền
Đường nào dành cho niềm hối tiếc?
Và có đường nào không
Cho tình muộn em riêng?

Lại thấy trên tóc anh
Lẫn thêm nhiều sợi bạc
Sợi đen đan thêm những câu thúc mỏi mệt
Sợi bạc thêu thêm niềm sợ hãi cô đơn
Một ngày rồi không còn ai
Theo anh nghe hoài
Nỗi đau không thể hiểu ngọn nguồn

Lại thấy trong túi anh
Những dòng thơ không gởi
Về một người tình không thể tới
Về nghĩa nhân một thời đau thương
Những cũ xưa kia vẫn ngọn gai sắc mới
Viết thêm một khúc đoạn trường

Lại thấy trong mắt anh
Nỗi buồn quang quạnh
Về những đứa em nghèo bên kia lằn khuất
Về những bóng đêm quá vãng vẫn ngân trong tiếng kêu
Chữ hiếu nhân vẫn chưa tròn ân mẹ
Đa mang chi nhiều
Bao nghĩa khác thương yêu

Em gọi ở đây mà vô vọng
Chia sao cho cùng
Nghiệp định đời anh

HOÀNG MAI ĐẠT

em dịu êm đêm giao thừa

truyện ngắn

Đêm giao thừa năm ấy lạnh gần 0 độ F, mà theo thông lệ của gia đình, tôi bị "đuổi" ra ngoài đường khoảng mười phút trước nửa đêm. Gia đình nào cũng có một vài thông lệ, thói quen kỳ cục. Riêng gia đình tôi, tôi phải bước ra khỏi nhà trước giờ giao thừa. Khác mấy năm trước, đêm giao thừa đó tôi nôn nao chờ đợi giờ bị "đuổi." Thông lệ xông đất kỳ cục này bắt đầu từ năm đầu tiên chúng tôi ở Mỹ. Mùa đông năm 1976, đầu tháng Hai, chúng tôi cũng ăn Tết, cũng chờ đón đêm giao thừa như khi còn ở Nha Trang. Tuy nhiên, chúng tôi không có bánh chưng bánh tét gì hết, cả mứt dừa mứt bí cũng không. Mời được vài người Việt ở cùng thành phố đến nhà ăn Tết, ba má tôi quyết định làm món thịt bò nhúng dấm cho mọi người ăn mừng Xuân về. Khoảng chín giờ tối, ba lái xe kéo theo tôi ra chợ mua thêm thịt bò. Lúc về, xe chết máy, cách nhà hơn hai dặm đường. Ba tôi để xe từ từ lăn xuống dốc, cho nó ủi vào một gò tuyết bên đường, rồi ông deo găng tay lầm lũi bước ra mở nắp máy xe. Tôi cầm đèn pin rọi vào máy, trong khi ba tôi loay hoay vặn mấy cái bu-gi, sờ bình điện này nọ, thỉnh thoảng ông lẩm bẩm chửi thề, tiếng Việt tiếng Mỹ tùm lum. Cuối cùng phải chịu thua, bỏ xe nằm ở lề đường, cha con chúng tôi lội tuyết đi bộ về nhà. Hơn hai dặm đường ba tôi không nói gì cả, còn tôi, tay cầm túi thịt bò, tìm chỗ có băng đá để trượt. Túi thịt bị tôi đè lên không biết bao nhiêu lần mỗi khi tôi té. Thỉnh thoảng ông già kêu, "Coi chừng!"

Về đến nhà vừa quá mười hai giờ đêm, cha con chúng tôi cùng xông đất

cho năm mới. Nguyên một năm sau đó gia đình tôi làm ăn khấm khá, ba má được việc làm ở xưởng chế máy khoan dầu, còn hai anh em chúng tôi học lấy điểm toàn A với B. Má tôi cho rằng nhờ tôi là người đầu tiên bước vào nhà đầu năm nên cả năm được nhiều điều tốt lành, và bà ra lệnh cho tôi xông đất cho gia đình mỗi đêm giao thừa. Kể từ năm ấy, truyền thống kỳ cục đó bắt đầu, mặc dù ba tôi có đôi lần ngăn cản, sợ tôi bị cảm lạnh hay chó cắn ngoài đường. Tôi thì không "*care*" lắm. Nửa đêm, đi một vòng ngoài phố, ném bậy bạ mấy trái banh tuyết, xong về nhà, thì chẳng đáng cho tôi phải phân đối, nổi loạn chi cho mệt.

Đêm giao thừa năm ấy quá lạnh, gần 0 độ. Mọi người đã đến nhà đầy đủ, mặc áo len, áo lót hai ba lớp, đầy tròn như bánh tét hở mặt, lòi chân. Ba má tôi mời chú Vinh, chú Đức là bạn làm cùng sở, chú Tùng đang học kỹ sư năm cuối cùng ở Đại Học Pittsburgh, và chú Thuận ở cách nhà chúng tôi mấy căn. Chú Vinh, chú Đức cuối tuần nào cũng quanh quẩn ở nhà chúng tôi, ăn nhậu cho qua những ngày xa gia đình ở xứ người. Ngồi ở bàn nhậu trong bầu không khí ấm cúng, thân mật, thỉnh thoảng hớp tí bia rượu vào người để hâm nóng cơ thể, người lớn nào hình như cũng thích kể chuyện về quá khứ của mình, mà có kể thì thế nào cũng thổi phồng thêm, cho đời mình bớt tầm thường, tẻ nhạt.

Ba tôi thường kể mình là đại úy cảnh sát, bạn thân của ông tỉnh trưởng Nha Trang, khi còn bé, "đại úy" và "tỉnh trưởng" thích tắm trưởng dưới mưa và rượt đuổi mấy đứa hàng xóm. Má tôi hay nói bà có tiệm buôn gạo lớn nhất Nha Trang, nắm hơn một triệu bạc trong tay, biết hết mấy vựa gạo ở miền Lục Tỉnh. Sự thực thì chỉ đúng có khoảng một nửa. Ba tôi là cảnh sát nhưng không là đại úy, và tiệm buôn gạo của má tôi không chứa tới hai mươi bao gạo một trăm ký.

Chú Vinh kể nhiều lần khi trước chú đi lính bộ binh, cấp bậc đại úy, và từng bắn chết mấy chục tên Việt Cộng trong trận Hạ Lào. Chú có bộ râu mép rậm, lưa thưa cọng bạc. Những khi chú nói hăng quá, hàng râu uốn éo, như cánh chim chao đảo, ngất ngư muốn té.

Còn chú Đức quê ở Bình Định, lính nhảy dù, cũng đại úy (ai cũng làm đại úy, thổi phồng mình là thiếu tá thì có lẽ hơi quá, nên họ dừng ở đại úy, nghe cũng vừa đủ lớn mà oai). Tôi không nghe chú Đức nói bắn ai, chỉ nghe chú thường nhắc có cô bồ học sinh trường Nữ ở Nha Trang và có thấy khỉ đít đỏ ở Tuy Hòa. Chú Tùng đã ở Mỹ từ trước 75, cha mẹ cho đi du học, mà học hành dở dang, bây giờ chú tiếp tục học cho xong bằng kỹ sư. Có một lần uống hơi nhiều, chú Tùng cho biết có người yêu còn ở Sàigòn mà sau 75 không còn liên lạc thư từ gì được hết. Chú Tùng thích nghe Khánh Ly hát nhạc Trịnh Công Sơn. Những khi tàn bữa nhậu, chú hay vác đàn ra hát bài *Biển Nhớ*, mắt lim dim như ông già đánh đàn trong tranh của Picasso, thỉnh thoảng hé mắt, cong đôi chân mày nhìn vào mặt tôi, khiến tôi phải làm bộ gắp đồ ăn để ngó đi chỗ khác. Ban đầu tôi còn rán ngồi nghe chú hát, sau thấy buồn quá, nhất là sợ bị chú nhìn, nên tôi hay tìm cớ lẻn lên phòng ngủ.

Còn chú Thuận, mà ba má tôi hay gọi là "thằng" Thuận, có vợ và hai con còn ở Rạch Giá. Tôi biết chú còn vợ con nhân một bữa đi theo chú để nghe và thông dịch dùm chú. Tại nhà thờ bảo trợ chú Thuận, người ta nhận được thư từ Việt Nam gởi đến địa chỉ của hội USCC, nhờ trao lại cho chú Thuận. Tôi nghe chú lẩm bẩm, thắc mắc sao vợ con chú mò ra địa chỉ để gởi thư cho chú. Chú không liên lạc với vợ con, sống một mình, đi làm mỗi ngày mấy tiếng, lau chùi hút bụi tại một trường Đại học Cộng đồng gần nhà. Chú Thuận nghiện rượu, người lúc nào cũng hôi mùi rượu, mà tại uống nhiều quá nên không ăn uống gì, người ốm nhách, nặng không quá 90 cân Anh. Đã vậy chú còn để tóc dài hippy, râu ria tùm lum. Mặt chú to, mũi cao, mắt lớn, trông có vẻ Tây Ban Nha hơn là Việt Nam. Chú hay giỡn, nói mình là Giê-su, giống mấy hình Chúa tóc dài mà người ta hay bày bán ở chợ K-Mart. Tôi quen thân với chú Thuận hơn mấy người bạn kia của ba má, một phần có lẽ là vì chú ở gần nhà, thỉnh thoảng buồn buồn tôi chạy qua chơi. Mà chú nhát lắm. Có lần tôi vừa bước lên bậc gỗ xuống căn hầm chú mướn (gia đình chủ nhà Mỹ ở bên trên), trời chập choạng tối, tôi nghe chú la lên bằng tiếng Anh ngập ngọng, phát âm sai, không đầu không đuôi, mà đại khái là, "Mày vô . . . tao đâm . . . Ngưng . . . tao giết!" Tôi cũng la, lên bằng tiếng Việt, "Bình đây chú." Rồi chú mở cửa cho tôi vào, tay vẫn còn cầm chặt con dao găm chú mua ở tiệm bán đồ lính, mắt đỏ ngầu.

Phòng chú Thuận ở tối om, chỉ có một cây đèn ở trong góc. Tôi qua chơi cho chú có người nói chuyện, nhất là nghe chuyện chú đi lính lang bang đó đây ở Việt Nam, rồi bù lại tôi được xem mấy cuốn *Playboy* chú để ở chân đèn. Lúc đó tôi mười lăm tuổi, trong người rạo rực khó chịu, thành thử chuyện quá khứ của chú tôi cũng nghe cho qua thôi, chứ mắt thì không thể nào rời mấy tấm hình trần truồng coi đã con mắt. Thấy tôi coi hoài hình phụ nữ khỏa thân, chú cũng ngại. Ban đầu chú nói coi ít ít thôi, chứ không ba má tôi biết được sẽ la chú chết. Sau thấy tôi không ngán lắm, cứ đờ mắt ra xem phụ nữ trần truồng, chú hù là coi nhiều quá, nó chạy ngược lên đầu, sẽ bị mù mắt, hay cặng cứng quá độ sau này sẽ bị liệt dương. Không cần chú đọa tôi cũng dần dần bớt nghiền ngẫm hình ở trường, vì chú không có cuốn nào mới hơn, hay chú giấu mấy cuốn mới đi mà tôi không biết. Coi hoài mấy cái hình riết rồi tôi cũng chán, chán luôn cả chú Thuận vì chú lúc nào cũng say, cũng kể đi kể lại mấy cái chuyện đi lính cũ mèm.

Trở lại cái đêm đông lạnh lẽo gần 0 độ kia, lúc ấy tôi vừa mười bảy tuổi, tuổi mọc sừng dê, hơi trễ đối với một số bạn Mỹ của tôi, vì tụi nó đã dám vào tiệm mua *condom*, còn tôi chỉ nói tới "áo mưa" thôi, thì miệng lưỡi đã đóng mở, uốn éo lộn xộn, nói không ra hơi, mà trong người lại thấy ngứa ngáy khoái cảm. Có lẽ tại sừng dê của tôi thuộc loại phát triển chậm, khiến tôi lúc ấy chưa dám tán gái bằng miệng, như lũ bạn Mỹ mắc dịch. Trong lớp học tôi nổi tiếng là người thầm lặng nhất, có biệt hiệu "*The quiet one*." Tôi ít nói là vì tôi nói dở, hay phát biểu không đầu không đuôi. Nói đã khó hiểu, mà khi lúng túng

với con gái, giọng của tôi cũng thay đổi trầm bổng bất thường, hay bổng hơn là trầm, có khi nheo nhéo mỏng cao như giọng của bà tiên trong phim *The Wizard of Oz*. Mấy thầy cô cũng thông cảm trường hợp nói năng đặc biệt của tôi, nên ít khi bắt tôi phải trả lời trong lớp, cho tôi nói khi tôi gom đủ gan dạ để giơ tay lên góp ý mà không đỏ mặt, run rẩy tay chân.

Nói dở là cái "tài" của tôi. Mà trời cao cũng có mắt, sinh voi sinh cỏ, tạo ra tôi và cũng tạo ra "nàng." Nàng này tên là Shawn, và nhờ cái tài nói dở, ít mở miệng của tôi mà nàng để ý đến tôi. Tôi biết Shawn dòm ngó mình từ lúc để cho nàng ký tên vào cuốn lưu niệm *Yearbook* hằng năm của tôi. Mấy đứa bạn trong lớp đều ký tên và viết dăm ba chữ, đại khái như "Chúc mày thành công trên đường đời, muốn gì được đó"; "Rất hân hạnh được biết Bình"; "Sau này có làm khoa học gia hỏa tiễn nhớ đừng quên tao" (Thằng bạn này nói tôi giống người Nhật, lại làm toán giỏi hơn nó, nên hay chọc tôi là *rocket scientist); "Nhớ nhau suốt đời". (Chữ "suốt đời" lúc nào cũng được anh chị viết "4ever"* một cách âu yếm), và vân vân. Riêng cô nàng Shawn viết tràn ngập cả một trang giấy, nói là rất thích tôi, biết tôi cô đơn, lạc loài ở xứ lạ, và muốn biết thêm về tôi, về Việt Nam và viết chữ "*love*" thật to trước khi ký tên. Chữ *love* này có mãnh lực ghê gớm lắm. Con trai nghe chữ *love* thường không nghĩ đến những tình cảm êm đềm từ trái tim của nàng dành cho mình, không tưởng tượng cảnh đi bên nhau ngoài bãi biển, như con gái, mà chỉ nghĩ đến cảnh hôn hít, nắm tay nắm chân, sờ mó bậy bạ, ở bụi cây hay đằng sau ghế xe. Mới thấy chữ *love* của Shawn, tôi liền nghĩ tới cảnh lái xe dậu chỗ nào tối tối để hành sự. Rồi tôi tự cảm thấy xấu hổ, khi nhìn Shawn chăm chú đọc mấy hàng chữ tôi viết cho nàng. Shawn nói cám ơn tôi đã dành cho nàng những chữ khích lệ và thân ái nhất, mà không có ai khác trong lớp viết cho nàng. Tôi đã khen nàng tính tình thành thật, có tinh thần độc lập, có ý tưởng cao, và có sắc đẹp. Thật sự thì Shawn cũng đẹp vừa vừa thôi, ngực hơi lép, mà mông lại hơi to cho khổ người. Được cái Shawn có gương mặt trắng hồng sáng sủa, đôi mắt nâu trong nhân từ, và hay nghiêng nghiêng mái tóc vàng mật, cười xã giao. Các cá tính kia thì tôi tin là rất đúng về nàng. Từ lúc ký lưu niệm ấy, chúng tôi hay nói chuyện với nhau hơn. Thật sự thì Shawn nói nhiều, còn tôi hay cười mím chi, trả lời những câu ngắn ngắn, góp chuyện.

Vì nghĩ tới Shawn mà đêm giao thừa lạnh gần 0 độ đó, tôi bồn chồn đi ra đi vô cầu tiêu cả chục lần, để soi gương ngắm nghía cái vẻ đẹp trai tơ của mình. Nhà Shawn ở cách nhà tôi ba khu khố, đi bộ chừng mười phút là tới. Tôi định đêm nay khi bị đuổi ra khỏi nhà, theo tục lệ cổ truyền của gia đình, tôi sẽ lượn qua nhà nàng chút xíu rồi lượn về. Chỉ có thế thôi mà tôi mất nửa tiếng đồng hồ lựa quần áo. Tôi chọn áo ấm màu xanh biển dậm có thêu phù hiệu trường Đại học Penn State; cái áo đó tôi mua vào mùa hè qua, nhân dịp được trường mời tới dự thi lấy học bổng. Tôi mặc quần *jean* trắng và khoác thêm cái áo vét nâu có vá hai miếng ở khuỷu tay, cho đúng mốt trí thức thời thượng lúc ấy. Chưa hết, tôi còn thêm cái khăn trắng quàng cổ.

Còn chừng mười lăm phút nữa tới giao thừa, má tôi ở dưới nhà gọi vọng lên phòng ngủ của hai anh em chúng tôi. Chú Đức, chú Vinh, chú Tùng, chú Thuận và ba tôi đang bàn cãi gì đó ở bàn ăn, thỉnh thoảng tôi nghe vẳng lên các từ ngữ quen thuộc như "thằng Thiệu," "bàn tay lông lá," "thằng cha Hồ Chí Minh," "lão Mao," kèm giữa những tiếng chửi thề kéo dài. Má tôi lúc ấy chắc không ngờ thằng con cả của bà đang trang điểm sắc đẹp trong cầu tiêu. Nghe má kêu, tôi lật đật bước ra, vào phòng ngủ lấy cái áo lạnh và nón tôi mới mua ở chợ bán đồ cũ. Mấy tuần trước đó, xem phim cũ, thấy Humphrey Bogart "*cool*" quá mức, tôi liền quyết kiếm cho được cái áo lạnh đen dài, xuống quá đầu gối và cái nón nỉ đen, y hệt như của Bogart. Mọi người đang tiên đoán ngày nào họ sẽ về lại Việt Nam ở dưới nhà, chợt yên lặng khi nghe tiếng tôi bước xuống bậc thang. Tôi cũng hồi hộp quá mức, có cảm tưởng mình là nàng Scarlett trong phim *Cuốn Theo Chiều Gió* đang bước xuống lầu để gặp chàng Rhett Butler. Cái áo lạnh có lẽ hơi dài, tôi nghe nó đụng vạt vào bậc thang. Mấy chú đều trố mắt nhìn tôi trong áo lạnh dài luộm thuộm và nón đen thùi. Xuống tới bậc thang cuối cùng, tôi nghe tiếng chú Thuận cười ré lên.

"Thằng Bình hôm nay nó làm cái trò gì vậy anh Ba?" Chú Thuận đưa tay gãi cái đầu tóc dài không gội của chú. "Bộ tính làm trùm *mafia* hả mậy?" Chú đập tay xuống đùi cười ré lên lần nữa.

"Đi xông đất chớ bộ đi đóng kịch hay sao mà mày ăn bận kỳ cục vậy hả?" Ba tôi hỏi. Thấy tôi không trả lời, ông quay qua mấy chú kia. "Đó, mấy chú không có gia đình thì mấy chú rên cô đơn lạnh lẽo, gà trống ở chung với gà trống chán quá. Còn tui có con thì nó như vậy đó, có sướng gì hơn. Con tới tuổi ngựa chứng thì cũng không làm gì nổi nó. Khi không ăn mặc như cải lương để đi xông đất. Chắc ổng tưởng ổng ghê gớm lắm á."

"Nó mặc sao kệ nó, hồi nhỏ ông cũng vậy chớ có hơn ai," má tôi lên tiếng bênh tôi. Trên đời này hình như chỉ có đàn bà mới hiểu nổi tâm trạng bất thường của tôi.

"Trời lạnh, phải mặc vậy nó mới ấm." Tôi trả lời tỉnh bơ, rồi đi lấy giày. Ra tới phòng khách, thấy thằng em nhỏ hơn tôi ba tuổi đang bịt miệng cười, tôi đưa tay xô nó một cái, cho nó té xuống sofa chơi. Tôi còn hăm, "Mày lộn xộn tao mét má mày mua cái băng nhạc của tụi *Kiss* đó nghe không." Má tôi tuy chỉ thấy *Kiss* chơi nhạc *heavy metal* trên Ti-vi có một lần mà ghét vô cùng cái dám "ăn mặc như ma quỷ" ấy.

"Mày đi tới đầu đường rồi về là vừa, nghe Bình," má tôi dặn. "Chừng mười phút thôi, đừng đi lâu quá."

"Anh Bình xịt nước hoa, hôi thấy mồ," thằng em tôi vừa bịt mũi vừa la lên, lấm lét đề phòng cú đấm bất ngờ của tôi, khi tôi bước gần tới cửa.

Ra tới ngoài đường tôi hít mạnh một cái, rồi nhắm hướng nhà Shawn mà đi tới. Lần đầu tiên tôi đến nhà nàng là hồi đầu mùa hè vừa qua. Chúng tôi vừa được nghỉ học, ở dưới phố Pittsburgh họ tổ chức một tuần lễ nghệ thuật. Năm nào họ cũng tổ chức triển lãm tranh ảnh, đồ nghệ thuật, và trình diễn âm

nhạc đủ loại, kéo dài suốt cả tuần tại công viên lớn nhất. Shawn rủ tôi đi xem. Tôi chịu liền. Không biết nghĩ sao lúc ấy, tôi xuống phố, đến một tiệm bán quần áo vét sang trọng nhất, tìm một bộ đồ để đi chơi với nàng. Không biết gì cả, tôi kể lể sự tình cho ông già bán hàng, nói tôi muốn mua một áo vét mặc hợp với bất cứ loại quần nào, và bị ông ta mua một áo vét xanh lá cây lấp lánh kim tuyến. Lúc tính tiền xong ông còn nheo mắt chúc tôi may mắn với nàng. Lúc đó tôi bị mê hoặc, tưởng mình là hoàng tử đẹp trai nhất phố, hí hửng cầm cái vét xanh về giấu trong tủ, đêm đêm mang ra mặc thử với quần *jean*, rồi quần tây. Lúc đó tôi thấy tôi đẹp trai và dân ông vô cùng.

Buổi sáng ngày hẹn, má cho tôi mượn xe Mustang đỏ lái tới nhà nàng. Mới có bằng lái xe, nên tôi đậu xe xa xa nhà Shawn, sợ tới trước cửa nhà, để nàng thấy tôi lùi tiến nhiều lần mới đậu được chiếc xe thì quê thấy mồ. Hôm đó tôi mặc áo vét xanh kim tuyến, cà vạt đỏ và quần *jean* xanh, như ông già đã chỉ cho tôi, và trông tôi không khác gì ông bán xe hơi cũ. Shawn ra đón tôi trong áo vàng nhạt váy trắng, đẹp như thiên thần ở thương xá trong mùa Giáng Sinh. Nàng mời tôi vào nhà gặp cha. Tôi nghe tim gõ bịch bịch, như đang xem phim ma, tưởng lái xe tới kéo nàng đi thôi, chứ đâu biết tục lệ *dating* có cái màn diện kiến cha mẹ đằng gái. Ba má Shawn ly dị nhau. Shawn ở với mẹ, cha thứ, cùng hai đứa em gái khác cha, và một con chó lông mịn vàng tên Omar. Cha ruột của nàng ở Portland với một người đàn bà khác. Mẹ của nàng đã đi làm. Cha thứ của Shawn to lớn, râu ria tùm lum, và làm ở hãng thép dưới bờ sông. Ông không nói nhiều, chỉ hỏi tên, rồi chúc đi vui vẻ và dặn về nhà trước chín giờ tối.

Lúc đi dạo ở dưới phố, tôi ngó đó đây, chứ không dám nhìn thẳng vào mặt nàng. Thỉnh thoảng bất ngờ chạm vai, tôi liền tách xa như sợ bị dính vào Shawn. Mỗi lần thấy ai nhìn cái cà-vạt đỏ nấp sau áo xanh kim tuyến, tôi có cảm tưởng cà vạt của tôi to như lá chuối và dài quá đũng quần của tôi. Ngượng nghịu vậy mà tôi cũng rán nói chuyện về âm nhạc và tranh ảnh với Shawn. Shawn có kiến thức nhiều về hai môn đó, mà tôi thì chỉ biết lõm bõm, thành thử cũng rán nghe đến nóng cả óc, đỏ hai cái lỗ tai. Thỉnh thoảng tôi cố gắng chứng tỏ mình cũng hiểu biết, như khi Shawn nói về nhạc *jazz*, tôi chen ngay vào là tôi thích sự *sterilization* của nó. Nàng nhìn tôi kinh ngạc, làm tôi giật mình. Ý tôi muốn nói *improvisation*, tức là sự sáng tác ngay trong lúc nhạc sĩ đang chơi nhạc, thế mà miệng tôi lắp bắp, lạng quạng nói đến sự sát trùng, khiến nàng nhìn tôi chằm chằm chẳng hiểu gì cả, làm tôi quê một cục. Thế cũng chưa hết. Lúc mua mỗi đứa một ly trái cây, khi đưa ly cho nàng, tôi lúng túng như sợ dụng phải những ngón tay thon dài của Shawn, thả ly khi nàng chưa kịp cầm, để nó rớt ụp xuống đất, văng nước lên quần tôi và vớ nàng. Tôi lật đật cầm cái ly nhựa lên, ngắm nghía mấy miếng dâu còn sót lại. Liếc nhìn người bán hàng, tôi thấy bà ta lắc đầu thở dài. Tôi chưa kịp nói gì, thì bà ta đưa cho tôi một ly mới đầy, không tính tiền. Tôi ngập ngừng nói cám ơn, trong khi Shawn ngó xe cộ chạy qua lại. Ăn xong ly trái cây, tôi nghe Shawn kể cha

mẹ nàng gốc Ái Nhĩ Lan, mỗi năm ở hai tháng hè với cha ở Portland, và ước mơ thành họa sĩ của Shawn. Chúng tôi đi xem tranh, nghe nhạc của Philip Glass, rồi đi ăn tối ở một nhà hàng Ý.

Chúng tôi về nhà đúng giờ. Lúc đưa Shawn đến cửa, tôi lo lắng không biết có phải hôn nàng hay không. Tôi muốn làm lơ vụ hôn, nhưng sợ Shawn chê mình không đàn ông, nên càng run hơn, tim sợ ma đập bịch bịch, mà miệng nín khe như không có chuyện gì. Cả ngày đi quanh quẩn ở dưới phố, nhiều lần tôi có nghĩ đến chuyện hôn đôi môi hồng nhạt của Shawn. Vậy mà bây giờ sắp tới giờ kết thúc, tôi lại sợ hôn nàng. Bước lên những bậc thang sau lưng Shawn, tôi thọc tay trong túi quần, cố ra vẻ bình thường, như là tôi đã từng có kinh nghiệm đưa bồ về nhà. Đến trước cửa, Shawn quay người lại nhìn tôi, nói cám ơn đã cho nàng một ngày vui vẻ. Tôi chưa kịp nói lại gì, thì nàng đã chồm tới hôn mạnh vào môi tôi, thật nhanh rồi buông ra. Tôi vừa cảm cái mềm của môi thì mặt nàng đã xa mấy tấc. Té ra hôn môi chỉ có vậy! Tôi nghe nói hôn phải thè lưỡi ra để lục lọi tùm lum. Thế mà chưa thè kiếm, mọi chuyện đã xong. Tôi đứng ngớ ngẩn, tay chân cứng ngắc trong bộ đồ bán xe cũ. Shawn mỉm cười rồi mở cửa bước vào nhà. Đợi nàng đóng cửa xong xuôi hết tôi mới thở ra, uốn éo cổ mấy cái, bẻ xương tay kêu răng rắc, cho xì bớt cơn sợ. Trước khi bước xuống bậc thang, tôi chợt thấy hai bộ mặt của hai cô em gái Shawn đằng sau màn cửa sổ. Thế nào hai đứa quỉ cũng cười tôi một trận đã đời.

Đến đầu khu phố nhà Shawn, tôi xem đồng hồ ấn dưới lớp găng tay bằng da. Còn năm phút nữa là đúng giao thừa. Ba má tôi và mấy chú chắc đang nóng ruột đợi giao thừa. Năm nay chúng tôi cũng ăn bò nhúng dấm, có thêm một nồi cháo vịt. Ngày hôm sau ai cũng phải đi làm ca chiều, thành thử họ có thể đón giao thừa cho tới ba bốn giờ sáng, xong ngủ tới một giờ trưa mới dậy đi làm. Riêng tôi phải ngủ sớm hơn và sẽ đi học lúc bảy giờ sáng như bình thường.

Còn cách nhà Shawn mấy căn, tôi mới bắt đầu cảm thấy cái lạnh len lỏi qua khăn choàng, thấm vào ngực. Gió lạnh thổi tốc lên lớp tuyết mới rớt sáng nay, tạt vào mặt tôi. Không khí trong trẻo, lạnh căm chà mạnh vào da mặt, làm cho tôi thỉnh thoảng thấy rát ở gò má. Tôi đưa tay ôm cái nón, sợ gió thổi bay mất. Thấy dưới lớp tuyết là băng đá, tôi đi chậm lại, dò từng bước một, như trẻ con mới biết đi. Tôi lúc đó không còn là một Bogart lạnh lùng như đá cục nữa, mà là một thanh tra Pink Panther lụng thụng trong bộ đồ thùng thình.

Đến trước nhà Shawn tôi dừng lại, tìm lý do đã đưa mình đã đến đây. Tôi chỉ muốn băng ngang qua nhà nàng thôi, mà thật tình tôi cũng hy vọng thấy được nàng. Bên trong nhà còn bật đèn. Phải chi bất chợt Shawn mở cửa, dẫn con chó Omar ra cho nó tè, để tôi được thấy mặt nàng. Hay mẹ Shawn bất ngờ bị ho cảm, sai nàng mở cửa đi mua thuốc ho cho bà. Thọc tay trong túi áo rộng tôi yên lặng đứng trước bậc thang dẫn lên nhà nàng. Tôi nghe chó sủa ở đâu đó, nhưng tuyệt nhiên không có con chó nào trong nhà nàng chạy ra. Nhìn lên cửa sổ phòng Shawn, thấy đèn còn sáng tôi bỗng muốn gọi to. Nghĩ lại, tôi cúi

xuống, vò viên một trái banh tuyết vừa lòng tay, tính ném mạnh đến cửa sổ. Đứng chần chừ mấy giây tôi lại thôi, quay người và ném mạnh banh tuyết vào cột điện ở bên kia đường. Tôi ném trật, và banh bể tan trên kiếng một chiếc xe cạnh cột điện.

Đương loay hoay không biết nên đứng thêm bao lâu nữa, tôi chợt thấy có hai ngọn đèn xe từ đầu đường tiến lại. Như một con vật say rượu, chiếc xe lạng qua lạng lại, để đôi mắt vàng khè mờ ảo lao chao trong lòng đường. Đôi mắt vàng cam tiến tới từ từ và dừng lại bên lề đường cạnh tôi. Nhìn vào trong xe tôi nhận ra người lái xe là cha thứ của Shawn. Ông lùi xe vào bãi trống trước nhà, dường như không thấy tôi. Tôi tính bỏ đi, nhưng ông đã bước ra và thấy tôi.

"Ê! Bogie, đi đâu vậy?" Ông kêu lớn, tay lắc mạnh hộp đựng đồ ăn.

"Hi, Mr. Bacon," tôi nói, quay hẳn người nhìn ông ta.

"Ah! Thì ra là you." Không đợi tôi nói, ông mời, "Vô nhà uống bia nhé, tên dân ông trẻ."

Miệng ông nồng nặc mùi rượu. Chắc ông ra khỏi xưởng lúc mười một giờ, chui vào một cái *bar* quen thuộc nào đó, rồi bây giờ mới về. Đàn ông lao động ở đây có thói quen uống bia rượu mỗi ngày sau khi đi làm. Họ vào trong *bar*, la ó cho hết bực bội với đám bạn bè, xong về nhà ngủ với vợ. Ông Bacon quàng tay qua vai và lôi tôi vào nhà với ông. Tôi nói tôi phải về nhà, nhưng chỉ nghe ông hát hò một bản nhạc gì đó, chứ không trả lời. Ông vừa bước lên bậc gỗ, có người lật đật mở khóa cửa.

Cửa mở, tôi thấy Shawn mặc áo choàng ngủ màu vàng, cổ tròn, đi đôi dép nâu sờn mép. "Hi, Shawn," tôi chào.

"Coi nè Shawn," ông già thứ lôi tôi vào nhà, "tao lượm được cái này ở trước cửa nhà mình." Shawn nhăn mặt. "Rồi, lại say rượu nữa. Frank, đi rửa mặt, rồi đi ngủ. Má đã ngủ." Không đợi ông nói thêm, Shawn cầm cái hộp thiếc đựng đồ ăn trên tay ông, và nắm cánh tay ông lôi vào trong.

Tôi lẽo đẽo theo vào, nghe ông lè nhè hát trên bậc thang dẫn lên tầng trên. Trong phòng khách đơn sơ, lờ mờ như một buổi chiều mùa đông, ngọn đèn bàn duy nhất tỏa ánh sáng vàng nhạt lên bộ ghế sofa màu nâu sữa. Ở góc tối, tôi thấy một tủ sách nhỏ, sách đầy hai kệ và một mớ báo nằm bên dưới.

"Bình đi đâu vậy?" Shawn nhìn tôi với nụ cười hiền. Nàng đứng bên cạnh lồng đèn bàn, để ánh đèn vàng nhạt hắt lên gương mặt mệt mỏi, có vẻ thiếu ngủ.

"Đêm nay là đêm giao thừa, Tết Việt Nam," tôi nói, đứng lại giữa phòng khách, tháo găng tay ra mà quên không lấy nón xuống. Tôi bỗng nhớ đứng thẳng vai lên, cho cao hơn một chút xíu, ngang tầm mắt Shawn.

"Ồ, vậy à!" Shawn tươi hẳn lên, như nghe tin vui cho riêng nàng. "Mừng năm mới! Mừng năm mới, Bình nhé." Mắt nàng liếc nhanh lên đầu tôi.

"Cám ơn Shawn." Tôi cúi đầu mỉm cười, mà cúi hơi thấp, làm cho cái nón nỉ đen rớt xuống sàn nhà. Trong lúc cong lưng lượm nón lên, tôi liếc vội một

tấm gương gần cửa vào bếp, để thấy đầu tóc đen của tôi có hình khuôn tròn bên trên lỗ tai, do cái nón ép tóc lại, như có ai đậy nồi nấu cơm lên đầu tôi.

"Nón này ngộ quá," Shawn nói, trong lúc tôi lúng túng không biết nên đội nón lại, hay để cái đầu nồi cơm trơ trơ ra đó. Chúng tôi nhìn nhau, không nói. Shawn chợt chớp mắt, vừa cười vừa cúi mặt. "Bình đợi tí đi, tôi có cái này." Vừa dứt câu Shawn quay người đi vội đến tủ sách nhỏ trong góc tối.

Tôi đứng yên nhìn những bậc thang lót nệm nâu đậm đã sờn rách. Tiếng ói mửa của người cha thứ chợt vang lên từ phòng vệ sinh trên lầu, rồi tiếng giật nước.

Shawn bước nhẹ trở lại, tay cầm một quyển sách bìa cứng, xanh đậm. Tiếng gỗ khô bên dưới lớp thảm kêu ken két theo bước chân nàng.

"Tặng Bình cuốn sách này, mừng năm mới," Shawn trao cuốn sách trước mặt tôi. Nụ cười hiền trên môi nàng lại nở, như một quà tặng kèm theo.

"*Tender Is The Night* của Fitzgerald," tôi reo tên cuốn sách, tay kẹp nón vào nách. Cầm cuốn sách trong tay, tôi ngồi dại xuống một đầu ghế sofa, vồn vã lật vài trang đầu, mải mê xem những hàng chữ bên trong. Mùi giấy sách quyến rũ vô cùng.

"Cuốn này hay lắm, mới đọc xong. Hy vọng Bình sẽ thích." Shawn ngồi xuống ở đầu ghế kia, co chân để cho hai chiếc dép rơi xuống thảm.

"Cám ơn Shawn," tôi vui vẻ nói, tiếp tục lật xem những trang sách, không để ý đến nàng.

Vài tuần trước đó, ở lớp học, chúng tôi đã đọc *The Great Gatsby*, cũng của Fitzgerald. Đó là lần đầu tiên tôi đọc hết một tiểu thuyết tiếng Anh mà lại thích. Tôi coi sơ vài đoạn đối thoại ở mấy chương trong, rồi nghiền ngẫm đọc tiểu sử của tác giả ở trang cuối. Đang đọc đoạn nói về tật nghiện rượu của Fitzgerald, tôi chợt ngẩng lên nhìn Shawn. Nàng đang dựa đầu vào ghế, mắt nhíu lại sắp ngủ gục. Tôi bối rối gấp sách lại, không ngờ mình đã vô tâm đến như thế. Tôi tính đằng hắng, gây tiếng động cho nàng tỉnh giấc, Shawn bỗng ngửa cổ ra đằng sau, miệng há to, để tiếng thở khò khè đều đặn thoát ra từ trong cổ họng. Tôi nuốt nước bọt, khẽ hừm một cái, nàng không động đậy. Tôi liền hừm lớn hơn, nàng vẫn ngủ say. Ngồi yên thêm một phút, tôi nghĩ đến cách khác: tôi nhún nhún đôi mông xuống ghế sofa, đè mấy cái lò xo, gây ra những tiếng kẽo kẹt đập đình. Thấy nàng vẫn không động đậy, tôi nhún mạnh hơn, làm cho một chân của nàng rớt thõng xuống sàn, người cũng đập đình theo nhịp nhún. Vậy mà Shawn vẫn không mở mắt. Tôi định lấy tay lay nàng dậy, nhưng nghĩ thôi, để cho Shawn được ngủ yên giấc. Thấy tấm khăn phủ ghế ở bên cạnh, tôi đứng dậy, cầm và đắp nó lên người Shawn, che từ cổ xuống chân. Nàng nằm yên, mắt khép kín, miệng vẫn hả to và thở đều đều. Kẹp cuốn sách vào bên trong áo lạnh, tôi đội nón, lật đật về với gia đình đang mong đợi.

Êm dịu, tôi thầm nghĩ khi nhìn Shawn ngủ lần cuối, trước khi khép cánh cửa lại và bước hẳn ra ngoài. Gió vẫn thổi tuyết bay đó đây, không khí lạnh sắt se hơn ban nãy. Tôi cúi đầu tránh gió, bước vội về nhà, trong người nghe

nóng lạ lùng, mồ hôi đang rịn ra khắp cơ thể. Phút gần Shawn vừa qua, tôi đã không có ý nghĩ tình dục nào trong đầu, mà chỉ mong nàng thức giấc để nói với tôi một câu gì đó. Nhớ tới Shawn tôi chợt muốn cười. Nàng lúc nào cũng tự nhiên, khác hẳn tôi. Lớp tuyết trắng dưới chân mịn và êm. Đang cúi đầu vui với những giọt mồ hôi nóng trong người, tôi nghe có tiếng kèn xe từ đầu đường dội tới. Tôi nhận ra chiếc xe của ba, vì nó chỉ còn một mắt đèn sáng, đèn kia đã bị bể khi tôi lủi xe vào cột điện tuần trước trên đường đá trơn trợt. Xe vừa đến bên cạnh, ba tôi đã quay cửa kiếng xuống, thò đầu đội nón len dỏ ra ngoài. Ở ghế bên cạnh, chú Thuận nhìn tôi, rồi nhe răng cười.

"Mày đi đâu nãy giờ hả thằng mắc dịch, để mọi người chờ muốn chết?" Ba tôi la lên, giữa con đường vắng lặng.

Tôi tính giải thích này nọ, chợt gió thổi bay cái nón xuống đường. Tôi dợm chân muốn bước đi chụp nón lại, nhưng không kịp. Tôi đứng yên nhìn theo. Nón trôi ra giữa đường, lăn xuống gầm một chiếc xe, rồi chui ra, tung bay xuống con đường dốc. Tôi quay lại, bắt gặp ba và chú cũng đang nhìn theo chiếc nón. Tôi chợt cảm thấy hình như mình đã sống giây phút này ở đâu rồi, có lẽ trong một giấc mơ trước đây.

"Hồi trước tao cũng có một cái nón như vậy," chú Thuận nói, rồi cười. "Thôi, vô xe đi mày, về nhà thế nào bà già cũng dữa cho mày một trận."

Thấy tôi về, má tính la mấy câu, nhưng nghĩ sao bà chỉ bảo tôi ngồi xuống cùng ăn với mọi người. Có lẽ má tôi sợ rầy la đầu năm sẽ làm cho cả năm không hên. Còn ba cũng vui vẻ rót rượu đào Nhật Bản mời cả nhà cùng uống. Đó là lần đầu tiên tôi uống rượu. Gần hai giờ sáng, trong cơn say ấm nồng, tôi nằm, nghĩ đến Shawn. Sáng hôm sau tôi đau đầu, nhưng cũng rán dậy đi học. Đến trường tôi không gặp Shawn, không hiểu vì nàng nghỉ học hay vì chúng tôi học khác lớp.

Shawn và tôi còn gặp nhau vài lần sau đó, thỉnh thoảng ở công viên và đôi khi ở quán ăn nhỏ. Shawn nói nhiều hơn tôi, về nghệ thuật, văn hóa và nhất là chính trị, toàn là những đề tài mà ở tuổi mười bảy lẽ ra chúng tôi không cần phải quan tâm tới. Shawn hay nói với nhiệt tình về tư tưởng Cộng sản, mà nàng tìm thấy trong các cuốn sách ít học sinh nào sờ tới ở thư viện, tôi thỉnh thoảng nhắc chuyện thân nhân vượt biển tìm tự do, còn sống hay đã chết cũng chưa biết, và chúng tôi xem sự khác biệt giữa hai người như một nét đặc biệt nào đó trên cơ thể, như tôi người mỏng, môi hơi dầy, Shawn ngực lép, mông hơi rộng, thế thôi.

Đến mùa hè, Shawn học nhảy một lớp, nên ra trường sớm hơn tôi một năm. Shawn cho tôi biết nàng sẽ qua sống với cha ở Portland, Oregon. Chúng tôi liên lạc với nhau được mấy lá thư rồi ngưng hẳn khi mùa hè chấm dứt. Trong lá thư cuối cùng Shawn nói sẽ xuống Los Angeles học vẽ.

Cũng từ năm đó cuộc đời tôi bắt đầu thay đổi, có lẽ tại đêm giao thừa tôi xông đất không còn hên như những năm trước. Việc làm của ba má tôi bắt đầu bấp bênh, tháng làm tháng nghỉ không nhất định. Phụ với ba má, tôi đi làm ở

nhà hàng mỗi đêm và làm quen với bia, rượu. Năm cuối cùng trung học, từ một trong ba học sinh ưu tú nhất, tôi tụt xuống "*top 10.*" Rồi tôi vào trường Penn State, chấp nhận đi học như mọi người, vì thật sự chưa biết làm gì khác hơn.

Qua mười mấy giao thừa, cuộc đời tôi đã khác đi. Tôi có vợ con đàng hoàng, và không bị ba má đuổi ra ngoài để xông đất như mười mấy năm trước đây. Tôi đã bỏ ba má, bỏ thành phố Pittsburgh tối xám, để đi học xa, đi làm dủ nghề, dạy trẻ, chạy máy hóa học, viết báo, làm cán sự xã hội, đánh máy mướn. Tôi lang thang đó đây, ban đầu vì thích thay đổi không khí, dần dần về sau vì hoàn cảnh, có khi ăn ngủ ở những ngôi nhà sang trọng bậc nhất của bạn bè và có đêm ngủ một mình trong xe ở bãi vắng, bị cảnh sát chiếu đèn pha và duổi đi chỗ khác chơi. Nay tôi trôi giạt về San Diego được mấy tháng, tự hứa sẽ ổn định nơi đây, ao ước được sống vui với vợ con, ngày thường đi làm, thứ bảy đi chợ kiếm đồ *sale*, chủ nhật nằm sofa uống bia xem *football*, như Mỹ "thứ thiệt."

Cuộc đời của những người xưa cũng đã thay đổi, sau mười mấy giao thừa.

Hai người bạn cùng sở với ba má tôi đã rời Pittsburgh từ lâu. Khoảng năm 87 hay 88 gì đó, tôi có gặp chú Vinh ở đường Bolsa, Nam Cali. Lúc đó chú dẫn đầu một đám đông đứng bao vây một tiệm chuyên bán vé máy bay về Việt Nam. Chú cầm loa kêu gọi bà con tẩy chay bọn kinh tài cho Việt Cộng. Thấy tôi chú đưa loa cho người khác cầm, chạy lại bắt tay, quàng vai tôi. "Mẹ, mày gầy quá, nhóc con," chú nói, rồi rủ tôi đến Phở Hòa ăn phở ngầu pín với chú. Còn chú Đức đoàn tụ với vợ con ở Houston, Texas, mở văn phòng đại diện luật sư, rồi lăng nhăng làm sao đó, bị vợ bỏ sống một mình. Mỗi dịp Giáng Sinh chú Đức đều gửi thiệp về thăm gia đình tôi. Còn chú Tùng hay hát nhạc Trịnh Công Sơn, lấy được bằng kỹ sư, liền qua San Jose kiếm việc. Tôi nghe nói bây giờ chú có văn phòng bán bảo hiểm và đang dự định ra một băng nhạc hát chung với mấy ca sĩ nổi tiếng.

Cuộc đời của chú Thuận cũng trôi giạt như rác, mất tích ở một nơi nào đó. Chú có ông anh, tên là Toàn. Chú Toàn vượt biển với vợ con. Vợ con chết hết ở vịnh Thái Lan. Chú Toàn sống sót, đò hỏi sao đó mà cuối cùng tìm được địa chỉ nhà thờ bảo trợ chú Thuận, và xin họ bảo trợ. Ngày đón anh ở phi trường Pittsburgh, chú Thuận đứng ngồi không yên, mặt mày xanh lè, không nói chuyện với mấy người đại diện nhà thờ bảo trợ. Ba tôi kể lại ông không rõ chuyện gì, mà lúc xuống máy bay, vừa thấy chú Thuận, chú Toàn liền vung tay tát em một cái thật mạnh, làm mấy người từ nhà thờ nhốn nháo cả lên, hỏi ba tôi thế này là cái quái gì, người Việt tụi bay đoàn tụ như thế này hả. Tôi không có mặt ở đó, nhưng tôi biết trên đường về nhà ba tôi, không khí trong xe chắc là yên lặng và dài lắm. Thả xong đám người tị nạn, mấy người Mỹ thế nào cũng dọt xe đi cho lẹ. Gặp chú Toàn tôi nghe chú kể tội "thằng" Thuận trốn trách nhiệm, không liên lạc với gia đình, cũng không gởi tiền về cho thân nhân trong những lúc cơ cực nhất sau năm 75. Sau, chú Toàn còn mắng em là đã đến Mỹ

từ năm 75 mà không gầy dựng được gì như những người khác, chỉ biết uống rượu và sống như chó. Hai tháng sau ngày gặp lại anh, chú Thuận bỏ việc làm, trốn đi âm thầm, không biết đi đâu. Mấy tháng sau, hãng xe buýt Greyhound từ Kansas City có gởi cho gia đình tôi một hộp giấy dựng cái ví của chú Thuận. Chú ấy không biết lái xe. Có lẽ khi đi xe buýt, chú để quên bóp trên xe, và hãng xe cứ dựa theo địa chỉ của nhà tôi trên giấy tờ của chú mà gửi về Pittsburgh. Chú Toàn bây giờ đã lập gia đình lại, làm chủ một tiệm 7-Eleven gần quán ăn Tàu của má tôi.

Ba má tôi dành dụm tiền mua lại một nhà hàng Tàu hạng trung, mà đầu bếp chính là đứa em mắc dịch của tôi, còn vợ nó tiếp khách. Mấy tháng trước đây, gia đình bà con bên mẹ tôi từ Việt Nam qua đoàn tụ, đã phụ gia đình chúng tôi tân trang lại tiệm ăn, giúp cho tiệm đông khách hơn xưa. Ba má tôi bây giờ không còn tính chuyện về Việt Nam để "sống cho hết cuộc đời còn lại" nữa. Sau hai năm mở tiệm ba tôi qua đời vì ung thư gan. Ông đang khỏe mạnh, làm việc từ sáu giờ sáng đến mười một giờ đêm, bỗng một hôm kêu đau quá trong bụng. Ở nhà thương, bác sĩ bảo ông bị ung thư gan ở giai đoạn chót, không thể làm gì được nữa. Một tuần lễ sau ông qua đời. Má tôi có mời một Thượng tọa từ Nam Cali đến để làm lễ an táng. Mộ của ông nằm ở một sườn đồi, chung với hàng trăm ngôi mộ của người Mỹ, cách nhà hơn hai mươi dặm.

Còn Shawn, qua mười mấy giao thừa, cũng vẫn là "*she*" qua lời của mẹ nàng. Đêm giao thừa năm rồi, nửa đêm tôi gọi, bị bà la cho một mách, vừa mắng vừa khạc dờm, nói đã ba giờ sáng ở miền đông. Tôi xin lỗi, nói là quên giờ đông tây khác nhau ba tiếng. Hỏi về Shawn, bà kể "*she*" hết còn dạy tiếng Anh ở El Salvador, bấy giờ qua Ethiopia giúp người chết đói. Kể đến đó bà cười, nói là lúc trước "*she*" là thành viên của hội bảo vệ cá voi, cú rừng, nay "*she*" cứu người đói. Bà nói phải chi Shawn ngừng lang thang đó đây để bảo vệ chim cá, mà về lo cho mẹ đang mắc bệnh ở một cái xó tối của phố tàn. Bà ta bây giờ sống một mình, ông chồng thất nghiệp đã bỏ đi từ lâu, trốn chạy trách nhiệm làm cha. Hai cô con gái đã sống riêng, cũng vướng nhiều trách nhiệm, không thể lo cho bà được. Bà chỉ mong Shawn về.

Qua bấy nhiêu giao thừa, tôi vẫn còn cuốn *Tender Is The Night*, cất giữ trong đống sách lưu trữ ngày một nhiều. Tôi vẫn nhớ chiếc nón non dại của tuổi trẻ, đã bay biến vào mưa tuyết, bỏ lại mái tóc trần xanh không che đậy, để thời gian dần dần quẹt phết những sợi bạc mỏng manh. Đêm giao thừa này tôi không bị "đuổi" ra ngoài đường, cũng không nôn nao đi tìm sự êm dịu ở ngoài đêm. Quanh tôi, ở nụ cười của con, của vợ, và của chính tôi, tôi tìm thấy sự êm dịu trong tâm hồn, sự êm dịu cho đêm giao thừa và những ngày sau, những ngày nắng ấm mà tôi hằng đi tìm, từ một miền tuyết lạnh xa xôi trong kỷ niệm. □

THƯỜNG QUÁN

giữa mây và đá tảng

Giữa mây và đá tảng
Dòng nước đen thời gian
Chảy, lầm lũi, đa thịt.

Quay lưng em về đâu
Mưa, đất này của mưa
Hoa nằm trần mở mắt.

Có cánh tay nào ngoài trời biển dục muối
giọng gió khành khàn hát như một thời
Xõa tung trận gió chướng, hừng hết trận gió chướng.

Cây thân thể dêm chớp xanh ngã xuống –
Đá tảng – thành phố cuối cùng – không phải tất cả, một ngày.
Mưa không một chỗ bám?

Mắt đen dòng nước đen thả trôi
Những cánh bướm biển lậm tím
Hoang trống cửa ngõ của muối.

Bài ca tôi bắt đầu từ chỗ này
Một rãnh cắt
Mưa dập mưa dập thân thể mưa vỡ thân thể bất kể

Thềm nước xô vỡ – mây, những khối nước vỡ –
Không phải chúng ta từng dặn mình hãy sống lạnh lùng như đá.
Nhưng nước, nhưng nước đang phá vỡ buổi chiều mang tôi đi xa.
Một diệu kèn khô
Đôi môi ngậm tưới
Hoa mềm sẫm.

khi bước đi

Thẳng tắp hàng sao khuất ngực
Mái đã ngừng mưa, với tay đóng lại buổi chiều im
Ô cửa, phố nhà canh thức
Gió tối gọi tên
bằng một giọng sóng vỡ trên đá
(một giọng nước)
Sau những giậu rào sụp đổ, để nguyên

Chuỗi chiều qua còn treo –
chiếc áo xanh, khoảng trống, khuất tịch khuôn mặt
Bậc thềm đêm mùa xuân đầu tiên
Nước chảy lòng đường

Gió vẫn ở đấy – chăn màn, hương phiến long não
Chồm lá tới, những đường cây mãnh liệt
Hơi thở, đốm lửa, trạm ga
Đường dây cáp
Nắm tay vô hình, thô, đen
Vì sa, tách biệt, cô độc, cuồng nhiệt

Khi rừng cây một tiếng chim, lạnh
Khoảng trống vẫn ở đấy – mây
(những sọ não)
gió vẫn ở đấy – bóng tối mềm mại
Giọng nói một người
Một căn phòng tối cũ, thân mật
Ly nước
(không cắm hoa)
Những dấu răng dẹp dẽ.

KHẾ IÊM

khoảng khắc

(Gửi PVC)

Đã thở
(Giọng tiếng bát vỡ)
Đã rợn người gọi
Trăng kiêu binh.

Giữa ngóc ngách của biển đời mọc
Rực đồng xẫm
Mảnh gió môi, bình minh.

Ướt áo tát
Mắt đẫm lấp lú
Sương khói lồng
Cửa bước ngất
Hát hỏng, mùa chim ca.

Tảng lờ
Im. Thật im. Rực rỡ
Tóc bật chiều run cán.

Vết thương xa
Ôi giấc mơ, và mơ
Hoa điểm nhiên, từ độ
Tro ngàn.
Đàng hắng
Cho đỡ nhớ rừng mật xanh.

HOÀNG CHÍNH

mùa thu cuối cùng

truyện ngắn

Lá cây chao rụng trong thoáng gió. Bây giờ có lẽ đang là mùa thu; mùa thu Sàigòn sau những năm tháng dài tàn tạ vẫn buồn như thuở nào. Chắc phải là mùa thu, bởi vì ngoài kia đang có lá vàng, và nắng dường như héo hắt, u uẩn. *Trời cuối thu rồi em ở đâu, Nằm trong đất lạnh chắc em sầu. Thu ơi đánh thức hồn ma dậy, Ta muốn vào thăm dáy huyệt sâu.* Chép nguệch ngoạc những câu thơ Đinh Hùng lên đầu trang giấy trắng của cuốn tập Kinh tế Chính trị Mác-Lênin, và nhớ vu vơ. Buổi học thứ mấy mươi rồi, vẫn chưa học được gì. Cũng buồn – nên buồn lắm chứ – khi mà đám bạn cùng lớp, ngồi chật ních giảng đường đã tiếp thu một cách khẩn trương và chắc chắn tư tưởng mới; họ sắp thành con người mới cả rồi. Mình chậm chạp đi dần tới chỗ thoái hóa và sẽ bị bánh xe lịch sử nghiền nát mất thôi. Nhưng "nhằm nhò gì ba cái chuyện lẻ tẻ". Đã có kẻ nào trong trường Y, trường Nha, trường Kiến trúc yêu Thụy và được yêu lại như mình đâu. Mình là trường hợp tiêu biểu cho hạnh phúc của Shakespeare rồi. Kinh tế là kiến trúc hạ tầng cơ sở; từ kiến trúc hạ tầng đó, sản sinh ra các kiến trúc thượng tầng như văn hóa, chính trị, tôn giáo . . . Định nghĩa cơ bản này trích trong Tư Bản Luận của Các Mác, nhà xuất bản Đại học và Trung học Chuyên nghiệp trang 64. Mới đó mà đã gần bốn năm rồi. Năm tháng không làm em thay đổi chút nào; vẫn nhút nhát như hồi đó "vẫn để Thụy hỏi mẹ xem sao"; vẫn "anh lộn xộn quá" mỗi lần anh đòi hôn. Lớn lắm rồi nghe cô, hai năm nữa cô sẽ là nha sĩ rồi, cái gì cũng "mẹ bảo, mẹ bảo . . ." làm sao mà sống. Nền kinh tế tư sản sản sinh ra quan hệ sản xuất tư sản mà đặc trưng của quan hệ sản xuất này là người bóc lột người: trong tình huống đó, nền văn hóa tư sản nhằm phục vụ giai cấp tư sản là giai cấp thống trị trong xã hội. Đó là một nền văn hóa phản động. Tôn giáo là một bộ phận trong nền văn hóa phản động đó. Một cơn gió lùa qua cửa giảng đường. Một chút lạnh nhỏ nhoi, dịu dàng theo vào. Ơi gió, sao mà dễ thương lạ lùng. Thương quá Sàigòn ơi, Sàigòn ơi. Sàigòn như cô gái bị bắt về làm hầu thiếp cho bầy thổ phỉ. Sàigòn ơi! Nên khi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ thành công, nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đánh tan chủ nghĩa thực dân Pháp ở miền Bắc thì mặc dù chủ nghĩa đế quốc Mỹ còn hoành hành ở miền Nam, đảng và nhà nước cũng quyết định tiến hành ngay cuộc cách mạng xã

hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Từ đó, miền Bắc trở thành hậu phương lớn phục vụ tiền tuyến lớn là chiến trường Nam bộ. Cái cậu ngồi gần cửa kia, đứng lên xem nào! Phiền quá, đang nhớ mà cũng không yên thân. Mẹ kiếp! Hắn lầm bầm trong miệng và đứng lên. Giảng viên Kinh tế và Chính trị Mác-Lênin, nguyên là giáo sư trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nhìn hắn chằm chặp, hỏi:

– Có cái gì ngoài cửa vậy?

– Không có gì hết . . . thầy.

Hắn cảm thấy ngượng miệng khi phải gọi vị giảng viên bằng "thầy".

Vị giảng viên sôi nổi:

– Tôi không tin. Phải có cái gì đó lôi cuốn sự chú ý của cậu chứ? – Nếu thế thì . . . có. Hắn ngập ngừng.

– Cái gì? Cậu nói cho cả lớp biết. Chính tôi cũng muốn biết cái gì đã hấp dẫn hơn cả những lý thuyết biểu hiện của đỉnh cao trí tuệ của con người trên hành tinh này mà tôi đang báo cáo với cả lớp. Cái gì?

– Dạ, một cơn gió.

Có tiếng cười đâu đó ở một xó xỉnh nào trong giảng đường đông đúc. Chút ngỡ ngàng trong mắt vị giảng viên biến thật nhanh. Ông nhún vai, vẻ bất cần, nhưng giọng thì quyết liệt:

– Có gì trong cơn gió đó? Những đổi thay có tính chất cách mạng hay chỉ gồm những rung động giáo điều, lãng mạn của tư sản phương Tây?

– Thưa thầy, cái đó tùy thầy quyết định.

– Tôi muốn anh tư duy và vận dụng lao động sáng tạo của trí óc riêng anh.

– Thưa thầy, không thể được.

– Tại sao?

Hắn ngập ngừng nhìn lướt qua phía trên đầu vị giảng viên. Phía sau ông ta, bức hình lãnh tụ già nua – khoác áo choàng – đưa tay chào mấy mươi triệu nô dân, như cách chúc lành của vị giáo chủ Thiên Chúa giáo La Mã ở công trường Thánh Pierre, Vatican. Hắn nhủ thầm: Già quá! Vị giảng viên vẫn đang chờ câu trả lời của hắn:

– Cậu không nên để cả lớp chờ đợi như vậy. Hãy nói cho tôi biết tại sao.

– Tại vì . . . dù sao cũng chỉ là một cơn gió cuối mùa.

– Cậu mất quan điểm?

– Thưa, nghĩa là sao ạ?

– Trước khi rung cảm – Vị giảng viên mơ màng – Con người xã hội chủ nghĩa cũng biết rung cảm và rung cảm nhiệt tình nữa kia. Tôi nhắc lại, trước khi rung cảm, phải xác định quan điểm của mình. Nếu cậu đứng trên lập trường tư sản, mọi rung cảm sẽ lệch lạc, thoái bộ, và phản động. Từ cảm xúc đi tới hành động là một bước ngắn. Cậu sẽ đi ngược chiều của cả ba dòng thác cách mạng thế giới. Tuy nhiên, nếu đứng trên lập trường quan điểm vô sản, những rung động vô sản sẽ thuận lợi cho cuộc cách mạng vô sản trên bình diện thế giới. Nếu được như thế, cậu sẽ đi cùng chiều với bánh xe lịch sử.

Bánh xe lịch sử. Mẹ kiếp! – Hắn nhủ thầm – Cứ phải nghe hoài những ngôn

từ công thức như vậy chắc sẽ diên lên mất. Hấn nhớ trong những buổi họp tổ dân phố, đồng chí bí thư chi, đoàn thanh niên khu phố – nguyên là sinh viên luật khoa Sài Gòn – vẫn thường gằn giọng như muốn nuốt sống tất cả cử tọa, khi lặp lại: Bánh xe lịch sử sẽ nghiền nát các anh! Thụy ơi, cứu anh với. Anh sắp diên lên rồi. Ơi nhỏ, ơi nhỏ. Nhỏ dễ thương như thơ Du Tử Lê *Ơi nhỏ có buồn như ta không*? Nhỏ có buồn như anh không? Thụy có buồn như anh không? Giờ này chắc nhỏ đang họp tổ. Bánh xe lịch sử chắc cũng đang lăn sau lưng nhỏ, bóp còi inh ỏi. Nhỏ chân son, áo trắng, quốc gỗ, chân mềm, chạy gì kịp. Giận quá! Giận quá! Tiếng vị giảng viên kéo hấn về với giảng đường:

– Cậu nhất trí với tôi không?

Hấn trả lời một cách vô cùng thiếu não:

– Thưa . . . Một cơn gió dù sao cũng chỉ là một cơn gió.

– Sao nữa?

– Và trước một cơn gió lạnh, nếu không mặc áo ấm thì dù có lập trường như thế nào đi nữa, cũng chỉ thấy lạnh mà thôi.

Vị giảng viên chưa kịp nổi giận, thì cả lớp đã cười ồ. Hấn nghe tiếng vài đứa bạn thân ngồi rải rác trong giảng đường hét bằng tiếng Nga cái tính từ duy nhất mà bọn hấn nhớ được sau những giờ Nga văn dài lê thê: Khơ-ra-shô! Khơ-ra-shô! Như những thầy cũ của hấn vẫn nói *Bien* mỗi khi đắc chí. Một tiếng hét như muốn phá vỡ giảng đường, phát ra từ đâu đó trong những bạn bè hấn:

– Khơ-ra-shô! Tavarish Ivanovich! (Tốt lắm! Đồng chí Ivanovich!)

Tiếng hét của thằng Định. Chắc chắn là như vậy. Vì nó là thằng rất siêng học tiếng Nga. Định vẫn nói giễu cợt với hấn là học tiếng Nga để "nghiên cứu khoa học." "Mày thấy không Văn, sách vở bây giờ toàn của tụi Nga; hơn nữa, tụi nó có trình độ khoa học kỹ thuật ở đỉnh cao của khoa học thế giới mà!" Và chính Định đặt tên Văn theo tiếng Nga là Ivanovich. "Mai mốt khỏi mất công vô quốc tịch!" Nó bảo thế.

Câu trả lời của hấn, sự biểu đồng tình lộ liễu của lớp học làm vị giảng viên im lặng trong chốc lát. Ông ta khéo léo – dù sao ông ta cũng là đảng viên lâu năm, đảng viên trung kiên – nén cơn tức giận, mỉm cười, chậm rãi:

– Các cô cậu im lặng được chưa?

Tiếng ồn ào lắng xuống. Hấn vẫn đứng trơ trơ, nhìn lướt trên mái đầu những bạn bè cùng lớp hấn. Tuổi trẻ này, bao nhiêu là nhiệt tâm, bao nhiêu là chất xám, đang nếu không mai một như biết bao nhiêu những ruộng đồng bỏ hoang thì cũng bị vun xới, cho sinh ra những hoa trái dị hợm, trái mùa. Những đời tuổi trẻ này đang miệt mài gánh vác tham vọng của tuổi già, của vô số những thần linh giả trá.

– Cậu tên gì?

– Thưa . . . Văn.

Vị giảng viên ném ra một phán quyết cuối cùng:

– Tôi đuổi cậu ra khỏi lớp!

Ôi nhỏ dễ thương như sớm mai! Câu thơ ngọt ngào trong trí nhớ hắn. Thế là anh có lý do chính đáng đi tìm em rồi, nhỏ ơi. Mừng quá. Lần này khỏi cần nói dối; chính thầy giáo "bảo" anh ra ngoài, chứ không phải anh "lặn" như mấy lần trước. Hắn lui cui dọn dẹp sách vở, xếp chiếc áo *blouse* cho gọn ghẽ và kẹp vào giữa cuốn tập. Hắn liếc nhìn chiếc đồng hồ trên tường, trước khi bước ra khỏi giảng đường. Ba giờ hai mươi lăm. Cũng được thôi! Hắn nhủ thầm vô tình bằng chính cái câu mà trước kia hắn ghét cay ghét đắng, "Cũng được thôi! Cũng tốt thôi!" Câu nói nhập cảng từ miền bắc tổ quốc Xã hội chủ nghĩa. Cái gì "cũng tốt thôi" cả, khi nó liên hệ ít nhiều tới đảng, đoàn và hội. Hắn nhủ thầm với chính hắn: Ra sớm được bốn mươi phút, có thì giờ đón cô bé trước khi đến bệnh viện nhận phiên trực đêm thì tốt quá rồi, làm gì có chuyện "cũng tốt thôi" được.

Hắn đứng trong hành lang trường đại học, bâng khuâng nhìn trời mây và những chiếc lá me vàng bay như bươm bướm lượn sau mỗi cơn gió nhẹ. Đâu đó còn vẳng lại tiếng rên rỉ trái mùa của một con ve sầu lưu lạc. Bầu trời xanh rải rác những gợn mây trắng đục. Mặt trời chiều ở phía Tây hắt lên không gian những phiến nắng mệt mỏi, nhuộm lên những đám mây một màu vàng héo úa. Hắn khoác cái quai vải của chiếc túi xách màu cứt ngựa lên vai, thong dong bước về khu cơ thể học như một khách nhàn du giữa đám sinh viên xớn xác, vội vã chạy ngược chạy xuôi. Hắn đi vào phòng vệ sinh Cơ thể học. Mùi *formol* dùng để ướp xác chết đậm nồng trong không khí. Cái mùi gây gây, ngai ngái, làm tê tê ngứa ngứa khứu giác có lẽ chẳng bao giờ hắn có thể quên được. Suốt một năm đầu trong trường Y khoa, hắn đã phải vùi đầu vào những xác chết khô queo ướp trong cái chất *formol* dục lờ lờ ấy để mổ, để học . . . để nhớ hết mọi hang hốc, mọi dây thần kinh, mọi mạch máu trong cơ thể người chết. Lâu dần, hắn không còn thấy khó chịu vì cái mùi *formol* nồng nồng ấy. Bẵng đi vài năm, không trở lại khu cơ thể học, hắn quên mất mùi *formol*; bây giờ phải trở lại trường chính trị, hắn có dịp ngửi lại mùi *formol* khi đi ngang qua khu Cơ thể học, hắn thấy bồi hồi như gặp lại người quen từ lâu xa cách. Phòng vệ sinh nam sinh viên rộng thênh thang. Hồi học năm thứ nhất, hắn và lũ bạn thường hay dùng căn phòng này làm chỗ nghỉ trưa. Hồi đó, còn chế độ "Mỹ-Ngụy", sinh viên ăn trưa tại *Cafeteria*. Chế độ ăn uống có viện trợ, thành ra có thịt bò, thịt heo (hoặc cá, mỗi thứ sáu, vì nhà bếp do các "ma soeur" phụ trách nên thứ sáu phải kiêng thịt) rau, trái cây và sữa. Ăn trưa no xong, sinh viên, thường là năm thứ nhất, kéo nhau lên chiếm các hành lang hoặc nhà vệ sinh để nghỉ trưa, vì ở đó yên tĩnh và sạch sẽ. Những năm sau này, sinh viên (được gọi bằng cái tên dài và ngớ ngẩn "học sinh đại học") hoặc không đủ tiền ăn trưa ở *Cafeteria*, hoặc không ăn nổi những món ăn tại đó vì bobo và bắp độn nhiều quá, hoặc cơm độn nhiều thóc và sạn quá . . . đem đồ ăn đã làm sẵn ở nhà lên hành lang khu Cơ thể học và . . . nhà vệ sinh khu Cơ thể học để ăn trưa và nghỉ ngơi trước khi tiếp tục "phấn đấu" với bài vở và sinh hoạt lớp, tổ . . .

Trong vòng mấy tuần lễ nay, Văn có cái thú là theo dõi cuộc đấu tranh gay gắt giữa đại biểu (hoặc cũng có thể là bọn cách mạng theo đuôi) với giai cấp bị trị trong giới sinh viên của giai cấp thống trị. Bãi chiến trường của cuộc đấu tranh giai cấp một mất một còn ấy là cái vách tường của một phòng vệ sinh (mà người ta đề nghị gọi nôm na là "nhà ỉa nam") trong khu Cơ thể học. Trận chiến bắt đầu cách đây không lâu khi một bàn tay bất mãn nào đó đã viết lên tường câu "Miền Bắc cai trị miền Nam". Vài hôm sau có người biểu đồng tình: "và Miên Lào". Vài hôm sau nữa khi vào nhà vệ sinh, Văn được đọc thêm những hàng chữ khác, chữ chạc viết bằng mực đỏ, như thế này: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một." Cuộc chơi nguy hiểm nhưng đầy hào hứng tiếp tục; một đầu óc bất mãn xướng: "Ngày nào Hồ cạn, Đồng khô." Và một đồng chí "học sinh đại học" nào đó họa "Hồ chủ tịch sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta." Khoảng hai tuần sau, vào nhà vệ sinh, Văn thấy những câu phản động đã bị xóa bằng mực đỏ, chỉ còn lại những khẩu hiệu cũ mèm đã được tô đậm nét. Vài hôm sau có kẻ đề bìu bằng dòng chữ nguệch ngoạc "Lấy thịt đè người", dòng phát biểu này chỉ sống được hai ngày. Có lẽ ban chấp hành chi đoàn Y khoa đã cử người đặc trách theo dõi cầu tiêu nên câu "Lấy thịt đè người" cũng bị xóa bằng mực đỏ, và bị đánh chí tử bằng câu "Chủ nghĩa Mác-Lênin bách chiến bách thắng muôn năm". Hai ba hôm nay, chưa thấy được câu nào mới. Có lẽ phe "kháng chiến" đã hết súng đạn. Văn nghĩ thầm. Hắn mở cửa cầu, nhìn lên tường. Vẫn chưa có gì mới lạ. Chủ nghĩa bách chiến bách thắng thật. Có lẽ bọn phản động đã cạn đề tài. Văn bỗng thấy bực bội vì cuộc đấu kết thúc mau quá; dù thế, những khẩu hiệu cũ mòn còn nguyên đó như thách thức, khoe khoang. Văn thọc tay vào chiếc túi vải, tìm cái bút lông. Hắn cài cửa cầu, giật nước và viết vội vàng hai câu thơ mà hắn đã soạn sẵn trong đầu từ lâu nay xuống phía dưới câu "Chủ nghĩa bách chiến bách thắng". Văn đọc lại lần nữa tác phẩm của mình trước khi bước ra ngoài. Thơ rằng:

Cơm cha, áo mẹ, công thầy
Văn hay, chữ tốt viết đầy cầu tiêu.

Câu thơ không có tính giai cấp. Câu thơ vô tội vạ. Văn hồi hộp bước nhanh ra khỏi nhà vệ sinh, đi vòng cầu thang xuống tầng dưới. Trước kia, thang máy còn hoạt động, Văn còn cái thú đứng trước cửa chờ thang máy và thích thú mỗi khi khám phá ra trong thang máy chỉ có mình và một cô bé trường Nha láng giềng hay một cô bé Y khoa lớp nhỏ hơn. Bây giờ thang máy bị cấm sử dụng. Tất cả phải dùng thang bộ. Cái thú ngắn ngủi kia mất đi như một giấc mơ hụt hẫng. Xuống tới sân, Văn thở phào khoan khoái. Trò chơi nguy hiểm nhưng hào hứng, gã âm thầm, say mê tham dự từ bao lâu nay. Hy vọng bọn giai cấp mới sẽ dầu hàng sau cú đánh có tính cách văn hóa của Văn.

Văn đưa tay nhìn đồng hồ. Còn sớm chán. Giờ này có lẽ Thụy còn đang họp tổ. Hắn lững thững đi về phía trường Nha. Mỗi lần đi về phía trường Nha, lòng hắn luôn luôn rộn ràng một nỗi xôn xao khó tả. Mặc dầu hắn quen Thụy

đã gần bốn năm nay; mặc dù hắn đã ôm được nàng – như những cặp nhân tình ôm nhau – và đã hôn nàng không hiết lần thứ mấy trăm (mỗi lần hôn Thụy, hắn đều ghi nhận trong cuốn lịch bỏ túi) nhưng bao giờ cũng vậy, mỗi khi đến nơi hẹn, Văn không thể nén được những nhịp đập hân hoan của trái tim. Và lúc đứng bên nàng đôi tay hắn đâm ra thừa thãi. (Nếu không ôm, không hôn Thụy, thì thử hỏi đôi tay này trời sinh ra làm gì? Lao động vinh quang ư? Vớ vẩn, vô nghĩa). Văn ghé ngồi trên bức tường thấp bao quanh hành lang trường Nha, xem đánh bóng chuyền. Văn nhận ra những khuôn mặt sinh viên quen thuộc trong cả hai đội banh; đặc biệt một nữ cầu thủ là sinh viên Y khoa học dưới Văn một lớp. Cô gái có những cú giao banh sấm sét. Văn tưởng chừng nếu trái banh trúng đầu mình, sẽ lăn ra chết tức khắc. Nhưng đáng chú ý hơn cả là bộ ngực đầy, nhún nhẩy dưới lớp áo thung bó sát vô cùng sinh động theo mỗi động tác của cô gái trong sân banh. Văn thường hay hình dung ra cô gái với ngực trần, vai trần và thân trần mà buông thả cho trí tưởng tượng mặc sức vẽ vời hình ảnh những đêm dài mê muội. Nhưng những cơn mộng ảo mê muội ấy phai nhanh, tắt vội như những cảnh trên màn bạc khi đèn trong rạp chiếu bóng bất thần bật sáng mỗi khi tên của Thụy trở về trong trí nhớ Văn. Thụy như bà tiên hiền hậu, có phép màu xóa tan mọi bùa phép yêu ma. Văn yêu nàng đến mê muội, yêu đến độ hắn chưa bao giờ đám hình dung một Thụy trên chiếc giường nệm trắng, với thịt da trắng muốt đợi chờ, dâng hiến. Vì vậy, người nữ cầu thủ sinh viên trên sân banh đã thay thế Thụy cho những giấc mơ trần tục. Văn thích bộ ngực cô gái quá đỗi. Nó tròn tròn, cong cong, đầy đầy, rung rinh, nhấp nhô như một đời sống riêng, ham hố, tội nghiệp. Đám khán giả lưa thưa vỗ tay cổ võ một cú đánh đẹp mắt của cô bé sinh viên, đánh thức Văn khỏi cơn mộng du gió thoảng. Cô gái tươi cười, nhìn lướt qua đám khán giả nhỏ nhoi, chút kiêu hãnh trong cái nhún vai rất Tây làm rung rung đôi ngực. Văn đưa tay xem giờ. Giờ này chắc Thụy đã hết giờ học. Cô bé bao giờ cũng thong thả bước từ giảng đường, đi lên lầu. Cất đồ nghề (búa, kềm, "tuốc-nơ-vít", cưa, kéo . . .) vào ngăn tủ cá nhân, sau đó vào nhà vệ sinh rửa mặt (thêm chút son đỏ trên môi, chút phấn hồng trên má?) thay áo *blouse,* rồi mới thong thả đi ra điểm hẹn. Thành ra lúc nào Văn cũng thấy nàng tươi mát, gọn gàng như cuốn vở mới sang trang. Văn mỉm cười một mình với ý nghĩ về Thụy, và cảm thấy lâng lâng hạnh phúc. Bỗng có bàn tay vỗ vào vai Văn, làm hắn giật mình, nhưng không vội quay lại. Văn mong đó là Thụy. (Mặc dù Thụy chẳng bao giờ làm vậy. Mười năm sau nữa, hắn cũng chả dám chắc Thụy sẽ vỗ vai hắn. "Người đâu mà rụt rè đến khó chịu.") Hắn đặt nụ cười lên môi, chậm rãi quay lại. Một người con gái – không phải Thụy – đứng sau lưng Văn, bàn tay vẫn còn đặt trên vai hắn. Văn bối rối:

– Ủa! Chị Đào . . . cũng coi bóng chuyền nữa sao?

Người bạn gái học cùng lớp nhìn hắn, nghiêm trang:

– Chưa về sao anh Văn?

Văn ngập ngừng:

– Bữa nay trực bệnh viện. Bàn tay mềm mại, mát mẻ vẫn đặt lên vai hắn.

– Bệnh viện nào vậy?

Mùi gây gây của thịt da con gái tỏa ra, bao phủ lấy Văn. Hắn cố giữ cho hơi thở điều hòa:

– Bình Dân.

Cô gái gật gù:

– Hèn chi giờ này anh còn ở đây.

Văn ngập ngừng:

– Còn chị?

Người con gái nghiêm trang:

– Tôi muốn sinh hoạt riêng với anh.

Nàng nhìn thẳng vào mắt hắn sau câu nói, chờ đợi. Cái nhìn làm Văn bối rối. Hắn bao giờ cũng bối rối trước mặt dàn bà con gái, không phân biệt đẹp xấu, nhứt là trước những đôi mắt tròn, sâu thẳm, chăm chú, soi mói, hay mời mọc. Nàng tiếp:

– Anh có bận lắm không?

– À . . . thì cũng . . . chẳng bận gì mấy . . .

– Thế thì tôi có thể nói chuyện với anh Văn một chút được không? Mình lên hành lang Vi sinh vật cho gần.

Văn loay hoay tìm kế hoãn binh. Chẳng phải hắn sợ cái góc hành lang tối vắng trên khu Ký sinh trùng học; hắn cũng chẳng sợ hãi gì con nhỏ đoàn viên Cộng sản Hồ Chí Minh này; hắn cũng chẳng ngán gì cái mùi thịt da gợi cảm, cái thân thể no đầy dưới lớp áo chật bó kia. Con nhỏ tiên tiến này muốn chết, hắn cho chết; hắn cũng chẳng sợ gì những bài bản hắn biết cô nàng sắp giảng cho hắn về những tiền đề trong cuộc đấu tranh giai cấp, những cặp phạm trù trong triết học Mác-Lênin, hay giai đoạn giẫy chết của chủ nghĩa Tư bản; nhưng giờ này trên hành lang Ký sinh trùng học thì không thể được. Thụy sẽ bắt gặp hắn và cô đoàn viên ngồn ngộn thịt da này. Và nếu Thụy bắt gặp Đào với hắn trên hành lang vắng vẻ, thì có trời mới thuyết phục được cho Thụy tin rằng cô nàng mơn mởn kia là đoàn viên tiên tiến, và Văn với cô ta ngồi trên đó để "sinh hoạt riêng." (Cái từ tai hại này cũng tối nghĩa nữa. Tại sao không gọi là buổi cảnh cáo, buổi đe dọa, buổi hù, phiên tòa cá nhân, vân vân và vân vân.) Và chỉ có trời mới cứu được cái chuyện tình hắn nuôi dưỡng bốn năm trời vất vả, ngược xuôi. Thấy Văn chần chừ, Đào bóp nhẹ vai hắn:

– Anh có thể đi với tôi không?

Văn nhún vai như muốn gỡ tay nàng xuống.

– Sợ trễ giờ mất chị Đào à.

Đào cười, rụt tay về, sửa lại mép cổ áo nàng.

– Anh bao giờ cũng chao đảo.

– Tại chị nghĩ vậy chứ tôi cũng tiên tiến lắm chứ bộ.

Mắt người con gái tròn xoe, ngạc nhiên:

– Đó là phần tự phê của anh đó phải không?

Hấn nheo mắt:

– Có lẽ.

Đào bỗng nhiên nghiêm khắc như một cô giáo già khó tính:

– Lúc nào anh cũng giỡn chơi. Chúng ta không có thì giờ đùa giỡn. Bánh xe lịch sử không cho phép thế hệ chúng ta lề mề, chao đảo. Chúng ta có trách nhiệm với đảng, với nhân dân và tổ quốc. Chúng ta là trí thức Xã hội chủ nghĩa. Anh chắc vẫn nhớ rằng chúng ta không còn là trí thức tiểu tư sản sau khi chúng ta đã đứng về phía liên minh công nông, dưới lá cờ vẻ vang của đảng.

Văn xoay hẳn người về phía cô gái, co hai chân, ngồi xếp bằng trên bệ gạch, gật gù. Hấn không thể nào tin được đôi môi đỏ mọng này lại có thể nói lên những lời – theo hấn nghĩ – bệ rạc và suy đồi đến thế. Nàng cũng đẹp đấy chứ, Văn nghĩ, chỉ có điều đáng phàn nàn là nàng hơi mập; gọi theo ngôn ngữ bình dân là "sổ sữa". Đôi môi của nàng trề ra sau mỗi câu nói như thể nàng bỏ dấu chấm sau mỗi câu nói. Hấn tưởng tượng lúc hôn lên đôi môi ấy. Chúng ta may mắn có sự lãnh đạo của đảng, để khơi mào cho cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, trí thức Xã hội chủ nghĩa phải đi đầu trong cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật. Anh không nhớ Lênin đã nói, "Chủ nghĩa Xã hội bằng chính quyền Xô viết cộng với điện khí hóa nông thôn". Ối đôi môi sau bốn năm trời ăn bo bo, cơm độn khoai, độn sắn, sao vẫn mặn mà mời gọi đến thế này. Chung quanh hấn, dám khán giả thưa thớt của cuộc đánh bóng chuyền lại vỗ tay cổ võ một cú đánh ngoạn mục của ai đó. Ba dòng thác cách mạng thế giới đang cuồn cuộn chảy. Chúng ta không thể đi ngược dòng lịch sử. Anh Văn, anh nghe tôi nói không? Văn bừng tỉnh, ngập ngừng:

– Tôi có thể phát biểu được không?

– Ừ, anh cứ nói.

Văn mơ màng, nói như thì thầm với riêng hấn:

– Chị có đôi môi đẹp, và chắc là . . . tuyệt vời. Lời khen như tiếng sét đánh ngỡ ngàng trong buổi chiều nhạt nắng. Nàng dửng dưng người như mê muội. Văn bồi thêm:

– Chị đừng vội kết tội tôi là suy thoái, đồi trụy. Nếu như biết thưởng thức nghệ thuật là một cái tội thì tôi sẵn sàng nhận tội. Chị có đôi môi tuyệt vời ngay cả trong lúc chị nói chuyện đấu tranh giai cấp. Nhưng tôi lưu ý chị một điều. Nếu chị cứ nói hoài với tôi về chính trị, tôi sẽ có cách riêng để chị đổi đề tài, hoặc ít ra làm cho chị ngưng nói chuyện đấu tranh giai cấp, và tôi sẽ áp dụng cách đó. *Em chỉ là người em gái thôi*, Đào ạ! Báo cáo đồng chí chính trị viên, đồng chí dù sao cũng chỉ là đàn bà. Đồng chí chịu sự chi phối của mọi quy luật tâm sinh lý. Những ý tưởng lộn xộn trong đầu óc hấn. Đôi môi cô đoàn viên đổi từ xanh qua đỏ hồng. Đôi mắt chớp loạn vì bối rối, đôi môi nàng mấp mấy:

– Anh sẽ . . . làm gì?

Văn nhìn thẳng vào mắt nàng, tự tin:

– Tôi sẽ hôn chị.

Nàng bối rối nhìn xuống sân banh. Văn tiếp:

– Cách đó sẽ làm chị thôi nói chuyện đấu tranh giai cấp.

Văn thở phào khoan khoái vì làm chủ được tình thế. Có thế chứ. Chẳng có chủ nghĩa nào làm thay thế được nếp suy nghĩ của con người một cách nhanh chóng bằng tiếng gõ trên cánh cửa trái tim.

Người nữ đoàn viên ném cho hắn một cái-liếc-của-con-gái-Sàigòn-trước-ba-mươi-tháng-tư. Rất ngọt, rất sắc. Và phán một câu rất cổ điển:

– Anh . . . xưa như trái đất. Thấy mà ghét!

Rồi quày quả bỏ đi.

Văn thích thú nhìn theo người con gái. Tư tưởng lạc hậu lại về trong trí hắn. Nàng cũng khá đẹp, và ngon lành, mỗi tội hơi mập và mở miệng ra là nói chuyện đấu tranh chính trị. Đám khán giả lại vỗ tay reo hò một đấu thủ trên sân banh. Văn xoay người lại. Chợt nhớ đến Thụy, Văn đưa tay lên xem giờ. Bỏ mẹ! Hắn lẩm bẩm. Đã tan học cách đây mười lăm phút rồi. Tại sao cô bé lại không ra chỗ này, nơi hắn vẫn dợi mỗi ngày. Thôi rồi, Văn nhớ lại khúc hoạt cảnh giữa Đào và hắn. Đó là lúc Thụy tan giờ học. Mẹ ơi! Thụy chắc phải thấy cảnh Đào đặt tay lên vai hắn. Hồn vía lên mây, hắn cuống quít nhảy xuống hành lang, chạy vào khuôn viên trường Nha, nơi sinh viên Nha khoa thực tập nhổ răng miễn phí. Khu thực tập trống vắng. Thấp thoáng bóng người y công quét dọn nền nhà. Tim Văn đập mạnh hơn, hắn chạy băng băng ra phía cầu thang dẫn lên khu Vi trùng học, khu hành lang – nơi có những hộc tủ cá nhân của sinh viên Nha khoa – vắng vẻ như hành lang một căn nhà xác. Tiếng chân hắn vang vọng, dội lại từ cuối dãy hành lang nghe âm u, xa thẳm. Văn đi qua, đi lại trước nhà vệ sinh nữ sinh viên, hy vọng Thụy còn ở trong đó. Cánh cửa nhà vệ sinh chợt mở và một cô gái luồn qua khe cửa. Văn sững sờ. Đó là Đào. Mẹ ơi! Văn nghĩ thầm, người đâu gặp gỡ mà chi; hắn nghe tiếng cằn nhằn trong đầu hắn. Lần này chắc hết chạy đâu được nữa rồi. Đào đứng sựng lại, bối rối nhìn hắn. Hắn cũng bối rối không kém. Người con gái chớp chớp đôi mắt, lắp bắp:

– Thấy ghét!

Rồi bỏ đi vội vàng như chạy trốn.

Hắn lừng khừng nhìn theo nàng. Bây giờ Thụy ở đâu hở trời. *Tìm em như thể tìm chim, chim bay bể Bắc anh tìm bể Đông.* Câu hát mẹ ru ngày nào vang vọng trong đầu. Từ bốn năm nay, hai người đã đuổi bắt nhau trong cuộc chơi trốn tìm sôi nổi, hấp dẫn. Phải xuống dưới nhà để xe ngay. May ra Thụy còn đâu đó, chờ hắn (nhưng bề ngoài làm bộ bận rộn công chuyện gì đó; con gái, ai còn lạ gì!) Hắn chạy như ma đuổi xuống nhà để xe sinh viên.

Nhà để xe chứa đầy xe đạp của sinh viên. Văn đáo dác tìm bóng dáng quen thuộc của người yêu. Giờ này, sao mà đông thế không biết. Mà hôm nay Thụy mặc áo gì hở trời. Đám bạn cùng lớp hắn cũng vừa tan học ra, đang lũ lượt dắt xe ra khỏi cổng trường. Hắn nhận ra bóng dáng quen thuộc của vài thằng bạn trời đánh cùng tổ. Hắn nghe thấy cả tiếng Định, thằng bạn giỏi tiếng Nga nhất

lớp đang bô bô dưới nhà xe. Văn nhìn lướt qua hết tất cả những vóc dáng con gái trong nhà để xe. Con gái Y, Nha bây giờ đang hóa kiếp, đổi dạng: từ những vóc dáng mượt mà (lạc hậu?) với quần tây ống bó, ống loa, áo sơ mi hay áo thung ôm sát người, và tóc thề, tóc xõa, tóc uốn quăn tít, gợn sóng . . . biến thành những hình ảnh (tiên tiến?) áo bà ba đen, quần sa teng đen, dép râu thời thượng, tóc kẹp hay bện đuôi sam lủng lẳng sau lưng. Thụy không có trong đám con gái trong nhà để xe. Văn nhìn ra sân trường. Chỉ còn một cô sinh viên Nha cùng lớp Thụy mà Văn đã quen mặt kể từ lần đầu tiên lặn lội qua ngôi trường láng giềng hỏi thăm, tìm Thụy. Cô sinh viên này đã hỏi lại: "Thụy lớn hay Thụy nhỏ?" Lần đó Văn đã sựng lại, bối rối; chẳng biết Thụy của hắn là Thụy lớn hay Thụy nhỏ. Sau cùng hắn trả lời đại là Thụy nhỏ, và hắn đã trả lời đúng. Cô sinh viên ấy, lúc này đang loay hoay sửa lại sợi xích xe đạp bị tuột. Văn lừng khừng đến bên cạnh cô gái, hỏi trống không vì chưa biết tên nàng:

– Ủa, xe bị gì vậy?

Cô gái ngước lên nhìn hắn, mái tóc dài lòa xòa phủ gần kín khuôn mặt. Nhận ra người quen, nàng cười, giọng miền Nam ngọt lịm:

– Dạ . . . bị "xúc" sợi dây "xơn" hoài.

Văn lẳng lặng ngồi xuống bên nàng:

– Để tôi sửa giùm cho.

Người con gái ngồi xích qua một bên, nhường chỗ cho hắn. Văn choàng lại sợi dây vải của cái túi xách lên vai, ngồi xuống bên nàng, nhìn những ngón tay trắng muốt lấm lem vì dầu nhớt. Tại sao cô gái nào bên trường Nha cũng mượt mà như thế nhỉ. Hắn nghĩ thầm, và loay hoay móc sợi dây xích vào những móc răng cưa.

Hắn hỏi nàng:

– Bữa nay chị có gặp Thụy không?

Thấy nàng ngập ngừng, hắn hỏi tiếp:

– Thụy nhỏ.

Nàng vẫn ngập ngừng. Hắn móc sợi dây xích vào cái móc răng cưa xong, khẽ nâng bánh xe sau và quay bàn đạp một vòng. Bánh xe sau quay tròn. Xong xuôi. Nàng vẫn chưa trả lời hắn. Hắn quỳ một chân xuống cạnh nàng, nhắc lại:

– Chắc chị không gặp Thụy?

Nàng cười thật tươi:

– Có chứ . . . nhưng mà . . .

Hắn nóng ruột. Nàng úp mở:

– Có lẽ tại thấy anh say mê coi "chiền" banh quá "nơn" con Thụy nó bỏ "zìa" rồi.

Chết mẹ! Văn kịp kóa miệng lại trước khi ý tưởng phát thành câu nói. Hắn loay hoay tìm cách tự bào chữa:

– Tại tôi bị sinh hoạt riêng với bà phó chi đoàn Y khoa. Bà ấy "công tác tư tưởng" tôi dữ quá.

– "Căng" hén! Nàng chọc quê hắn bằng ngôn từ Xã hội chủ nghĩa. "Căng" nghĩa là khó khăn, gai góc, căng thẳng, rắc rối . . . Hắn biểu đồng tình:

– Ừ, "căng" lắm.

– Rồi anh có phải "diếc" bài tự kiểm không?

– Cũng may là không bị. Hắn phân trần. Nàng đứng lên, gỡ miếng giẻ rách gài dưới yên xe, chùi tay, rồi đưa cho hắn. Hắn đứng dậy theo, vừa chùi tay, vừa kể lể:

– Bữa nay xui quá. Cũng may mà không phải viết bài tự kiểm.

Cô gái lại cười:

– Thì rồi nhỏ Thụy cũng sẽ bắt anh viết bài tự kiểm. Bữa nay, làm như nó có việc gì quan trọng lắm muốn nói với anh. Tôi thấy nó bức rứt, bồn chồn khác hẳn mọi khi. Thôi, cảm ơn anh nghe.

Hắn cài lại miếng vải vào dưới yên xe cho nàng. Không có chi. Thôi chào chị. Hắn lừng khừng nhìn theo cô gái một lát, rồi quay đầu đi về phía nhà để xe sinh viên. Giờ này chỉ còn đi kiếm cái gì ăn, trước khi vào bệnh viện nhận phiên trực chứ biết làm gì khác nữa. Hắn mở khóa, dắt xe ra khỏi cổng trường. Chiếc xe đạp cũ kỹ rên lên cót két như con ngựa rên rỉ vì phải kéo một sức nặng quá mức. Khi hắn cố đạp mạnh về phía ngã sáu Sàigòn, buổi chiều đã phủ xuống phố xá từ lúc nào. Bóng tối chụp xuống như tấm vải đen trên những ngõ hẻm, những góc phố lao xao tiếng người. Vài khu phố bị cúp điện, le lói ánh đèn dầu chiếu qua những khung cửa sổ mở rộng trong buổi chập choạng tối mùa thu (Sàigòn đã đánh mất mùa thu từ bao giờ?) với chút oi ả trái mùa. Tiếng động cơ những chiếc xe xích lô máy, xe ba gác chạy vun vút trong đường phố vọng lên thẳng thốt như những âm thanh trật nhịp trong khúc hòa tấu chiều hôm. Khói xăng tan trong không khí làm xôn xao khứu giác. Văn thấy đói cồn cào. Hắn đạp xe về phía bệnh viện Bình Dân. Nhà Thụy ở phía đó.

*

Văn băn khoăn không biết nên ghé nhà Thụy một chút hay vào bệnh viện. Hắn đạp xe loanh quanh khu vực bệnh viện Bình Dân. Con đường Phan Thanh Giản lúc chập choạng tối bắt đầu nhộn nhịp những sinh hoạt của buổi tối, dịu dàng, mát mẻ. Tiếng loa phát thanh từ phòng thông tin phường khóm nào đó oang oang bản nhạc *Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây* quen thuộc. Bài hát "mềm" không chịu được. Văn vẫn nhớ Định, lại vẫn Định, cái thằng bạn tiểu tư sản, phản động (cùng hung, cực ác?) nhưng tốt với bạn hơn bất cứ chiến sĩ cách mạng nào ấy, đã hát bản nhạc này trong một buổi sinh hoạt tổ chung với các sinh viên Y khoa năm thứ hai, khi đi công tác thủy lợi ở khu kinh tế mới Lê Minh Xuân. Bài hát dài bắt đầu bằng câu: "*Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn, hai đứa ở hai đầu xa thẳm . . .*" Định chẳng sửa lời cũng chẳng đổi nhạc. Giữa lúc đám khán giả nam nữ sinh viên lẫn lộn, ngồi thành vòng tròn chờ hắn hát, hắn ậm ừ bắt giọng, rồi thản nhiên ca mỗi một câu đầu: "Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn, hai đứa . . . ư ử . . . ư ử . . . Xin lỗi tôi quên mất rồi. Hắn "ư ử" một lát rồi mới ngưng. Khán giả như hụt hẫng một chút rồi vỗ

tay cổ võ rào rào. Trên mặt khán giả sinh viên lúc ấy có đủ các màu sắc: đỏ hồng e thẹn (ơi con gái Sàigòn dễ thương làm sao!); trắng bệch kinh ngạc (các nữ đoàn viên tiến tiến ơi, giận dữ mà chi!); tím ngắt giận dữ (các đồng chí ơi, các đồng chí "dỏ" hơn cả Cộng sản chính hiệu nữa!)

Sau buổi văn nghệ, Định bị mời đi sinh hoạt riêng với đồng chí lớp phó (hay phó lớp). Đám bạn đã phập phồng lo cho số phận của Định. Dù gì cũng đã học xong năm thứ năm. Rán một năm nữa, ra trường rồi muốn làm gì thì làm. Chọc giận bọn họ lúc này có lợi gì đâu, mà coi chừng còn bị đuổi khỏi trường về cho địa phương quản lý, thì sớm muộn gì cũng được đi Kampuchea làm nghĩa vụ quốc tế. Sau buổi sinh hoạt riêng về, Định kể lại cho đám bạn nghe. Ai nấy cười vỡ bụng. Đồng chí lớp phó là nữ sinh viên (lại nữ) hỏi Định:

– Động cơ nào đã thúc đẩy anh xuyên tạc lời bài hát vậy?

Định ngơ ngác:

– Tôi có xuyên tạc gì đâu.

Lớp phó nghiêm khắc:

– Anh đồi trụy hóa bài hát.

– Bằng cách nào?

– Anh làm sai lạc ý của tác giả.

Định bối rối (thật hay đóng kịch? Khó mà tin được bọn trí thức tiểu tư sản).

– Chị hiểu lầm ý tôi.

– Không phải chỉ mình tôi, mà tất cả mọi người cùng hiểu như vậy.

– Hiểu thế nào?

Cô đoàn viên cố giấu vẻ bực bội:

– Ý tưởng hủ hóa trong cách trình diễn của anh.

Định khẽ lắc đầu:

– Tôi không hiểu nổi chị muốn nói cái gì. Tôi hát đúng với lời của bài hát. Này nhé – Hắn hát lại câu đầu bài hát – *Cùng mắc võng trên rừng Trường sơn*

– Đừng! Người con gái hoảng hốt xua tay như thể sợ Định sẽ chồm qua chiếc bàn giấy mà ôm chầm lấy nàng. Định ngạc nhiên:

– Như vậy là chị muốn xuyên tạc ý của tôi cũng như của tác giả?

Cô gái vừa bực bội vừa mắc cỡ. Định biết rõ như thế, hắn liều lĩnh bồi thêm:

– Tôi biết rồi. Chị không thích cái đoạn "ư ử, ư ử" chứ gì?

– Đúng vậy!

Đôi má cô đoàn viên trắng xanh vì giận (hay vì e thẹn?)

Định lừng khừng:

– Điều đó cũng tự nhiên thôi.

– Cái gì tự nhiên?

– Cái "ư ử . . . ư ử . . ." chẳng phải riêng gì tôi, mà gặp trường hợp chị, chị cũng phải "ư ử . . . ư ử . . ." mà thôi.

Má nàng đổi sang màu đỏ hồng. Nàng gỡ cặp kính cận ra chùi vào vai áo, như chùi sạch những bối rối, lúng túng. Định thấy những ngón tay nàng run run. Nàng đeo kính, khoanh hai tay trước ngực, mím môi với Định:

– Anh . . . quá lắm. Tôi sẽ báo cáo lên chi đoàn.

Định chột dạ nhưng vẫn giữ vẻ thản nhiên:

– Tùy chị. Nhưng theo tôi thấy thì chuyện đó quá bình thường, khi nói chuyện nếu tìm không ra đúng chữ để diễn tả, người ta hay ậm ừ. Khi hát cũng vậy. Nếu chợt quên lời bản nhạc, thì chỉ còn cách "ư ử ư ử" thôi.

Dấu vết nụ cười phảng phất trên môi nàng. Định biết nàng đang cố giết nụ cười ấy. Nàng lập lại câu nàng mới nói, giọng mềm hơn một chút:

– Anh . . . quá lắm!

Định tấn công tiếp:

– Tôi bình thường.

Mặt nàng đỏ đậm hơn. Định tiếp:

– Và tôi biết chị cũng bình thường.

Buổi sinh hoạt chẳng đi đến đâu. Nhưng Định đã trở thành nổi tiếng với bản nhạc *Trường sơn đông, Trường sơn tây*. Sinh viên năm thứ năm và năm thứ hai, mỗi lần nghe bản nhạc này đều nhớ tới Định, như Văn lúc này đây.

Văn lừng khừng trước cổng bệnh viện, không biết nên vào bệnh viện ngay hay nên ghé thăm Thụy trước. Chỉ ghé một chút thôi. (Cho yên tâm vậy mà. Bốn hôm nay không gặp nhau. Xa xôi, chỉ nên vừa đủ để nhớ nhau, chứ đừng xa đến nỗi làm cho quên nhau. Hắn vẫn dặn dò "cô bé" như thế. Và lần nào nàng cũng gật đầu, ngoan ngoãn, dễ thương).

Văn nhún vai, quyết định dắt xe vào bệnh viện. Bốn ngày, ba đêm không gặp Thụy, Văn thấy nhớ nàng quay quắt. Hắn nhớ tất cả của nàng. Từ cái cau mày dễ thương không tả nổi, đến đôi mắt hiền không chịu được, qua cái mùi nhẹ nhàng, gây gây của tóc, kế đến là cái lưng thon. Và sau cùng là đôi bờ ngực đầy vun (*Một chút căng căng, vài chút mịn*, như câu thơ ai đó viết ngày xưa). Về Thụy, hắn chỉ biết có bấy nhiêu. Nhưng bấy nhiêu thôi cũng làm hắn mê muội, như bị bỏ bùa, bị mồi chài, phù phép, trù ếm. Ở cái lứa tuổi vô cùng sung sức này, lại đã yêu nhau trên bốn năm trời dằng dẵng, đi chơi với nhau có đến cả trăm lần rồi, mà hắn chỉ biết có bấy nhiêu thôi về người yêu quả cũng lạ. Tụi bạn trời đánh vẫn chọc ghẹo, moi móc đủ điều về cái tình yêu *platonique* của hai người. Có đứa, như gã mắc dịch họ Diệp (anh chàng ba Tàu học chuyên khoa Sinh lý học) lúc nào cũng đem những lý thuyết về Sinh lý cơ thể phối hợp với mớ lý thuyết ngụy tạo của chính đương sự ra để thuyết phục Văn; nào là đàn ông muốn cho dầu óc quân bình và phụ nữ muốn bảo vệ nhan sắc, thì phải có quân bình về tình dục (Khí tồn tại não . . .); nào là lớp tế bào niêm mạc cổ tử cung phụ nữ cần hấp thụ chất dinh dưỡng từ tinh trùng . . .

Nó cứ lèo nhèo những lý thuyết lăng nhăng như thế để thuyết phục Văn "tới luôn", đến nỗi có lần Văn đâm ra nổi nóng, văng tục. Anh chàng ba Tàu họ Diệp chỉ cười trừ mỗi lần bị Văn cự nự. Có nhà chuyên viên gỡ rối tơ lòng nào đó đã trả lời nước đôi cho một cô nàng khi nàng hỏi phải làm thế nào khi đi chơi với chàng mà bị chàng nài hoa ép liễu. Nhà chuyên viên lý luận: Nếu

chàng yêu nàng thực tình thì chàng sẽ không nỡ đòi . . . cho bằng được khi mà nàng không muốn. Đồng thời, nếu nàng thực sự yêu chàng, thì trong những trường hợp như vậy, nàng sẽ chẳng nỡ từ chối chàng (cả cuộc đời còn cho được, huống chi . . . cái đó). Thật là lôi thôi. Văn thì nghĩ khác. Hắn muốn để dành. Chỉ có vậy thôi! Nói vậy không có nghĩa là Thụy đã sẵn sàng cho phép. Một đôi lần, Văn cũng tính chuyện "hành quân đêm" (tên một bài hát của Quân đội Nhân dân) và làm một cuộc khởi nghĩa giành chính quyền, nhưng lần nào cũng vậy, bàn tay luồn xuống thấp hơn ngực nàng được quá một gang tay, dù mê muội đến mức nào, Thụy bao giờ cũng tỉnh thức đúng lúc, và đánh thức hắn ra khỏi cơn say men chiến dịch. Những lần như thế, hắn bần thần ngưng lại ở lằn ranh ngưng bắn của vùng phi quân sự. Ôi cái vùng phi quân sự giết người!

Yêu nhau hơn bốn năm trời, chả bao giờ hai người nhắc đến chuyện ấy cả. Nàng bao giờ cũng "dừng", "thôi mà" . . . nghe riết đâm ra quen thuộc. Đôi khi, Văn mang trong đầu ý nghĩ về một cuộc tình không trọn vẹn. Chỉ tưởng tượng cảnh Thụy đi lấy chồng (thằng khốn nào đó!) là hắn đã thấy nhói trong lồng ngực, như thể bị bàn tay tinh nghịch nào đó bóp nhẹ lấy trái tim. Hắn cảm thấy dễ chịu hơn khi hình dung ra cảnh Thụy chết, và hắn đi đưa đám nàng. Thà rằng Thụy chết, hoặc hắn chết, bằng không hai người phải lấy nhau. Nhưng biết làm sao mà lấy nhau được khi mà trong tất cả những giám khảo có tên trong tờ đăng ký hộ khẩu nhà nàng (bố, mẹ, hai cô em gái, bốn cậu em trai, và nàng), chỉ có một mình nàng là cho hắn điểm cao. Số mạng của cuộc tình dúng là chỉ mành treo chuông, bởi vì nàng lệ thuộc nặng nề vào bố mẹ (và lũ em, dĩ nhiên). Nàng lén lút đi chơi với hắn, lặn lội xe đạp hàng chục cây số xuống nhà hắn chơi, ngồi trên căn gác vắng nghe hắn đàn guitar; đỡ người ra khi hắn hôn lên môi, và cuống cuồng khi hắn toan xâm nhập vùng phi quân sự. Tất cả những chuyện ấy, mẹ nàng hoàn toàn không biết. Mà bà cần gì biết những chuyện ấy. Ngày xưa bố nàng với mẹ nàng thì cũng chừng ấy sinh hoạt. (Hay là các cụ bị cha mẹ xếp đặt, bắt ngồi bên nhau, và chỉ biết mặt nhau buổi tối hôm động phòng?)

Dù sao chăng nữa, mẹ Thụy – cũng như ông bố bù nhìn của nàng – hoàn toàn không biết gì về chuyện yêu dương của Văn và nàng. Các ngài cứ ngỡ rằng hai người là bạn học, các ngài mà biết họ là tình nhân từ thuở nào thì kể như xong. Hết mọi chuyện.

Khi Văn vào đến phòng trực thì giờ làm việc hành chánh đã chấm dứt từ lâu. Bác sĩ trưởng trại đã ra về, để bắt đầu làm phòng mạch "chui". Toán y tá trực đêm đã nhận bàn giao bệnh nhân xong. Văn uể oải khoác lên mình chiếc áo *blouse* trắng có năm ngôi sao bằng chỉ thêu màu đỏ trên miệng túi áo, buông mình nằm lên chiếc giường nệm trải ra màu, trắng nhờ nhờ dành cho sinh viên trực. Đêm nay, Văn trực cấp cứu ngoại khoa, một bộ phận được xem như bận rộn nhất bệnh viện. Thời buổi nhiễu nhương, người ta giải quyết nỗi buồn thời thế bằng cách dấm mình trong men rượu, mà rượu thời nay cũng

theo bánh xe lịch sử để biến thành một thứ nước uống cháy cổ. Nghĩa là rượu chỉ còn giữ lại mỗi một cái tên, ngoài ra, phẩm chất đã biến đổi. Rượu vào, lời ra. Người ta khích bác nhau, sinh đánh lộn, đâm chém nhau; hoặc uống rượu say, đi đứng lạng quạng, bị xe dụng; hoặc lái xe gây tai nạn cho người khác hoặc cho chính mình. Người ta làm cho rượu trở nên trong vắt bằng cách pha thêm thuốc rầy, người uống bị ngộ độc. Tất cả đều làm cho bác sĩ, sinh viên và y tá trực bận rộn suốt đêm. Văn vươn vai ngồi dậy. Bây giờ còn ít bệnh nhân. (Giờ này dân nhậu mới khởi sự nhập tiệc, phải vài tiếng nữa mới có người "xỉn"). Văn nảy ra ý nghĩ ghé thăm Thụy. Thời giờ chẳng có mấy, chắc chẳng nói chuyện được nhiều. Mà ở nhà nàng thì nói chuyện gì khác ngoài chuyện trường, lớp, học, thi, thực tập, ra trường... toàn những chuyện "phi chính trị, vô giai cấp", vô tội vạ cả.

Nhưng Văn chỉ cần nhìn thấy Thụy là đủ. Cái nhìn như nguồn năng lực (hay nhiên liệu) tiếp tế cho chiếc xe chạy đường trường mệt mỏi, rã rời.

Văn đẩy cửa phòng trực bước ra ngoài. Cái phòng trực nhỏ bé như chiếc hộp con xinh xắn, chỉ vỏn vẹn có hai chiếc giường sắt dành cho sinh viên trực. Thường mỗi phiên trực có hai sinh viên. Nếu là cùng phái, họ sẽ ở chung phòng; nếu khác phái, cô nữ sinh viên sẽ đi tìm phòng khác để nghỉ đêm. Văn lẩm bẩm nguyền rủa thằng bạn trực cùng phiên. Thằng Châu mắc dịch, tới giờ này mà vẫn chưa vác xác tới bệnh viện.

Văn nhìn lướt qua phòng cấp cứu. Những chiếc bàn cũ kỹ, vừa dùng làm chỗ khám bệnh, vừa dùng làm chỗ tiểu giải phẫu, vẫn còn trống trải. Người nữ y tá lơ đãng ngồi trước tập hồ sơ bệnh lý bệnh nhân ngoại chẩn dày cộm. Đang loay hoay không biết làm cách nào để bỏ phòng trực, lặn đi thăm Thụy, thì Văn bỗng thở phào, khoan khoái. May quá! Thằng Châu đã đến. Châu "*King Kong*", với dáng bệ vệ như con đười ươi, phản ảnh trung thực cái biệt danh rừng rú, lững thững đi vào phòng cấp cứu, nheo mắt với cô y tá trước khi cất tiếng chào Văn:

– Khoẻ không "ông thầy"?

Văn nhập đề ngay:

– Khoẻ. Ê Châu, "ông" coi giùm nửa tiếng, tôi đi thăm "bà xã" một chút. Văn nheo mắt với Châu sau câu nói. Và không đợi Châu trả lời, hắn quay ngay trở vào phòng trực, cởi chiếc áo *blouse* trắng, quăng vội vã vào góc giường và lẻn ngay ra ngoài. Châu nói vọng theo, giọng giễu cợt:

– Bon chen cho đã đi. Mười năm sau tao cặp đào hai chục tuổi, lúc đó "em" của mày đã ngoài bốn mươi, sắp "*menopause*". Lúc đó hối hận thì đã muộn nghe con.

Văn biến đi ngay, không kịp trả lời, mà hắn cũng chẳng buồn trả lời những câu bông đùa vớ vẩn kiểu ấy của lũ bạn. Trong cả trường Y lẫn trường Nha, chỉ có vài cặp nhân tình thật sự xứng đôi vừa lứa. Thụy và hắn là một trong những cặp hiếm hoi và sáng nước ấy. Chuyện đó ai mà chẳng biết. Thế thì hơi sức đâu phải cãi cọ cho tốn sức lao động.

Văn đi như chạy ra cổng bệnh viện. Từ bệnh viện đến nhà Thụy, chỉ có một quãng ngắn. Con đường Phan Thanh Giản (tên mới là Điện Biên Phủ) vừa chập choạng tối đã khuấy lên những sinh hoạt của đêm từ lúc nào. Dân lao động tất tả xuôi ngược. Xen vào đó là những bóng (cán bộ, công nhân viên?) thong thả đếm bước trên hè phố. Và còn có những cặp tình nhân thong thả đi bên nhau, ân cần, hạnh phúc. Ở những gốc cây, bên những quầy thuốc lá lẻ, những cô gái trang điểm qua loa ngồi gom lại với nhau nói chuyện tầm phào, nhưng mắt thì đón đác, ngược xuôi, như trông đợi, tìm kiếm một điều gì. Văn nghe tiếng con gái gọi bằng cái giọng ướt rượt và trần truồng, "Em đây nè, anh à!" vọng ra từ một quầy thuốc lá lẻ. Biết là tiếng gọi đó mời mọc mình, nhưng Văn lờ đi và tiếp tục rảo bước. Văn ghé lại trước quán ăn quốc doanh, mua một bọc đậu phụng da cá, bỏ vào túi rồi lại cắm cúi bước. Hắn rẽ vào khu chung cư Nguyễn Thiện Thuật. Nhà Thụy ở trong đó.

Văn hình dung ra hết những điều sắp làm, những câu sắp nói với Thụy. Khởi sự Văn sẽ gõ nhè nhẹ vào cánh cổng sắt sơn xanh. Người trong nhà sẽ nhìn ra và một người – thường là mẹ nàng – sẽ ra mở cửa. Văn sẽ lễ phép cúi đầu chào và khéo léo hỏi: Thưa bác, làm ơn cho "con" hỏi thăm có Thụy ở nhà không ạ. Mẹ nàng – người đàn bà có khuôn mặt khô và cứng cỏi như một bà bí thư hay chính trị viên – sẽ gắn lên môi một nụ cười dắng như cà phê quên bỏ đường: Đi đâu mà đêm hôm thế này hở cháu? Bà bao giờ cũng đặt câu hỏi lạc đề đầy vẻ ân cần như thế. Văn sẽ xuống giọng thật mềm: Dạ thưa bác, tối nay "con" trực bệnh viện, luôn tiện ghé thăm . . . bác . . . và Thụy. Hai chữ "và Thụy" Văn luôn luôn nói thật nhỏ, thật nhẹ, như thể muốn bỏ hai chữ đó vào giữa hai cái ngoặc đơn, có cũng được, mà xóa đi khỏi câu văn cũng chẳng sao.

Bà sẽ gắn nụ cười thứ nhì lên môi, một nụ cười gượng gạo. Giọng bà nghiêm hơn: Em nó đang học bài. Hình như ngày mai thi cử gì đấy. Cháu có gì cần gấp lắm không? Hẳn nhiên là "cần" và "gấp" lắm rồi. Nhưng Văn sẽ chỉ cười cầu tài: Dạ cũng chẳng có gì. Nếu vậy, "con" xin phép để khi khác. Luôn tiện bác cho con gửi cái này cho Thụy. Mắt bà sẽ sáng lên như đèn pha xe Honda khi hình dung ra một thư tình ướt át đầy những lời lẽ mật ngọt của thằng khố rách áo ôm toan dụ dỗ con bà. (Bà đã chẳng từng phàn với Thụy là, "Từ bốn năm nay, từ lúc thằng Văn bắt đầu dan díu với con tới giờ, lúc nào mẹ cũng thấy nó gò lưng trên chiếc xe đạp cũ rích. Chắc nó không biết tháo vát, làm ăn gì cả phải không?" Chờ cho ánh đèn pha trong mắt bà dịu bớt, Văn sẽ móc túi đưa cho bà gói đậu phụng da cá. Bà sẽ ngạc nhiên đến bần thần như tượng đá. Bà sẽ nghĩ, cái thằng này chắc nó thương con mình thực sự. Có mấy hột lạc rang lắt nhắt này mà nó cũng lặn lội đến nhà cho con mình. Nó cũng khéo đấy chứ, nó không lải nhải nói với mình là nó thương con mình đến ngày răng long tóc bạc, mà nó diễn tả bằng hành động. Bà đã xiêu lòng trước mối chân tình ấy. Bà sẽ bồi hồi bảo hắn: Văn à, bác tội nghiệp hai đứa chúng mày quá đi mất. Thôi thì . . . Khi đã nói như thế là bà đã coi Văn như con cái trong nhà. Bà sẽ đồng ý chọn ngày lành tháng tốt để hai đứa thành đôi. Văn hình

dung ra cảnh hắn làm chú rể và Thụy là cô dâu trong tiệc cưới tại nhà hàng Arc-en-Ciel. (Mẹ nàng đã từng phán rằng ít ra cũng phải dãi tại nhà hàng Arc-en-Ciel). Hắn sẽ run run: Báo cáo các thầy, các bạn, các bà con chú bác, cô dì hai họ . . . Chỉ hình dung bấy nhiêu, Văn cũng thấy lâng lâng như say rượu.

Thế nhưng, nếu mẹ nàng sau khi nhìn kỹ những hạt đậu phụng màu nâu nhạt, thấy đó không phải là chiếc cà rá hột xoàn sáu ly lấp lánh, bà xìu xuống như cây hoa mắc cỡ khi bị ai chạm phải. Bà sẽ chua chát nghĩ thằng này bộ nó nghĩ con gái mình đói khát nên đem những đồ ăn vớ vẩn này lại cho hay sao! Bộ nó muốn đổi lạc rang lấy con gái mình đây ư? Gả con mình cho nó chắc suốt đời cũng chỉ ăn lạc rang thôi chứ gì! Bà sẽ gỡ nụ cười, cất đi. Mặt bà sẽ lạnh như tiền. Giọng nói sắc như mũi dao mổ: Cám ơn "cậu". Con Thụy nó ăn uống no đủ rồi. Bây giờ nó đang bận, cảm phiền cậu khi khác vậy.

Da mặt Văn sẽ dày bì bì lên như da xác chết ướp *formol* lâu ngày. Và hắn sẽ chẳng biết làm gì hơn là: Thôi, vậy thì xin phép bác, "con" về. Mẹ nàng cũng quay ngoắt đi, bước vào nhà: Về thì về, xin xỏ cái nỗi gì!

Chỉ hình dung có thế, Văn đã nổi gai khắp người như bệnh nhân thương hàn sắp lên cơn sốt. Bậy nào, hắn tự trấn an, không được tiêu cực như thế chứ. Đã hạ quyết tâm sẽ thắng trong trận này, là sẽ phải thắng. Mẹ dâu có sống suốt đời với em được, hở Thụy! Câu này hắn đã nói với Thụy hàng trăm lần rồi. Hắn dùng nguyên tắc tuyên truyền chính trị để chinh phục cô gái. Cứ lập đi lập lại hoài một điều nói dối, người ta sẽ tin. Cô gái có vẻ xiêu lòng, còn mẹ nàng thì thật là "căng". Không biết bố nàng trước kia, khi còn theo "tán" mẹ nàng ông có gặp khó khăn như Văn bây giờ không.

Mải suy nghĩ, Văn đã đi vào con ngõ dẫn vào nhà nàng lúc nào không hay. Xa xa, dưới ánh đèn đường lờ mờ, Văn nhận ra chiếc cổng sắt xanh thẫm trong bóng đêm. Nhà nàng tắt đèn tối thui. Dạo này, để tiết kiệm điện, dân chúng hoặc là sinh hoạt trong bóng tối, hoặc là đốt đèn dầu. Nhà nàng hẳn cũng không ra ngoài thông lệ này. Càng gần đến nhà nàng, Văn càng chùn bước. Hắn thọc tay vào túi áo, lấy gói đậu phụng da cá, cầm chắc trong tay như cầm một lá bùa hộ mệnh. Chỉ còn cách nhà nàng hai căn, Văn nhận thấy có tấm bảng nhỏ – hay một miếng giấy? – gắn trên cánh cổng. Chẳng lẽ bây giờ nhà nàng lại treo bảng "Coi chừng chó dữ"? Văn thầm nghĩ. Và lại, nhà nàng có bao giờ nuôi chó dâu!

Hắn chậm bước hẳn lại khi còn cách nhà nàng một căn. Và Văn chợt thấy một ổ khóa to khóa vào sợi dây xích quấn quanh trụ cổng. Nhà Thụy chẳng bao giờ khóa kiểu đó. Hắn lần ngần. Chẳng lẽ mình lộn nhà. Vô lý. Mình đã đứng bên cánh cổng sắt màu xanh kia mấy trăm lần rồi, lầm thế nào được. Văn bước chậm lại trước cánh cổng. Dòng chữ viết nguệch ngoạc trên tấm bảng gỗ nhỏ buộc vào cổng bằng sợi dây thép hiện ra rõ mồn một dưới ánh đèn đường: "Nhà vượt biên, tài sản của nhà nước. Cấm vào." Gói đậu phụng da cá rơi khỏi tay hắn, rớt xuống đất, phát lên một tiếng động khô và ngắn. Văn bần

thần nhìn qua khung cửa sắt. Căn nhà tối thui. Cánh cửa ra vào khép hờ. Lờ mờ bên hiên, hình ảnh đôi guốc cũ kỹ của Thụy bỏ chồng chơ, lạc lõng. Căn nhà u ám như nhà mồ. Vậy là xong. Những ngón tay Văn bấm vào nhau như gây gổ. Trong vài giây, cả đến phản xạ hô hấp tự nhiên cũng bị chế ngự. Văn nghe rõ tiếng tim mình loạn nhịp. Mùi hương của tóc còn nồng nàn vùng cảm giác, cảm giác mềm mại của môi hôn quấn quýt không gian. Thụy của hôm nào đứng trong khung cửa sắt này dưới ánh trăng mát rượi, và gió lộng tóc bay rối tung, hai đứa chia nhau cái kẹo mè xửng xứ Huế. Thụy của những buổi chiều Sàigòn, Thụy của áo bà ba trên khu kinh tế mới Lê Minh Xuân, Thụy của chiếc áo *blouse* màu trắng với hàng chữ đỏ thêu tên trên ngực áo. Ôi bờ ngực ấm, mềm như báu vật trong cung cấm. Để Thụy hỏi mẹ xem sao đã. Anh lộn xộn quá! Người dâu lì lợm thấy ghét. Đêm Sàigòn, trăng tỏ. Phố phường ngủ say, anh đưa em về, đêm văn nghệ tất niên. Trăng xanh tròn vành vạch nhuộm phố phường một màu sữa ảo huyền. Em áo trắng, chân son, hấp tấp vấp ngã bên lề đường Hồng Thập Tự. Đêm "*Áo em trắng quá nhìn không ra*". Anh yêu quá đỗi câu thơ Hàn Mạc Tử, và anh yêu em không bút mực nào tả xiết.

– Anh kia, đứng im không tôi bắn!

Tiếng lách cách của súng đạn, và tiếng hét hằn học đầy chất thú như chậu nước lạnh hất vào mặt Văn, đánh thức hắn ra khỏi cơn mộng du mê muội. Văn hoảng hốt quay lại, nhưng một vật cứng và lạnh đã thúc vào lưng hắn. Văn lắp bắp, nhưng những âm rời không sắp xếp nổi được thành ngôn ngữ. Văn nghe như thể ngực mình bị đè siết, ngộp thở. Đám người lố nhố vây quanh hắn như những con chó sói vây quanh con mồi. Một người, trong bộ quần áo ka-ki vàng sẫm trong bóng tối, có lẽ là trưởng toán, gầm gừ:

– Tổ chức vượt biên phải không? Về phường đội ngay. Các đồng chí trói nó lại!

Không, không phải đâu, các anh lầm rồi! Tôi đâu có tổ chức vượt biên. Chào mừng cách mạng Ê-tiô-pi-a thành công. Trước thế tiến công vũ bão của các phong trào dân chủ Tây phương, bọn phản động . . . câm mồm lại, đã tổ chức vượt biên, còn léo mép chối tội nữa hả. Thằng này, nếu không âm mưu trốn ra nước ngoài thì cũng là thành phần tổ chức, móc nối hay chủ ghe gì đó thôi. Không! Các anh bắt lầm người rồi. Câm mồm, mày dám nói cách mạng bắt lầm hả. Cho mày đi U Minh nghe con . . .

Trong bóng tối dậm đầy như dưới đáy ly cà phê đặc, đám người nhùng nhằng kéo nhau đi về phía căn nhà có đèn sáng rực, và tiếng loa phóng thanh oang oang vang động. Văn nhận ra căn nhà đó, nơi mà mỗi lần ghé Thụy, hắn phải đi ngang qua. Những vòng dây thép trói nghiến vào hai cổ tay đau điếng. Văn ngửa cổ lên nhìn một lần chót bầu trời đầy sao, trước khi bước qua cánh cổng sắt phường đội. Từ giã đêm và những vì sao. Ôi những vì sao chỉ biết chờ đêm tối trở về, mới thì thào kể chuyện cho nhau nghe. □

TRIỀU HOA ĐẠI

hoang tưởng

Tắt đi những ngọn nến
đêm tối vẫn chưa về
em, ngủ ngoan trong đó
hồn đã kề nhau chưa

con cú không biết nói
hóa ra bỗng xuân thì
có đời ai rất vội
mà nỡ rời nhau đi

con quạ không biết hát
bỗng nhiên giọng hoang đường
có nắng soi lối muộn
dẫn người về trong gương

kéo thêm cụm mây nữa
lãng đãng hồn ta trôi
những lòng nhau ở đó
chẳng chia ai nửa lời

em, lệ ru đã tủa
mãi nhọc tình nhân gian
ta, đi về như thể
mưa loãng cả con đường

tắt đi, cùng ta tắt
năm tháng, một đời phai
bận hoài chi quá dỗi
sen, nở trắng hiên ngoài.

MAI KIM NGỌC

chị em

truyện dài

CHƯƠNG BA
GIẤC MƠ

9.

Như nguyện ước, ông Thuần có mặt lúc con gái ông hồi tỉnh sau cơn hôn mê dài ngót năm trời. Sáng chủ nhật hôm ấy, bên giường con, ông đang ngồi đọc qua trang nhất tờ báo thì con gái ông ú ớ cựa quậy. Cô chun mũi khẽ hít hà như đang ngửi một mùi gì thích thú lắm. Nhìn khói thuốc đang bay ra từ ống vố của ông đặt trên chiếc gạt tàn, ông bỗng nhớ con gái ông, khác với vợ ông, không bao giờ nhăn nhó khi ông hút thuốc. Có hôm chơi dương cầm cho ông nghe, cô bảo ông là cô đàn hay hơn khi ngửi mùi thuốc ống vố của bố. Kỷ niệm nhỏ êm ái giữa hai cha con làm lòng ông xót xa. Ông khấn thầm con ông sẽ hồi tỉnh, như thỉnh thoảng ông vẫn thường khấn.

Và ông sững sờ. Ông dụi mắt. Ông tỉnh hay mơ dây? Lời cầu khấn của ông đã thấu tai Trời Phật. Con gái ông bỗng vươn vai và từ từ mở mắt. Đảo mắt nhìn quanh gian phòng, cô cười với khung cảnh quen thuộc. Sau cùng tia mắt cô ngạc nhiên dừng lại nơi chiếc bàn con kê bên giường, trên để ấm nước trà và cái gạt tàn thuốc. Cô nói:

"Miệng con khô quá. Ba cho con miếng nước."

Vui mừng tột độ, ông run rẩy dứng dậy lấy nước cho con gái. Cô lại hỏi:

"Ba. Ba không đi làm sao?"

Ông hôn cô lên trán, ông hôn cô lên má. Nghẹn ngào, ông nói:

"Con ba, con gái Ba đã tỉnh rồi . . . Cám ơn Trời Phật, con gái tôi đã tỉnh."

Đặt cô nằm xuống, ông chạy ra nhà ngoài. Khi tới cửa ông quay đầu dặn với, "Con nằm yên nhé. Ba ra gọi mẹ và bác sĩ Bá . . . Ba trở lại ngay."

Lát sau mẹ cô theo ông vào phòng. Sau lưng ba mẹ cô là hai người lạ đã đứng tuổi cô chưa gặp bao giờ.

"Bác tài và chị Năm mới đó con," mẹ cô khoát tay cắt nghĩa. Cô chau mày suy nghĩ. Thế là vợ chồng bác Tám đã thôi việc. "Tại sao họ nghỉ việc hở mẹ?" cô hỏi.

"Vợ chồng bác tài cũ hả con? Chuyện dài lắm, mẹ sẽ kể cho con. Nhưng đừng lo, họ đã có chỗ làm mới thích hợp hơn . . ." bà trả lời cô. Rồi nét mặt danh lại, bà lẩm nhẩm một mình, "Nuôi ong tay áo . . ."

Nhìn chị ở một giây, cô hỏi lại:

"Tên thật của chị là gì hả mẹ?"

"Chị Liễu," mẹ cô nói.

Cô khẽ chau mày. Ông thương con gái, nó cũng như ông, không thoải mái với cái thông lệ của bà, hễ có con ở gái mới là gọi bằng chị Năm, dù người ta đã có tên khác. Nhiều lần ông tính sửa vợ, nhưng nghĩ chẳng qua là việc bếp núc nội trợ nên lại thôi.

"Các em đâu hả mẹ?" cô lại hỏi.

"Tâm đi học chưa về. Còn em Hải sang Pháp du học rồi."

Trái với điều ông lo sợ, cô không hỏi Lương đâu.

Cô ngồi nhổm dậy, toan nhảy ra khỏi giường nhưng lảo đảo muốn ngã. Ông nhanh tay đỡ cô kịp và đặt cô lại xuống giường.

"Con cứ nằm nghỉ đi," ông nói.

Mẹ cô sai chị Năm bưng vào cho cô một mâm nhỏ với nước trà nóng và mấy cái bánh ngọt. Bà bảo ông, "Anh cho em ngồi nhờ để em dút cho con." Ông bắt được cái nhìn như nuối tiếc của cô khi ông đứng dậy nhường ghế nuôi bệnh cho bà. Ông hiểu cô muốn gì. Từ tuổi ấu thơ, cô bao giờ cũng quý những giây phút bên cha, tâm sự với ông những bất mãn hay khoe với ông những thành công lớn nhỏ của đời con nít. Và ông nhớ lại nét mặt bất mãn của cô mỗi khi mẹ cô kiếm cớ này cớ khác xen vào chấm dứt những giây phút hai cha con bên nhau.

Lát sau bác sĩ Bá tới. Ông yêu cầu mọi người bước ra khỏi phòng để ông chẩn bệnh. Chẩn bệnh xong, bác sĩ trở ra phòng khách tuyên bố cô đã bình phục. Cô chỉ cần một thời gian để trở lại cuộc sống bình thường, để phân biệt thực tại với thế giới hôn mê vừa qua. Vai trò của người thân rất quan trọng cho sự phục hồi trí nhớ ấy, và bác sĩ khuyên ba cô nên đích thân phụ trách.

"Anh tin tôi đi, công việc không khó lắm đâu, vì Lương đã soạn sẵn một chương trình trị liệu cháu," Bác sĩ Bá trấn an ông Thuần. "Lát nữa tôi sẽ sai người mang tới cho anh."

Quả thật, tối hôm ấy ngồi đọc xấp tài liệu Lương để lại, ông thấy kế hoạch trị liệu của Lương soạn vừa dễ hiểu vừa rành mạch. Sau mấy tối nữa để tham khảo và thực tập, ông nắm vững được những lời căn dặn của anh.

*

Nhiều tháng sau, cô quên quên nhớ nhớ. Cô nhớ nhiều cái phức tạp mà lại quên những cái thông thường. Ông Thuần đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác trong khi theo dõi tiến triển tâm thần của con gái. Hôm đầu tiên,

ông đưa cô cái lược, bảo cô chải đầu. Cô hỏi lại, "Cái này là cái lược hả Ba?" Ông bảo phải, cô nhắc đi nhắc lại "cái lược, cái lược . . ." nhiều lần như sợ quên. Nhưng cô vẫn loay hoay chưa biết làm thế nào để chải đầu. Lát sau ông phải cầm lược làm thí dụ nhiều lần cô mới nhớ lại.

May mắn là cô không quên Quốc ngữ, và ông giúp cô nhớ lại tên gọi cũng như công dụng của những đồ vật thông thường bằng cách dán nhãn lên chúng. Chẳng mấy chốc, bàn ghế giường tủ phòng cô món nào cũng mang bảng tên. Khi cô đã làm quen lại với đời sống trong nhà, ông dẫn cô ra ngoài vườn đi bách bộ. Ông gọi tên các thứ côn trùng hoa cỏ chim chóc cho cô. Tiếp đến là dạo phố. Qua quang cảnh phố phường, ông giảng cho cô nghe về sinh hoạt của con người trong bối cảnh xã hội, từ xã hội nhỏ bé của một vỉa hè, một con đường, cho đến xã hội rộng hơn của cả thủ đô.

Ba tuần sau, ông sung sướng ghi nhận khả năng tư duy của cô đã trở lại gần như bình thường. Cô không còn lệ thuộc vào đồ vật có hình tướng để suy nghĩ. Một hôm hai cha con đang ngồi uống nước trong tiệm Brodard, ông bảo cô, "May quá. Nếu con mất hẳn khả năng trừu tượng hóa, chắc Ba và bác sĩ Bá cũng đành bó tay . . ."

Cô nhìn quang cảnh sầm uất của đại lộ Lê Lợi trước mặt, và hai cha con cười ngất. Thủ đô ngày cuối tuần tấp nập quá, lớn quá, để cho ông có thể dán nhãn tên lên từng món đồ, từng con người, hay từng sự việc . . .

Ông bỗng nói:

"Con tấn bộ nhanh lắm . . . Nhưng mà không phải là công của Ba và bác sĩ Bá đâu. Anh Lương đã tra cứu và tóm tắt lại sẵn cho bác Bá phương pháp trị liệu này . . . Con còn nhớ anh Lương không?"

Cô thản nhiên đáp:

"Nhớ chứ Ba. Anh ấy kèm hai em học. Anh Lương là một bác sĩ giỏi và tận tâm. Con nghĩ anh ấy sẽ thành công lớn trên đời."

Ông nhìn cô, dẫn do nói tiếp:

"Tuy nhiên Ba còn muốn con phục hồi nhanh hơn nữa. Có những điều trừu tượng mà nếu Ba dán nhãn tên vào được, chắc con sẽ nhớ lại dễ hơn. Mà trước sau, con vẫn phải nhớ lại tất cả . . ."

"Như chuyện gì hả Ba?"

"Như những kinh nghiệm nhân sự cũ của con. Những tình cảm cũ của con với gia đình, với thầy cô ở trường, với mọi người . . . với bạn bè cũ của con."

Cô ngắt lời ông:

"Con nhớ chứ. Ai làm sao, con nhớ hết Ba ạ. Tất nhiên là con yêu Ba và các em . . . và mẹ. Con quý bác Bá và các bác khác nữa . . . Con nhớ đám bạn con . . . Anh Bảo ngày xưa học giỏi và theo đuổi con mà con không chịu. Tất nhiên là còn anh Lương nữa."

"Con vẫn còn nhớ anh Lương?"

"Nhớ chứ, Ba. Ân tình anh ấy với gia đình mình lớn lắm. Hai em học giỏi là cũng nhờ anh ấy, phải không Ba. Mà anh ấy có trách nhiệm lắm, với tất cả

mọi người . . . À, còn hai con bạn của con nữa . . . Con Liên và con Loan ấy . . . bữa trước Ba bảo chúng nó lấy chồng và dọn đi tỉnh hết rồi phải không? Nhưng bao giờ chúng nó về Sàigòn, Ba bảo chúng ghé lại thăm con ba nhé."

Ông nhìn mắt con gái, chỉ thấy hồn nhiên trong sáng. Ông ừ à với con, rồi ông bỏ lửng câu chuyện. Lúc sắp về nhà, ông trở lại đề tài Lương, cho cô hay là Lương đã lấy vợ và đã dọn đi xa. Ông bảo anh ấy đã có một đời sống khác, và có lẽ sẽ không bao giờ về thăm gia đình ông nữa.

"Tại sao?" cô hỏi. Ông nhìn ra cửa sổ không trả lời. Cô lại hỏi Lương lấy ai. Ông ngắn gọn bảo vợ Lương là người con ở từ dưới quê gửi lên, đã mang bầu với Lương khi hầu hạ anh."

"Anh ngượng nên không đến nữa hả Ba?" cô hỏi.

Rõ ràng là cô không đau khổ, mà cũng chưa nhớ lại hoàn toàn liên hệ cũ của cô với Lương. Cô lại bình phẩm, "Ngủ với con ở thì cũng ngượng thật. Nhưng con ở cũng là người, và có người tốt người xấu . . . Yêu thì lấy, việc gì phải ngượng, Ba nhỉ? Nhưng rồi hết ngượng, anh cũng trở lại thăm gia đình mình, con biết."

Vẫn giọng dửng dưng tựa hồ như Lương với cô không có liên hệ riêng tư mật thiết gì, cô hỏi tiếp:

"Anh ấy có khá, không Ba?"

"Mở phòng mạch trên Cao nguyên, nghe nói thành công lắm. Vợ chồng bác Tám, tài xế cũ của nhà, bây giờ làm cho anh ấy."

"Vậy cũng tốt. Con mừng cho vợ chồng bác ấy."

Ông ngần ngừ một giây rồi đổi sang chuyện khác.

*

Ít lâu sau, ông nhận thấy cô bắt đầu hồ nghi. Ông biết qua những ngập ngừng không tránh được của ông khi dạy cô, và những cái nhìn trộm lộ liễu của bà, cô đã suy ra là mọi người đang giấu cô chuyện gì. Ông xót xa. Cái tai nạn của cô đã bất hạnh, mà cái điều ông chưa dám cho cô hay lại còn bất hạnh bội phần.

Ông nơm nớp lo sợ cái phút ông phải đối đầu với nỗi thất vọng to lớn của cô khi biết sự thật. Ông chỉ hy vọng là không có ai vô ý thức tiết lộ quá sớm cho cô những điều có thể thương tổn đến sức khỏe, và biết đâu đến tính mạng cô. Rồi ông tạm yên tâm, khi nghĩ Lương và vợ chồng bác Tám đã ở xa. Thằng Hải đã đi Pháp du học. Vả lại nó còn con nít, cô có hỏi chắc nó cũng không cho cô biết thêm được gì. Còn Tám cũng vậy, vì khi ông đem cô xuất viện về nhà, những chuyện quan trọng đã qua rồi. Còn Bảo thì cô không thân. Vả lại đã lâu, Bảo không tới thăm viếng nữa.

Có lần cô hỏi:

"Ba ơi, con biết bác sĩ Bá và Ba muốn con nhớ lại mọi chuyện theo thứ tự . . . Nhưng mà có chuyện gì con cần phải nhớ lại ngay bây giờ mà chưa nhớ lại không Ba?"

Ông ngẫm nghĩ rồi nói chung chung:

"Có nhiều chuyện phải nhớ lại lắm, nhưng con phải kiên nhẫn vì phải dần dà mới nhớ hết lại được . . ."

Cô nhoẻn miệng cười vô tư và nói với ông:

"Con yên chí rồi . . . Con không còn thắc mắc nữa."

Ông thở dài nhẹ nhõm, cho đến lần tới, khi cô lại sốt ruột vì chưa nhớ lại hết những sự việc vẫn còn chìm trong quên lãng.

*

Và cứ thế, cho đến một hôm quãng đời đánh mất trở lại với cô. Hôm ấy ngồi bên đương cầm nghe cô đánh xong bản đàn, ông buột miệng nói:

"Tay phải con vẫn nhanh hơn tay trái một chút."

Cô giật mình quay sang nhìn ông. Nhìn ánh mắt cô sáng lên, ông biết cô đã nhớ ra hết. Đột ngột, cô hỏi ông:

"Con ngất đi bao lâu thì Lương trở về?"

"Độ hai tháng."

Cô lại hỏi:

"Thầy Mẹ Lương có đến thưa chuyện với Ba Mẹ không?"

"Không."

Chậm rãi, ông nói tiếp:

"Mẹ con quyết định hoãn mọi chuyện lại. Ba cũng đồng ý, vì khi ấy tính mạng con là chuyện quan trọng. Kể cả bác sĩ Bá, không ai tiên đoán con sẽ ra sao. Ba có nói chuyện với Lương."

"Ba thương nó như con. Ba cũng nghĩ có thể con không bao giờ tỉnh lại nữa."

Rồi ông lại nói:

"Rồi mẹ cho vợ chồng bác tài nghỉ. Tất nhiên là mẹ đền bù cho họ sáu tháng lương. Mà thật ra bác tài cũng có lỗi."

"Con hiểu. Nhưng tội nghiệp bác ấy. Nếu có lỗi, thì lỗi là tại con, sao phạt bác ấy? Nhưng mà . . . Ba à, Lương bảo sao mẹ muốn hoãn đám hỏi lại?"

"Nó người lớn lắm. Nó bảo hình thức không quan trọng. Mẹ con đã muốn vậy thì cũng không hại gì. Bao giờ con tỉnh lại, Lương sẽ xin làm đám cưới liền. Việc chính là lo chữa chạy cho con . . ."

Cô cúi đầu suy nghĩ. Bất thần nhìn thẳng vào mắt ông, cô hỏi:

"Vậy sao Lương lại bỏ đi lấy vợ?"

Ông nói:

"Thôi được. Ba nghĩ đã đến lúc con nên biết hết mọi chuyện . . ."

Và ông kể cho cô những chuyện đau lòng đã xảy ra cho cô trong lúc cô hôn mê.

*

10.

Ba cô kể khi cô mới lâm nạn, Bảo thường xuyên tới thăm viếng cô ở bệnh viện. Anh ta hoàn toàn không hay biết chuyện cô đã đính hôn với Lương.

Nhưng tuần này tuần khác trôi qua cô vẫn không tỉnh lại. Bảo ngã lòng, thăm viếng thưa dần, sau cùng không tới nữa.

Rồi Lương trở về trong sự vui mừng của mọi người. Anh chỉ bị Việt Cộng bắt đi, nhưng may mắn trốn được. Được tin cô lâm nạn, anh tới thẳng bệnh viện thăm cô. Anh bình tĩnh hội ý với bác sĩ Bá, tra cứu phương pháp trị liệu cho cô.

"Thương lắm con ạ," ông nói với cô. "Buổi sáng nó dậy từ sớm, tới thẳng bệnh viện ngồi bên giường con. Tự tay cho con ăn sáng xong, nó ngồi lại uống tách cà phê, vừa uống vừa nói với con về những chuyện xảy ra ở quân y viện, ở phòng mạch, và ở Hố Bò. Tất nhiên là nó nói một mình. Đến tám giờ nó đi làm. Buổi chiều, vừa tan sở là nó trở lại với con. Nó bảo sớm muộn, con sẽ hiểu được là nó đã trở về an lành và sẽ thức dậy với nó . . .

"Cứ như vậy nửa tháng trôi qua, tình trạng con không thuyên giảm. Nhưng lòng tin người ta mạnh lắm. Nó cho là con bắt đầu hiểu những chuyện nó kể với con, và nó cả quyết mỗi ngày con mỗi tỉnh hơn. Không ai đồng ý với nó nhưng thông cảm với niềm hy vọng chủ quan của nó.

"Rồi một hôm bệnh con trở nặng. Buổi sáng con ói mửa dữ dội, cả tuần lễ không chịu bớt. Bác sĩ Bá kê thuốc viêm bao tử nhưng tình trạng không khá hơn. Ông toan cho thuốc cầm ói mạnh hơn, nhưng Lương cản lại.

"'Con xin Bác hãy khoan . . .' nó năn nỉ với bác Bá. Rồi nó lẳng lặng lấy máu con đem thử. Khi kết quả xác định là con đã có thai, nó mừng lắm. Nó mua một bó hoa lớn mang đặt bên giường con. Nó tìm gặp bác sĩ Bá, trình bầy với ông hoàn cảnh của các con, và khoe tin vui với ông. Nó xin Ba Mẹ cho chính thức hóa tình trạng của các con. 'Con xin hai bác cho con theo em Hoàng gọi hai bác là ba mẹ từ bây giờ,' nó nói. Như con biết, mẹ con không ưa Lương, nhưng sau cùng cũng miễn cưỡng chấp nhận Lương là con rể, còn dám cưới sẽ cử hành một khi con sẽ hồi tỉnh . . ."

Ông không dám kể hết cho con gái thái độ của bà khi biết tin cô có thai. Ông quên sao được nét mặt cứng đanh của bà hôm ấy khi bà hỏi lại Lương là kết quả thử nghiệm có chắc không. Khi Lương thưa là kể như là chắc lắm, bà lạnh lùng nói, 'Chuyện này đã chắc là phải chắc. Không có chuyện *kể như*.' Lương chưa kịp trả lời thì bà nghiến răng lẩm nhẩm, "Tội nghiệp cho con tôi, đã tàn phế lại chửa hoang, chao ôi là nghiệp chướng . . ." Ông nhớ Lương không giận. Anh chỉ lạc quan bảo thế nào cô cũng thức dậy, và một ngày sắp tới, anh sẽ được một lúc cả vợ lẫn con.

Có định bệnh rồi, Lương và bác sĩ Bá trị liệu chứng ói mửa của cô dễ dàng. Sức khỏe cô tấn bộ trông thấy, cô ăn ngon miệng hơn, và bắt đầu trở nên đầy đà. Thể xác cô thay đổi rõ rệt. Khuôn mặt cô cứng hơn, nặng hơn, trong khi bụng cô lớn dần. Ông thấy cô mỗi ngày mỗi xấu đi, và ông nghĩ đến vợ ông những lần bà có thai. Ông biết đi đôi với dung nhan, thân thể con gái ông dưới lớp vải đang biến đổi phũ phàng, những đường nét xinh xắn của nó đang trở

nên thô kệch một cách thảm thương vì thai nghén. Sự thay đổi ấy, ngay cả người chồng thương yêu vợ cũng khó thấy đẹp.

Ông nhớ khi vợ ông chửa con so. Mặc dù ông hiểu tất cả cái thiêng liêng của chuyện sinh nở, của một đời sống mới đang thành hình trong thân thể bà, nhưng ông vẫn thấy bà rất xấu. Về sau những lần bà mang thai con Tâm và thằng Hải, ông vẫn không quen.

Và ông lo lắng, vì dù không nói đến thể xác xấu xí của người đàn bà mang thai, cả cái ý nghĩa tốt lành của sinh nở chỉ dễ thấy trong hoàn cảnh của liên hệ vợ chồng bình thường. Còn con ông nằm dấy, mê man như cây chuối dại lại bầu bì xấu xí, mà hoàn cảnh nó với Lương nào phải bình thường.

Nhưng cung cách của Lương làm ông yên tâm. Anh kiêu hãnh vì sự biến đổi nơi cô. Anh ca tụng sự tiến triển tốt lành của cái thai. Nửa như thầy thuốc, nửa như chồng, anh bảo người phụ nữ chỉ khi đã mang thai mới phát triển hết cái đẹp của nữ tính.

Có lần ông cùng canh bệnh với Lương, cái thai đạp mạnh đến nỗi tấm chăn vải mỏng đắp trên bụng con ông khẽ nhúc nhích. Lương hớn hở bảo ông, "Ba ạ, cháu nó dạp dấy . . ." Vui mừng, anh quên cả ngượng. Anh kéo tấm vải lên và lấy ống nghe cho ông nghe tiếng tim thai nhi dập. "Ba nghe không Ba?" Lương nói với ông, "không phải tiếng đập lớn đâu. Đó là mạch em Hoàng. Tim cháu nhỏ hơn mà nhanh hơn, như chiếc đồng hồ quả quýt ai giấu dưới gối ấy . . . Ba nghe thấy rồi phải không? Hay quá Ba nhỉ . . ."

Anh lại nói, "Kỳ diệu quá phải không ba . . . cứ thế mà người ta sống hoài Ba nhỉ, đời nọ nối đời kia . . . Máu huyết của Ba Mẹ qua em Hoàng, máu huyết của Thầy Bu con qua con, tất cả trong ấy đấy . . ."

Trước khi dắp chăn lại cho cô, anh bảo ông mọi chuyện tốt lành. "Ba nhìn coi, chắc em sẽ tốt sữa lắm, tha hồ cho con bú. Con chắc là em con sẽ cho con bú . . ." Ông ngượng ngùng ừ à cho qua chuyện. Ông nhìn cho có nhìn để thoáng thấy đôi nhũ hoa của con gái giống như nhũ hoa của vợ ông khi bà xấu xí nhất, căng phồng như hai quả cam lớn, với những gân máu tím và đầu vú sưng to xám xịt. Ông vội vã trả lại ống nghe cho Lương. Ông hoàn toàn xa lạ với cái xúc động của anh, và ông chỉ vui vì lây cái vui đang hân hoan biểu lộ trên mặt anh. "Bọn thầy thuốc là như vậy," ông thầm nghĩ. "Dạng thức nào của sự sống, họ cũng cho là đẹp được . . ."

Vậy mà niềm quí trọng sự sống của Lương vẫn lây sang ông. Nó lớn dần trong ông mỗi khi ông nghĩ đến tiếng tim cháu ông đập, nhanh và nhỏ như tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ quả quýt giấu dưới gối. Chiếc đồng hồ này sẽ đập còn lâu, để giúp cho một con người mới đi qua thế gian này, lãnh nhận những chuyện vui buồn hay thi hành những việc xấu tốt của một kiếp người.

Rồi một hôm, ông quả thấy con gái ông đẹp, không phải cái đẹp cổ điển của tố nữ, mà cái đẹp man mác vô hình như một ý niệm thanh thản đang tỏa ra từ thai nghén. Ông ghi nhận những cơn ác mộng hồi mới lâm nạn thường

làm cô nhăn nhó la hét trong hôn mê, đã thưa dần và mất hẳn tự bao giờ. Ngồi ngắm con, ông có cảm tưởng như cô đang ngủ một giấc ngủ bình thường.

Con ông ú ớ nói mê, ông chắc giấc mơ cô đẹp lắm, vì cô mỉm cười sung sướng. Ông thấy cái bất hạnh của gia đình ông như nhẹ đi. "Chắc Lương nói đúng," ông nghĩ. "Con tôi sẽ thức giấc nay mai. Nó đang bình phục. Và ngay trong hôn mê, nó vẫn hạnh phúc. Ít người dù tỉnh mà cười được nụ cười thanh thoát như vậy."

*

"Rồi sao nữa hả Ba?" cô hỏi tiếp.

"Hai tháng sau Lương phải đi hành quân. Nó dặn dò Ba và bác sĩ Bá ở nhà chăm sóc con, rồi lên đường . . ."

Ông kể tuần lễ đầu, hễ kiếm được điện thoại là Lương gọi về nhà. Mỗi lần, ông lấy ống nghe áp vào tai cô cho cô nghe những câu chuyện một chiều thường lệ anh vẫn tha thiết nói với cô.

Tuần lễ thứ nhì, Lương bặt tin. Ông không lo ngại, đoán chừng trong lúc hành quân không phải lúc nào Lương cũng kiếm được đường dây điện thoại.

Nhưng một việc chẳng lành xảy ra. Cô lên cơn sốt dữ dội. Bác sĩ Bá tìm ra bệnh sốt rét. Mọi người lo lắng. Riêng mẹ cô, bà vừa lo lắng vừa tức giận. Bà nói, "Chắc lại bị muỗi độc đốt hôm về Hố Bò chơi . . ."

Bác sĩ Bá trưng cầu ý kiến gia đình về vấn đề trị liệu. Vì bệnh nhân đang mang bầu nên ông ngần ngại khi chọn lựa thuốc men. Có môn thuốc hiệu nghiệm nhưng có thể hại cho bào thai, và có môn thuốc lành hơn nhưng lại yếu hơn.

Không ngần ngừ, mẹ cô quyết định. Ưu tiên là cho cô, còn cái thai giữ được thì càng tốt, không giữ được thì đành chịu vậy . . . Ông cũng nghĩ như bà, nhưng thái độ quá dứt khoát của vợ làm ông khó chịu.

Ba ngày sau cô khỏi bệnh, nhưng một tuần sau cô sẩy thai. Hài nhi mới được sáu tháng đã chết trong bụng mẹ, và Lương trở về vừa kịp đưa đám ma con trai sanh thiếu tháng. Lương như điên như dại. Anh bảo cái thai đã sẩy, cô sẽ không thức dậy nữa.

Anh nói đúng. Những lúc canh cô, ông không thấy cô cười trong mơ nữa, cô cũng không nhăn nhó hay kêu gào như lúc mới hôn mê. Một vẻ thẫn thờ xa vắng ngự trị trên khuôn mặt cô. Thỉnh thoảng cô khóc, những cơn khóc yên lặng, đôi mắt đẹp vô hồn mơ hồ nhìn trần nhà trong khi nước mắt ứa ra chảy xuống thái dương.

Anh vẫn săn sóc cô như thường lệ. Anh vẫn chăm lo đầy đủ cho cô, nhưng sao nhãng chính bản thân. Anh bỏ ăn bỏ ngủ, chẳng mấy chốc trở nên tiều tụy. Gia đình dưới Hố Bò kiếm một cô gái quê gửi lên lo việc bếp núc, chăm sóc cái ăn cái uống cho anh. Cô Huệ, người nữ lao công của trạm y tế Hố Bò tình nguyện công việc ấy.

Rồi một hôm kiệt sức, trong lúc yếu lòng và buông thả, anh đã ăn nằm với người con gái quê. Cô gái có bầu, và gia đình làng mạc dưới quê tạo áp lực lớn.

Thậm chí họ kéo đến nhà ông ăn vạ. Vô cùng xấu hổ, anh tạ tội với mọi người, rồi không trở lại nữa. Ít lâu sau, ông nghe tin anh làm đám cưới với người ở gái ấy.

Sức khỏe cô sau lần hư thai dần dần bình phục, và ông quyết định xin cho cô xuất viện để săn sóc tại nhà ... Ông hy vọng trong khung cảnh quen thuộc của phòng cô, trí nhớ cô dễ tìm được lối về ...

Kế xong, ông yên lặng quan sát con gái. Ông mừng thầm thấy cô không tỏ vẻ ngạc nhiên. Cô chỉ cúi đầu buồn lắm, tựa hồ như đang nghe lại những chuyện đau khổ cô đã nghe và đã quên đi. Mà ai cho nó biết nhỉ, ông thắc mắc. Rồi ông nghĩ đến những tháng dài Lương ngồi bên giường cô kể cho cô những câu chuyện hằng ngày. "Lẽ nào trong hôn mê mà nó vẫn hiểu Lương nói gì?" ông tự hỏi, bán tín bán nghi. Tần ngần, ông kết luận:

"Còn về sau, thì con đã biết."

Đúng, cô đã biết. Mẹ cô quyết định giấu nhẹm mọi chuyện, kể như giữa cô và Lương không có gì quan trọng xảy ra. Bà vẫn hy vọng gả chồng cho cô.

*

Nhưng bà đã thất vọng. Một năm sau khi hồi tỉnh, cô quyết định xuống tóc đi tu. Cô không tu lối xa lánh trần tục, mà hiến đời cô cho xã hội, phụng sự những người đau khổ qua những sinh hoạt thiện nguyện của nhà chùa. Để thiết thực và hữu hiệu hơn, cô ghi tên học cán sự y tế, và ba năm sau cô tốt nghiệp. Cô tình nguyện phụ trách nhà trẻ mồ côi tại Long Khánh.

(Còn tiếp)

tìm đọc

CÁNH ĐỒNG CHO EM

tập truyện của HOÀNG MAI ĐẠT

Thư Hương xuất bản

18 chân dung

Thơ **NGUYỄN MẠNH TRINH,** *họa* **KHÁNH TRƯỜNG**

Bùi Bảo Trúc
Bạn ta ở tận Hoa Thịnh Đốn
Thư viết mỗi ngày chắc mỏi tay
Kinh luân bí kíp dọc như ngốn
Binh giáp chắc nở vòng số hai?

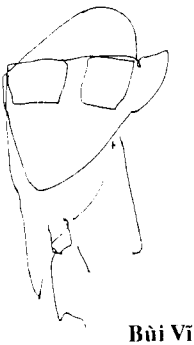

Bùi Vĩnh Phúc
Đọc văn mà phải dùng kính lúp
Lẩm nhẩm tĩnh từ hay danh từ
Nếu đem cân thử Bùi Vĩnh Phúc
Nặng ngửa ngang bằng cuốn Kinh Thư.

Nguyễn Xuân Hoàng
Đi trên mây sao còn bụi rác
Tử vi cung mệnh có đào hoa
Con còng Nha Trang chạy trên cát
Hang động ấu thơ bỗng nhạt nhòa.

Nguyễn Mộng Giác
Cười mỉm, cười ruồi đôi kính trắng
Giận người có lúc cũng cà lăm
Mùa Biển Động một pho chữ nặng
Sông Côn Mùa Lũ chảy ngàn năm.

Nguyên Sa
Giấc Mơ trăn trở còn muôn kiếp
Thơ phất phơ nụ biếc hoa đào
Trường văn trận bút đã mang nghiệp
Bông hồng trên tay vẫn sắc màu.

Mai Thảo
Độc thoại trong đêm với bàn ghế
Đếch thèm nói chuyện với loài người
Ở chỗ một ngụm chiều rơi lệ
Bình đêm rót mãi vẫn chưa vơi.

Du Tử Lê
Ở chỗ nhân gian không thể hiểu
Thánh nữ tín đồ những giấc mơ
Sa di bồ tát bao nhiêu kiểu
Hạt lệ phơi khô chỗ lững hờ.

Phạm Quốc Bảo
Người xuề xòa vui vẻ nhất nước
Viết Cùm Đỏ mà nghĩ cùm xanh
Thế giới đi quanh vài chân bước
Ký sự Đông Âu cất để dành.

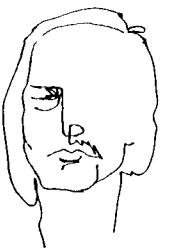

Khánh Trường
Có Yêu Em Không? Lời thảm thiết
Làm Hợp Lưu đá ném như mưa
Vẽ tranh viết báo đêm ngày mệt
Lội ngược dòng cho khác lối xưa.

Phan Tấn Hải

Năm nay thiền sư đi cưới vợ
Bình bát, kinh sách cất chỗ nào
Thiền đốn ngộ có dậy phép thở
Lận lụp sâu vào chốn ba dào?

Trịnh Y Thư

Nghe nói bây giờ chàng rất bận
Sinh hoạt ái tình lận quá sâu
Thỉnh thoảng gặp chàng nâng cốc rượu
Cười ông Mai Thảo uống chưa ngầu?

Đỗ Kh.

Bực mình đến nỗi không chịu nổi
Đi Tây chơi vài chuyến dỡ buồn
Ở Bolsa gái tơ sớm tối
Váy ngắn có tìm được bới son?

Khế Iêm

Hế Kiêm tên đọc sao trẹo lưỡi
Đảo chỗ đảo vần thơ lộn đầu
Thanh Xuân tưởng như cơn gió gọi
Ngôn ngữ dành hanh với nỗi đau.

Cao Xuân Huy

Đô con lực lưỡng sao gãy súng
Râu vểnh thoảng khi vuốt một mình
Đỉnh đầu nuôi rán ngẫm cho trúng
Ổn hay không, dâu lẽ nín thinh?

Phạm Việt Cường
Một vòng tròn lớn hai vòng nhỏ
Có phải dung nhan Phạm Việt Cường?
Nên thơ có-không và không-có
Sách dịch vài trang vứt giữa giường.

Hoàng Khởi Phong
Thư cứ viết mà không người nhận
Mải phiêu du lui tới rong chơi
Ngày N cộng đã qua lận dận
Chắc đang hong tình mới đem phơi?

Nhật Tiến
Đứng ngoài nắng mồ hôi đá nhỏ
Còn mang mang điệu hát Thềm Hoang
Ngày cuối năm nổi cơn bão gió
Lịch sử buồn tay giở từng trang.

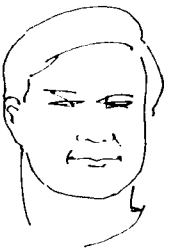

Và Nguyễn Mạnh Trinh
Bạn bảo tôi, thi sĩ vạm vỡ
Nhìn mặt như là muốn đánh nhau
Vâng, tôi vật lộn với hay dở
Nên thơ đành cất ở trong đầu.

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

ngột ngạt, tàn bạo, ẩm ướt dục tình trong truyện trần vũ

điểm sách

> Hãy để tác phẩm của bạn tự bảo vệ nó. Và nếu nó không chịu nổi cuộc tấn công, hãy để tâm sáng tạo một tác phẩm khác . . .
>
> — **André Gide**

Cảm giác còn đọng lại rất lâu trong tôi sau khi đọc *Cái Chết Sau Quá Khứ* của Trần Vũ là sự ngây ngất ấm ức, vừa thích thú vừa bực tức. Bực tức thật ra chỉ là cái khoảnh khắc, thoáng qua, nhưng thích thú là một sự thực không thể chối cãi.

Không khí trong hầu hết sáng tác của Trần Vũ nặng nề, ngột ngạt, tàn bạo và ẩm ướt dục tình . . . như không khí trong một ngôi nhà tràn ngập mùi khói thuốc á phiện và những tranh ảnh khỏa thân nhớp nhúa trên tường, dưới sàn nhà . . .

Chữ nghĩa trong văn chương ông giản dị mà mới mẻ. Người đọc nhận ra ngay tác giả có gạn lọc, chắt chiu, có "cân-đo-đong-đếm", có tích lũy và có thử nghiệm. Trần Vũ biết làm khó với chính mình. Người ta có cảm tưởng như ngay từ những dòng chữ đầu, ông đã biết gạt bỏ không thương tiếc những sáo ngữ, những chữ đã mòn nhẵn không còn nghĩa; ông biết xa lánh thứ văn chương xu thời, chạy theo những vấn đề nóng bỏng bằng một ngòi bút lạnh tanh. Rõ ràng là Trần Vũ đã quyết định đứng bên kia bờ của thứ văn chương dễ dãi. Ông biết giữ một khoảng cách với các đề tài chính trị thời thượng vốn đang được những ngòi bút ưng chứng tỏ lòng ái quốc bằng thứ văn chương sôi nổi một cách giả trá.

Nói cách khác, trong khi một số người cầm bút ở đó (trong nước), ở đây (ngoài nước) còn bị "cái bóng ma của những ưu tư thời sự" tự cho rằng tác

phẩm của mình có thể làm xoay chuyển được thời thế, đáp ứng được nhu cầu của đám đông thì Trần Vũ đặt lên vai của tác phẩm ông *con người, khí hậu và môi trường lịch sử*. Thật khó mà tìm được những "Chàng" và "Nàng" tội nghiệp trong các sáng tác của Trần Vũ. Ông giống như một con ngựa hoang phi nước đại trên cánh đồng xương khô, bỏ lại dưới chân những tàn rữa của sự chết chóc, phóng qua những hàng rào kẽm gai của thứ chữ-nghĩa-bản-kẽm để đi tìm không phải chỉ một nội dung mới mà còn một hình thức diễn tả mới, hiện thực hơn và hiện đại hơn. Phải nói trong những ngày tháng vừa qua chúng ta đang có một nền *văn chương báo chí*.

Cũng chẳng phải là mới mẻ gì, xưa lắm, có lần André Gide đã viết: "*Tôi gọi tính cách báo chí trong văn chương tất cả những gì ngày mai sẽ ít quan tâm hơn ngày hôm nay. Tất cả những gì bao lâu nữa sẽ kém đẹp, kém huyền bí, kém vui tươi, kém tự tại như nó hiện ra đối với quần chúng hôm nay; và tôi hứng khởi nghĩ rằng ngược lại với báo chí, tác phẩm nghệ thuật hoàn mỹ thoạt tiên không có vẻ quá mỹ miều*".

Bực tức bởi vì nhân vật lịch sử của ông gây cho người ta cái cảm tưởng ông nhặt được ở đâu đó trên đường tìm kiếm của ông một hòn sỏi lóng lánh và ông đã vội vã tô thêm những màu sắc rực rỡ xanh đỏ tím vàng để cường điệu nó. Cái đó là không thật – cái đó không phải là Trần Vũ.

Tuy vậy, cái nổi bật nhất trong sáng tác của ông, đó là một trí tưởng tượng vô cùng to lớn và phong phú. Chính sự giàu có về khả năng này của ông đã cho phép ông bay lượn trên nhiều loại đề tài và đề tài nào cũng được ông khai thác một cách khá hoàn hảo, tận tình. Con người và thổ ngơi của quê nhà và xứ người, trái tim lay lắt của người già, tình yêu nồng nàn của người trẻ, sự rung động của xác thịt . . . trong bất cứ trường hợp nào nhân vật của Trần Vũ cũng hơi nhích ra ngoài con người bình thường "một tí" và "một tí khác thường" ấy đã làm nên tính cách văn chương Trần Vũ.

Nhà văn sáng tạo ra nhân vật và chính nhân vật ấy tác động ngược lại làm xúc động người viết.

Đọc *Phố Cổ Hội An*, người ta có cái cảm giác tương tự như vậy, như thể tác giả đang cùng bàn tay của nhân vật Lữ "*trườn đến sát bụng Loan*", "*bấu vú lấy đùi Loan*", "*đang dồn sức cho hai ngón tay kẹp cứng, muốn rứt thịt da Loan*". Dục tình dầy rẫy ngợp ngụa trong truyện Trần Vũ.

Năm 1990 khi *Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu*, tập truyện đầu tay của Trần Vũ ra đời, những người làm văn học nghệ thuật ở đây đã nồng nhiệt đón nhận ông như đón một người con đi xa trở về. Các sáng tác của ông đã đóng góp vào dòng văn học Việt Nam những màu sắc mới, những ánh sáng mới.

Tôi yêu thích văn chương Trần Vũ và thấy không có gì phải che giấu điều đó.

Tuy vậy, nếu có một điều cần nói với Trần Vũ đó là khi viết về đề tài lịch sử ông đã đu đây giữa trí tưởng tượng sáng tạo và tưởng tượng hoang đường.

Nếu tưởng tượng sáng tạo là giai đoạn sau cùng làm nên nghệ thuật của

nhà văn thì trí tưởng tượng hoang đường mới chỉ là giai đoạn đầu tiên và thấp nhất của trí tưởng tượng. Đặc điểm của tưởng tượng hoang đường là chiều hướng thiên về những điều kỳ diệu khác thường. Tưởng tượng hoang đường không phải là lịch sử, nó không tính đến các quan hệ có thật, có thể có, mà nó chỉ là những ẩn dụ qua các nhân vật trong đó nó phản ảnh các lý tưởng, các mơ ước đang mâu thuẫn với một môi trường xã hội nhất định.

Bao lâu người cầm bút còn sống dưới chế độ chuyên chế và độc đoán, bị áp bức thống trị; bao lâu mà cái cao thượng và sự trung thực không được bảo vệ; bao lâu mà cái yếu ớt và nhỏ bé còn bị chà đạp không thương tiếc . . . lúc đó người cầm bút vẫn còn phải sử dụng ẩn dụ, phải kêu gọi đến trí tưởng tượng hoang đường (1). Chắc Trần Vũ biết ẩn dụ không còn cần thiết trong môi trường xã hội mà ông hiện đang sống, một nơi cách rất xa với quê hương thực sự của ông, của chúng ta. Trong khi đó tưởng tượng sáng tạo bao giờ cũng dẫn đến tính toàn vẹn, tính nhất quán và sự hài hòa một cách có ý thức.

Tất nhiên, không một tác phẩm văn học nghệ thuật nào không bắt nguồn từ cuộc sống, nhưng tác giả nào chỉ bê nguyên các quặng mỏ của cuộc sống đặt vào tác phẩm mình thì chắc chắn tác phẩm ấy sẽ chỉ là bản sao nhợt nhạt và thảm hại của cuộc sống mà thôi. Chỉ bằng con đường tưởng tượng sáng tạo mới đến gần với cuộc sống. Bởi vì sự thật nghệ thuật và sự thật của hiện thực, không phải là một, không bao giờ là một (2).

Cái Chết Sau Quá Khứ của Trần Vũ đã đáp ứng được đòi hỏi đó. □

Chú thích:

(1)Xem *Tâm Lý Học Sáng Tạo Văn Học*, M. Arnaudop, bản dịch của Hoàng Lam và Hoàng Ly, nxb Văn Học, Hà Nội, 1978.

(2)*I. Gôncharôp Toàn tập*, Tập VIII trang 170, 171, 172, sdd.

Tìm đọc

NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG

thơ TRẦN HỒNG CHÂU

THANH VĂN xuất bản

giá bán 10 Mỹ kim

MAI KIM NGỌC

irina zisman và irina bút ký

điểm sách

Lời giới thiệu: *Dư luận cộng đồng Việt Nam hải ngoại biết đến Irina Zisman qua việc chị thành lập đài Tiếng Nói Tự Do bắt đầu phát thanh ngày 20- 7-92 và qua chuyến đi Hoa Kỳ của chị do Tổ chức Phục Hưng Việt Nam và Ủy ban Yểm trợ đài Tiếng Nói Tự Do tổ chức trong tháng 10-92. Chị đã đi qua nhiều thành phố khởi đầu từ Los Angeles ngày 17-10 rồi đến San José, Portland (Oregon), Chicago, Hoa Thịnh Đốn, và kết thúc tại Houston ngày 25-10. Ngày 24-10, tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, chị đã giới thiệu tập* Bút Ký Irina, *tập sách đầu tay chị viết bằng Việt ngữ.*

Năm nay 37 tuổi, mẹ ba con với một người chồng Nga đã ly dị và hiện sống với người chồng Việt. Irina là người đứng tên thuê giờ phát thanh trên đài Mạc Tư Khoa cho một chương trình xiển dương cho tự do và dân chủ. Đài mang tên Radio Irina *một cách ngắn gọn, cũng được biết dưới tên* Đài Tiếng Nói Tự Do từ Mạc Tư Khoa. *Ngân sách hằng năm của đài ước lượng chừng 100 ngàn Mỹ kim. Trong những tháng đầu tiên, Irina được sự giúp đỡ tài chánh của các lực lượng tôn giáo tại Nga, của những người yêu chuộng tự do trên thế giới và chính yếu của Tổ chức Phục Hưng Việt Nam. Hiện nay một Ủy ban Yểm trợ có tầm vóc quốc tế đang được tổ chức khắp nơi để yểm trợ lâu dài về mặt tài chánh cho đài.*

Irina rất gần gũi với đất nước và con người Việt Nam. Nghe giọng của chị qua Radio Irina *thì đó là giọng của một thiếu nữ Hà Thành đầy truyền cảm. Nói chuyện với chị về Việt Nam thì đó là một người nắm vững những sự kiện căn bản về chính trị, văn hóa và xã hội Việt Nam ít nhất trong thời gian của thế kỷ này.*

Là một người Nga gốc Do Thái, và dù sinh ra, lớn lên dưới chế độ Cộng sản,

đại gia đình cũng như tiểu gia đình của Irina chưa bao giờ thấy có sự liên hệ tình thần nào với chế độ này. Irina nói, "Nhờ Gorbachev với perestroika *và* glasnost, *tôi mới lấy lại được niềm hãnh diện của một người Nga."*

Duyên của Irina đối với Việt Nam là duyên kỳ ngộ. Từ Trung học vào Đại học, Irina không chọn khoa Việt ngữ vì sợ khó. Nhưng khi gặp ông thầy dạy Việt ngữ, Irina yêu ngay thầy và ngôn ngữ, đất nước thầy.

Irina yêu đất nước Việt Nam vì yêu tiếng nói, yêu người, nên khi thấy quê hương mình chuyển mình từ bóng tối để hội nhập với thế giới tự do dân chủ và nhân quyền, Irina mong ước nước Việt Nam cũng sẽ chuyển mình như vậy. Radio Irina *là đóng góp nhỏ nhoi của chị để tạo điều kiện cho Việt Nam chuyển mình. Tiếng nói của Irina qua đài Tiếng Nói Tự Do nhẹ nhàng nhưng thôi thúc và quyến rũ cho những ai muốn làm nên lịch sử. . .*

*

Trong chuyến viếng thăm Hoa Kỳ lần này của Irina, tôi được gặp chị hai lần. Lần đầu khoảng ba ngày, từ thứ năm hôm chị đến tới sáng chủ nhật khi chị lên đường đi San José. Trong thời gian ấy chị là khách ở nhà tôi, và tôi có dịp ăn cơm trưa, cơm tối với chị, được thấy chị phỏng vấn, bị phỏng vấn, đi phố Bolsa, dự các buổi tiệc tùng, hay xuất hiện trước công chúng . . . Buổi tối ở nhà, nếu chị chưa buồn ngủ, chúng tôi ngồi uống trà hay cà phê trong bếp, nói chuyện mưa nắng nhân tình . . .

Đã được nghe từ trước cuốn băng ghi lại buổi phát thanh đầu tiên của chị hôm 20-7-92 trên đài Tiếng Nói Tự Do, tôi không ngạc nhiên với sự thông thạo Việt ngữ của chị. Chị có dư ngữ vựng nghiêm túc để tiếp xúc với công chúng hay sử dụng trong những trường hợp nghi lễ. Chị cũng không thiếu những từ dân gian để dùng trong câu chuyện bình thường. Nói chung, chị nói giọng Bắc, trừ chữ "r" và chữ "s", chị lại phát âm rõ ràng theo lối người Trung. Định bụng có dịp sẽ hỏi chị, nhưng rồi đến khi chị đi, tôi vẫn không có dịp làm chuyện ấy.

Cũng có lần chị làm tôi ngạc nhiên. Một bữa tối, cơm nước xong, tôi giật mình khi chị thản nhiên hỏi, "Có cà phê cà pháo gì không nhỉ?" Một lần khác, thấy tôi cáo từ không đi dự một buổi xuất hiện chính thức của chị trước cộng đồng, chị nói nửa đùa nửa trách, "Anh no em rồi phải không?"

Xử lý những chuyện hằng ngày, chị có khi dè dặt, có khi hơi lạnh so với lối sống cởi mở ở đây. Vậy mà có khi chị lại rất hồn nhiên, chia sẻ những chuyện gia đình chồng con với chủ nhà trong niềm thân ái tin cẩn. Thỉnh thoảng, chị cũng có một vài ngộ nhận nhỏ về người, về cảnh, điều không tránh được cho ai mới từ Nga tới. Tất nhiên là không có gì đặc biệt hay đáng tiếc xảy ra. Và tinh tế, chỉ hai ngày sau chị đã bắt được khá nhiều dữ kiện về đời sống xung quanh.

Hình ảnh nói chung là tốt, nhưng đặc thù thì không. Ngoài việc chị từ Nga tới với những bỡ ngỡ không tránh được vì hoàn cảnh ấy, chị không khác một vài ký giả Mỹ tôi đã quen. Cũng thông minh sắc bén, cũng tận tụy với nghề

nghiệp, cũng có cảm tình dằm thắm với Việt Nam qua những liên hệ vợ chồng hay bè bạn Việt Nam . . . Và sau cùng, tính tình cũng có những nét chung chung của một nhà báo nổi tiếng, với thỉnh thoảng những cơn vui buồn bất ngờ.

Hôm từ giã chị ở cổng nhà sáng chủ nhật và chúc chị lên đường bình an, nhìn xe chị chạy khuất cuối phố, tôi nghĩ đến câu nói đùa của chị hôm trước, "Anh no em rồi phải không?" và tôi nhủ thầm, tất nhiên là không. Có thể có người nhức đầu với chị, nhưng chán chị thì chưa.

*

Tôi gặp chị lần thứ hai với rất nhiều thích thú. Lần gặp này chỉ có một buổi tối, đủ cho tôi đọc cuốn bút ký của chị vừa mới phát hành. Tuy ngắn ngủi, lại không mặt đối mặt, chỉ gặp chị qua văn chị, vậy mà ảnh hưởng rất sâu đậm. Irina Zisman hiện ra qua tác phẩm như một con người đặc biệt. Chị sắc như một lưỡi dao cạo mới liếc trên đá mài.

Bút Ký Irina tập I dầy 172 trang, do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ in, gồm chương Vào Tập, chương Kết, khá nhiều ảnh, và 25 chương nội dung viết về những người Việt Nam chị đã gặp, nổi danh hay bình thường. Bài bạt khá dài, do Nguyễn Ngọc Bích viết.

Thật ra tác phẩm không phải là một áng văn ký sự theo định nghĩa thông thường. Ta không thấy cái chính xác loại *What, Where, When* . . . (Chuyện gì, Ở đâu, Bao giờ . . .) bắt buộc cho một bút ký Tây phương. Ngược lại, chị viết bằng trái tim, với tâm hồn bén nhậy và nghệ thuật tinh vi.

Ta có nhiều lý do để tìm hiểu nghệ thuật và tâm hồn ấy.

Thứ nhất, Irina là một nhà báo yêu mến tự do dân chủ, và có nhiệt tình chia sẻ với ta mơ ước tự do dân chủ cho đất nước Việt Nam. Sự gắn bó của chị với Việt Nam, con người cũng như văn hóa, thắm thiết đến phủ tạng. Còn nữa, ta tò mò về một người Nga viết bằng tiếng Việt, về người và việc Việt Nam. Chị thấy gì từ thế nhìn của một nhà văn Nga mới được hưởng tự do dân chủ?

*

Trước khi vào nội dung, phải nói ngữ pháp của chị gần như toàn hảo. Thỉnh thoảng có chỗ phá thể, nhưng nhìn kỹ ta thấy sự phá thể có dụng ý, làm cho tiếng Việt của chị Việt hơn, sống động hơn. Chị dùng chữ tinh nghịch và tinh vi, cái tinh nghịch tinh vi ta thấy trong cổ văn Việt Nam qua Hồ Xuân Hương, hay nhẹ hơn nơi Đoàn Thị Điểm. Như *Da trắng vỗ bì bạch* để làm tựa cho chương về những người Việt lấy vợ Nga . . . Như khi bị Hai Long, người điệp viên được Việt Cộng thần tượng hóa trong cuốn *Ông Cố Vấn* hỏi là chị có làm "tình báo" không, chị trả lời đại khái là chuyện làm "tình" và làm "báo" chị có làm, nhưng làm hai chuyện ấy riêng rẽ . . . Và như khi trong đám bạn văn nghệ sĩ đang nói đùa về sợ vợ, chị nhận chính chị là người sợ vợ nhất, để rồi cắt nghĩa là chị sợ các bà vợ của vợ của các anh . . .

Chị viết rất cô đọng, chương "Sứ Quán" dài nhất là bẩy trang sách, chương

"Vô Đề" ngắn nhất chưa đầy hai trang, và chung chung các chương chỉ dài chừng bốn năm trang . . . Vậy mà những gì muốn nói, chị nói đầy đủ, và tạo nơi độc giả những cảm xúc mãnh liệt.

Những lỗi lầm hiếm hoi của chị không phải về ngôn ngữ, mà về kiến thức. Chẳng hạn câu "*Đông là Đông và Tây là Tây*" của Rudyard Kipling chị lại gán cho Mao Trạch Đông, hay câu chuyện giao cảm và đối giao cảm của đồng tử mất thật ra không mới mà cũng không đơn giản như thế. Tuy nhiên đó chỉ là những chi tiết nhỏ nhoi, không hư hao gì giá trị tác phẩm.

*

Phần lớn, chị viết về những nhân vật nổi tiếng của cả hai miền. Chị viết về Tô Hoài, Lưu Quang Vũ, Nguyễn Đình Thi, Trần Độ, Lương Xuân Đoàn, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Trần Tiến, Nguyễn Quang Sáng, Trịnh Công Sơn, Cao Xuân Hạo, Dương Thu Hương . . . Chị viết về Phan Nhật Nam, Trần Trung Dung, Vũ Hạnh, Bùi Giáng, Choé, Nguyễn Đan Quế và Tâm Vấn, Hai Long . . . Chị cũng viết về một vài người tầm thường như bà Đỗ Thị Lời, em bé Tứ, hay những cặp vợ chồng Việt Nga . . . Và chị viết về chị, ít nhiều trong mỗi chương, và rất nhiều trong hai chương "Cội Nguồn" và "Vô Đề".

Với những người chị thích, chị viết với một trái tim sẵn sàng xúc động với cái đau của họ, và cặp mắt bén nhậy sẵn sàng bắt lấy cái đẹp của họ, dù cái đẹp đó được giấu kỹ đến đâu. Ngồi trước Bùi Giáng tại nhà riêng của cụ, giữa cảnh xơ xác cùng tột, chị đã khóc ròng. Về cơn khóc ấy, chị viết:

"*. . . Cái nhìn của cụ như xuyên thấu vào tâm hồn tôi, và tôi đã khóc. Cụ vẫn bình tĩnh trước dòng nước mắt mỗi phút một cuộn chảy kia . . . Còn tôi, lúc đó tôi cảm thấy cái gì? Đầu tiên là cảm giác trước một sự thanh cao kỳ diệu. Tự nhiên tôi cảm thấy rất rõ tính nhỏ nhặt trong những mối lo hằng ngày của chúng ta, thấy rõ sự đối lập giữa cái thiêng liêng và cái tầm thường. Và còn rất nhiều hình ảnh tương tự nữa, làm tôi cuống lên. Và cũng rất bất ngờ, như vậy tôi lại cảm thấy bình tĩnh và yên lòng tuyệt đối: với một sự cân bằng hài hòa lạ thường trong tâm hồn . . .*"

Trong chương "Thượng Nghị Sĩ", chị đã viết về ông Trần Trung Dung bằng những nét chấm phá độc đáo, bắt gọn ngay được cái cung cách của một thế hệ sắp qua của một loại người Việt đặc biệt, những con người dù sa cơ thất thế vẫn tự tại hiên ngang, với đầy đủ phẩm giá. Chị viết:

"*Thực ra, đối với tôi đã không có gì lạ khi gặp những người học vấn cao, trình độ chuyên môn xuất sắc, xuất thân từ giới có truyền thống, mà đã phải trải qua mười mấy năm 'học tập' ở những kẻ thất học, đốt nát và kém cỏi. Ngay đất nước tôi bấy chục năm không lạ gì kẻ vô lại lên lớp cho chuyên viên. Nhưng cái lạ của ông Trần Trung Dung là vẻ hiên ngang đầy phẩm giá và việc không muốn, và chắc cũng không thể giấu được sự không nhân nhượng của mình.*

Chúng tôi đã nói chuyện về tình cảnh nước Nga hiện nay, và ông đã thể hiện một tài năng hiếm có là biết nghe và muốn nghe người khác. Khi tôi hỏi về ông, ông cho biết vài nét là cả gia đình đã sang Mỹ, và ông cũng đang chờ giấy bảo

lãnh được chính quyền chấp thuận. Nhưng càng tới ngày đó, ông càng có nguyện vọng ở lại vĩnh viễn với đất nước quê hương đầy đau khổ của mình . . .

. . . Cuộc nói chuyện bất ngờ đó đã kéo dài hơn một tiếng. Tôi về với lòng cảm tạ và với kỷ niệm sâu sắc về hình ảnh ông: sáng sủa và nghiêm túc. Và một cảm giác 'lâng lâng' mà phụ nữ nào cũng biết – nó đến với chúng tôi mỗi khi được làm quen với một người đàn ông."

Và cũng với lối văn bén nhậy ấy, chị viết về những nhân vật chị cho là có cá tính, có phẩm chất, dù họ từ đâu tới, hay tin tưởng ở chính kiến nào . . . như Lưu Quang Vũ, Phan Nhật Nam, Trần Độ, Trần Tiến, Nguyễn Quang Sáng, Trịnh Công Sơn, và ngay cả Choé, người họa sĩ đã "ngược đãi" chị với tấm truyền thần không thuận lợi cho người nữ, và theo chị, cũng không phản ảnh tấm lòng chân thành quí mến chị dành cho họa sĩ . . .

Với những người không ưa thích, chị dùng một văn phong sát phạt. Đó là trường hợp Tô Hoài. Tôi nghĩ Tô Hoài đã viết những truyện ngắn rất hay hồi tiền chiến, như *Nhà Nghèo, O Chuột*, nổi danh qua *Dế Mèn Phiêu Lưu Ký*, và tôi đã được nghe nhiều chuyện tử tế về ông. Tôi không được đọc những tác phẩm ông viết về sau với tư cách nhân vật quan trọng trong hội Nhà văn Cộng sản. Nhưng theo Irina, khi chị gặp ông, Tô Hoài tầm thường từ con người, tới câu chuyện, tới cả tác phẩm. Không những ông tầm thường, mà còn giả dối nữa. Chị viết:

"*Song có một điều tôi phải cảm ơn ông. Thấy tôi nói tiếng Việt khá và là người đọc trên Đài, ông lấy làm quí mến. Ông bảo rằng chính ông là thính giả thường xuyên nghe Đài chúng tôi. Đặc biệt như ông nói, giọng nói ấm áp giàu tình cảm của Irina. Thường vào ban đêm khi cả nhà đã ngủ rồi, ông mở chiếc dài bán dẫn bé tí teo để trên gối, đeo ống nghe để khỏi ảnh hưởng tới gia đình, và để thêm . . . gần gũi với người đọc . . .*

Ông kể chuyện này lời lẽ thật hấp dẫn, truyền cảm làm tôi thích thú quá, tha thứ cho cả bài phỏng vấn vô vị kia.

Ra về, lúc bước xuống xe điện ngầm, tôi mới chợt nhớ rằng Đài chúng tôi không có chương trình phát vào ban đêm. Hồi đó buổi phát thanh cuối cùng kết thúc vào 8 giờ tối, theo giờ Việt Nam."

Trong những chương về Nguyễn Đình Thi, Hai Long, Vũ Hạnh, v.v..., sự mỉa mai đến chỗ khinh thị chị dành cho giả dối vẫn hiển hiện, tuy có lẽ ít đậm nét hơn.

*

Nói chung, ta nên để ý là nghệ thuật tả người của chị không phải là nghệ thuật báo chí. Chị không muốn khách quan, mà lại tìm sự trung thực chủ quan, phản ảnh cái cảm quan sắc bén và trái tim nhậy cảm của chị.

Nơi chị, thời gian, không gian, và nhiều khi cả tình tiết câu chuyện cũng mờ nhạt, để những nét tâm tính con người hiện ra lồ lộ, có thể là xấu hay tốt, nhưng bao giờ cũng rất sắc cạnh. Lấy những nét tâm lý sắc cạnh ấy làm xương sống, chị dựng lại những nhân vật chị phỏng vấn. Kết quả là một tập chân

dung, không phải là thứ chân dung căn cước, nhưng mà những bức hoạt kê sắc sảo với dụng ý làm nổi bật những nét chị muốn thấy nơi đối tượng, và chỉ những nét ấy thôi, dù thanh cao hay dung tục. Những tấm chân dung như vậy đem lại thích thú cho người đọc, vì chúng nhất quán, đậm đà, phô bầy xấu tốt của con người ở trạng thái tinh luyện và cô đọng nhất. Và tác phẩm trở nên vô cùng hấp dẫn.

Vậy mà sự hấp dẫn tạo được như vậy có cái giá của nó. Thứ nhất ta sẽ không công bình nếu có ý định tìm hiểu những nhân vật bị phỏng vấn qua những chân dung này. Nhân vật tuy vẫn còn mang tên ông Trần, ông Nguyễn, nhưng đã xa vời với ông Trần, ông Nguyễn bằng xương bằng thịt ngoài đời. Dù sắc nét và độc đáo, chúng như có cái gì không ổn. Chúng sắc nét quá, đen trắng rành mạch quá. Chúng có tâm tính một chiều, ông thiện ra ông thiện, ông ác ra ông ác. Tô Hoài là một ông ác, và ông chỉ được phép có hai nét: một tài năng tầm thường và cái tật nói dối để phỉnh phờ người khác. Những nét tích cực nơi ông – có khi những đức tính – chị hoặc không thấy, hoặc thấy mà không muốn ghi . . . Cụ Trần Trung Dung là ông thiện, nơi cụ chỉ có thanh cao và tao nhã . . . *Bút Ký Irina* có khoảng trên dưới 30 chục nhân vật, vậy mà ta có cảm tưởng chỉ cần chị thổi còi hiệu ba tiếng là tất cả đám quần chúng ấy có thể xếp ngay ngắn thành hai hàng, bên tốt, bên xấu.

Thành thử những nhân vật như vậy chỉ có thật trên võng mô chị, trong đầu chị, và kết quả là cái mà chị tả sống động nhất và đúng nhất không phải những người đã bị chị phỏng vấn, mà lại là chính Irina Zisman, người ký giả có tâm hồn đam mê và văn phong sát phạt.

Dù ta quí cái đam mê ấy và ta thích thú cái văn phong sát phạt ấy, ta vẫn không thể không nghĩ đến văn chương minh họa nói chung, đến nền tự do dân chủ thật ra còn khá mới mẻ bên Nga, và đến cái thói quen sáng tác văn học chủ đề (có tiền ý đã rồi mới viết văn) chỉ mấy năm trước vẫn là văn học chính thống của vùng đất ấy. Tuy nhiên, ta biết với tấm lòng say mê tự do dân chủ của chị, với sự đón tiếp nồng hậu của bạn văn thế giới, chị sẽ rũ bỏ nốt cái nếp cũ này trong tương lai gần.

*

Khi viết về chính mình, trong chương "Cội Nguồn" và "Vô Đề", và rải rác trong các chương khác, chị tỏ ra rất thật. Chị có một tấm lòng yêu thương không mệt mỏi cho cuộc sống. Và trong cuộc sống ấy, chị không mất nhiều thì giờ cho thiên nhiên cây cỏ. Văn tả cảnh gần như không có trong tác phẩm, trừ một hàng độc nhất tả mùa thu Mạc Tư Khoa hôm chị gặp mối tình đầu: "*Bầu trời vẫn xanh rực nhưng gợn chút mây hồng, lá vàng rụng đầy đường . . .*" Chị yêu đời sống bằng cách yêu thắng con người, nhất là con người phái nam. Sau cùng, trong các loại đàn ông, trái với Dương Thu Hương, chị thấy đàn ông Việt Nam "rất được".

Tình yêu với chị vô cùng quí giá. Chị yêu nhiều, được yêu lại cũng nhiều. Và khi yêu, chị hình như không trăn trở, không hề nghĩ đến những chuyện bất

công với người này người nọ trong những mối tình mà tiểu tư sản chúng ta gọi là ngang trái.

Vai nữ của chị có thể yêu mà không thắc mắc đến chồng mình hay vợ người, và dù có phải bất công với những "nạn nhân vô tội này" thì thái độ của nàng là "đành vậy biết sao". Trong chương "Vô Đề", chị phê bình người Việt Nam thường mắc phải một cái lãng phí trầm trọng, là lãng phí tình yêu. Về một cặp tình nhân chị cho là rất hợp với nhau, chị viết:

"*Tôi thấy tình yêu của hai người tự nhiên và tất yếu như một bông hồng nở vào buổi sáng, hoặc như một cơn mưa rơi nhẹ lúc ban chiều. Bản thân hai người do Trời sinh ra như thế đã là một điều đáng chú ý, mà việc họ tìm được nhau trong thế giới khổng lồ này, thì càng là một kỳ quan (chưa nói hai người Việt Nam đó đã quen nhau trên đất Liên Xô). Gặp nhau rồi tiếp đến yêu nhau đó là điều tất nhiên, nhưng sự việc xảy ra sau đó mới là kỳ cục.*

Tôi công nhận rằng, người vợ đe dọa tự tử, bà mẹ nổi sùng, người chồng chưa cưới buồn rầu – tất cả những điều đó đáng quan tâm, nhưng vẫn không là cái gì trước công lao của Tạo Hóa đã sinh ra họ, và đẩy họ vào vòng tay của nhau . . . Nhưng đáng tiếc thay, họ nghĩ khác, và họ đã vĩnh biệt xa nhau. Lúc đó anh về nước . . .

Có lẽ họ nghĩ rằng họ đã hi sinh hạnh phúc của mình, để không phản bội những những người khác mà số phận đã gắn bó với họ. Nhưng tôi cho rằng họ đã phạm một sự phản bội trầm trọng nhất – đó là phản bội nhau.

Tôi cảm thấy đau nhói ở tim . . ."

Nói chung đề tài tình yêu ngang trái cám dỗ văn nhân ở khắp mọi nơi, đời này qua đời khác. Đó là câu chuyện những cặp tình nhân trời sinh ra để yêu nhau, mà lại lạc nhau trong cái thế giới bao la này, có tìm được nhau thì mọi chuyện đã quá muộn màng vì cả chàng và nàng đã bị số phận trói buộc vào những người xa lạ vô duyên. Đó cũng là câu chuyện thương tâm cổ điển của đôi chim trời sinh ra để chắp cánh cùng bay trong cuộc sống muôn vàn kỳ diệu, mà hóa ra lại bị nhốt riêng mỗi con một lồng . . .

Các tác giả ngoài này thấy trong nghịch cảnh như vậy cơ hội khai thác những trăn trở của con người bị giằng co giữa hạnh phúc bản thân và những giá trị luân lý thông thường như công bằng, tư cách, thủy chung, trách nhiệm. Họ dùng những trăn trở giằng co ấy để làm bật ra những chân lý thâm sâu từ những ngõ ngách của nội tâm. Tác phẩm họ đạt là ở chỗ ấy.

Còn giải pháp cho những mối tình ngang trái ấy ư? Họ cam chịu lúng túng hay nửa vời. Trong *La Symphonie Pastorale*, trong *Tây Sương Ký*, trong *Hamlet*, trong *Lưu Bình Dương Lễ*, trong vân vân và vân vân, họ tìm lối ra cho nhân vật trong cái chết, trong tu viện, trong sự áp đặt cái tình cầm sắt thành ra cầm kỳ, trong con tầu biển phiêu lưu vô định, hay thậm chí trong đoàn quân Lê Dương của Pháp . . .

Với chị thì khác. Chị không trăn trở, không dằy vò. Đặt tình yêu lên trên hết, chị dứt điểm giải quyết, không những trong văn chương mà ngay cả trong

đời sống thật. Chị không để hoàn cảnh xã hội chi phối tình yêu. Và chị xử lý như vậy một cách hồn nhiên, không lập trường ầm ĩ, không tuyên bố nọ kia. Trong chương "Cội Nguồn", về mối tình đầu với thầy giáo môn Việt ngữ tại Đại học, chị thản nhiên kể lại những năm hạnh phúc, nỗi đau đớn lúc chia tay, niềm vui hoa xưa bướm cũ của lần tái ngộ . . . Chỉ đến đoạn anh bất chợt qua đời và chị sang Việt Nam quá trễ không kịp dự đám tang, chị mới nhân tiện cho độc giả hay là anh có vợ, và vì tro để nhà bà vợ chị không tiện ghé thăm.

Hấp dẫn bởi văn phong khi đọc chị, ta có thể nhìn theo quan điểm của chị để chỉ thấy một mối tình rất đẹp. Đẹp như tấm ảnh đôi trai thanh gái lịch ngồi sát nhau trên chiếc đu, trẻ trung và rạng rỡ hạnh phúc.

Chỉ có điều hết chương sách, trong khi chị thản nhiên sang chương tiếp, ta bị kẹt lại với một hình ảnh khác, không mỹ miều như tấm hình đôi uyên ương, nhưng mà ám ảnh khôn nguôi. Đó là hình ảnh một người đàn bà không có chân dung, không được nhắc tới, một người đàn bà Hà Nội, có lẽ cũng không phải một Hoạn Thư, mà hiền thục và chịu đựng. Bà thiệt thòi ở nhà một mình những năm dài khi chồng sang Nga dậy Việt ngữ. Phần của bà quá ít. Nó vỏn vẹn là nắm tro của chồng, nắm tro mà Irina dã không tiện đến thăm . . . Người đàn bà ấy nghĩ gì khi đọc *Bút Ký Irina?*

Ta gấp sách lại suy nghĩ. Phải chăng ta bị "sốc", vì chuyện *Kiss and Tell* là điều tối kiêng kỵ trong văn chương phương Tây, cũng như sự kín đáo và tế nhị tối thiểu đối với những kẻ bên lề thua thiệt là chuyện phải có trong cung cách sống ngoài này. Chị ích kỷ chăng, nhẫn tâm chăng? Hay xã hội ngoài này đạo đức giả? Thật khó nói khi ta đi từ văn hóa này sang văn hóa khác.

*

Một nét đặc thù nữa của Irina Zisman là chị rất thoải mái với những chuyện huyền bí, những "điểm kín" trên đời. Trong chương "Phan Nhật Nam", chị viết về chuyện những người bị tra tấn có thể ra lệnh cho phần hồn lìa khỏi cơ thể bay đi để không cảm thấy đau, và để đạt tới khả năng thu nhận những thông số và sự kiện huyền bí của "bức tranh toàn cảnh thần thánh về cấu tạo thế giới" mà họ tả như một bông hồng khổng lồ . . . Và bông hồng huyền bí ấy, theo chị, cả Phan Nhật Nam lẫn một người Nga tên là Andrêev đã được thấy khi bị Cộng sản kìm kẹp, mặc dầu hai người không hề biết nhau và xa cách nhau ngót nghét nửa vòng trái đất . . .

Trong chương "Trần Tiến", chị cũng viết về những chuyện thần bí loại ấy. Theo chị, Trần Tiến có khả năng kỳ lạ mà chị gọi là "đoán từ xa". Anh có thể đoán ra chính xác những hình ảnh hay những hàng chữ bí mật viết trên những mẩu giấy đã bị xé đi hay đốt đi, bằng cách tập trung một lúc (nhắm mắt, thân thể nghiêng nghiêng về phía sau, mặt ngửa lên). Và sau mỗi lần như vậy, anh vó cùng mệt mỏi, tay lạnh, trán ướt mồ hội như vừa lao động nặng nề.

Trong chương "Lưu Quang Vũ", chị cũng viết khá nhiều và khá nghiêm túc rằng chị đã "thấy" trước những điểm chết yểu của nhà soạn kịch này . . .

Để mở dấu ngoặc, chúng ta ai cũng có lúc bói toán, hay kể cho nhau nghe

những chuyện "khoa học tâm linh", mỹ từ cho chuyện dị đoan. Nhưng ở một trình độ văn hóa cao như chị, người ngoài này thường hơi thẹn thùng khi đề cập đến những vấn đề như vậy. Trước khi kể những chuyện loại ấy, thường thường người ta mở đầu bằng một câu phân bua, đại loại, "Nhiều khi không tin cũng không được . . ." hay, "Không phải tôi mê tín, nhưng mà . . ." Irina không rụt rè như vậy. Chị thản nhiên kể chuyện thần bí siêu hình, như những chuyện tất nhiên.

Thoạt đầu tôi nghĩ đến Gabriel García Márquez. Nhưng tôi đổi ý, vì cái huyền bí nơi nhà văn Columbia chỉ nằm trong văn phong. Còn cái huyền bí nơi chị có cái gì lấn ra ngoài đời sống thực hằng ngày, cái gì rất Nga, Nga như kinh đô St. Petersburg những năm đầu thế kỷ, khi giới thượng lưu và cả xã hội nói chung say mê những chuyện đồng cốt huyễn hoặc, và khi Grigory Yefimovich (còn được gọi là Rasputin), người tu sĩ thô bạo dâm ô và thần bí, đã mê hoặc Nữ hoàng Đế quốc Nga bằng cách dùng ảo thuật chữa bệnh hoại huyết cho hoàng nam . . . Phải chăng đây là mặt trái của đổi mới, như David Aikman một phóng viên của tạp chí *Time* viết trong số 25-12-1989. Theo Aikman, những xu hướng mê tín cũ của hồi cuối triều đại Nicholas II, lợi dụng sự suy xụp của Cộng sản Liên Xô, đang rập rình muốn trở lại. Những thầy lang chữa bệnh bằng mê tín xuất hiện thường xuyên trên đài truyền hình, và thậm chí cơ quan thông tấn Tass cũng có lần nghiêm chỉnh loan báo ở Voronezh phi thuyền từ tinh cầu xa lạ đáp xuống và người không gian lững thững bước ra . . .

*

Sau phân tích và bình luận trên, ta kết luận gì về Irina?

Điều cần tóm lại trước tiên là dù phân tích làm sao thì cuốn *Bút Ký Irina* là một cuốn sách hay, rất đáng đọc. Chỉ có điều nên đọc với một cảnh giác nhỏ, để ta có thể thưởng lãm văn chị mà không bất công với những người (dù bạn hay thù) được chị phỏng vấn.

Điều thứ hai là Irina Zisman là một phụ nữ đặc biệt. Chị phức tạp, ly kỳ, và đa dạng hơn những nhân vật của tác phẩm chị nhiều lắm. Vị tha, sẵn sàng quên nguy hiểm bản thân để phụng sự tự do dân chủ, chị vẫn có thể ích kỷ và cứng rắn ở một diện khác. Thông minh sắc bén trong mọi chuyện, khoa học trong cách làm việc, chị vẫn có thể ngả về những điều huyền bí gần như dị đoan.

Và sau cùng, điều quan trọng hơn hết, chị là bạn thân của chúng ta, tình bạn xây trên lòng yêu mến chị dành cho ngôn ngữ, văn hóa và đất nước chúng ta. Nhưng chúng ta không nên tìm cách tự tạo ra một Irina tốt đẹp một cách đơn điệu và giả tạo để phù hợp với quan điểm chúng ta. Chúng ta hãy yêu quí chị với cung cách trang trọng của những người tự do, trong sự ghi nhận và kính trọng sự đa dạng và phức tạp của chị.

Tôi nghĩ độc giả chưa "no" chị qua tác phẩm này. Và họ chờ đợi các tập II và III (?) của *Bút Ký Irina*. □

BÙI BẢO TRÚC

phỏng vấn irina zisman

Hỏi: *Trong tập hút ký, chị cho biết do mối tình dầu với một giáo sư Việt Nam mà cuộc đời của chị đã gắn bó rất nhiều với Việt Nam. Xin chị cho biết mối tình của chị với Việt Nam hiện nay ra sao? Tăng hay giảm? Tuyệt vọng, chán chường hay vẫn còn hy vọng?*

Đáp: Câu hỏi này có tính chất riêng phải không anh? Cho nên tôi cũng sẽ trả lời trong lãnh vực riêng. Cuối cùng tôi đã bước sang tuổi tứ tuần, và tôi đã lấy chồng và anh ấy là người Việt Nam. Anh ấy là sĩ quan của chế độ Sàigòn trước đây và cũng đã ở trại cải tạo mấy năm. Và ngày phát thanh đầu tiên của chương trình Việt ngữ do tôi phụ trách cũng lại là ngày sinh của anh ấy.

Hỏi: *Thưa chị, hồi nãy tôi hỏi mối tình của chị với Việt Nam, tôi xin nhấn mạnh là với Việt Nam, mối tình đó có còn không?*

Đáp: (Cười) Tôi cho là câu trả lời của tôi vẫn có ý nghĩa. Tôi xin nói lại là "có".

Hỏi: *Chị có nhiều kỷ niệm và quen thân với giới trí thức, văn nghệ sĩ miền Bắc, nhất là những người đã từng đi học hay qua thăm Liên Sô trước đây. Điều gì đã thúc đẩy chị đi tìm gặp, phỏng vấn những người gốc "Ngụy" như Trần Trung Dung, Phan Nhật Nam, Chóe, Bùi Giáng...?*

Đáp: Chỗ này tôi cũng xin nói riêng một tí... Trong suốt đời tôi, kể từ khi tôi còn nhỏ đến nay, trong gia đình tôi, ông bố tôi không bao giờ yêu mến hay tôn trọng Cộng sản, cho dù đó là Cộng sản ở bất cứ nước nào, nói chi đến chế độ độc tài của Stalin. Tất cả những người cùng giới với gia đình chúng tôi đều là những người chống Cộng sản. Bây giờ, chân thành mà nói, trong suốt cuộc đời của tôi, tôi chưa bao giờ gặp một người Cộng sản nào thực sự, tức là một người tin thực sự vào lý tưởng Cộng sản. Nếu thấy có những người đứng về

phía Cộng sản thì đó chỉ là những người của đảng Cộng sản hay giữ những vị trí này nọ. Còn giới trí thức và những người chung quanh tôi, gia đình tôi thì không ai tin vào chủ nghĩa Cộng sản cả. Cho nên mặc dù không hề biết gì về Việt Nam Cộng Hòa, tôi vẫn biết rằng ở Việt Nam Cộng Hòa vẫn có một giới trí thức nên tôi muốn tìm gặp họ.

Hỏi: *Khi chị gặp những người này chị có thất vọng không? Những người đó có giống như những điều chị có trong đầu trước khi gặp họ không?*

Đáp: Câu hỏi của anh khó lắm. Nhưng có thể trả lời thế này: nếu nói về số nhiều thì tôi có bị thất vọng phần nào, nhưng có một số người, riêng cá nhân một số người thì cái sự yêu mến vô cùng của tôi đối với những người đó đã có thể bù hết được, có thể nói là lại còn thừa ra để khiến cho sự thất vọng đó cũng nhỏ đi. Thí dụ như bác sĩ Nguyễn Đan Quế, ông Trần Trung Dung như tôi đã viết trong cuốn bút ký.

Hỏi: *Chị có nghĩ là nếu gặp những người – mà chị thất vọng đó – trong một thời điểm, một khung cảnh nào khác thì người ta sẽ đỡ làm cho chị thất vọng không? Hay những người mà chị khâm phục đó, phải chăng họ đã trải qua những thử lửa, những người qua mười mấy năm tù đày mà vẫn giữ được tư cách và chính vì thế mà chị khâm phục họ hơn không?*

Đáp: Tôi cho rằng chuyện này có tính chất vĩnh cửu. Không phải là vì người ta đang trong giai đoạn này mà người ta như thế. Tôi cho rằng con người ta bản chất như thế nào thì bao giờ họ cũng như vậy. Nhưng có một điều mà tôi cũng đã thấm qua sau bao nhiêu năm có quan hệ với văn hóa Việt Nam thì tôi thấy rằng nếu so sánh hai dân tộc với nhau thì những tinh hoa của dân tộc này với dân tộc kia và bất cứ một dân tộc nào khác thì nó vẫn như nhau. Mức cao nhất, cái đỉnh cao của dân tộc nào cũng hoàn toàn bằng nhau. Có thể khi nhìn chung thì có thể trình độ dân trí khác nhau, trình độ nghèo của dân tộc này khác trình độ nghèo của dân tộc kia, nhưng nếu nhìn cái tinh hoa của các dân tộc, thì nó cũng giống nhau vậy thôi.

Hỏi: *Theo nhận xét của chị, tâm sự hiện nay của những nhà văn gốc miền Nam nhưng đã sinh hoạt với chế độ như Vũ Hạnh, Hoàng Phủ Ngọc Tường như thế nào? Chúng tôi được biết ông Vũ Hạnh có viết một bài báo nói về chế độ hiện nay ở Việt Nam, nhưng sau khi bài báo ấy được phổ biến ở ngoại quốc thì ông ấy lại chối, nói là ông ấy không hề viết những dòng chữ đó . . .*

Đáp: Qua thí dụ về Vũ Hạnh thì người ta thấy rõ là hiện nay ở Việt Nam có vô số những Vũ Hạnh như vậy, tức là họ không muốn dùng tên của họ trong những việc như thế. Đây là một hiện tượng phổ biến ở Việt Nam.

Hỏi: *Thế còn Hoàng Phủ Ngọc Tường?*

Đáp: Anh Tường thì khác. Anh là một người không có hạnh phúc. Anh là người mà tôi không biết là có theo đạo gì không nhưng anh cũng nhiều khi chấp nhận tất cả mọi việc xảy ra vì cho rằng số mệnh như vậy, hay là Thượng đế muốn như vậy . . . Cho nên anh cũng không muốn tham gia hay phát biểu cái gì một cách công khai . . . không phải là vì anh sợ cho mình, mà anh cho

rằng như thế này là rất xứng đáng. Có một lần, anh nói rằng trên bước đường lịch sử Việt Nam, những nỗi đau khổ mà dân tộc Việt Nam phải gánh chịu cũng là một phần cái nợ phải trả cho việc đánh phá Chiêm Thành chẳng hạn. Nhưng nếu đặt anh vào vị trí của Vũ Hạnh thì anh sẽ không như vậy.

Hỏi: *Trong trường hợp Hoàng Phủ Ngọc Tường, chị có nghĩ tới chữ "vỡ mộng" không?*

Đáp: Không.

Hỏi: *Riêng Trịnh Công Sơn, tâm sự Trịnh Công Sơn có khác với tâm sự Vũ Hạnh và Hoàng Phủ Ngọc Tường không?*

Đáp: Thưa anh, có cái mà tiếng Nga chúng tôi nói là tâm tư, tư tưởng của con người luôn luôn gắn liền vào với sức khỏe. Không biết là nó như thế nào, nhưng điều này có tính chất y học ở trong bởi vì tôi thấy là sức khỏe của anh Sơn không được tốt. Anh luôn luôn bị ám ảnh bởi tư tưởng sợ chết, và vừa rồi, trong khi trả lời cuộc phỏng vấn của Pháp Tấn Xã, anh nói rằng anh sống trong cơn sợ chết thì mọi người hiểu cái đó là nỗi sợ Cộng sản, sợ người ta giết hay sợ một cái gì khác. Nhưng thực ra, anh chỉ sợ chết. Anh bị đau gan cho nên cái chết luôn luôn ám ảnh anh ta. Đối với anh, một ngày hay một tháng được sống yên, không phải uống thuốc như điên, không phải lo, không phải bị đưa đến bệnh viện để được cứu chữa một cách cấp tốc thì đó đã là may rồi. Cho nên câu "Để tôi yên" nó có liên quan đến y học.

Hỏi: *Như thế, theo chị, câu "Để tôi yên" đó có bao nhiêu phần trăm về y học và bao nhiêu phần trăm về chính trị?*

Đáp: 90% y học và 10% chính trị.

Hỏi: *Qua tập bút ký, nhiều khi chị có vẻ ác cảm, và nhiều khi còn cay độc với những nhà văn lớn tuổi như Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, trong khi lại dành nhiều thiện cảm cho các văn nghệ sĩ trẻ như Lương Xuân Đoàn, Trần Tiến, Dương Thu Hương... Tuổi tác ảnh hưởng gì tới cuộc vận động dân chủ hóa ở Việt Nam?*

Đáp: Một điều lạ là, ở Nga chúng tôi cũng vậy. Các nhà văn lớn tuổi, họ có bút pháp rất giỏi. Đáng lẽ họ đem cái tài đó để phục vụ dân chủ hay là cái gì đó, hay ít nhất họ cũng dùng để viết về cái gì mới nhưng không hiểu sao, những người bảo thủ cực kỳ nhất ở đất nước chúng tôi lại là những nhà văn già chứ không phải là lớp người Cộng sản trong Bộ Chính trị. Có thể cũng một phần chuyện đó giống những gì tôi thấy ở Việt Nam nên tôi rất buồn, bởi vì họ thường dùng những thủ đoạn không trong sạch mấy. Họ không dùng cái tài năng đó để viết những tác phẩm tử tế, mà họ quay ra chế giễu những nhà văn trẻ. Điều đó làm mất đi cái giá trị về mặt tinh thần của tác phẩm. Vì vậy, tôi ác cảm với các nhà văn già ở Việt Nam cũng vì thế mà ra. Nguyễn Đình Thi, như trong cuốn bút ký anh vừa đọc, tôi có tương đối quen thân, nhưng chính vì ông mà tôi mất một thời gian tương đối dài không được quen với Dương Thu Hương. Khi cô viết cuốn *Bên Kia Bờ Ảo Vọng*, tôi chưa quen cô. Nguyễn Đình Thi nói với tôi rằng bây giờ có một loại nhà văn chỉ thích gây *scandal* và

nhà văn nữ này thuộc vào số người như vậy. Cho nên tôi cũng vì tôn trọng ông Thi và mọi người cũng nói là Dương Thu Hương đã viết về ông Thi trong một cuốn sách của bà, vì vậy tôi cũng nghĩ là không nên. Sau đó, tôi thấy lập trường của ông khi tôi thấy ông quen thân với những ai trong số các nhà văn Liên Sô và tôi biết ông cũng là loại người như vậy. Có một lúc, ông là Tổng thư ký hội Nhà văn Việt Nam, ông sang Liên Sô thường xuyên vào lúc đang có những cuộc đấu tranh rất gay gắt trong nội bộ của hội Nhà văn Liên Sô. Tôi biết ông đứng về phía nào, và với tôi, như thế cũng đủ để thấy rõ con người ông Nguyễn Đình Thi.

Hỏi: *Thưa chị, nếu tôi dùng những chữ này để mô tả Dương Thu Hương thì có đúng không? Ngay thẳng. Thành thật. Nóng nảy. Liều lĩnh. Bất cần đời.*

Đáp: Tôi chỉ xin anh bỏ ra ngoài chữ "liều lĩnh" mà thôi.

Hỏi: *Trong bài viết về Nguyễn Đình Thi, có phải chị muốn nói Trần Bạch Đằng không phải là thủ lãnh phe cấp tiến như Tố Nhuận Vỹ đã nghĩ, mà có sự hợp tác, phân công chặt chẽ giữa Nguyễn Đình Thi của phe bảo thủ và Trần Bạch Đằng, người thường được nghĩ là có chủ trương cấp tiến không?*

Đáp: Đúng. Tôi muốn nói như thế, nhưng điều đáng nêu lên ở đây là cái nhận xét của tôi đã được đưa ra từ trước khi mọi người thấy điều này. Chuyện này bây giờ thì ai cũng biết. Tôi viết ra điều đó cách đây một năm rưỡi.

Hỏi: *Có phải khi đứng ra lập chương trình Tiếng Nói Tự Do trên đài Mạc Tư Khoa, chị đã dứt khoát chọn phía, đoạn tuyệt với giới bảo thủ đang cầm quyền ở Việt Nam? Nếu đúng, chị có tiếc những mối thân tình cũ tại Hà Nội không?*

Đáp: Tôi dứt khoát chứ anh. Nhưng thân tình cũ ở Hà Nội thì không mất mát gì cả, vì đối với chính quyền Hà Nội, tôi đâu có thân tình gì. Còn các nhà văn ở Hà Nội thì chắc chắn vẫn còn mến tôi nhiều lắm.

Hỏi: *Chúng tôi không thấy một dòng nào trong cuốn bút ký đề cập đến những người như Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Tô Thùy Yên, Nguyễn Đình Toàn . . . Những người mà tài năng văn học của họ đã được xác định. Tại sao?*

Đáp: Bởi vì tôi chỉ viết về những người tôi đã gặp và đã biết mà thôi. Còn các nhà văn mà anh nêu tên thì tôi chưa được gặp.

Hỏi: *Trong khi đó, chị lại nhắc đến những người không còn sinh hoạt trong lãnh vực văn học nghệ thuật nữa như Bùi Giáng, Phan Nhật Nam, Chóe . . . Tại sao?*

Đáp: Thì cũng tại vì cuộc đời đưa đẩy tôi đến gặp họ mà thôi.

Hỏi: *Chị có nghĩ là những gì chị viết trong cuốn bút ký có vẻ như có cái giọng của một người đứng ở trên bậc cao ngó xuống một khu vườn ở dưới không?*

Đáp: Cái đó có thể là có. Nhưng mà nó cũng được bù đắp, hay cân bằng lại bằng những gì tôi tự viết về mình, những điều đó cũng rất chân thành, và nhiều khi những người bạn quen thân với tôi, khi đọc những điều tôi viết thì . . . Thí dụ như một anh bạn sau khi đọc xong, có nói với tôi rằng anh ấy muốn lấy một miếng vải che thân cho đỡ . . .

Hỏi: *Phần cuối, chị đã dành những lời tha thiết nhất cho Sàigòn chứ không*

phải là cho Hà Nội. Trong khi chị lại tỏ ý lấy làm tiếc là Trần Tiến đã phải xa Hà Nội để vào làm vua bụi đời ở Sài Gòn.

Đáp: Trần Tiến thì là người của Hà Nội. Còn tôi thì . . . rất giản dị là tôi đến Hà Nội có hai, ba lần thôi nhưng tôi đến thăm Sàigòn trên 20 lần. Nhưng trong chương viết về anh Hoàng Phủ Ngọc Tường, tôi cũng có viết về Hà Nội. Đối với tôi, Hà Nội không bao giờ thân thiết mặc dù tôi biết rằng dây là một thành phố có nhiều điều bí ẩn. Nhưng Sàigòn là một thành phố vô cùng thân thiết với tôi.

Hỏi: *Chị đã đến Sàigòn, đã gặp gỡ, nói chuyện với Sàigòn, những người ở dây có còn phẩm giá không, sau khi họ không còn gì nữa để mất như chị đã viết?*

Đáp: Họ là những người rất có phẩm giá.

Hỏi: *Cái gì đã làm chị viết câu* "Tôi cầu nguyện Chúa Phật, Thượng đế, các vị thần hãy ban phước lành cho thành phố kỳ diệu Sàigòn của trái tim tôi"? *Chị nói thêm được không?*

Đáp: Tôi quý thành phố Sàigòn vì những con người của thành phố này. Tôi có viết về những bác xích lô, những em bán báo. Đối với tôi, không có một cái gì mạnh mẽ hơn khi gặp một bác xích lô là giáo sư . . . Phần lớn xích lô là giáo sư và phần lớn giáo sư là xích lô . . . Đó là lý do tôi viết câu đó trong cuốn sách . . . □

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- **bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...**
- **bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở**

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: (714) 641-0263

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

vài ý nghĩ nhân dịp xem người tình: phim và truyện

điểm sách

Quyển *Người Tình (L'Amant)* của nữ văn sĩ Pháp Marguerite Duras, được xuất bản năm 1984 và đoạt giải thưởng Goncourt cùng năm của Hàn Lâm viện Pháp.

Bà Duras bắt đầu nổi tiếng từ thập niên 50 với tác phẩm *Một Con Đập Ngăn Thái Bình Dương (Un Barrage Contre le Pacifique)*, nhưng quyển sách đầu tiên bà ký tên thật (Marguerite Donnadieu) và viết chung với một người khác là *Đế Quốc Pháp (L'Empire Francais)* in năm 1940, từ đó đến nay bà đã có trên sáu mươi tác phẩm đủ loại từ tiểu thuyết đến kịch, truyện ngắn, truyện phim và rất nhiều phim do chính bà thực hiện, kể cả phim hay kịch soạn từ tác phẩm của người khác. Được nhắc nhở nhiều nhất là những công trình sau đây: *Les Impudents, Moderato Cantabile, Hiroshima Mon Amour, L'Amante Anglaise, India Song.*

Người Tình được dịch ra khoảng bốn mươi ba thứ tiếng (kể cả tiếng Việt Nam) kể lại chuyện tình của một cô gái vừa mới lớn. Bối cảnh Việt Nam vào những năm hai mươi. Quyển sách mở ra bằng những dòng chữ nói về gương mặt hiện tại của nhân vật chính xưng tôi và ở ngôi thứ ba "cô bé" qq Ai cũng có thể nhận ra đó là gương mặt của chính tác giả:

Năm mười tám, tôi đã già đi. Chẳng biết có phải ai cũng thế không, đôi khi thời gian đột khởi, giáng vụt tới lúc chúng ta đang ở tuổi non dại nhất, được trân trọng nhất. Sự già cỗi này đến với tôi hết sức đột ngột, tôi nhìn thấy nó xen lẫn vào từng đường nét trên gương mặt, thay đổi sự hài hòa khiến đôi mắt tối hơn,

cái nhìn buồn rầu hơn, nét môi rõ hơn và hằn sâu những vết cắt trên trán. Thay vì sợ hãi, tôi đã hứng thú theo dõi, như khi đọc sách, từng bước tiến kinh khủng của nó. Bởi tôi biết trước rằng tới một ngày nào đó nó sẽ đi chậm lại, diễn tiến bình thường trở lại. Những người quen biết tôi năm mười bảy tuổi đã vô cùng ngạc nhiên khi gặp lại tôi hai năm sau. Bây giờ tôi vẫn giữ khuôn mặt mới đó, khuôn mặt của tôi. Dĩ nhiên, tôi già thêm đi nữa nhưng một cách tương đối hơn. Khuôn mặt tôi đầy những nếp nhăn sâu và khô, da vỡ vụn. Nó không chảy xệ như vài khuôn mặt thanh tú khác, mà các đường nét tuy vẫn còn nhưng chất liệu bên trong đã bị hủy hoại . . .”

Rồi từ đó câu chuyện bắt đầu theo cùng một nhịp điệu thu hút. Từ một chuyến sang sông. Trở lại nhà nội trú ở Sàigòn sau một kỳ nghỉ hè. Khi nghỉ, nhân vật chính về với mẹ ở Sa Đéc. Một người mẹ giáo viên với nhiều ảo vọng. “Cô bé” nói về những thất bại và tuyệt vọng của người mẹ, nỗi sợ của hai anh em cô đối với người anh cả. Lời giải thích tại sao mình già đi quá sớm . . . (trang 10-11).

Người ta bảo rằng vì ánh nắng quá chói chang trong suốt thời thơ ấu, rằng sự khốn cùng đã khiến những đứa trẻ phải suy nghĩ sớm. Tôi không tin. Không, không phải như vậy đâu. Có những đứa trẻ hom hem vì già, bị dói kinh niên. Còn chúng tôi, chưa bao giờ bị dói, chúng tôi là những đứa trẻ da trắng, tuy rằng xấu hổ vì phải bán bớt đồ đạc nhưng chúng tôi không bị dói, chúng tôi có một người bồi, và quả thật đôi khi chúng tôi cũng ăn những thức ăn nhờm tởm, thịt chim cò, cá sấu . . . do người bồi nấu và hầu dọn, nhưng chúng tôi có đầy tớ . . . (trang 13).

Khuôn mặt tàn phế bởi rượu đã hiện hữu trước khi rượu hoành hành sức công phá của nó. (Rượu, chỉ là một cái cớ). Và tác giả báo trước rằng ở tuổi mười lăm, gương mặt của bà là *“gương mặt của khoái cảm (la jouissance) và (khi đó) tôi chưa biết khoái cảm”* (trang 15).

*

Cuộc tình kỳ lạ giữa một cô gái nhỏ thuộc giới thống trị nhưng nhà nghèo, mẫn cảm, với một người đa vàng của xứ Việt Nam thuộc địa, gốc gia đình Tàu giàu sụ. Chàng hơn cô mười tuổi, có vẻ nhút nhát, học dở (tuy đã được bố gửi đi du học ở Paris) nhưng từng trải. Một cuộc tình đầy tuyệt vọng, tràn ngập nhục cảm, dữ dội và táo bạo được kể bằng những câu ngắn, đầy đam mê, nhiều đoạn nên thơ và trữ tình mà không thiếu thành thực, nồng bỏng. Có lẽ thành công của cuốn sách là ở chỗ đó, dù khi viết quyển này, bà đã trên dưới bảy mươi tuổi, khi đọc người ta tưởng tượng như chuyện xảy ra trước mắt, lạnh người trước những xúc cảm ngất ngây, liều lĩnh, đầy ắp nhục cảm vừa được khám phá cũng như cái nhìn của một cô gái nhỏ về gia đình, về những thế giới lớn nhỏ xung quanh. Có những cảm xúc ở tuổi mười lăm, vẫn nguyên vẹn, nồng nàn ở tuổi bảy mươi. Cũng như các ý nghĩ về đời sống, về tình yêu, về cái chết. Vẫn luôn luôn là những câu ngắn. Những úp mở, vụt sáng, vụt tắt và thường chở nặng những bí ẩn và khúc mắc. Hé mở ở đoạn này, thêm một chút ở chỗ

kia, rồi khép lại. Và bùng nổ rồi dịu lại. Như bị trì kéo một chút ngượng ngùng, một chút ngây thơ, một chút xấu hổ và rất nhiều đau đớn, rất nhiều oán ghét, thù hận cũng rất nhiều thương yêu. Tất cả đều trộn lẫn, tròng tréo. Những hình ảnh, những ý nghĩ, ở nơi này, kéo theo những hình ảnh và ý nghĩ của mươi năm về trước của tuổi hai mươi năm về sau, ở một nơi khác. Trong suốt "cuộc tình" là những trang sách đậm đà cảm xúc. Đó là tình yêu cho người em trai, sự thù ghét, khinh bỉ đối với người anh cả. Đó là tình yêu, sự cảm thông đối với người mẹ, từ trang đầu cho tới trang cuối, cho cả đến quyển sách viết thêm (xin đề cập sau). Còn đối với những người khác, những ngôi nhà cũ mới, căn phòng nhỏ của đôi nhân tình giữa khu Chợ Lớn ồn ào, bà mô tả vừa gần vừa xa, vừa thương vừa ghét, vừa mơ hồ dễ thương vừa gần gũi thống thiết, vừa bực bội lãnh đạm. Như tình cảm phức tạp của một cô gái mới lớn. Tần nhẫn và mẫn cảm. Sáng suốt và đam mê. Mười lăm tuổi rưỡi.

Người đàn ông ăn mặc lịch sự bước xuống xe, anh hút thuốc lá Ăng Lê. Anh nhìn cô gái đội nón dàn ông và mang giày cao gót chạy chỉ vàng. Anh từ từ đến gần cô, rụt rè thấy rõ. Mặt nghiêm không cười, anh mời cô điếu thuốc, bàn tay run run. Không phải người da trắng như cô, làm thế, anh run là phải. Cô trả lời cám ơn cô không hút thuốc. Cô chỉ nói thế chứ không bảo hãy để cô yên, cho nên anh bởi sợ . . . (trang 42-43).

Đó là buổi gặp gỡ đầu tiên của hai nhân vật chính, trên chiếc phà từ Vĩnh Long về Sàigòn (Bắc Mỹ Thuận) và là lần cuối cùng cô bé đi xe đò bản xứ. Từ sau những lời trao đổi ngắn ngủi đó, cô đi về Sàigòn, cả sau này nữa, đi học, đi về nhà trọ, bằng chiếc xe nhà lộng lẫy.

Và ngay lúc vào ngồi trong xe, chính cô bé đã nhìn thấy, đã hiểu, đã đau đớn.

Thật vậy, chuyện xảy ra rất nhanh, như cô đã muốn, đã thấy trước.

Chuyện xảy ra rất nhanh, ngày hôm ấy, một ngày thứ năm. Anh đến trường rước cô về nhà trọ, rồi lại đưa cô đi, vẫn trên chiếc xe nhà màu đen.

Đến Chợ Lớn, nơi đối diện với những con đường nối liền khu phố Tàu với trung tâm Sàigòn. Những con đường lớn kiểu Mỹ, tấp nập những xe điện, xe hơi, xe kéo. Vào buổi trưa, sớm lắm, nên cô bé trốn được buổi đi dạo bắt buộc dành cho bọn nữ sinh ở trọ.

Căn phòng ở phía nam khu phố, bàn ghế chọn lựa hơi cầu thả theo kiểu tân thời. Anh nói không phải anh đã chọn kiểu.

Trong phòng hơi mờ tối, cô không muốn bảo anh kéo sáo lên. Cô không có một cảm nghĩ gì rõ rệt, không hận thù, không ghê tởm. Chẳng nghĩ ngợi gì nữa, đó là vì thèm muốn quá đấy thôi. Cô không biết gì về "chuyện ấy". Cô đã thuận lòng đến đây khi anh ngỏ ý hôm qua. Cô đến nơi phải đến. Cô hơi sợ, đường như mọi chuyện sẽ không chỉ đến đúng như cô muốn mà còn đặt biệt đúng cho riêng cô nữa. Cô chú ý đến bên ngoài, đến ánh sáng, đến tiếng ồn của khu phố xung quanh. Còn anh, thì run. Anh nhìn cô như chờ đợi cô nói nhưng cô không nói. Anh bất động, anh nói thật nhỏ, rằng anh yêu cô như một thằng điên. Rồi anh

im. Cô không đáp dù cô có thể trả lời rằng cô không yêu anh. Bỗng cô chợt hiểu rằng anh không biết, sẽ không bao giờ biết được cô, không tài nào biết được từng ấy tội lỗi, lầng lơ. Không biết dùng nhiều thủ đoạn như cô để bắt lấy anh. Anh không hay biết gì hết. Chỉ cô mới biết và biết rằng cô thích anh ngay từ lúc gặp nhau trên phà và chuyện đó do cô quyết định.

Cô nói phải chi anh dừng yêu cô nhưng nếu như anh yêu thật, anh hãy cứ tự nhiên như đã làm với những người đàn bà khác. Anh kinh hoàng hỏi lại "Em muốn vậy thật sao?" Cô nói phải. Lần đầu tiên, anh đau khổ thật tình, kể từ lúc ấy, nơi căn phòng này. Anh nói anh biết rằng cô sẽ không bao giờ yêu anh. Cô nói không biết nhưng rồi cô im để mặc cho anh nói . . . (trang 46-48).

Sau cơn đau, sau nỗi bàng hoàng, người đàn ông da vàng – gốc Hoa vùng Phúc Kiến, con một, mồ côi mẹ, với hai năm ăn chơi và buồn chán ở Paris, với tài sản kếch sù do người cha quản lý từ trên mâm đèn thuốc phiện – quyết định ra tay, theo lời yêu cầu của cô gái nhỏ.

Anh lột áo cô bé, ném đi, anh giật bỏ chiếc quần lót bằng vải, rồi ẵm cô trần truồng đến bên giường. Rồi anh quay người đi, khóc lặng lẽ. Cô bé chậm rãi, kiên nhẫn kéo anh lại và bắt đầu cởi quần áo anh. Cô nhắm nghiền đôi mắt. Chậm rãi. Anh phúc một cử chỉ, cô bảo hãy để cô. Khi cô nói anh lên giường, anh đi chuyển thật nhẹ nhàng, như sợ đánh thức cô. Làn da mềm láng dịu êm. Thân hình anh ốm, không gân guốc, chắc anh hay bệnh thuở bé . . . Cô vuốt ve, rờ rẫm làn da vàng lửa vô danh mới lạ. Anh đau đớn khóc vì cuộc tình tồi tệ. Và nhập cuộc. Ban đầu cô đau lắm nhưng rồi cơn đau qua đi, khoái cảm ào ạt đến, ngập tràn. Như biển cả, bao la choáng ngợp.

Ngay lúc ấy hình ảnh người mẹ chợt đến, như lúc ở trên phà. Người mẹ với đôi vớ dài mạng vá, người mẹ dũng dấy, như đứa con gái. Hai đứa con trai đã từng trải, đã biết. Đứa con gái thì chưa. Chúng không bao giờ nói chuyện với nhau về mẹ, về điều chúng biết, điều tiên quyết, điều cuối cùng về mẹ thời thơ ấu.

Người mẹ chưa bao giờ có khoái cảm.

Tôi không biết rằng sau đó mình chảy máu. Anh hỏi tôi có đau, anh rất sung sướng khi tôi nói không. Anh chùi vết máu, lau rửa tôi. Anh trở lại, bình thản, gợi cảm. Tôi tự hỏi làm sao tôi đã đủ sức phạm điều mẹ cấm một cách bình tĩnh và quả quyết như vậy. Làm sao tôi đã dám đi đến tận cùng ý nghĩ như vậy.

Bên ngoài là Chợ Lớn. Thành phố thật ồn như trong một phim với phần âm thanh vận quá mức đến điếc tai. Tôi còn nhớ rõ, căn phòng rất tối. Chúng tôi im lặng, tiếng ồn liên tục bao vây, lôi căn phòng vào thành phố, vào đời sống thành phố. Cửa sổ phòng không có kính, bóng người qua lại in trên những bức mành sáo trong ánh mặt trời bên đường. Đám đông không ngớt, bóng họ cứ đều đặn bị cắt sọc bởi những chiếc lá mành. Tiếng guốc gỗ khua buốt óc, những tiếng nói chát chúa. Tiếng Tàu nói như hét, tôi tưởng tượng như một thứ tiếng nói những vùng sa mạc, thứ tiếng vô cùng xa lạ.

Ngày đã hết ngoài kia vì tiếng nói và người qua lại mỗi lúc càng nhiều và hỗn

độn. Thành phố của hoan lạc rất náo nhiệt về đêm. Và đêm bắt đầu bây giờ với mặt trời đang lặn.

. . .

Anh bảo tôi đã ngủ lúc nãy còn anh vừa tắm xong. Tôi gần như không hay mình đã ngủ. Anh bật ngọn đèn trên chiếc bàn thấp. Tôi chợt nghĩ, đây là một người đàn ông có những thói quen, quen đến nơi này, quen làm tình, làm tình thật nhiều cho bớt sợ. Tôi nói tôi rất thích được là một trong đám đông phụ nữ đã đến chỗ này. Chúng tôi nhìn nhau và anh hiểu điều tôi nói, ánh mắt chợt tắt, đau đớn, chết lặng.

Tôi bảo anh hãy yêu tôi nữa. Anh đến, mùi thơm thuốc lá Ăng Lê, mùi nước hoa đắt tiền, mùi mật ngọt, da anh mang mùi tơ sợi, mùi thơm tho của lụa là, của vàng kim, anh vô cùng quyến rũ. Tôi nói với anh điều này. Anh bảo hãy chờ và nói rằng ngay từ đầu, lúc qua phà, anh biết rằng tôi sẽ như thế, rằng tôi rất đa tình, rằng tôi sẽ cầm sừng anh và cầm sừng tất cả những người đàn ông tôi yêu sau này. Riêng anh, anh là (nguyên nhân của nỗi bất hạnh, nạn nhân của chính mình). Tôi bảo tôi sung sướng vì những điều anh nói. Tuyệt vọng trở nên thô bạo, anh nhào đến bên tôi, ngoạm lấy đôi vú nhỏ vừa la hét vừa nguyền rủa. Tôi nhắm nghiền đôi mắt, khoái cảm dâng tràn. Anh sành sõi lắm, tình yêu là thế đó, chỉ có thể là thế. Đôi bàn tay anh diệu nghệ, tuyệt vời hoàn hảo. Rõ ràng là tôi may mắn, không dưng mà anh biết đúng chuyện phải làm, lời phải nói. Anh mắng tôi đĩ thõa, lẳng lơ nhưng cũng là mối tình duy nhất của anh. Phải rồi, vì thân xác đã buông thả mặc tình, chỉ nghe theo khát vọng, để tìm kiếm và được thỏa mãn. Như thế thật tốt đẹp, không cạn bã. Mọi cạn bã được che giấu, tất cả bị cuốn trôi đi trong dòng thác mạnh mẽ của dục vọng.

Tiếng động của đường phố thật gần, sát bên mành cửa, như xuyên qua phòng. Trong lúc đó, tôi vuốt ve thân anh. Biển cả, bao la góp lại, triều dâng nhấp nhô xa gần . . . (trang 49-50).

Cuộc tình kéo dài một năm rưỡi. Ban đầu người mẹ không hay biết nhưng bà nghi ngờ, sợ hãi. Đánh khảo con gái trong lời khuyến khích của người con trai cả và tiếng khóc van của thằng con út. Nhưng rồi sau đó cô gái cũng dưa được người tình đến bên gia đình. Anh gặp gỡ gia đình cô gái qua những bữa ăn trong nhà hàng ở Chợ Lớn, khá bi hài và rất làm tổn thương tự ái của người tình nhược tiểu. Cô bé dối khi trốn học, lắm khi dêm không về ký túc xá. Bị bạn đồng học tẩy chay. Bị gia đình tình nhân chối bỏ. Cô bé có nhiều lý do để tin rằng đây là một cuộc tình của nhục dục và tiền bạc do chính cô định đoạt và đôi bên cùng có lợi. Thế rồi người mẹ quyết định đưa gia đình trở về Pháp; trên chiếc tàu xuyên Thái Bình Dương, trong một đêm sao rực rỡ, trong tiếng đàn dương cầm chan hòa một nhạc khúc của Chopin, cô chợt nhận ra rằng mình đã yêu. Và người tình, đến mấy mươi năm sau, có dịp trở lại Paris, qua điện thoại đã nói với cô gái năm xưa, bằng giọng nói run run rằng anh vẫn theo dõi đời sống của cô, anh hãy còn yêu cô, anh vẫn yêu cô, yêu hoài cho đến ngày anh chết.

Quyển sách chấm dứt ở trang 142. Thời gian viết: từ tháng hai đến tháng năm 1984.

*

Quyển sách bán chạy như tôm tươi, ngoài những lý do khiến quyển sách được giải Goncourt có lẽ vì người ta cũng tò mò, nhất là những độc giả trung kiên của bà từ vài mươi năm nay. Có lẽ cũng vì bà quá nổi tiếng mà phần đời riêng trước đó của bà (ở Đông Dương) chưa được đề cập rõ ràng trong những tác phẩm đã xuất bản. Có lẽ vì cái tựa "ăn tiền"? Có lẽ bà được mời phỏng vấn, nói chuyện liên miên trên báo chí, truyền hình? Có lẽ bà là tác giả duy nhất nói nhiều và nói đi nói lại mãi về tác phẩm của mình và cuộc đời của mình mà chuyện tình đầu đời chưa hề tiết lộ? Chúng ta cũng không quên bà đã dấn thân về chính trị (thời đệ nhị thế chiến, bà theo kháng chiến chống Đức, chồng bà bị bắt sang Đức, và qua đời ít lâu sau khi chiến tranh chấm dứt, khoảng thập niên năm mươi bà tố cáo bọn Phát-xít, thập niên sáu mươi bà là Mác-xít . . .) và là một trong những tác giả được sinh viên chọn làm đề tài nhiều nhất để thi luận án văn chương.

Vài năm sau, *Người Tình* sắp đi vào quên lãng. Như thường tình, bởi vì đời sống ào ào, văn chương đến cũng ào ào (và là thứ ồn ào rất chốc lát và trừu tượng, vô bổ (?). Sau *Người Tình* đã có dăm bảy tác phẩm văn chương khác được Hàn lâm viện trao giải và hàng trăm hàng ngàn cuốn sách khác ra đời, chiếm ngự chỗ trong các nhà sách, thư viện lớn nhỏ. Và văn chương đã bị che lấp bởi những biến cố to lớn khác, trực tiếp ảnh hưởng tới đời sống hằng ngày: Bão tố trên sa mạc, bão tố ở Wall Street, tường sập ở Bá Linh, tường sập ở Mạc Tư Khoa, tượng rơi ở Bucarest, những thần tượng láo khoét bị hạ bệ ở Varsovie, ở Stalingrad, ô nhiễm ở Ba Lan, ô nhiễm ở Tchernobyl, ô nhiễm trong thiên nhiên, ở Bắc cực, ở Amazonie, ô nhiễm trong chính trị, ở Paris, ở Atlanta . . . Thì một lần nữa, Margarite Duras lại được đẩy ra giữa sân khấu thời sự (văn hóa nghệ thuật) với cuộc tình đầu đời. Tất cả chỉ vì bà bất đồng ý kiến với nhà làm phim Jean Jacques Annaud.

*

Bản quyền *Người Tình* được nhà sản xuất phim Claude Berri mua vào năm 87, ông này giao phần thực hiện cho J.J. Annaud đã làm những phim đoạt nhiều giải thưởng như *Cuộc Chiến Của Lửa (La Guerre du Feu); Con Gấu (L'Ours); Tên Của Hoa Hồng (Le Nom de la Rose)* . . . Chủ đề của các phim trên rất khác xa nhau và dựa trên những quyển sách của những tác giả khác nhau nhưng tài năng ông Annaud đã khiến phim nào cũng thành công: Phim thứ nhất nói về cuộc tranh giành về nguồn lửa thời tiền sử, 80.000 năm trước công nguyên, cuốn thứ nhì là chuyến phiêu lưu của một chú gấu con trong khu rừng với hai người thợ săn, và cuốn thứ ba thuộc loại trinh thám bối cảnh là một chủng viện thời Trung cổ, dựa vào cuốn truyện của nhà văn Ý Đại Lợi (kiêm giáo sư sử học) Umberto Eco. Ban đầu Annaud không định làm nhưng

về sau, khi đã đọc sách, yêu mến nhân vật chính và biết rằng có những nhà làm phim nổi tiếng khác muốn thực hiện *Người Tình*, ông bèn đổi ý nhận lời.

Với bà Duras, sau vài lần gặp gỡ hợp tác, ông đã có những lời qua tiếng lại, những trao đổi nhiều khi ra khỏi lằn ranh của . . . lịch sự (xin xem phần sau). Sự hợp tác bất thành. Rốt lại: bà Duras cho ra mắt quyển Người Tình Miền Hoa Bắc (L'Amant de la Chine du Nord) và phim *Người Tình* được trình chiếu sau đó vài tháng.

Như cái tựa, phần thêm vào (*de la Chine du Nord*) khiến . . . *Người Tình* thêm . . . nặng ký, quyển sách dày gần gấp rưỡi quyển trước. Nhiều đối thoại và tả cảnh. Nhiều giải thích. Thật nhiều chi tiết. Thì ra đây là quyển sách "kết quả" của sự (bất) cộng tác của bà Duras với Annaud về bối cảnh không gian và thời gian, các tình tiết cụ thể, phần đối thoại . . . Có lẽ bà không dự tính xuất bản quyển sách này nhưng vì nhà làm phim có nhiều điểm bất đồng ý kiến và đã thêm thắt, sửa đổi (thí dụ về bề rộng của con đường . . . Catinat!). Annaud thì mỉa rằng bà cho xuất bản tất cả những gì bà viết, ngay cả cái danh sách các món đồ phải mua khi bà đi chợ!)

Thế là *Người Tình* này bỗng rõ nét hơn *Người Tình* kia. Chúng ta biết được gia đình "chàng" buôn bán thuốc phiện, khí giới, vàng bạc, cất nhà cho thuê. Cô bé này cũng không hẳn như cô bé kia. Cô quan sát, nghe ngóng kỹ hơn. Cô táo bạo hơn, đi xa hơn. Mọi người bỗng trở nên hoạt bát. Chàng trở nên lanh lợi, sinh động hơn, để ý đến chi tiết hơn: khi tắm nàng, chàng xát . . . xà bông cẩn thận! Chàng, nàng ướt át hơn, tâm sự nhiều với nhau về gia đình đôi bên. [*Chàng khóc, tôi khóc. Chúng tôi khóc. Họ khóc*(trang 186-187)]. Không khí, không gian bỗng đổi thay. Những mơ hồ (nên thơ) được giải thích tỉ mỉ, những điều nghi ngờ (có thể được độc giả thông cảm mà không cần tác giả phải khai rõ) được diễn tả đầy đủ và cặn kẽ. Nhiều đoạn vẫn thành thật, táo bạo nhưng tác giả xen vào những lời chỉ dẫn (về việc quay phim) khiến độc giả dễ buồn cười hay khó chịu. Thí dụ: *Nếu quay phim, người ta có thể chọn một trong hai màn: hoặc máy dừng lại trên gương mặt người mẹ đang kể lể (mà) không nhìn thấy gì, hoặc người ta chỉ thấy cái bàn với những đứa con, qua lời kể của người mẹ. Tác giả thích màn sau này hơn.* (trang 28).

Cuối trang 70 bà chú thích:

Nếu như mà làm phim, không nên lựa một cô bé chỉ đẹp cái đẹp của hoa hậu trẻ con Pháp quốc, là nguy, là hỏng cả phim! Cô bé phải có một cái gì khác, một cái gì "khó tránh", một thứ hiếu kỳ man dại, nó phải hơi thiếu giáo dục, không . . . nhút nhát . . .

Quyển sách, có lẽ chỉ nên được đọc như một bản truyện phim *dành riêng cho nhà làm phim và diễn viên mà thôi.*

Trong buổi gặp gỡ đầu tiên:

Trên sông. Chiếc phà trên sông Cửu. Chiếc phà của sách. Của dòng sông. Trên phà, có chiếc xe đò cho người bản xứ, có những chiếc Léon Bollée đen đài, bóng lộn, có những người tình miền Hoa Bắc đang nhìn.

Chiếc phà rời bến. Con bé xuống xe đò. Nó nhìn dòng sông, nhìn người Tàu lịch sự trong chiếc xe đen lộng lẫy.

Nàng, con bé ấy, ăn mặc như trong sách: áo dầm lụa trắng nội hóa đã ngả vàng, đội chiếc nón nỉ dân ông vành thẳng "trẻ con và ngây thơ", cái mũ-mềm-màu-hồng-nhạt với vòng ruy băng rộng màu đen, với đôi giày dạ vũ cũ mèm, gót đã mòn nhẵn, bằng kim-tuyến-đen-xin-nhờ-cho, có kết những hạt thủy tinh giả kim cương. Từ trong xe một người đàn ông bước ra, khác với người đàn ông trong sách, một người Tàu khác, Tàu Mãn Châu.

Năm 84, tình nhân người Phúc Kiến và hút thuốc lá Ăng Lê; năm 91 anh là người vùng Mãn Châu, hút thuốc lá ba số năm! (cũng Ăng Lê, nhưng rõ hơn). Trong ngày đầu tiên ở trong phòng riêng của anh chàng, tại Chợ Lớn (May quá vẫn Chợ Lớn chứ không phải một thành phố nào khác ở Tân Gia Ba hay Mã Lai).

Anh nói:

– Anh sắp chiếm đoạt em.

Lặng im, nụ cười biến mất, cô bé tái mặt. – Lại đây!

Cô đến gần không nói, không nhìn anh. Anh ngồi trước mặt cô, cô vẫn đứng, đôi mắt nhìn xuống. Anh tuột chiếc áo dầm qua khỏi đầu cô, kéo chiếc quần lót trẻ con vải trắng xuống. Anh ném chiếc áo và cái quần lót xuống ghế nệm. Rồi kéo đôi tay cô ra để ngắm thân hình cô. Nhìn cô. Cô để yên cho anh nhìn, đôi mắt vẫn nhìn xuống.

Anh dừng dậy. Cô đứng yên, chờ đợi. Anh lại ngồi xuống, ve vuốt thật nhẹ tấm thân mảnh mai. Đôi vú trẻ con, chiếc bụng nhỏ. Đôi mắt anh nhắm lại, như một người mù. Anh chợt dừng. Rút đôi tay lại. Mở mắt ra, anh nói thật nhỏ:

– Em chưa tới mười sáu tuổi. Không, chưa đâu.

Con bé không trả lời. Anh nói dễ sợ chưa. Anh không đợi câu trả lời. Anh mỉm cười rồi khóc. Và cô bé nhìn anh, nghĩ rằng không chừng mình sẽ yêu anh suốt cuộc đời.

Vừa ngại ngùng vừa thô bạo nhưng kềm giữ, anh ẵm cô lên và đặt xuống giường. Một khi cô nằm yên, giao phó, anh lại nhìn cô, e dè. Anh nhắm mắt, im lặng, hết thèm muốn. Cho nên cô bé ra tay. Đôi mắt khép kín, cô cởi quần áo anh. Từng nút một, từng nút, từng tay áo. Anh bất động, đôi mắt cũng nhắm nghiền . . .

Con bé. Chỉ một mình cô trên màn ảnh, ngắm nhìn tấm thân trần xa lạ, gương mặt xa lạ, đặc biệt, dáng yêu như bàn tay anh đặt trên mình cô trong chuyến đi hôm nọ. Cô nhìn anh, nhìn mãi, anh để cô nhìn, ngắm thỏa thuê. Cô thì thầm:

– Đàn ông Tàu đẹp lắm.

Cô hôn. Cô không còn một mình trên màn ảnh nữa. Có thêm anh chàng bên cạnh. Cô hôn, đôi mắt nhắm. Cô nắm lấy đôi tay anh đặt trên mặt mình. Đôi tay của chuyến đi. Rồi đặt lên thân mình. Thế là anh xoay người ôm lấy cô lăn nhẹ lên tấm thân mảnh mai trinh nữ. Trong lúc thân anh nhẹ nhàng phục lên

trên, máy . . . quay phim rời chiếc giường, di chuyển về phía cửa sổ, dừng lại bên bức mành khép kín. Và thế rồi lúc ấy, tiếng ồn điếc tai, xa xôi của đường phố sẽ tràn vào bóng đêm của căn phòng. Và giọng nói của chàng Tàu sẽ gần gũi, như đôi tay. Anh bảo:

– Anh sẽ làm em đau.

Cô trả lời rằng biết điều đó.

Anh cũng nói rằng đôi khi các bà hét lên. Rằng đàn bà hay hét lên. Nhưng chỉ đau một lần thôi, lần duy nhất trong đời.

Anh bảo yêu cô và không muốn dối cô: rằng cơn đau đó không bao giờ đến nữa, thật đó, không bao giờ. Anh bảo cô nhắm mắt lại. Rằng anh sắp sửa chiếm đoạt cô. Hãy nhắm mắt lại cô bé con của anh. Cô trả lời không, gì thì gì, nhất định không nhắm mắt. Anh nói nên nhắm mắt, để khỏi nhìn thấy máu. Ô, cô không biết gì về chuyện máu. Cô toan vùng dậy. Anh ngăn lại . . .

Quyển sách dẫn đầu số lượng sách bán trong nhiều tuần lễ như quyển trước, thiện hạ lại xôn xao bàn tán, so sánh, chê và chờ đợi cuốn phim.

*

Annaud đến Việt Nam nghiên cứu, tìm cảnh, tìm người có khả năng giúp ông thực hiện bối cảnh miền nam Việt Nam vào những năm đầu thế kỷ 20.

Trong cuốn phim phóng sự về cuộc quay phim, có lẽ cũng nằm trong chương trình quảng cáo phim, trước và trong khi trình chiếu (Phóng sự này được chiếu trên đài truyền hình Bỉ khoảng hai tuần trước khi phim ra mắt khán giả Âu châu, và sau đó trên đài truyền hình Pháp). Người ta thấy Annaud trên đường phố Sàigòn, Chợ Lớn với đám trẻ con vây quanh; Annaud ăn cơm, cầm dũa, nói cười, xem mặt, dự thính các tài tử Việt Nam đến đóng thử, trong buổi quay, ông quát một cô gái cứ quay mặt về ống kính mà cười thay vì lo thủ vai phụ. Annaud có ông Sơn Nam làm cố vấn về bối cảnh, tập tục thời bấy giờ (Thí dụ cảnh đám cưới . . . Tàu của người tình), người ta thấy ông Sơn Nam thắp nhang kính cẩn vái xá cầu an bên sông, trước buổi quay. Người ta thấy sông Sàigòn, sông Cửu Long mênh mông với những ghe lục bình lơ lửng bên trên . . . một mái tóc đen lặn hụp điều khiển hướng trôi. Trong cuốn phim tài liệu phóng sự này, chúng ta thấy được cái nhìn của nhà đạo diễn, cách làm việc nghiêm túc, có tổ chức, tôn trọng sự thật lịch sử, ngay từ những chi tiết nhỏ. Từ quần áo dân bản xứ thời ấy, đến chiếc xe nhà sang trọng, bóng lộn của "chàng" hiệu Morris Léon Bollé, nhà đạo diễn đã đi tìm khắp thế giới và cuối cùng thấy được trong một bảo tàng viện xe hơi ở Seattle. Từ chiếc tàu xuyên Thái Bình Dương, chiếc tàu đã đưa cô bé nhân vật chính trở về Pháp trong phần cuối. Cho đến ngôi nhà lớn của gia đình người tình bên bờ sông Cửu.

Khung cảnh Chợ Lớn được dựng lại. Xe đò, xe đạp, xe kéo thời ấy được chế tạo tại chỗ. Riêng "cô bé", là Jane March, bông hoa lạ và hiếm được tuyển chọn trong số 7.000 người đẹp, còn người tình Trung Hoa, là Tony Leung trong dám tài tử Mỹ gốc Tàu không biết đánh kiếm của Hollywood. Các tài

tử chính phụ, chuyên viên Pháp, Anh, Tàu đã làm việc cùng hàng ngàn người Việt trong vòng bốn tháng trời ở Sàigòn, Vĩnh Long, Vũng Tàu.

Rất có thể vì đòi hỏi thương mại hay quảng cáo, hay vì giới truyền thông đã "chộp" lấy cơ hội để khai thác (cuộc gây gổ giữa hai nhân vật nổi tiếng của văn học nghệ thuật), người ta không ngớt đọc, nghe thấy những bài phỏng vấn, tuyên bố của bà Duras và ông Annaud trên báo chí và các đài truyền hình, bên này hòn bấc ném qua, bên kia hòn chì chọi lại. Chẳng hạn:

Duras: Ông ấy quay phim *Người Tình* của tôi cứ như làm phim *Out of Africa*, kể chuyện đời của Karen Blixen.

Annaud: Điều tôi quan tâm là chuyện kể lại trong sách, chứ không phải chuyện đời của cô Marguerite Donnadieu, tôi tự hỏi là chuyện thật hay không. Bà Duras vừa tuyệt vời vừa khó chịu, bà là một con người hai mặt. Y hệt như nhân vật trong phim của tôi: dịu dàng bên dưới chiếc mặt nạ cứng cỏi.

Duras: Tôi sẽ không đi xem phim *Người Tình*, trừ phi khi Berri ôm tôi hôn và nói rằng anh ta yêu quí tôi vô cùng . . . nhưng mà không, bấy nhiêu cũng chưa đủ. Có thể tôi sẽ đi xem khoảng . . . hai phút đầu, phần giới thiệu mở đầu!

Annaud: Bà ấy muốn coi tôi như người cầm máy quay phim theo lối chỉ dẫn qua điện thoại của bà ấy. Mà tôi thì không thể quì mọp mà điều khiển chuyện làm phim. Cho nên hoặc là bà ấy tự làm lấy phim này hoặc là bà ấy để yên cho tôi làm . . .

Mẩu đối thoại khác được kể lại bởi Annaud trong một tờ báo điện ảnh:

[Bà ấy nói] đó sẽ là phim của tôi đo anh quay hình! Tôi bảo bà ấy nếu tôi quay hình thì đấy là phim của tôi. Bởi vì trong điện ảnh người ta kể chuyện bằng hình ảnh như chị biết đấy. Bà ấy trả lời không, bằng chữ nghĩa! Tôi nói tôi không đồng ý với bà ấy. [Bà ấy nói] anh chẳng hiểu chi cả, điện ảnh, chính là chữ nghĩa!

Đầu năm 92, phim được trình chiếu ở Âu châu. Annaud cho người đón ở cửa ra các rạp xi nê để bắt mạch những phản ứng đầu tiên. Khen, chê, nồng nhiệt, thất vọng.

Phim đẹp, rất nên thơ, trung thành với sách, phim khiêu dâm không giống trong sách . . .

Thật vậy, tại sao Annaud cứ muốn tìm cho được tông tích người xưa? Tại sao ông ta khăng khăng tuyển người giống y như tác giả thời xuân xanh? Trong khi trước đó ông tuyên bố rằng ông không hề quan tâm đến chuyện đời của cô Donnadieu. Không cần biết rằng chuyện có thật hay không. Mặt khác, bà Duras trách Annaud làm phim *Người Tình* như người ta đã làm *Out of Africa* của Karen Blixen trong khi bà cam đoan rằng đây là truyện thật của đời mình. Ông Annaud thì vẫn nhất định mâu thuẫn với những lời tuyên bố của chính mình: ông tìm ra một nhân chứng già có biết cô "Maguerite" (ê-kíp của ông cung cấp cả cho tờ *Paris Match* một bức ảnh đen trắng của người tình, "chàng" có cái tên cúng cơm rất Việt Nam Huỳnh Thụy Lê (?) và không . . . đẹp trai như anh chàng tài tử Hồng Kông Tony Leung), tựa phim thì độc một

chữ Tàu và hình nữ tài tử chính, rập khuôn một cái hình của bà Duras thuở thanh xuân, cả hai giống nhau như tạc! Không phải là ông Annaud bảo mại dô, đây là chuyện tình của bà Duras, theo mắt nhìn của đạo-diễn-tôi dấy sao? Hay chính vì Annaud, trong lúc đi tìm bối cảnh, tìm chi tiết đã đến gần một sự thật khác với ý muốn của tác giả, hay khác với sự-thật-có-thật?

Hay chính vì tác giả, vốn dĩ cũng đã từng làm phim, có một cái nhìn khác về cuốn phim phải làm?

Chuyện cãi cọ xảy ra mặc dù phim rất gần, rất trung thực với những chi tiết trong hai quyển sách. Tài tử duyên dáng tài tình, diễn tả xuất sắc, bối cảnh tuyệt vời, sông nước Cửu Long bao la, hoàng hôn trên bãi biển, bến sông Sàigòn, tiếng hò trong đêm, màu xanh của ruộng lúa, của những cánh đồng (là những ngoại cảnh mà cô gái nhỏ chỉ cho độc giả biết rất đại khái, cô bé chỉ biết đến những xúc cảm của riêng mình. Sàigòn và Việt Nam, rất mờ, rất xa. Biết đâu tác giả sẽ nói đến trong một quyển sách sẽ viết? Người ta nói rằng càng già, chúng ta càng đi ngược thời gian, càng trở về thời tuổi nhỏ), căn phòng nhỏ của đôi tình nhân với ánh sáng và bóng tối chen lẫn hài hòa, mưa nắng trên những con đường lót đá, gà vịt, gánh gồng trên chiếc bắc . . . Phim tuyệt đẹp. Sàigòn được thấy lại nhờ . . . tiếng ồn của Chợ Lớn và Annaud. Những cảnh làm tình khiến phim trở nên . . . *érotique* và lộ liễu, không tế nhị. (Jane March bị báo chí Anh chửi bới vu cáo tơi bời, có lẽ vì đồng hóa cô với nhân vật trong phim, cô phải ẩn náu, trốn tránh, trần tình và gan dạ tuyên bố không hề hối hận dã đóng phim *Người Tình*, phim đã đem lại cho cô danh vọng, tiền bạc cùng phiền phức).

Nhưng người đọc sách cũng như người xem phim thấy rằng có vài cảnh hay chi tiết không có trong *Người Tình* và cũng không trong *Người Tình Miền Hoa Bắc*. Như cảnh đám cưới rầm rộ của người tình (với cô gái khác, do cha của người tình chỉ định). Nàng ngồi trên xe đạp, lẩn trong đám đông, đứng ngó (rất tội nghiệp). Như cảnh cô bé đến nơi hẹn mọi khi, mong gặp người tình lần cuối, nhưng rồi cô dành lủi thủi về, một mình, dưới đêm vắng, ướt mưa, v.v... Đó là tài ba và chữ ký riêng của người làm phim. Như trong *Tên Của Hoa Hồng*, ở đoạn cuối của phim, phần dân chúng xúm nhau đuổi bắt ông thầy tu quan tòa ác độc (do giáo hội gửi tới xét xử những kẻ "phản đạo") trong lúc tòa tháp thư viện ngùn ngụt cháy, là "cây đinh", là phần ngoạn mục và hồi hộp nhất, lại không hề có trong sách. Umberto Eco, tác giả, khi được báo chí phỏng vấn về điều này đã vui vẻ, rộng lượng, trả lời đại khái rằng, sách là của tôi còn phim là của ông ấy. Annaud cũng chẳng kém phần lịch sự, đã chua dưới tựa phim là "Theo bản thảo viết lại của Umberto Eco". Sách và phim này cùng đoạt những kỷ lục chưa từng có về độc giả và khán giả trên thế giới.

Mặt khác, có những chi tiết quan trọng của sách (*Người Tình Miền Hoa Bắc*) lại không có trong phim. Như câu chuyện giữa người mẹ và đứa con gái. Trong khoảnh khắc của sự thật, với lời thú nhận của người mẹ về những thất bại của đời mình và khuyên con "*Hãy vẫn như là con bây giờ. Đừng bao giờ*

nghe lời mẹ" (trang 202). Những lời trần tình như một biện hộ hay hơn nữa một lời khen thưởng cho cô gái. Như chuyện xảy ra trong phòng tắm giữa cô gái và người em tâm thần khờ khạo (trang 200-201). Nhục cảm và loạn luân không phải là nhục cảm và loạn luân nữa mà là một thứ tình yêu không tên, vô bờ bến. Tình yêu dành cho đứa em, bàng bạc trong suốt câu chuyện tình, nhất là khi hay tin em chết. (*Người Tình*, trang 126-128. Và rất đứng đưng trái ngược với cái chết của người anh đáng ghét (trang 97). Bởi vì anh ta là một tên du đãng, một thằng ăn cắp. *Anh ta ăn cắp cả tiền của những người đầy tớ trong nhà, ăn cắp tiền của mẹ tôi, để đánh bạc và hút thuốc phiện . . . Ngay lúc mẹ tôi vừa chết, anh ta đã gọi ngay chưởng khế đến, giữa lúc tang gia bối rối . . .* (*Người Tình*, trang 94).

Nhưng dã xem và thích tất cả những phim của Annaud, tôi tin rằng nếu bà Duras tự tay thực hiện phim *Người Tình*, tôi sẽ ngủ gục như ngày xưa, cách đây mười lăm năm, khi xem *India Song* do chính bà quay. Có lẽ tôi không được khách quan, khi xem *India Song*, tôi chưa đọc sách nào của bà Duras, chưa hiểu "chữ nghĩa" nên hình ảnh không vận tải hay diễn tả thêm gì hết. Không lẽ nên xem sách trước để có thể hiểu những ý nghĩ của diễn viên? Những hình ảnh không có cái tinh tế của chữ nghĩa, không chuyên chở hết những cảm xúc thầm kín, những ý nghĩ của nhân vật đã bày tỏ trên trang giấy (và nhiều khi được hiểu theo trí tưởng tượng tự do, tâm tình của từng người đọc). Người làm phim có tài là người vượt qua được những khó khăn đó.

Có lẽ chỉ vì tình cảm phức tạp của người viết, cảm nhận khác nhau của người xem, theo những hình ảnh hoàn toàn diễn dạt theo tâm tư và nhận thức cá nhân (Annaud). Vả lại, như người ta vẫn nói "Dịch rất thường khi là phản".

Hay giản dị hơn, chỉ là sự khác biệt giữa một cái nhìn khách (bàng) quan và *macho* (?) của một người đàn ông và cảm nghĩ chủ quan (?) của một người đàn bà? Cảm nhận và diễn dạt càng đồng điệu thì hạnh phúc thay cho khán và độc giả. Bằng không, hãy còn những nhà văn khác, những nhà làm phim khác!

Các nhà phê bình cãi cọ, bàn ngang tán dọc trong khi phim *Người Tình* đoạt kỷ lục về số người đi xem ở Paris: trên 350.000 (kế đến là J.F.K.) trong vòng hai tuần lễ cuối tháng giêng đầu tháng hai. Khán giả Bắc Mỹ sẽ xem phim này vào tháng chín năm nay, còn châu Âu lại về thăm Việt Nam bằng *Điện Biên Phủ* của Schoendorfer và phim *Đông Dương (L'Indochine)* của Régis Wargnier (một chuyện tình Pháp-Việt và cuộc đời của một Karen Blixen nhợt nhạt và đơn giản, rất tiểu thuyết hóa, khá nhiều tình tiết lôi cuốn, trải dài từ những năm hai mươi đến cuối bốn mươi, từ Huế đến Hà Nội, đến biên giới Việt-Trung).

Thế nào cũng có những vết thương lại đau tấy lên. Điều đáng trân trọng là những cảm xúc chứ không phải sự lãnh đạm. Và quá khứ nhắc nhở vô cùng hiện tại . . . □

giới thiệu sách mới

Tình Nghĩa thầy Trò, *tập truyện đầu tay của Sĩ Liêm, Miệt Vườn xuất bản, sách dày 240 trang, giá bán 12 Mỹ kim.*

Tuyển tập 10 truyện ngắn của Sĩ Liêm, với lời bạt của Nguyễn Tấn Hưng, nhà văn chủ trương nhà xuất bản Miệt Vườn. Truyện ngắn Sĩ Liêm có đầy đủ nét chủ yếu của văn phong "miệt vườn", hiện nay đã trở thành một văn phong thịnh hành ở hải ngoại: nhân vật thuộc tầng lớp bình dân nông thôn miền nam, với tâm hồn chất phác đôn hậu, đối thoại bộc trực linh hoạt, tình tiết đơn giản, nặng tinh thần đạo lý cổ truyền. Truyện dàn thoải mái ra chiều rộng hơn là đi xuống chiều sâu.

Tôi Với Người Chung Một Trái Tim, *truyện vừa của Du Tử Lê, Văn Học Nhân Chứng xuất bản, sách dày 94 trang, giá bán 9 Mỹ kim.*

Truyện Du Tử Lê không khác gì một bài thơ xuôi dài vì chất thơ tràn đầy trên từng trang. "Tôi với người chung một trái tim". Toàn truyện là một tâm sự dài, đợt này tiếp nối chập chồng lên đợt kia, viết bằng búp pháp của thơ.

Quê, *tùy bút của Võ Phiến, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 132 trang, giá bán 6 Mỹ kim.*

Sách gồm 3 tùy bút của Võ Phiến: *Nhớ Làng*, viết từ 1972 ở Việt Nam, còn Khách Xá Qui Tâm và *Cái Lạnh Nửa Người* được viết gần đây ở hải ngoại. Ba tùy bút viết vào ba thời điểm khác nhau (1972, 1988, 1991), nhưng bạn đọc vẫn thấy tùy bút của Võ Phiến lúc nào cũng như lúc nào: sâu sắc, linh hoạt, hư hư thực thực, tưởng là dùa nhưng thực ra là bi kịch muôn thuở.

Minh Triết Trong Đời Sống, *của Darshani Deane, Nguyên Phong dịch, sách dày 246 trang, giá bán 12 Mỹ kim.*

Tập sách dịch sưu tập những bài nói chuyện của một nữ diễn giả nổi tiếng từng giúp đỡ cho nhiều người trên phương diện tâm linh.

Phạm Quỳnh, Tuyển Tập và Di Cảo, *An Tiêm xuất bản nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Phạm Quỳnh, sách dày 420 trang.*

Phần quan trọng của sávh là phần di cảo, qua đó người đọc hiểu được tâm sự của Phạm Quỳnh thời gianngắn trước khi bị bắt và bị thủ tiêu.

Hồ Chí Minh - Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng, *của Hồ Sĩ Khuê, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 444 trang, giá bán 16 Mỹ kim.*

Tác phẩm vừa là hồi ký vừa là khảo luận về lịch sử giải thích sự thất bại của

Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và nguyên nhân hình thành Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Tác giả có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động chính trị, lại có cái nhìn phân tích và tổng hợp cao, nên sách đọc rất lôi cuốn.

Những Ngày Muốn Quên (1975-1983), *của Đoàn Thêm, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản, sách dày 428 trang, giá bán 18 Mỹ kim.*

Tác phẩm là bút ký ghi lại những việc thường ngày xảy ra cho người miền Nam sau tháng 4-1975, dưới đôi mắt quan sát điềm tĩnh, vô tư, tinh tế, và nhất là đầy lòng nhân ái của tác giả. Phần thú vị nhất là phần kể lại những cuộc ga95p gỡ giữa thân nhân bè bạn Nam-Bắc sau 20 năm phân ly. Một trong hai cuốn sách giá trị Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ in ra trong năm nay. (Cuốn kia là *Bút Ký Irina*).

TIN BUỒN

Văn Học vừa nhận được tin thi sĩ lão thành

QUÁCH TẤN

đã từ trần tại Nha Trang, Việt Nam hôm 21-12-1992 vừa qua, để lại một công trình đồ sộ gồm thi ca, hồi ký và biên khảo, góp phần không nhỏ vào kho tàng văn hóa của dân tộc trong suốt 60 năm liên tục cầm bút.

Trước cái tang lớn lao này, tạp chí Văn Học và tất cả văn thi hữu, họa sĩ cộng tác xin chia buồn cùng gia đình thi sĩ Quách Tấn, và cầu chúc cho linh hồn thi sĩ sớm tiêu diêu miền cực lạc.

ĐÍNH CHÍNH

Sau khi *Văn Học* số 79 (tháng 11-1992) phát hành, tòa soạn nhận được thư của nhà văn Mai Kim Ngọc nguyên văn dưới đây:

Kính gửi ông Chủ bút báo Văn Học.

V/v: Truyện ngắn "Kẻ sát nhân lương thiện" của Lại Văn Long.

Kính thưa ông:

Cảm ơn ông đã đăng lại truyện ngắn "Kẻ sát nhân lương thiện" của Lại Văn Long trong số tháng 11 của quý báo để độc giả tiện bề tham khảo.

Nhưng tôi ngạc nhiên là quý báo không đăng nguyên văn, mà đã cho sửa những lỗi lầm của tác giả về ngữ pháp, cách hành văn, cũng như về cấu trúc truyện (thời gian các sự việc).

Truyện của Lại Văn Long có lẽ dễ đọc hơn sau khi được nhuận sắc như vậy, tuy nhiên tôi không thấy lý do chính đáng hay nghiêm chỉnh cho việc quý vị tự ý tô điểm tác phẩm đã in của người khác.

Sự việc rất bất thường, và tôi trân trọng yêu cầu quý báo giải thích và sửa sai một cách thỏa đáng.

Nay kính:

Mai Kim Ngọc

Văn Học trả lời nhà văn Mai Kim Ngọc

Ngay sau khi số báo vừa phát hành, một số bạn đọc đã điện thoại về tòa soạn cho biết là nhiều chi tiết nhà văn Mai Kim Ngọc dẫn chứng để phê bình truyện ngắn "Kẻ sát nhân lương thiện" không có trong truyện ngắn *Văn Học* đăng kèm. Tòa soạn *Văn Học* rất ngạc nhiên, và kiểm chứng lại thì thấy đúng như lời vài bạn đọc cho biết. Chẳng hạn:

– Trong bài phê bình, nhà văn Mai Kim Ngọc căn cứ vào truyện "Kẻ sát nhân lương thiện" in trong tập *Ánh Trăng*, nêu ra điểm phi lý về thời gian: chiều 21-10-87 nhân vật chính gặp lại cha, ngày 3-11-88 người cha bị đòi nhà. Trong khi đó, truyện ngắn *Văn Học* đăng kèm lại đề ngày 21-10-78. Nhà văn Mai Kim Ngọc phê bình sai hay Văn Học in sai?

– Các khiếm khuyết về văn phạm, chấm câu, cú pháp . . . nhà văn Mai Kim Ngọc nêu ra, không thấy trong truyện đăng kèm.

Chúng tôi so sánh truyện ngắn "Kẻ sát nhân lương thiện" in trong tập *Ánh Trăng* với bản in trong *Văn Học* và nhận thấy quả các lưu ý của bạn đọc và thư phàn nàn của nhà văn Mai Kim Ngọc là đúng. Nhà văn Mai Kim Ngọc đã dựa vào truyện in trong tập *Ánh Trăng* để phê bình, và bản in trong tập đó có đầy đủ các sai sót, thiếu kém mà nhà văn Mai Kim Ngọc đã nêu ra.

Tìm hiểu sâu thêm, tòa soạn tìm ra được nguyên do: Khi tìm truyện "Kẻ sát nhân lương thiện" để đánh máy, tòa soạn đã không dùng bản in trong tập *Ánh Trăng*, mà lại dùng bản in trong tập *Truyện Ngắn Chọn Lọc 1975-1991*,

trong đó tác giả (hoặc nhà xuất bản) ở Việt Nam đã sửa chữa khá nhiều các khiếm khuyết về kỹ thuật, kể cả chi tiết sai lạc về ngày tháng kể trên (21-10-87).

Dù sao đây cũng là sơ xuất hết sức đáng tiếc của *Văn Học* và chúng tôi chân thành xin lỗi nhà văn Mai Kim Ngọc cùng bạn đọc về khiếm khuyết quan trọng này.

hộp thư văn học

Anh Phạm Xuân Đài (California): Cảm ơn anh đã gửi cho Văn Học bài thơ của thi sĩ đó. Mong anh sớm định cư nơi xứ người và tiếp tục cầm bút trở lại. Kính.

Anh Hoàng Chiều Nhân (Canada): Đã gửi bù cho số báo bị hư trang. Tòa soạn không đủ nhân sự để kiểm soát từng số báo gửi đi nên thỉnh thoảng vẫn bị trường hợp độc giả nhận được báo thiếu hoặc hư trang. Lần sau, nếu vẫn gặp phải số báo như vậy, anh chỉ cần biên thư hoặc gọi dây nói về tòa soạn là đủ, không cần phải gửi lại số báo hư. Kính.

Anh Nguyễn Văn Sâm (Texas): Giá anh gửi cho cái đĩa đựng bài thì hay quá vì tòa soạn không phải đánh máy lại. Tòa soạn dùng VNI/Word-Perfect/Ventura, nhưng chúng tôi có thể chuyển bài từ bất kỳ nhu liệu nào như VNU, Việt Toán, VNLab . . . Thân.

Anh chị Nguyễn Trúc Quang (Florida): Nay mới vỡ lẽ tại sao ở Mỹ lại có tên một con đường "hoàn toàn nói tiếng Việt Nam" là đường Thiên Thai. Xin hỏi anh chị, chẳng hay nếu cứ nhắm con đường đó đi mãi, có lên tới Đào Nguyên không? Nếu có, chắc anh chị đành phải dọn nhà đi chỗ khác mất thôi, vì sẽ có không ít kẻ ở Cali đang thất nghiệp/tình tìm qua bên đó làm náo loạn lên đấy. Thân.

Anh Vũ Nam (Đức): Chu đáo như anh là nhất rồi. Đã nhận được đầy đủ thư từ cũng như tiền đặt mua báo. Hoàn cảnh trú dân Việt Nam mình bên Đức quả bi thảm và bấp bênh như anh mô tả. Đã nương thân nơi đất khách mà còn không được yên ổn làm ăn. Hy vọng đó chỉ là hiện tượng tàn dư của chế độ Cộng sản sau khi tan rã và tình trạng bạo động này sẽ sớm lắng dọng. Thân.

Nhắn tin chung: Vì số trang có hạn nên một số bài vở gửi về cho Giai phẩm Xuân Quý Dậu phải gác lại cho số Tân Niên (tháng 2-1993). Tòa soạn thành thật cáo lỗi cùng quý văn thi hữu. Dưới đây là nhan đề những bài sẽ đăng trên những số báo tới:

- o *Ẩn dụ và hoán dụ.*
- o *Đốm lửa.*
- o *Hầu vương.*
- o *Lẽ sống.*
- o *Tôi viết văn.*
- o *Cá nhà văn nữ hiện đại Đài loan . . .*

Văn Học chân thành cảm tạ sự đóng góp của quý văn thi hữu.

Cung Chúc Tân Xuân

THANH G. PHUNG, M.D.

Diplomate American Board of Radiology

X-RAY . CAT SCAN . ULTRASOUND

MAMOGRAPHY . NUCLEAR MEDICINE

Magnolia Imaging Medical Group, Inc.

Magnolia Medical Imaging Center, Inc.

14571 Magnolia Ave., Ste. 101

Westminster, Ca 92683

Tel: **(714) 893-1915**

Fax: **(714) 898-8142**

Trung tâm chuyên về BỆNH TIM và CAO MÁU

Bác sĩ NGUYỄN QUANG THÁI, M.D.

Chuyên trị: BỆNH TIM & HUYẾT QUẢN . BỆNH NỘI THƯƠNG . CAO MÁU

Bệnh cao mỡ (cholesterol), ngăn ngừa nghẹt mạch máu tim.
Tức ngực, nghẹt thở, đứng tim, tim to, đau tim.
Tim đập thất nhịp, hồi hộp, xây xẩm, ngất xỉu.
Các bệnh tim bẩm sinh, bệnh van tim.
Bệnh cao áp huyết (cao máu).
Bệnh phong thấp, phổi, bao tử, gan.
Bệnh tiểu đường, bướu cổ, tuyến nội tiết, thiếu máu.

Xin lấy hẹn trước: **(714) 531-5056**

14558 Brookhurst St.

Westminster, Ca 92683

Phòng mạch Bác sĩ

VƯƠNG ĐỨC HẬU

M.D., F.A.C.O.G., Inc.

Diplomate American Board of OB & GYN

Chuyên môn chữa trị:

SẢN KHOA: Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ - Không nhận phá thai - Nhận sanh bình thường, nếu lần trước bị sanh mổ đẻ (Cesarean Section) - Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh - Chỉ dẫn phương pháp sanh trai hay gái theo ý muốn - Đẻ không đau theo ý muốn - Văn phòng trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound.

PHỤ KHOA: Bệnh đàn bà, huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ - Kế hoạch hóa gia đình Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt - Kinh nguyệt bất thường - Bệnh hiếm muộn - Giải phẫu bướu tử cung, sa tử cung, bướu buồng trứng.

Tel: (714) 531-5505

14536 Brokkhurst St. Ste 101

Westminster, CA 92683

CHUNG VUI

Nhận được hồng thiếp báo tin nhà thơ

NGUYỄN VIỆT THƯỜNG

tức cô **NGUYỄN THỊ THUẬN**

vừa làm lễ thành hôn với anh

Y RICK

tại tiểu bang Wisconsin, Hoa Kỳ.

Văn Học và các văn hữu xin chúc đôi bạn tâm tình **Nguyễn Việt Thường - Y Rick** trăm năm hạnh phúc.

Đã phát hành khắp nơi:

CÂY TRÁI QUÊ MÌNH

của HUỲNH HỮU CỬU và NGUYỄN VĂN BA

Với các đoản văn nhan đề: *Mù U Năm Ngoái, Xoài Tượng Nước Mắm Đường, Cây Trôm và Mủ Trôm Ngâm Đường Phèn, So Đũa và Nấm Mèo, Bông Giấy, Thịt Tam Tạng, Bông Jamaica, Dừa Hấu Cầu Đúc, Hoa Ưu Đàm, Lúa Thần Nông, Ở Quận Cam Nói Chuyện Bưởi, Hoa Mai Ngày Tết, Dừa Bồn Sòng Hậu.*

Tựa của Phạm Hoàng Hộ
Bạt của Lê Văn Lân
Bìa bốn màu tuyệt mỹ của Lê Quang Xuân
Phụ bản Nguyên Khai, Lê Quang Xuân, Nguyễn Hợi, Lê Kim Sơn . . .

Giá bán 10 Mỹ kim
Hỏi mua tại các hiệu sách

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI:
Đĩa nhạc CD Dương cầm

MUSIC OF THE NIGHT

trình tấu bởi:

TIEN NGUYEN

Gồm những nhạc khúc nổi tiếng từ Broadway như *The Phantom of the Opera, Cats, Miss Saigon, Les Miserables* . . . và đặc biệt bài *Half Moon Bay* do Yen Nguyen soạn dựa trên bài thơ *Trăng ở Half Moon Bay* của Vũ Quỳnh Hương.

Liên lạc:
TIEN NGUYEN P.O. Box 7717 Fremont, CA 94537

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG
7309 Arlington Blvd, Suite 314
Falls Church, Va 22042
(703) 560-0388 / 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG
TAI NẠN XE CỘ

NHẬN MEDICAID, MEDICARE, VÀ BẢO HIỂM
LÀM VIỆC THEO HẸN:
Thứ 2-6: 9 giờ sáng đến 7 giờ tối
Thứ 7: 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

MINH VĂN
P.O. BOX 647, Oakton, VA 99214 - USA
Điện thoại: (703) 204- 9239
Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn

Nhà Xuất Bản Minh Văn trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành của **Trần Long Hồ**:

Tập truyện ngắn	**NGÀY QUANH QUẨN**	$10.00
Truyện dài	**CÕI SA MÙ**	$18.00
(Quyển một trong bộ trường thiên **Dung Thân**)		
Tập truyện ngắn	**NIỀM VUI UNG THƯ**	$10.00

Và các tác phẩm sẽ xuất bản:
CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của **Hồ Trường An**
KẺ ĐÀO MỒ tập truyện ngắn của **Trần Long Hồ**
CỬA ĐỊA NGỤC truyện dài, quyển thứ hai trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**

Bác Sĩ BÙI THẾ HOÀNH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF FAMILY PRACTICE

801 W. Valley Blvd #203 lầu 2, Alhambra, CA 91803
Tel: (818) 570-1127

CHUYÊN TRỊ:

Bệnh toàn khoa người lớn, trẻ em
Bệnh ngoài da * Tiểu giải phẩu
Bệnh phụ nữ
Chích ngừa, khám bệnh nhập học, bông sữa WIC
NHẬN TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM HMO

Ngày Giờ Làm Việc:
Thứ hai - Thứ sáu: 9AM - 6PM
Thứ bảy: 9AM - 12 AM

Asian American Dental Center

PHẠM ĐÌNH TUÂN, D.D.S.

FAMILY DENTISTRY for CHILDREN & ADULTS

9306 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895 -5002 / 5003

Office Hours
Mon - Sat: 10AM - 7PM
Sunday by Appointment

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

ANTIÊM

1528 South La Cienega Blvd., Los Angeles, CA 90035 USA
Tel: (310)559-0413

SÁCH ĐÃ IN

- ĐỌC KINH — $6.00
  Đoản văn Vũ Khắc Khoan
- HOÀNG TỬ BÉ — $6.00
  Saint Exupéry - Bùi Giáng dịch
- MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC — $6.00
  Gerard de Nerval - Bùi Giáng dịch
- NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG — $15.00
  Hermann Hesse
  Trí Hải, Vĩnh Bách, Lan Nhã dịch
- THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI — $6.00
  Rainer Maria Rilke - Phạm Công Thiện dịch
- SÔNG CÔN MÙA LŨ — Tập 1:$18.00
  Trường thiên tiểu thuyết (4tập) — Tập 2:$20.00
  Nguyễn Mộng Giác — Tập 3:$20.00
  Tập 4:$20.00
- LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM — $15.00
  Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
- THƠ TAGORE — $8.00
  *Lời dâng *Tâm tình hiến dâng *Tặng vật
  Đỗ Khánh Hoan dịch
- THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG — $8.00
  Tùy bút Trần Hồng Châu
- MỘT TRANG ĐỜI — $11.00
  Tập truyện ngắn, Phan Thị Trọng Tuyến
- BÊN LỞ BÊN BỒI — $10.00
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Hoàng Bắc

ĐANG IN

- CUỐI ĐÊM DÀI
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Thanh Bình
- TƠ TRỜI
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Ngọc Nhung

VĂN LANG

TẬP SAN NGHIÊN CỨU VIỆT HỌC

LÊ THỌ GIÁO — Nghiên cứu Việt học tại Hoa Kỳ
PHẠM CAO DƯƠNG — Góp phần nhận định về sự du nhập nho giáo vào VN dưới thời Bắc thuộc
TẠ QUỐC TUẤN — Các vụ thông dâm và gia thú tộc nội triều Trần HUỲNH HỮU ỦY — Những hình ảnh chạm khắc trên cửu đỉnh ở Huế NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH — Phép thi nghiêm mật NGUYỄN THUYẾT PHONG — Tìm âm nhạc trong bước đi lịch sử NGUYỄN KHẮC XUYÊN — Chữ quốc ngữ năm 1878 NGUYỄN XUÂN NGHĨA — Xí nghiệp trong xã hội Việt Nam NGUYỄN ĐÌNH HÒA — Giới thiệu "A Vietnamese Grammar" của Laurence C. Thompson
NGUYỄN KHẮC KHAM — Giới thiệu một công trình nghiên cứu lịch sử VN mới xuất bản tại Pháp SỬ LIỆU: Tài liệu sử về Hoàng Diệu TRẦN HỒNG CHÂU — Những đợt sóng kỷ niệm TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG — Trả lời hai ông Nguyễn Phan Quang và Nguyễn đức Nghinh.

SỐ 4 THÁNG 12 1992

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

Kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • CATALOGS • TYPESETTING • LAY OUT • DESIGN •

THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

SÁCH ĐÃ IN

- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** — $13.00
  Hoàng Nguyên Nhuận
- **ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI** — $8.00
  Minh Tâm
- **BA TRỤ THIỀN** — $20.00
  Philip Kapleau
  Đỗ Đình Đồng dịch
- **NGHỀ LÀM VUA** — $12.00
  Truyện dài, Lệ Hằng
- **TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI** — $13.00
  Tiệp ký cuả Đỗ Quý Toàn
- **BỤI VÀ RÁC** — $13.00
  Truyện dài, Nguyễn Xuân Hoàng
- **NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG** — $10.00
  Thơ, Trần Hồng Châu
- **PHẬT HỌC KHÁI LUẬN** — $20.00
  Biên khảo, Thích Chơn Thiện

SÁCH SẼ IN

- **ĐẠI CƯƠNG CÂU XÁ LUẬN**
  Thích Thiện Siêu
- **KINH THI**
  Đào Duy Anh dịch và chú giải

Giá $7.00MK

TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY

(Tự truyện của đức Đạt Lai Lạt Ma)
Chân Huyền dịch, Chân Văn nhuận sắc

Người Tây tạng tin rằng đức Đạt Lai Lạt Ma là hóa thân đời thứ mười bốn của Bồ Tát Quán Thế Âm. Nhưng chính đức Đạt Lai Lạt Ma, ngài có nghĩ rằng chính ngài là Phật Sống hay chăng? Năm ngài lên ba tuổi, một phái đoàn trong hàng giáo phẩm cao cấp đã tìm được ngài từ một gia đình nông dân nghèo nàn, để đưa về kinh đô Lhasa nối nghiệp vị tiền thân của ngài là đức Đạt Lai Lạt Ma đời trước. Năm 15 tuổi, Ngài trở thành nhà lãnh đạo tôn giáo và chính trị của Tây tạng, vừa lúc Cộng sản Trung hoa xâm lăng tổ quốc ngài để thi hành một chính sách diệt chủng. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đối phó với quân xâm lược như thế nào? Nhờ phép lạ nào đức Đạt Lai Lạt Ma cùng đoàn tùy tùng trốn khỏi kinh đô Lhasa và vượt biên sang Ấn độ trong khi quân Trung cộng bủa vây?

Trong cuốn tự truyện Tự Do Trong Lưu Đày chúng ta sẽ nghe đức Đạt Lai Lạt Ma nói về các điều trên. Ngài cũng nói về các hiện tượng thần bí của xứ Tây tạng, về việc các Bồ Tát hóa thân, các lối tu thiền định của Mật Tông, chuyện các thiền sư luyện lửa Tam Muội... Nhưng ngài còn nói về cả các vấn đề của thời đại: chủ nghĩa Cộng sản, nền văn minh duy vật Tây phương, vấn đề chính trị, vấn đề tình dục, sự cảm thông giữa các tôn giáo, chuyện người ta có nên bỏ tôn giáo mình để theo đạo Phật hay chăng v.v...

Nhưng cuốn tự truyện của đức Đạt Lai Lạt Ma, trước hết cho chúng ta được dịp nhận thấy nhân cách đặc biệt của một Con Người. Đó là một con người ôn nhu, hòa nhã, giàu lòng từ bi, không có mảy may một chút Ngã mạn nào. Đó cũng là một con người thông minh, dí dỏm, đầy trí tò mò, không chấp nê, không lệ thuộc vào một tư kiến, một chủ trương nào. Một con người Tự Do tuyệt đối.

Trong lúc Phật giáo Việt nam đang nỗ lực chuyển hóa để vận động cuộc chuyển hóa của đất nước, tự truyện của ngài Đạt Lai Lạt Ma thật là một cuốn sách đáng đọc.

Sách dày 370 trang, bìa 4 màu. Giá 14MK, ngoài nước Mỹ 16MK.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761